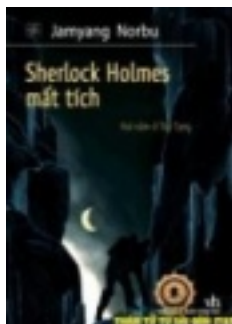


Sherlock Holmes Mất Tích

Contents

Sherlock Holmes Mất Tích	1
1. Chương 1	2
2. Chương 2	6
3. Ấn Độ-người Na Uy Bí Ẩn	8
4. Nỗi Kinh Hoàng Màu Đỏ	17
5. Sherlock Holmes Nhớ Lại	24
6. Quần Thể Thực Vật Và Động Vật	29
7. Con Voi Đồng Thau	34
8. Phát Súng Trong Đêm	43
9. Chuyến Tàu Thư Biên Giới	46
10. Dưới Những Cây Thông Tuyết	50
11. Một Tên Vô Lại Chính Cống	55
12. Tây Tạng-công Việc Chuẩn Bị	59
13. Trên Con Đường Ấn Độ - Tây Tạng	61
14. Cuộc Đụng Đầu Nguy Hiểm	63
15. Hộ Chiếu Đến Tây Tạng	66
16. Trên Nóc Nhà Thế Giới	70
17. Thành Phố Của Các Vị Thần	74
18. Bữa Tiệc Trà Tại Châu Viên	76
19. Những Thanh Gươm Bay	80
20. Mandala Bị Mất	83
21. Tên Ác Ma	89
22. Đến Vùng Trans-himalaya	94
23. Ngôi Đền Bằng Shambala	101
24. Khai Tuệ Nhân	106
25. Lời Chào Cuối Của Sherlock Holmes	113
26. Lời Kết	116
27. Lời Kết (2)	118

Sherlock Holmes Mất Tích



Giới thiệu

Sherlock Holmes Mất Tích - Hai Năm Ở Tây Tạng: "Sự hài hước tràn ngập trong câu chuyện táo bạo

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/sherlock-holmes-mat-tich>

1. Chương 1

Như vậy tôi đã du lịch hai năm ở Tây Tạng và tiêu khiển bằng cách viếng thăm Lhasa và trải qua vài ngày với vị Đạt Lai Lạt Ma. Có lẽ anh đã đọc về cuộc thám hiểm khác thường của một người Na Uy tên là Sigerson, nhưng tôi chắc rằng anh chưa bao giờ nghĩ mình đang đọc những tin tức về bạn anh.

Sherlock Holmes

Bí mật trong ngôi nhà trống

Cả cuộc đời này chẳng phải thật thảm hại và phù phiếm hay sao? Chúng ta cố vươn tới. Chúng ta giành giật. Nhưng rốt cuộc còn lại gì trong tay ta nào? Chỉ là một cái bóng. Hoặc tệ hơn cả một cái bóng, đó là sự khổ đau.

Sherlock Holmes

Người bán thuốc vẽ về hư

Mandala (tiếng Tây Tạng: dkyil- khor) là một vòng tròn thiêng liêng bao quanh bởi những tia sáng hoặc là nơi thanh tẩy mọi ý tưởng phù du hoặc nhị nguyên. Nó được xem như một khối cầu tâm thức tinh khiết và rộng lớn vô cùng nơi các thánh thần an nhiên hiển lộ bản thân... Các mandala cần được hiểu như là những bức tranh nội tâm về toàn bộ thế giới trong tính toàn vẹn của nó; chúng là những biểu tượng mang tính sáng tạo chính yếu về sự tiến hóa và thoái hóa của vũ trụ, xuất hiện và trôi qua phù hợp với những quy luật như nhau.

Từ quan điểm này chỉ còn một bước ngắn để nhận thức được mandala như một nguyên lý sáng tạo trong mối tương quan với thế giới bên ngoài, thế giới vĩ mô - và vì vậy mà nó trở thành trung tâm của mọi tồn tại.

Detlef Ingo Lauf

Nghệ thuật linh thiêng của người Tây Tạng

Từ thời này sang thời khác, Thượng đế đã khiến con người được sinh ra - người cũng là một trong số đó - kẻ nuôi khao khát đi khỏi quê cha đất tổ, bất chấp cả tính mạng mình để khám phá những điều mới mẻ - ngày hôm nay là những gì xa lạ, ngày mai là ngọn núi còn ẩn mình và ngày sau nữa lại là những ai đó ngay bên cạnh vừa làm điều đại tội chống chính quyền. Những tâm hồn như vậy thật hiếm có; và trong số hiếm hoi ấy, có không quá mười người ưu tú nhất. Trong số mười người ấy, tôi phải kể đến Babu.

Rudyard Kipling

Kim

Khi nào mọi người chết hết, cuộc chơi vĩ đại mới hoàn tất. Không phải trước đó. Hãy lắng nghe tôi cho đến tận cùng.

Rudyard Kipling

Kim

Lời nói đầu

Rất nhiều bản thảo chưa xuất bản của bác sĩ John Watson - thường tìm thấy trong "một cái hộp du lịch bằng thiếc cũ kỹ, móp méo, nằm đâu đó trong tầng hầm của Ngân hàng Cox & Company tại Charing Cross - mới được đưa ra ánh sáng trong những năm gần đây dành cho một lượng độc giả kiên nhẫn chẳng mẫn mà lắm trong việc đón nhận thêm nữa phát hiện mới về câu chuyện liên quan đến Sherlock Holmes, thái độ của họ là hoài nghi, nếu không muốn nói là hoàn toàn không tin. Vì vậy, xin bạn đọc hãy rộng lượng, đừng vội đưa ra một đánh giá tức thì mà hãy chờ tới khi đọc xong phần giải thích ngắn gọn này, rằng làm thế nào - chủ yếu nhờ hoàn cảnh xuất thân có phần đặc biệt - mà tôi được thừa hưởng một tập bản thảo kỳ lạ nhưng có thật về hai năm quan trọng nhất trong cuộc đời Sherlock Holmes chưa được ai biết đến.

Tôi sinh năm 1944 (năm Giáp Thân) ở thành phố Lhasa, thủ đô của Tây Tạng, trong một gia đình thương gia giàu có. Cha tôi là một người sắc sảo, từng du lịch nhiều nơi - từ Mông Cổ, Turkestan đến Nepal và Trung Quốc - vì việc kinh doanh, nên nhận thức rõ hơn đa số những người Tây Tạng khác về sự mong manh của đất nước hạnh phúc mà lạc hậu này. Hiểu rõ những lợi thế của một nền giáo dục tiên tiến, ông gửi tôi vào một trường dòng Tên tại miền đồi núi Darjeeling, Ấn Độ, một vùng thuộc Anh.

Cuộc sống của tôi tại trường Saint Joseph lúc đầu khá đơn độc, nhưng nhờ biết tiếng Anh nên tôi sớm có nhiều bạn bè và điều tốt đẹp hơn cả là tôi có điều kiện khám phá thế giới sách vở. Như nhiều thế hệ nam sinh khác, tôi tìm đến các tác phẩm của George Alfred Henty, John Buchan, Rider-Haggard và William Earl Johns và ngốn ngấu đọc từng trang. Tuy vậy, không gì có thể sánh được cái cảm giác hồi hộp đến run người khi đọc Kipling(1) hay Conan Doyle đặc biệt là những cuộc phiêu lưu sau này của Sherlock Holmes. Là một gã con trai người Tây Tạng, nhiều tình tiết trong những câu chuyện ấy thoát đầu đã gây cho tôi một số hoang mang. Có lúc tôi đã tưởng "lò ga" là một loại bếp lò đốt bằng dầu hỏa và rằng "luật sư Penang" là một luật sư ở Penang; nhưng tất cả những chuyện như vậy chỉ là những trở ngại vặt vãnh và chưa bao giờ thật sự xen vào những đánh giá cơ bản tôi dành cho những tác phẩm này.

Trong tất cả các câu chuyện về Sherlock Holmes, cuốn có sức mê hoặc tôi nhất là cuộc phiêu lưu trong Bí mật trong ngôi nhà trống. Trong câu chuyện xuất sắc này, Sherlock Holmes tiết lộ với bác sĩ Watson rằng trong suốt hai năm, khi cả thế giới đình ninh rằng vị thám tử vĩ đại đã bỏ mạng tại thác Reichenbach thì thật ra ông lại đang du ngoạn đến quê hương tôi - đất nước Tây Tạng!

Holmes vốn là người kiêu hãnh và hai câu dưới đây là tất cả những gì chúng ta biết được cho tới thời điểm này về cuộc hành trình lịch sử của ông:

"Như vậy tôi đã du lịch hai năm ở Tây Tạng và tiêu khiển bằng cách viếng thăm Lhasa và trải qua vài ngày với vị Đạt Lai Lạt Ma. Có lẽ anh đã đọc về cuộc thám hiểm khác thường của một người Na Uy tên là Sigerson, nhưng tôi chắc rằng anh chưa bao giờ nghĩ mình đang đọc những tin tức về bạn anh".

Khi quay về Lhasa trong kỳ nghỉ đông ba tháng, tôi thử tìm hiểu về nhà thám hiểm người Na Uy đã đến đất nước tôi năm mươi năm về trước. Một người ông bên họ ngoại của tôi nhớ đã từng gặp một người nước ngoài như vậy ở Shigatse, nhưng thật ra ông nhầm người này với Ven Hedin, nhà địa lý và thám hiểm nổi tiếng người Thụy Điển. Dù sao thì người lớn cũng có nhiều vấn đề nghiêm túc cần cứu xét hơn là những thắc mắc của một cậu học sinh về một du khách châu Âu đến đây từ hồi nào hồi nọ.

Đúng thời điểm ấy, đất nước tôi bị Cộng quân chiếm đóng. Họ đã xâm lược Tây Tạng vào năm 1950 và sau khi đánh bại đội quân ít ỏi của người Tạng, họ tiến vào Lhasa. Ban đầu, người Trung Quốc không đàn áp công khai, mà chỉ từng bước thực thi những chương trình cực đoan và tàn bạo của họ nhằm mục đích thay đổi tận gốc xã hội truyền thống. Các bộ lạc thiện chiến như Khampa và Amdowa ở miền đông Tây Tạng tiến hành những cuộc nổi dậy, chẳng mấy chốc chúng đã lan rộng ra khắp nước. Quân chiếm đóng Trung Quốc đã thực hiện những chiến dịch trả đũa tàn ác khiến hàng chục nghìn người dân bị tàn sát, và thêm nhiều nghìn người nữa bị bỏ tù hoặc buộc phải trốn khỏi quê hương.

Tháng Ba năm 1959, người dân Lhasa, lo sợ cho tính mạng vị lãnh tụ của họ - Đức Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi - bèn nổi dậy chống lại người Trung Quốc. Một cuộc đối đầu dữ dội nổ ra, nhưng lực lượng Trung Quốc tinh nhuệ hơn đã đè bẹp người Tạng, gây thương vong nặng nề và phá hủy nhiều nhà cửa. Tôi đang học năm cuối tại trường ở Darjeeling, thì cuộc nổi loạn nổ ra ở Lhasa. Tin tức khiến tôi phát ốm vì lo lắng cho số phận cha mẹ và người thân.

Thông tin từ Lhasa vừa ít ỏi lại mơ hồ chẳng có gì khiến tôi có thể yên lòng. Nhưng sau một tháng trời ăn không ngon ngủ không yên, Đài Phát thanh Toàn Ấn đưa tin mừng rằng Đạt Lai Lạt Ma và những người ủng hộ ông, cùng với nhiều người tị nạn khác, đã thoát khỏi nước Tây Tạng bị chiến tranh tàn phá và an toàn đến được biên giới Ấn Độ. Hai ngày sau, tôi nhận được một lá thư đóng dấu bưu điện Gangtok. Đó là thư của cha tôi. Ông và các thành viên khác trong gia đình đều an toàn tại thủ đô của vương quốc nhỏ bé Sikkim, vùng Himalaya.

Ngay từ những ngày đầu loạn lạc cha tôi đã không vội tin vào sự đảm bảo và thái độ làm ra vẻ thiện chí của người Trung Quốc, ông lặng lẽ chuẩn bị cho việc cao chạy xa bay. Ông bí mật chuyển hầu hết tài sản đến Darjeeling và Sikkim, vì thế gia đình chúng tôi ở vào hoàn cảnh có thể nói là rất may mắn nếu so với hầu hết dân tị nạn Tây Tạng khác, những người gần như lâm vào cảnh trắng tay.

Sau khi tốt nghiệp, tôi quyết định toàn tâm phụng sự cho những người đồng bào bất hạnh nước mình. Tôi đến vùng nghỉ mát miền đồi núi cao ở Dharamsala, nơi Đạt Lai Lạt Ma(2) thành lập chính phủ lưu vong, và chẳng bao lâu nhận nhiệm vụ dạy dỗ con em những người tị nạn. Sếp của tôi là một học giả cao niên trước từng là người đứng đầu Văn khố Chính phủ Tây Tạng tại Lhasa, đồng thời là một nhà nghiên cứu lịch sử. Sở học của ông về Tây Tạng thật uyên thâm, và ông không thích gì hơn là được chia sẻ cái vốn quý đó ông có thể nói chuyện thâu đêm suốt sáng về Tây Tạng trong một quán trà nhỏ xiêu vẹo chỉ với một cử tọa trẻ tuổi người Tạng đầy say mê như tôi, và thắm đẫm trong chúng tôi kiến thức cùng sự ngạc nhiên kỳ thú về đất nước tươi đẹp của mình.

Một hôm, tôi thử hỏi xem liệu ông đã bao giờ nghe nói về một du khách người Na Uy tên Sigerson từng đặt chân đến Lhasa chưa.

Lúc đầu ông cũng nghĩ tôi đang hỏi về Sven Hedin - một nhòm lặn hoàn toàn có thể hiểu được - bởi những văn bản địa lý của người Tây Tạng vừa không chính xác vừa đậm màu sắc hoang đường; khi miêu tả những đất nước xa xôi, chúng thường có xu hướng đánh đồng các quốc gia vùng Scandinavia và Baltic thành các nước chư hầu của đế chế Sa hoàng. Nhưng bằng cách giải thích rằng người Na Uy đó đã đến Tây Tạng vào năm 1892 chứ không phải năm 1903 như người Thụy Điển kia, tôi đã tìm được cách rung một hồi chuông gợi nhắc một nơi nào đó trong ký ức rối rắm của ông già.

Ông nhớ rằng mình đã từng đọc một dẫn chiếu trong kho lưu trữ của chính phủ về chuyến viếng thăm của một người châu Âu vào năm Nhâm Thìn (1892). Ông đã lưu tâm đến việc này trong khi đối chiếu tài liệu tại trung tâm lưu trữ tại Lhasa để chuẩn bị bản đồ cáo lý lịch chính thức cho Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13. Ông để ý đến một bản ghi chép ngắn gọn về thị thực đi đường của hai người ngoại quốc. Ông chắc rằng một trong hai người đó là người châu Âu mặc dù ông không nhớ được tên. Người kia là người Ấn Độ. Ông nhớ chuyện đó rất rõ, vì mấy năm sau người Ấn Độ đó bị nghi ngờ làm gián điệp cho người Anh. Tên ông ta là "Hari Chanda".

Tôi thật sự chấn động trước tầm quan trọng của điều tiết lộ này, vì tôi đã nghe, hay đúng hơn là đã đọc, về Hurree Chunder Mookerjee (theo tên đầy đủ và cách phát âm được Anh hóa của nó) trong tiểu thuyết Kim của Rudyard Kipling. Ít người ở bên ngoài Ấn Độ nhận thức được rằng trong thực tế, Kipling đã xây dựng nhân vật điệp viên hư cấu người Bengal của mình - một người mập mạp, ba hoa, ưa lấy lòng người khác nhưng có tài xoay chuyển tình thế, tên là Hurree Babu - dựa trên một nguyên mẫu ngoài đời, một học giả vĩ đại người Bengal từng có thời làm điệp viên cho Anh, nhưng ngày nay được nhớ đến nhiều hơn bởi những đóng góp của ông trong lĩnh vực Tây Tạng học. Ông đã trải qua phần lớn thời thanh xuân của mình tại Darjeeling và ở phương diện nào, khá nổi tiếng trong cái thị trấn nhỏ nằm trên cao nguyên đó, cùng với những danh hiệu C.I.E., F.R.S.(3) và nhiều vinh dự lớn lao khác mà các nhân sĩ hàng đầu nước Anh thời đó dành cho ông. Babu chết vào năm 1928 tại nhà của mình ở biệt thự Lhasa.

Lần sau, khi trở lại thăm gia đình, lúc đó đã chuyển về Darjeeling sống, tôi đã làm một chuyến đi bộ từ

đường Hill Cart đến biệt thự Lhasa. Bây giờ thì nó thuộc về một người trồng trà đã về hưu tên Siddarth Mukherjee chạy “Sid” như ông khẳng khái buộc tôi gọi như vậy, ông là chất gọi nhà học giả, điệp viên nổi tiếng của chúng ta là cụ. Sid kiên nhẫn lắng nghe câu chuyện lòng vòng và phức tạp mà tôi trình bày với ông, đại loại: Hurree Chunder Mookerjee đã xuất bản một cuốn sách về chuyến du lịch của ông đến Tây Tạng có tên: Hành trình đến Lhasa qua miền tây Tây Tạng, nhưng không hề nhắc đến bất cứ người châu Âu nào đi cùng. Chắc hẳn, ông đã làm vậy trước sự nài ép của Sherlock Holmes, người vào thời điểm đó đang cố giữ làm sao cho sự tồn tại của mình là một điều bí mật với toàn thế giới. Tôi hy vọng nếu đọc được những ghi chép, thư từ, nhật ký và những giấy tờ cá nhân khác của Hurree, thì biết đâu tôi lại có thể tìm được một đầu dây mối nhợ dẫn đến những tiết lộ về Sherlock Holmes, hay ít nhất là về nhà thám hiểm người Na Uy(4).

Sid run lên vì xúc động khi biết rằng cố nội của mình có thể quen biết nhà thám tử tài ba nhất thế giới, nên đã tỏ ra trên cả nhiệt tình trong việc giúp đỡ cho cuộc tìm kiếm của tôi. Hầu hết giấy tờ của Hurree đều được cất giữ trong mấy cái thùng thiếc lớn để trên gian áp mái của biệt thự Lhasa sau khi ông qua đời. Tôi mất cả tuần lễ lục lọi đồng tài liệu cũ nát bụi bặm, nhưng ngoài cảm giác lạnh lẽo buồn bã, tôi chẳng tìm thấy gì có ích, tuyệt không một dòng nào nhắc đến người mà ta có thể phỏng đoán là Sherlock Holmes. Nỗi thất vọng của tôi không thể che giấu được.

Sid thật tử tế, ông cố làm tôi phấn chấn lên bằng lời hứa sẽ liên hệ ngay với tôi, nếu ông tìm được bất cứ thứ gì có thể đóng góp cho nghiên cứu của tôi.

Cứ như vậy nhiều năm trôi qua. Công việc chiếm tất cả thời gian và sức lực của tôi và tôi hầu như cũng đã quên bằng việc nghiên cứu sớm thất bại từ trong trứng nước của mình, nhưng rồi cách đây đúng năm tháng, tôi nhận được một bức điện từ Darjeeling. Chỉ có ba chữ cụt lủn, nhưng đầy hứa hẹn:

“Tìm ra rồi. Sid”

Tôi chỉ kịp mang theo bàn chải đánh răng.

Tóc Sid đã bạc đi một chút, biệt thự Lhasa cũng không còn chống chọi tốt với mưa nắng dãi dầu nữa. Tôi nhận thấy một phần tường phía sau nhà đã sụp xuống. Nhưng chủ nhân của nó thì vô cùng bền chôn. Ông lão hói hủ bảo tôi ngồi xuống ghế, nhét vào tay tôi một ly whisky pani to tướng và để tôi nhắm nháp.

Đúng một tuần trước đó, Darjeeling trải qua một cơn địa chấn khá mạnh - về mặt địa chất mà nói, Himalaya là một dãy núi khá non trẻ và vẫn còn đang trong quá trình kiến tạo. Cơn địa chấn không đủ mạnh để gây ra những thiệt hại nghiêm trọng, nhưng một đợt gió mùa bất thường kéo dài tiếp sau đó đã gây nên hiện tượng sụt lở đất ở các sườn núi dẫn đến việc làm hư hại một số nhà cửa trong thị trấn. Biệt thự Lhasa không bị hư hỏng nặng, chỉ có một phần bức tường phía sau sụp xuống. Trong lúc kiểm tra thiệt hại, Sid phát hiện ra một cái hộp bằng thiếc bẹp rúm được giấu bên trong mảng tường bị sập.

Lôi cái hộp ra khỏi đồng đổ nát, ông thấy trong đó có một gói dẹt được bọc cẩn thận bằng giấy sếp và cột kỹ càng bằng một sợi dây bện rất chắc. Ông mở gói đồ và tìm thấy một tập bản thảo, dày khoảng hơn hai trăm trang với nét chữ viết hoa mỹ không lẫn đi đâu được của cụ cố. Trong tâm trạng xúc động, ông cầm cúi đọc một mạch không nghỉ, đọc xong thì trời cũng vừa rạng. Tất cả đều nằm trong đấy. Hurree đã gặp Sherlock Holmes. Ông đã cùng Sherlock Holmes thực hiện một cuộc hành trình đến Tây Tạng; và vì vậy mà đặt bản thân mình vào những tình huống nguy hiểm và lạ lùng tới mức không thể tin được.

Như vậy, Babu đã không thể cưỡng lại được sự hồi thúc của nội tâm và ông đã thẳng thắn giải bày trên giấy sự thực về những kinh nghiệm của mình, nhưng ông cũng đủ thận trọng tìm cách giấu nó bên trong bức tường phía sau nhà; có lẽ với hy vọng rằng nó sẽ được đưa ra ánh sáng trong một tương lai xa nào đó khi “Cuộc chơi vĩ đại” đã trôi qua, và lúc đó mọi người có thể biết đến cuộc phiêu lưu của ông cùng với nhà thám tử vĩ đại nhất thế giới chỉ với sự kinh ngạc và thần phục.

Sid lấy tập bản thảo ra khỏi ngăn kéo và đặt vào đôi tay đang run rẩy của tôi. Biết tôi cũng có máu văn chương viết lách, Sid cố nài tôi phụ trách khâu biên tập và xuất bản bản thảo trên. Nhưng trong thực tế ngoài việc bổ sung thêm một số chú giải, tôi chỉ phải sửa rất ít.

Babu là một cây bút tài hoa và có kinh nghiệm, văn phong độc đáo, đầy khí lực của ông hẳn sẽ giảm sút đi nếu bị chỉnh sửa quá nhiều.

Sid và tôi chia đôi số tiền thu được từ cuốn sách, mặc dù cả hai chúng tôi đều nhất trí rằng bản thảo gốc cùng với bản sao bản đồ Tây Tạng đi kèm, vì tính lịch sử quan trọng của nó, nên được trao cho một viện nghiên cứu nào đó, nơi các học giả và giới chuyên môn có thể tự do sử dụng.

Tây Tạng có thể bị nghiền nát dưới sức nặng chết người của chính thể chuyên chế Trung Hoa, nhưng sự thật về Tây Tạng không thể dễ dàng bị chôn vùi; và thậm chí một tác phẩm dở dang, kỳ lạ về lịch sử như thế này cũng có thể góp phần “đóng đinh câu rút” ít nhất là một vài tên bạo chúa.

Tháng 10 năm 1988

Jamyang Norbu

Địa chỉ Nalanda Cottage

Dharamshala

Chú thích:

(1) Joseph Rudyard Kipling (1865-1936): nhà thơ, nhà văn người Anh nhưng sinh ra ở Ấn Độ, nổi tiếng với những cuốn sách dành cho trẻ em như Jungle book, The second jungle book, Kim

(2) Đạt Lai Lạt Ma dịch nghĩa là “Đạo sư với trí huệ như biển cả”. Danh hiệu này do nhà vua Móng Cổ Altan Khan phong cho phương trưởng của trường phái Cách Lỗ (t: gelugpa. Hoàng giáo) năm 1578. Kể từ năm 1617 trở đi. Đạt Lai Lạt Ma thứ 5 trở thành người lãnh đạo chính trị và tinh thần của Tây Tạng. Kể từ đây, người ta coi Đạt Lai Lạt Ma là hiện thân của Quan Thế âm. Mỗi một Đạt Lai Lạt Ma đều được xem là tái sinh của vị Đạt Lai Lạt Ma trước.

(3) C.I.E tức commader, một trong ba phẩm trật của Order of Indian Empie (huân chương đế chế Ấn Độ): một phẩm tước hiệp sĩ được nữ hoàng Victoria lập ra vào năm 1877. Hai phẩm trật kia, cao hơn C.I.E. là GCIE (Knight Grand Commander) và KCIE (Knight Commander). F.R.S. viết tắt từ Fellow of the Royal Society, một tước vị phong cho những nhà khoa học kiệt xuất của đế chế Anh, và là một loại thành viên của Hội Khoa học Hoàng gia Anh. Các thành viên này được phép ghi ba chữ FGS sau tên mình.

(4) Tôi đã tưởng đâu cuối cùng thì mình cũng “chạm” tới được người Na Uy bí ẩn, khi tình cờ đọc cái tựa sách này tại Nhà sách Oxford. Darjeeling: Một du khách Na Uy ở Tây Tạng Per Kvaeme (Bibliotheca Himalaylica. Bộ 1 tập 13). Manjusri. New Delhi. 1973. Đáng tiếc, đây chỉ là văn bản về một người Na Uy chính cống vốn là nhà truyền giáo.

Ấ

2. Chương 2

“Cuộc chơi vĩ đại...”

Trời đất thánh thần ơi! Ai có thể nghĩ ra một cụm từ xấu xa và kệnh cỡm hơn thế để miêu tả những hoạt động ngoại giao quan trọng của Cục điều tra Dân tộc học - cái bộ phận quan trọng nhưng ít được biết đến của chính phủ Ấn Độ, nơi mà tôi, với khả năng rất giới hạn của mình, đã có vinh hạnh được phục vụ suốt ba mươi lăm năm qua. Cụm từ trên là sự sáng tạo của nhà văn Rudyard Kipling, người vào giai đoạn cuối của tờ Pioneer tại Allahabad với lối văn phong báo chí khiếm nhã đáng chỉ trích - chỉ với một đòn đã tìm được cách hạ bệ những hoạt động rất quan trọng của Bộ chúng tôi xuống thành một trong những trận bóng cricket được miêu tả rất hùng hồn trong những bài thơ của Sir Henry Newbolt.

Thật tình, tôi cũng không hiểu rõ mọi việc đã xảy ra như thế nào, nhưng thật không may, ông Kipling đã thu thập được những chi tiết trong vụ việc có liên quan đến “Phả hệ của giống ngựa bạch”(1) mà ông điền nhiên công bố trong tờ Pioneer số Chủ nhật, ra ngày 15 tháng Sáu năm 1891, với nhan đề “Cuộc chơi vĩ đại: lời đáp từ của Sư tử trước mưu đồ của Gấu”. Về bản chất, việc này có liên quan đến liên minh của năm vị tiểu vương ở biên giới Tây Bắc Ấn Độ (những người chẳng có lý do chính đáng gì để câu kết với nhau, bọn họ sốt sắng tiến hành những vụ “đi đêm” với một nhà sản xuất súng ở Bỉ, một chủ ngân hàng người Ấn ở Peshawar, một nhà cầm quyền “bán” độc lập có thể lực là lãnh tụ của những người Hồi giáo ở phía Nam,

và - hiểu chiến hơn hết thảy - là một thế lực ở phía Bắc, với quyền lợi không thể nói là trùng hợp với quyền lợi của Đế chế.

Bộ chủ quản hoàn toàn bất ngờ trước diễn tiến tình hình như thế, và tôi được cấp trên cử đi biệt phái lên phía Bắc trong vòng hơn một năm, với nhiệm vụ theo dõi nhất cử nhất động của năm vị tiểu vương nói trên. Có lẽ tôi không phải giải thích những việc diễn ra trong thời gian đó; chỉ cần nói rằng bằng cách thiết lập được mối quan hệ hữu hảo với một viên thư ký được trả lương không thỏa đáng và chuyển một lượng lớn những đồng ru-pi, mà tôi đã tìm cách có được một số mursala quan trọng, còn gọi là quốc thư hay công văn chính thức khiến cho tất cả những con mèo chui ra khỏi rọ, có thể nói như vậy. Tôi đã bí mật chuyển những tài liệu mật nói trên qua các nhân viên chìm của bộ như E.23, C.25 và cuối cùng là K.21 để họ chuyển đến cho Đại tá Creighton, người đứng đầu Bộ chúng tôi.

Chính phủ đã có những ứng phó mau lẹ và nhanh gọn khác thường. Một đội quân tám nghìn người trang bị súng ống được phái ngay lên phía Bắc, bất ngờ đánh úp các tiểu vương trước khi họ kịp ra tay. Nhưng cấp lãnh đạo không chủ trương làm lớn vụ này. Quân đội nhận được lệnh rút về, bởi vì chính phủ cho rằng chỉ dừng lại ở mức độ thị uy đối với năm vị tiểu vương kia là đủ; vả lại, cung cấp quân lương cho ngần ấy lính trên vùng cao cũng rất tốn kém. Đó không phải là giải pháp tốt nhất; quả thật, tôi cho rằng đó là sự tặc trách đáng chỉ trích nhất về phía chính phủ, khi cho phép năm tiểu vương kia - những kẻ bội tín như rắn hổ mang bú sữa bò cạp - được sống sót. Nhưng người ta chính thức cấm chỉ tôi không được phê phán bất cứ động thái nào của thượng cấp; và nếu như lúc này đây tôi có mào muội nhắc đến vụ việc này, thì cũng chỉ là làm sáng tỏ một cách không chính thức về bối cảnh chính trị lúc bấy giờ.

Khi tờ Pioneer đăng tải bài viết thiếu thận trọng (nói vậy là nhẹ nhất rồi) của ông Kipling, nó gây ra một sự phản ứng khác thường trong Bộ chúng tôi. Ngài Đại tá Sahib nhận định rằng cảm hứng cho bài viết của ông Kipling nhất định đã bắt nguồn từ trong nội bộ mà ra, ngay từ bên trong có thể nói như vậy và Ngài nổi trận lôi đình đối với hành động bội phản đê hèn hết mức đó. Là một người thường ngày khá lãnh đạm và kín đáo, ông xộc qua hành lang tổng hành dinh của Bộ tại Umballa trong “cơn giận chính đáng của một Juvenal(2)”. Những cuộc thẩm tra nghiêm ngặt diễn ra ngay trong phòng làm việc của ông với tất cả những người có liên quan ít nhiều đến vụ này ngay cả tôi cũng phải trải qua một giờ đồng hồ không lấy gì làm dễ chịu trước cái nhìn như muốn ăn sống nuốt tươi của ngài Đại tá. Tất nhiên, tôi gắng sức làm tốt phận sự của mình, tuy vậy để tỏ ra chân thực tuyệt đối, tôi phải thừa nhận rằng tôi đã hơi toát mồ hôi lạnh trước khi cuộc tra hỏi kết thúc, sine die(3), và cuối cùng tôi cũng được phép rời khỏi phòng.

Kết luận của cuộc điều tra lộ ra một chút thiếu sót then chốt gây ảnh hưởng đến sự toàn vẹn của Bộ, hơn là như lúc ban đầu chúng tôi đã lo ngại. Hai nhân viên bản xứ trong phòng lưu trữ bị đuổi việc ngay lập tức, một viên đại úy trẻ tuổi người Anh ấp ủ tham vọng văn chương (anh ta thường gửi thơ cùng những thứ đại loại như vậy cho tờ Pioneer) bị chuyển đến một đơn vị vận tải đóng quân ở Mewar để chặn lạc đà và bò thiến cho đến hết đời binh nghiệp. Ông Kipling nhận được thông báo - thông qua chủ bút của Pioneer - rằng cách hành xử của ông trong vụ việc này không được hoàn toàn chính nhân quân tử, nhưng chính phủ sẽ không đưa ra cách thức “xử lý” vấn đề nếu như ông Kipling không tiếp tục hành nghề nhà báo ở Ấn Độ và quay trở về nước Anh, như sau đó ông đã chấp nhận.

Về phía những sĩ quan như chúng tôi, thật nhẹ cả người khi mọi chuyện đã được làm sáng tỏ, mặc dù C.25 cảm thấy uy tín cá nhân của mình bị đặt thành dấu hỏi bởi sự nghi ngờ của Đại tá. Một quý ông người Pathan(4) bao giờ cũng rất nhạy cảm trong những vấn đề liên quan đến danh dự cá nhân và ngựa nghèo.

Rồi một ngày nọ người ta tìm thấy cái xác gầy gò, dơ bẩn của E.23 trong một cái rãnh tối om phía sau những chiếc dù mạ vàng của Chatter Munzil ở Lucknow. Hơn một chục vết dao đâm, cùng vài bộ phận bị cắt xẻo nghiêm trọng khác đã gây nên cái chết yếu cho anh chàng xấu số đó.

Tôi hy vọng mình được gọi là một môn đồ xứng đáng của Herbert Spencer(5), đủ dũng cảm để đương đầu với một chuyện nhỏ nhặt như cái chết, mà đó lại là điều có ý nghĩa sống còn ở vào hoàn cảnh tất yếu của tôi. Vậy nhưng, những cánh tay vươn dài của năm vị tiểu vương bên ngoài những con đường độc đạo, cả viên quan thái thú Ấn Độ ở lãnh địa Hồi giáo nào đó tại miền Nam vượt ra ngoài vòng pháp luật của Nữ hoàng (người đã hoàn toàn thỏa hiệp một cách đáng xấu hổ trong vụ “Phả hệ của giống ngựa bạch” đã nói ở trên), đều chỉ dừng lại ở cái chết. Trước khi thực hiện hành vi giết người đê tiện, bọn họ thường tra tấn nạn nhân một cách man rợ, thậm chí chỉ nhìn thôi cũng đủ khiến người ta đau đớn.

Bị thúc đẩy bởi những suy nghĩ bất an như vậy, tôi vội vã đệ đơn lên Đại tá, xin ông chuẩn y việc nghỉ phép vô hạn định, được hưởng lương đầy đủ cho những ai trong số chúng tôi đã bị phung phí vì bài viết vô ý của ông Kipling, để chúng tôi có thể mai danh ẩn tích cho tới khi chuyện này lắng xuống phần nào. Đại tá phê duyệt đề xuất của tôi, trừ một điểm mà ông muốn sửa đổi để tiết kiệm cho ngân sách. Theo đó, K.21 được đưa tới chỗ một Lạt Ma(6) mà anh ta quen biết để tạm thời nghỉ việc trong một tu viện tại biên giới Tây Tạng, C.25 đến Peshawar sống dưới sự che chở của một người họ hàng. Còn tôi, chỉ được thanh toán nửa lương thì nhanh chóng từ giả những chốn thường xuyên lui tới của mình ở vùng trung du để tới thành phố cảng Bombay rộng lớn, giấu giếm thân phận của mình trong một biển người gồm đủ các dân tộc: người Cuiurati, người Mahharati, người Sikh, người Bengal, người xứ Goa, người Anh, người Trung Quốc, người Do Thái, người Ba Tư, người Armenia, người A rập vùng Vịnh và nhiều dân tộc khác tạo thành một cộng đồng đa sắc tộc nơi “Cửa ngõ Ấn Độ”.

Tuy vậy, bất chấp mọi chuyện có thể xảy ra, tôi vẫn phải chịu ơn ông Kipling, vì chính việc lưu đầy bí mật của tôi tới Bombay lại là duyên khởi cho cuộc hạnh ngộ may mắn của tôi với một quý ông người Anh nào đó và cùng với ông tôi đã dấn thân vào cuộc phiêu lưu lớn nhất trong đời, bởi vậy mà (nhờ vào việc xuất bản sau đó cuốn sách về các khía cạnh dân tộc học chọn lọc của cuộc hành trình) tôi đã thực hiện được giấc mơ lớn nhất và bền bỉ nhất là trở thành hội viên của Hội Khoa học Hoàng gia.

Nhưng, còn lớn hơn cả niềm vinh dự lớn lao này là việc tôi sẽ mãi mãi nâng niu tình bạn thật sự và sự quý mến mà quý ông này dành cho tôi, người mà tôi bao giờ cũng đánh giá là con người tốt đẹp nhất và thông thái nhất mà tôi từng biết(7).

Chú thích:

- (1) Kipling đã phát triển tinh thần của bài viết này trong tiểu thuyết Kim được xuất bản vào năm 1901.
- (2) Decimus Junius Juvenalis (A.D. 60?-140?): phiên âm tiếng Anh là Juvenal, nhà thơ châm biếm người La Mã chuyên đả kích sự thối nát và thói ngông cuồng của những tầng lớp đặc quyền đặc lợi trong thời gian trị vì của hoàng đế La Mã Domitian.
- (3) Sine die (tiếng Latinh): vô thời hạn
- (4) Pathan: Thành viên của nhóm người dân tộc thiểu số miền núi sông ở miền Đông Afghanistan nói tiếng pashto (còn gọi là tiếng Afghan). ngôn ngữ chính thức của Afghanistan và là thổ ngữ chính của các khu vực miền Tây Pakistan
- (5) Herbert Spencer (1820- 1903), nhà tư tưởng nổi tiếng thế giới và có sức ảnh hưởng lớn dưới thời Victoria, người đưa ra luận thuyết “triết học tổng hợp” để áp dụng cho khoa học, đặc biệt là thuyết tiến hóa không chỉ trong sinh vật học mà cả trong tâm lý học, xã hội học, nhân loại học, giáo dục và chính trị
- (6) Lạt Ma (Lama): theo Phật giáo Tây Tạng. Lạt Ma là hiện thân của giáo pháp. Danh từ Lạt Ma cũng tương tự như guru (đạo sư) của Ấn Độ. Nhưng trong Kim cương thừa Lạt Ma không chỉ là người giảng giải giáo pháp mà còn là người thực hành các nghi lễ, thường lãnh đạo các đại trường và được xem là thuộc về dòng tái sinh. Danh từ Lạt Ma chỉ những vị cao tăng Tây Tạng: không kể trình độ chứng đạo của các vị đó. Lạt Ma được xem là hiện thân của Phật, trong khi tăng sĩ (nhà sư) chỉ là người tu học trong chùa chiền hay tu viện.
- (7) Như một sự trùng hợp có hậu, Watson kết thúc phần niêu tã về cái chết của Holmes tại thác Reichenbach (Điệp vụ cuối cùng) bằng một câu tương tự. Rất có thể: cả Watson và Mookerjee đều nhắc lại một cách vô thức câu nói của một nhà viết tiểu sử thời xưa về cái chết của người bạn và người thầy lừng danh của mình. Plato trong Phaedo đã viết: “Echecrates, bạn tôi, đã chết như thế, người mà tôi thật sự có thể nói rằng trong tất cả những người mà tôi biết trên thế giới này. Ông là người khôn ngoan nhất, công bằng nhất và tốt nhất”.

3. Ấn Độ-người Na Uy Bí Ẩn

“Mảng trời trên biển A rập sau một đợt gió mùa thường trong vắt và xanh biếc như một miếng ngọc lam Ba Tư. Không khí, được gột rửa sau những cơn mưa vừa tạnh, trở nên tươi mới và trong treo đến nỗi trong lúc

dừng chân tại Mũi Malabar ở Bombay, người ta tưởng đâu có thể nhìn thấy đường viền của bờ biển A rập và thậm chí nghe dịu dịu trong cơn gió nhẹ ”... mùi hương xứ I-ê-mem-cô từ bờ biển đậm hương vị của xứ A rập đầy hạnh phúc”(1).

Tất nhiên đó chỉ là sản phẩm tưởng tượng lãng mạn thuần túy của tôi; xứ sở kia ở quá xa để có thể nghĩ hay nhìn thấy, nhưng từ một vị trí thuận lợi, tôi cố gắng nhìn ra cái mà tôi đã đi ngàn ấy dặm đường để tìm cho được.

Vượt qua những chiếc thuyền buồm A rập đậu rải rác trên mặt biển với những cánh buồm duyên dáng nghiêng nghiêng theo chiều gió, con tàu S. S. Kohinoor của Công ty rau Vải tải hơi nước Peninsular & Oriental rẽ mặt biển xanh tiến tới, hai ống khói đen của nó hắt lên bầu trời xanh những dải khói mỏng tang. Tàu đến trễ, lẽ ra nó phải cập bến sáng nay. Qua cặp ống nhòm tầm xa tẩu được ở chợ trời Bhindi, tôi chỉ có thể đọc được cái tên gắn trên vòm cổng ở cảng. Tôi nhanh chóng băng qua đường để đón ticca-ghari(2). Vừa ngồi vào chỗ, tôi đã ra hiệu cho người đánh xe lên đường.

“Chalo”(3)

”Đi đâu, Babuji?(4)

Đến bến tàu, jaldi!(5)

Ông ta giơ tay quất con ngựa non gầy gò bằng một thanh cật tre dài cong vút và xe ngựa lăn bánh xuống đường Ridge. Tôi bỏ một miếng cau vào miệng và nhai một cách trầm tư trong lúc rà soát lại kế hoạch hành động một lần nữa.

Bốn tháng đã trôi qua kể từ khi tôi đến Bombay. Tôi đã có một khoảng thời gian an lành để thực hiện các ghi chép dân tộc học về tục sùng bái nữ thần địa phương Mumba ở chính cái thành phố mang tên bà. Nhưng Đại tá hẳn có suy nghĩ rằng những mối nguy hiểm tiềm tàng giờ đây cũng đã lui về phía sau (còn tôi thì được hưởng một kỳ nghỉ xả hơi tốt lành trong khi vẫn được thanh toán nửa lương). Thế nên cách đây khoảng một tuần, một người đưa thư trong vùng - một ông già người Tamil cao lớn đến từ Tuticorin - đã mang taar (từ mà người địa phương dùng để gọi một bức điện tín) đến nơi tạm trú của tôi phía sau nhà thờ Hồi giáo Zakariya.

Lá thư được gởi cho “Hakim Mohendro Lall Dutt” - một trong những bí danh thường dùng của tôi - trong đó toàn là những lời quanh co, luẩn quẩn, tưởng chừng như vô hại, một lối nói rất đặc trưng của Bộ dùng để đảm bảo an toàn cho những liên lạc thư tín giữa chúng tôi, sub rosa(6). Thông điệp chính của nó là có một du khách người Na Uy tên Sigerson, có lẽ là nhân viên của một Lực lượng miền Bắc thù nghịch, ông này đang đến Bombay trên con tàu S.S. Kohinoor. Nhiệm vụ cấp trên giao cho tôi là phải cố lấy lòng ông ta, có thể với vai trò hướng dẫn viên du lịch hay đại loại như thế, để tìm hiểu động cơ khiến ông ta đến Ấn Độ.

Để chuẩn bị cho việc này, tôi phải gia nhập một hãng tàu biển của một ông già là tín đồ của Bái hỏa giáo, vốn là người quen với tôi, một sự tính toán chu đáo quá hóa thừa.

“Hai, rukho”(7) người đánh xe quất con ngựa nhỏ đang kéo chiếc xe tới trước cổng bến tàu Ballard. Tôi xuống xe và mặc cho lời kéo nài tráo trở của gã đánh xe đòi cho được hai anna, tôi chỉ trả cho hắn đúng giá là một anna, rồi vội vã bước qua cầu tàu.

Dưới bến san sát những chiếc tàu buôn và tàu chiến của Anh, nhưng tôi kịp trông thấy con tàu Kohinoor đang từ từ được những chiếc tàu kéo nhỏ tỏa khói mù mịt kéo vào bờ.

Phòng làm việc tối om và phủ đầy bụi của chủ bến tàu gần như trống hoác, chỉ có mỗi viên thư ký người Gujurati đang ngồi, vẽ mơ màng biếng nhác sau bàn giấy, xĩa xĩa hàm răng đỏ quết trầu(8). Một đồng ru-pi hào phóng tiền “trà nước” tạo cho tôi cơ hội liếc qua bảng danh sách hành khách có mặt trên tàu Kohinoor. Du khách người Na Uy ở cabin 33, trong khoang hạng nhất.

Khi tôi ra khỏi cái văn phòng mốc meo đó, thủ tục cho tàu vào cảng đã hoàn tất, bọn cu li và phu cảng từ các hướng đổ xô tới mạch đường màu xám rộng lớn, nơi cầu tàu đang xoay hướng với những sợi dây cáp to và dày trùng trục. Con tàu trắng lừng lừng vượt lên trên mọi người và mọi vật xung quanh như một tảng băng trôi khổng lồ. Khi ván cầu được bắc lên, trong vai một nhân viên của hãng, tôi cũng lao lên tàu, dùng

vai huých đẩy để lách qua đám đông toàn nhân viên phục vụ trên tàu, cu li, thủy thủ người Ấn và cả những gì gì nữa. Sau khi đi qua những hành lang đông đúc, phòng ăn, phòng chơi bài, phòng đánh bi-a và một phòng khiêu vũ trắng lệt, cuối cùng tôi cũng lên đến được boong tàu phía trên trông ra ngoài cảng và cabin số 33.

Người Na Uy đang đứng trước cửa cabin của mình, dựa người vào lan can tàu, hút tẩu thuốc một cách trầm ngâm trong lúc nhìn xuống đám đông hỗn loạn dưới cầu tàu. Cả con người lẫn vẻ mặt ông đều có cái gì đó thu hút sự chú ý ngay cả của một kẻ qua đường bàng quan nhất. Đó là một người đàn ông cao để đến 1,90 mét, thân hình gầy nhảnh. Thấy tôi bước lại gần, ông đứng thẳng lên khỏi rào chắn và lúc này trông ông như còn cao hơn nữa.

“Thưa, có phải là ngài Sigerson không ạ?”

“Vâng!”

Ông ngoảnh hẳn mặt về phía tôi. Chiếc mũi điều hâu nhòn nhọn tạo cho khuôn mặt ông một vẻ đặc biệt linh hoạt và quyết đoán, cả cái cảm cũng làm nổi bật những đặc điểm của một con người cương nghị và mạnh mẽ. Rõ ràng, ông không hề giống với một người mà ta có thể nói những chuyện bông phèng vớ vẩn được.

Tôi bèn chuẩn bị để tự biến mình thành một kẻ khúm núm và giải tăng bốc.

“Thưa ngài, tôi là Satyanarayan Satai, một sinh viên thi trượt vào trường Đại học Allahabad,” tôi nói, trang trọng cúi đầu theo lối chào của người Hồi giáo. “Thật là một vinh dự và đặc ân to lớn đối với tôi, với tư cách người đại diện của hãng tàu biển Messrs Allibhoy Vallijee and Sons, được chào mừng ngài đến bờ biển của Đế quốc Ấn Độ và được làm tất cả để đảm bảo cho chuyến viếng thăm và thừa hành công vụ của ngài tại thành phố lớn Bombay được hoàn toàn tiện nghi thoải mái”. (Lúc nào việc một người bản xứ tạo cho một quý ông người Âu rằng anh ta là một kẻ có giáo dục theo lối nửa mùa cũng mang lại những lợi ích lớn)

“Cám ơn”. Ông quay lại chiếu vào tôi cặp mắt long lanh khác thường, phát ra thứ ánh sáng sắc sảo, dò xét không lấy gì làm dễ chịu. “Ông đã từng ở Afghanistan, tôi nghĩ vậy”.

Dĩ nhiên, tôi hoàn toàn không chờ đợi một nhận xét bất ngờ đến vậy, nhưng tôi tin rằng mình đã cố hết sức trấn tĩnh, khởi động đầu óc đủ nhanh để có một câu trả lời dẫu không hoàn toàn có sức thuyết phục thì cũng thích hợp trong hoàn cảnh này.

”Cái gì... Ôi, không, không thưa ngài. Tôi chỉ là một người Hindu hèn mọn nhất đến từ Oudh, một kẻ tiện nhân hiện đang có một chỗ làm khá béo bở và được trả lương hậu hĩnh, với tư cách là nhân viên văn phòng bán chính thức - pro tem - trong công ty tàu biển đáng kính trọng này. Còn Afghanistan ư? Chà, chà! Thưa quý ngài, đó là vùng đất lạnh lẽo khốn khổ, thiếu những cơ sở hạ tầng cần thiết và những tiện nghi văn minh, còn bọn người bản xứ đều là những kẻ giết người man rợ, một loại người Hồi giáo tồi tệ nhất, vô phương cứu vãn, nằm ngoài phạm vi luật pháp oai nghiêm của người Anh. Tại sao tôi lại phải đến Afghanistan cơ chứ?

“Thực vậy sao?”. Ông khách trả lời với một tiếng cười gằn cụt lủn không giấu vẻ cay độc. “Nhưng hãy quay lại vấn đề ông đã nêu ra, tôi cho rằng mình hoàn toàn có thể xoay sở được mà không lạm dụng lòng tốt của ông, mặc dù tôi dám chắc rằng lời đề nghị của ông có lẽ rất hữu dụng và cần thiết. Tôi chỉ mang theo một ít hành lý và có thể tự mình lo mọi việc. Xin cảm ơn ông”.

Đặt trước cửa cabin của ông là một cái xác du lịch hiệu Gladstone và một cái hộp dẹp hình bầu dục, tôi tàn vì sử dụng lâu ngày. Trông nó giống một cái hộp đựng đàn vĩ cầm, cũng cái loại mà Da Silva, một nhạc công trẻ người Goa sống cạnh nhà tôi thường mang theo mỗi khi ra ngoài vào buổi tối để chơi nhạc trong bữa ăn tại dinh Thống đốc.

Tất nhiên, chỉ riêng việc này thôi đã gây ra không ít những nghi ngờ. Không một quý ông người Âu có lòng tự trọng nào đi du lịch đến Ấn Độ mà lại không mang theo ít nhất là ba rương hành lý, đó là chưa kể tới những món lặt vặt khác như hộp đựng mũ, bao súng, chăn gối và một hộp đựng công văn, giấy tờ. Lại nữa, không một quý ông người Anh nào, chí ít nếu người ấy là một pukka(9), mà lại chơi vĩ cầm cả. Âm nhạc là thứ dường như chỉ dành riêng cho người Pháp, người Eurasia và các nhà truyền giáo (mặc dù trong trường hợp nhà truyền giáo, thì đàn đạp hơi là nhạc cụ được yêu thích hơn cả).

Và cũng không có quý ông nào lại khệ nệ mang hành lý một mình. Thế mà đó lại là việc mà vị khách Na Uy này muốn làm. Với cái xác Gladstone bên tay trái, hộp đựng đàn vĩ cầm bên tay phải và chiếc tẩu ngậm trong miệng, ông sải những bước dài di ngang qua boong rồi bước xuống ván tàu và bình thản đi giữa đám đông lộn xộn trên cầu tàu, tất cả ồn lên như ong vỡ tổ với những lời chào kéo nhau nhao nhao mời chào của đám cu li; hẳn là bọn họ đề nghị mang hành lý cho ông để kiếm chút tiền.

Dĩ nhiên, thất bại tạm thời trong kế hoạch của tôi chỉ đơn thuần là do thiếu may mắn, hay do kismet(10) như chúng tôi vẫn nói theo tiếng bản địa. Dù vậy, tôi không thể ngăn được cảm giác bồn chồn lo lắng trước trí tuệ quá thông minh sắc sảo của người Na Uy này. Nhân danh tất cả các vị thánh thần của người Hindu, làm thế nào mà ông ta biết được, ngay từ cái nhìn đầu tiên, rằng tôi đã từng ở Afghanistan? Tôi sẽ không phủ nhận rằng mình đã đến đất nước lạc hậu đó cách đây không lâu. Trong lần đầu tiên ấy, khi khoác áo một quan toà, khi thì giả danh một bác sĩ địa phương, tôi đã kín đáo thực hiện một số vụ điều tra về những mối quan hệ bất chính có thể có giữa liên minh năm tiểu vương với quốc vương Afghanistan, nhưng thật không may tôi đã chẳng thu được kết quả nào. Sau đó khá lâu, ngay sau cuộc tập trung quân trừng phạt năm ông vua kể trên, tôi từng phải vượt qua những ngọn đèo ngập tuyết bên kia dãy Khyber, lần này thì trong vai một nhân viên lao động tiền lương đến chỗ các công nhân xây dựng đang thi công một con đường mới cho người Anh. Vào một đêm cũng trong cái chuyến thám hiểm ấy, tôi gặp phải một cơn bão tuyết khủng khiếp, mà nào đã hết đâu, tôi còn bị tên dẫn đường người Afridi cố tình bỏ lại một mình cho đến chết. Bàn chân tôi đông cứng lại, một ngón chân bị rụng... nhưng thôi, điều này chẳng có gì can dự đến câu chuyện đang kể.

Có điều gì đó thật mơ hồ, khó lý giải về người bạn Na uy của chúng ta, cái mà bạn chỉ có thể cảm nhận chứ không thể ước định bằng mắt, càng không thể đưa ra một lời nhận xét rõ ràng.

Trí tò mò của tôi trỗi dậy. Người Bengal chúng tôi - tôi nói điều này với tất cả sự khiêm tốn - không giống như hầu hết những tộc người thờ ơ lãnh đạm khác, chúng tôi là một dân tộc luôn cháy bỏng niềm khát khao kiến thức. Nói tóm lại, chúng tôi là những người hiếu kỳ, thích tìm hiểu về mọi sự trên đời.

Tôi bám theo người Na Uy đi xuống tàu, vượt qua đám đông hỗn loạn đứng ở cầu tàu. Với chiều cao như vậy, rất dễ nhận ra ông khách trong đám đông và dù ở đâu tôi cũng có thể nhìn thấy mái đầu xương xương của ông vượt lên cao hơn hẳn mọi người.

Tôi hết sức thận trọng không để ông phát hiện, may mà tôi có nhiều cơ hội ẩn mình sau những đồng hành lý và hàng hoá chất cao trên bến tàu.

Ghé mắt nhìn qua một đồng sọt, tôi thấy người Na Uy đi vào nhà khách, một kacha (11) dài, lợp tôn mùi loại có phủ PWD.

Tôi nhanh nhẹn đi đến gần, lên đến chỗ cánh cửa hé mở và nhìn vào bên trong. Người Na Uy đặt cái xác Gladstone và hộp đàn violon lên một trong những cái quây dài mạ kẽm và đang gõ gõ những ngón tay dài mảnh dẻ lên mặt quây vui vẻ thiếu kiên nhẫn vì phải chờ đợi. Hoàng hôn đổ những cái bóng dài xuống mọi vật và do khoảng không gian tranh tối tranh sáng trong phòng mà thoát đầu tôi không chú ý ngay đến một sĩ quan cảnh sát trẻ trong bộ đồ vải ka ki, lúc này hẳn đang tiến về phía ông khách Na Uy. Người này dong dỏng cao, nước da tái tái, thuộc lực lượng sĩ quan cảnh sát quận, gọi tắt là DSP, hẳn mang thất vọng và dai, đội mũ sắt, dính thức ngựa bóng loáng; tóm lại có đủ lệ bộ của một kẻ đang thi hành công vụ, hẳn ta đi đi lại lại đáng khệnh khạng, một tay đưa lên vãn vãn bộ ria đen nhánh.

Tôi giật mình. Chính là Strickland! Trời đất ơi, cái ngày quái quỷ gì mà chỉ toàn xảy ra những sự việc ngoài dự tính thế này!

Có lẽ, tôi cũng cần có một lời giải thích với quý độc giả: ngài đại uý E. Strickland, mặc dù trên danh nghĩa chính thống là một sĩ quan đáng tin cậy và đáng trọng của cảnh sát Ấn Độ, nhưng ở khía cạnh khác của cuộc đời lại là một trong những tay chơi giấu mặt của “cuộc chơi” (cái từ có hàm ý rất xấu của cái ông Kipling ấy), và là một trong những người giỏi nhất(12). Vậy mà người ta bảo tôi rằng anh ta đang ở Bikaner, một thành phố bí ẩn trong Sa mạc Vĩ đại của Ấn Độ (nơi có các giếng nước nằm cách mặt đất hơn 100 mét và xương lạc đà chất thành từng đống), nhưng tôi có thể hiểu được điều này. Anh ta giống như loài cá sấu, bao giờ cũng dầm mình ở những chỗ nước cạn.

Anh ta bắt tay người Na Uy và nói điều gì đó với ông. Tôi không nghe được những gì họ trao đổi với nhau bởi tiếng ồn của đám đông hỗn loạn không thể kiểm soát ngoài bến tàu. Một lúc sau, Strickland quay ra nói gì đó với một nhân viên người lai, rồi cúi xuống cầm cái xác du lịch lên và cùng người Na Uy rời khỏi nhà khách. Tôi bám theo sau, cố giữ một khoảng cách an toàn.

Ra khỏi cổng, Strickland gọi một chiếc xe ngựa. Cả hai biến vào thùng xe, chiếc xe bon bon chạy khỏi khu vực cảng, đi xuống đường Frere Road.

Một trực giác may mắn nào đó xui khiến tôi tiếp tục nán lại phía sau những cây cột đồ sộ xây theo kiểu Corinth trong toà nhà chính của bến tàu; vì ngay sau đó một người đàn ông nhỏ thó mặt choắt như mặt chồn sương, khoác trên người hộ đồ bằng vải bông dày kiểu nhiệt đới - cái màu trắng nguyên thủy của nó giờ đã thành ra màu đen khú - trên đầu trùm một chiếc mũ cát to quá khổ.

Hắn lén la lén lút chuôi ra khỏi bóng tối cái nhà kho gần đó và đi vào khu vực được chiếu sáng bởi những ngọn đèn khí đốt vừa thấp lên, phát ra những tiếng xèo xèo, loại đèn dùng để chiếu sáng tại bến xe và lối vào Cảng Lớn. Cả dáng điệu lẫn con người hắn đều toát lên một vẻ gì đó gian xảo, có vẻ hắn đang bí mật theo dõi Strickland hoặc người Na Uy và như để chứng minh cho sự nghi ngờ của tôi, thoát một cái, hắn đã nhảy lên một trong những chiếc xe ngựa đang xếp hàng dài chờ khách. Yên vị trên xe rồi, hắn liền nói cái gì đó hướng dẫn người đánh xe, hắn còn đưa cả tay ra chỉ về phía chiếc xe ngựa vừa nhanh chóng khuất dạng, mang theo mấy con mồi. Người đánh xe vung roi quất vào lưng ngựa và họ đuổi theo sát nút chiếc xe kia.

Sự cố này khiến cho buổi tối của tôi trở nên thực sự sôi động, toàn “những lời cảnh báo và những cuộc rượt đuổi” như một thi sĩ có thể viết. Đến lượt mình, tôi cũng gọi một chiếc xe ngựa và tức tốc đuổi theo.

Cuộc sống về đêm của thành phố vừa mới bắt đầu. Những người có nhiệm vụ đem lại ánh sáng cho đô thị đã hoàn thành công việc thắp đèn trên các đường phố. Ở bất cứ đâu cũng có thể thấy từng đám cu li, mặt mũi đen nhẻm, mồ hôi nhễ nhại đang còng lưng đẩy những chiếc xe cút kít quá tải lẫn vào dòng người tuôn chảy trên đường phố, mà đa số là các thư ký và công chức cấp thấp. Vải áo khoác màu trắng, họ túa ra từ các văn phòng chính phủ, hối hả trở về nhà sau một ngày làm việc. Những người bán bánh kẹo dạo và các kunjri hèn mọn (những người bán trái cây và rau quả) gân cổ lên rao hàng trên vỉa hè, các quầy hàng của họ được thắp sáng bằng những ngọn đèn bám đầy muội, mùi khói cay xè trộn lẫn với cái mùi hỗn hợp của đủ mọi loại hương thơm khác: mùi gia vị, mùi hoa nhài, cúc vạn thọ, gỗ đàn hương và cả phấn hoa bán theo mùa. Một đám lâu lâu những thằng nhãi con gần như ở trường không biết từ đâu lao ra đường, vừa gào thét vừa nhảy lên bám vào các xe ngựa chạy ngang, đôi lúc chúng còn nhảy lên nhảy xuống những chiếc xe điện kêu leng keng, trước cơn giận dữ của những người bán vé.

Tại vòng xoay Horniman, một đám rước dâu rầm rộ khiến giao thông gần như bị ngưng trệ. Những người phu mang theo đèn lồng, xúm lại thắp sáng cho cái cảnh tượng hỗn độn đầy màu sắc này, trong lúc đó một ban nhạc địa phương, không có vẻ gì phù hợp với thị hiếu của người dân nơi đây, đang ra sức chơi trống định âm và kèn cổ, tạo ra một thứ âm thanh nghe rất chói, nhưng lại hết sức sôi động, làm nền cho một nhóm vũ công đang bước đi với những điệu nhảy hoang dã ngay phía trước chú rể.

Nhân vật chính của sự kiện này tất nhiên trông hết sức lộng lẫy. Anh ta diện một bộ trang phục đi đánh trận của một ông hoàng Rajput, trong tư thế ngồi giạng chân sang hai bên với dáng vẻ căng thẳng, gò bó trên lưng một con ngựa chiến trang trí theo lối cổ. Một cái mạng che mặt kết bằng những bông cúc vạn thọ, ngăn không cho thiên hạ chiêm ngưỡng khuôn mặt của một gã đàn ông hạnh phúc đang trên đường đến nhà cô dâu của mình, cái mạng rủ xuống đến tận quả táo phía trước yên ngựa.

Tôi đưa mắt nhìn hai chiếc xe ngựa đứng bất động ngay phía trước, cách xe của tôi khoảng bảy mét. Người đàn ông có khuôn mặt chồn sương làm ra vẻ tò mò, chú mục vào đám rước trước mặt, tuy vậy hắn ta cứ chốc chốc lại làm như tỉnh cờ, lia ánh mắt dò xét nhìn vào chiếc xe ngựa phía trước để kiểm tra xem nó còn đó không, dù biết chắc rằng xe cộ trên đường ken vào nhau chặt như nêm cối. Khuôn mặt quắt lại, sắc cạnh với một cái mũi nhỏ, nhọn hoắt tương xứng với nó, nhưng cái vẻ chưng diện của hắn hoàn toàn không ăn nhập với dáng người ốm đói; chòm râu đốm đốm của hắn mà tôi nghĩ là theo “mốt sườn cừu”, kiểu thịnh hành cách đây khoảng mười năm về trước. Một người da trắng, nhưng rõ ràng không thuộc tầng lớp trên.

Cuối cùng, nhờ vào cung cách làm việc miễn cưỡng và cương quyết, cùng tiếng còi đầy uy lực của một “cây mao lương hoa vàng Bombay” - biệt danh đặt cho những viên cảnh sát trong thành phố này bởi chiếc mũ lưỡi

traị tròn màu vàng rất đặc trưng của họ - đám rước dầu quẹo về phía nhà ga Churchgate và xe cộ lại được phép lưu thông. Ít phút sau, chiếc xe ngựa đầu tiên chở Strickland và người Na Uy rẽ trái, hướng về phía bến cảng Apollo, sau đó chạy vào một con phố nằm ngang, rồi phóng thẳng vào lối đi dành cho xe ngựa của khách sạn Taj Mahal. Toà nhà đồ sộ nguy nga, cao năm tầng với những dãy cuốn và ban công trang trí rất hoa mỹ dẫn đến một mái vòm trung tâm lớn (cùng những mái vòm nhỏ hơn ở bốn góc) tạo nên ấn tượng về cung điện của một ông hoàng Ấn Độ hơn là một khách sạn thông thường.

Không thấy chiếc xe chở gã có khuôn mặt chồn sương đâu cả. Tôi thận trọng nhìn ra xung quanh, nhưng nó đã biến mất. Tôi bèn trả tiền cho người đánh xe ở ngay ngoài cổng, rồi đi vào.

Bất chấp ánh mắt nghi ngờ soi mói của anh nhân viên gác cửa khổng lồ người Sikh, tôi làm vẻ đĩnh đạc bước qua cánh cửa của cái nơi sau này sẽ trở thành Cung điện Nghìn lẻ một đêm, vừa đúng lúc bắt gặp cảnh Strickland đang trao đổi điều gì đó với một người châu Âu mặc trang phục dạ hội mà tôi phán đoán một cách chính xác là quản lý khách sạn này. Sau đó, viên quản lý lịch sự dẫn Strickland và người Na Uy đến một hành lang nằm khá xa tiền sảnh và vài giây sau ông ta quay lại, chỉ có một mình. Tôi vội vã băng qua tiền sảnh thênh thang trong khách sạn, cố hết sức không để ai chú ý đến. Một burra mem⁽¹³⁾ trang nghiêm rất mực - đích thị là phu nhân của một uỷ viên tài phán nào đó - vận váy dài dạ hội trắng lớp như bông chăm chăm nhìn tôi qua chiếc kính cầm tay. Ánh lửa lóe lên nơi khóe mắt khép hờ của quý bà lộ một vẻ kiêu kỳ đến khiếp khiến tôi hiểu, bà ta cho rằng một kẻ như tôi không xứng đáng bước chân vào một khung cảnh tráng lệ như thế này. Tôi nở một nụ cười cầu thân, nhưng với một tiếng khịt mũi đầy khinh rẻ, bà tay quay lại với cuốn sách. Không còn ai khác chú ý đến tôi.

Dọc theo hành lang là một dãy phòng vệ sinh và ở cuối dãy là văn phòng của viên quản lý. Gần tới cửa, tôi bước nhón chân, cố đóng tai lên nghe, lắng máng nhận ra giọng nói của người Na Uy.

Trên cánh cửa có một lỗ khoá khá to. Tôi cho rằng đứng ở đây tôi sẽ không bị người ở tiền sảnh trông thấy, vả lại hẳn có ai đi xuống hành lang, tôi có thể nhanh chóng lẩn vào một trong những phòng vệ sinh gần đây. Vì vậy, sau khi lăm bắm thật nhanh lời cầu nguyện thành tâm với tất cả những vị thần thánh mà tôi nhớ ra được, tôi cúi xuống và nhẹ nhàng áp tai phải vào lỗ khoá.

Tôi thừa nhận rằng đó là một việc làm của một tên vô lại, nhưng một người dân thuộc địa lại đi làm cái nghề như tôi thì chẳng mong được người đời nhìn nhận là chính nhân quân tử.

“Tôi thành thật xin lỗi vì những bất tiện mà ông có thể đã phải chịu đựng,” giọng nói của Strickland vang lên, rõ ràng như thể anh ta đang nói ngay bên cạnh tôi. “Nhưng Đại tá Creighton vừa nhận được điện tín từ London cách đây hai ngày và ông ấy vội phái tôi đến đây, càng nhanh càng tốt để đón ông”.

“Tôi hy vọng thông tin về việc tôi đến đây được giữ bí mật hoàn toàn”.

“Chắc chắn rồi. Chỉ có Đại tá và tôi biết chuyện,” Strickland nói, giọng hơi có vẻ ngập ngừng. “Ừm, nếu nói một cách hoàn toàn thành thực thì có lẽ có ai đó cũng đã nhận được thông tin, nhưng lúc này thì điều đó không thành vấn đề nữa”.

“Dù vậy, tôi sẽ rất cảm kích, nếu anh vui lòng kể rõ cho tôi biết ngọn ngành”.

“Ông biết đấy, cách đây khoảng ba tuần, chúng tôi nhận được một bức điện từ một trong những nhân viên của chúng tôi, một người Ai Cập làm việc tại cảng Said. Ông ta thông báo rằng có một người đàn ông tự nhận mình là một du khách người Na Uy, nhưng không có đồ đạc hay bất cứ hành lý gì cả, người này đã xuống một con tàu tiếp phẩm ở cảng Said và đăng ký đến Ấn Độ trên một chiếc tàu thủy của công ty P&O có tên là Kohinoor. Chúng tôi đã thông báo cho tất cả người của mình tại những cảng mà con tàu này đi qua, lệnh cho họ báo cáo tường tận về tất cả những người châu Âu đến Ấn Độ với bất cứ mục đích nào có vẻ khác thường. Ông biết đấy, trong mấy năm qua, chúng tôi đã gặp khá nhiều rắc rối với các nhân viên của... chẳng hạn, Lực lượng phương Bắc hay gây hấn, bọn chúng khuấy động những bất đồng với nhà cầm quyền địa phương, chắc, thì đại loại những việc như thế. Do đó, trước khi bức điện từ London đến chỗ chúng tôi, Đại tá đã cử một người trong chúng tôi ở đây để theo dõi ông. Nhưng bây giờ thì mọi chuyện đã ổn cả. Có vẻ như là tôi đã đến gặp ông trước ông ta”.

“Ồ tôi cũng không rõ...”

Tiếp sau đó là một thoáng im lặng ngắn ngủi, đột nhiên cánh cửa vững chắc mà tôi đang tựa vào bật mở, rồi một bàn tay cứng như gọng kìm lôi tuột tôi vào phòng bằng cách kẹp chặt vào cổ tôi. Thật là một kiểu ra mắt đáng xấu hổ và tôi lấy làm hổ thẹn cho mình.

“Chuyện quỷ quái gì thế...” Strickland kêu lên, nhưng sau khi nhìn thấy mặt kẻ gian thì anh ta trở lại bình tĩnh. Người Na Uy không còn kẹp lấy cổ tôi một cách dữ tợn nữa mà đã buông ra và quay lại đóng cửa. Tiếp đó ông đi vòng ra sau một chiếc bàn giấy bằng gỗ phủ khăn bằng vải len tuyết và đứng đặc ngồi xuống ghế, bắt đầu châm tẩu thuốc.

“Tôi đã nghe thấy tiếng người này từ năm phút trước, nhưng không muốn cắt ngang câu chuyện thú vị của anh”. Ông nói với Strickland rồi quay đầu về phía tôi và một lần nữa khuấy phục tôi bằng cái nhìn soi thấu tâm can người khác. “Chỉ vài tiếng khò khè thôi, có phải không, thưa ngài? Hơi thở của ông có phần hơi nặng nề so với loại công việc này”.

“Tôi e rằng tất cả chỉ là một...” Strickland cố xen ngang vào câu chuyện.

“Không cần phải giải thích, anh bạn Strickland thân mến,” người Na Uy nói với một cái khoát tay thờ ơ. “Tất nhiên, mọi thứ đã rõ như ban ngày. Quý ông người địa phương to lớn đang tỏ vẻ bối rối kia chắc chắn là tay chân thân tín mà Đại tá Creighton đã phải đến theo dõi một tên Na Uy xấu xa. Ít nhất thì diện mạo và khả năng của ông ta cũng tạo được niềm tin theo cách đánh giá của Đại tá. Chà, một người thông minh, không còn nghi ngờ gì nữa, và là một học giả, hay ít nhất cũng là người quan tâm đến một vấn đề học thuật uyên thâm nào đó. Đồng thời cũng là một chuyên viên lập bản đồ địa chính kỳ cựu và một nhà thám hiểm đã dành nhiều thời gian du khảo trên dãy Himalaya. Và, vì tôi đã có hân hạnh được tiếp chuyện ông ta cách đây vài giờ nên tôi biết, đó là một người từng ở Afghanistan. Hơn nữa, tôi e là ông ta có quen biết anh, Strickland ạ, trong một mối quan hệ không trực tiếp đến Bộ của anh. Tôi có đúng không, nếu mạo muội cho rằng đó là mối quan hệ thông qua một hội kín”

“Trời đất ơi!” Strickland kêu lên. “Làm thế quái nào ông đoán ra được tất cả những chuyện ấy?”

“Tôi chưa bao giờ đoán cả,” người Na Uy trả lời, giọng có vẻ hơi khó chịu, “phỏng đoán là một thói quen tai hại, nó phá hỏng khả năng suy luận lô-gíc”.

“Đây là điều tuyệt vời nhất,” tôi bất giác thốt lên, trong khi bản thân vẫn bị chấn động bởi cú sốc trước những điều vừa được tiết lộ ngoài mong đợi như thế.

“Chắc, chỉ là những chuyện tầm thường,” người Na Uy nói. “Đó thuần túy là vấn đề tự rèn luyện để thấy được những gì mà người khác bỏ sót”. Ông ngả lưng vào thành ghế, duỗi thẳng đôi chân dài trong lúc chụm các đầu ngón tay vào với nhau.

“Anh thấy đấy, Strickland thân mến,” ông bắt đầu nói với một giọng điệu hồi tưởng của một giáo sư đang lên lớp. “Mặc dù khi ngồi, phần thân phía trên của quý ông này dễ làm cho người ta nhầm lẫn, nhưng bắp chân của ông ta, lộ lộ dưới ống quần may bằng vải dệt tay của người địa phương, cho thấy những mạch máu nổi rõ và một cơ bắp phát triển, điều này chỉ có thể được giải thích bằng việc đi bộ thường xuyên và tích cực, nhiều khả năng là ở những khu vực có nhiều núi đồi. Bàn chân phải ông ta, đang xỏ trong đôi xăng đan đục lỗ kia, thiếu mất ngón giữa. Nó không thể bị đứt lìa trong một tai nạn hay một cuộc đổ sức dữ dội nào vì những ngón chân bên cạnh có vẻ không hề hấn gì; ngoài ra chúng ta phải khẳng định rằng các ngón chân không thể bị tõe ra như những ngón tay dù có trải qua bất cứ thủ thuật cắt tiện tiên tiến nào đi nữa. Bởi vì nhìn qua cũng biết, nước da nhuận sắc khỏe khoắn của quý ông này cho thấy ông ta đủ sức khỏe chống lại bất cứ loại bệnh tật nào, như bệnh phong chẳng hạn. Từ đó, tôi đi đến một kết luận hoàn toàn có cơ sở rằng việc bị mất một ngón chân của quý ông này là do bị lạnh quá mức, và còn có nơi nào khác trên đất nước này ngoài dãy Himalaya, nơi phải hứng chịu những cơn bão tuyết dữ dội nhất.

“Tôi cũng nhận thấy rằng ông ta có tật máy mắt phải, đó là căn bệnh nghề nghiệp của các nhà thiên văn học, các nhà nghiên cứu làm việc trong phòng thí nghiệm và nhân viên lập bản đồ địa chính, những người thường xuyên phải nheo một con mắt nào đó khi nhìn quá lâu qua kính thiên văn, kính hiển vi hay máy kính vĩ. Kết hợp với sự thật là ông ta thường đi dạo trên dãy Himalaya, thì công việc trắc địa là nghề nghiệp khả dĩ nhất trong trường hợp này. Tất nhiên nghề trắc địa cũng là một công việc vô hại, không hề có mối liên hệ thông thường nào với những người đang đóng vai một người khác. Vì thế trong trường hợp này, tôi đi đến kết luận rằng, ông ta đã thực hành những kỹ năng của mình tại những vùng lãnh thổ, nơi mà bản

chất công việc và nhân thân thật sự của ông ta cần phải giữ trong vòng bí mật, nhất là trong những khu vực thù địch và cho đến nay vẫn chưa được khám phá.

Thế đấy, nhà thám hiểm Himalaya của chúng ta. Voilà tout”(14).

“Thế còn nhận định cho rằng tôi thông minh và có hứng thú đối với nghiên cứu khoa học?” Tôi kinh ngạc hỏi.

“Điều đó rất đơn giản,” ông cười lớn. “Mức độ thông minh có thể dễ dàng suy ra từ việc đầu ông có kích cỡ lớn hơn mức bình thường. Đó là một câu hỏi về công suất hình khối. Một bộ não lớn như thế hẳn phải có cái gì bên trong chứ. Xu hướng quan tâm đến khoa học của ông có thể dễ dàng được nhận biết từ mép cuốn tạp chí màu xanh mà tôi đã thoáng thấy từ túi chiếc áo choàng của ông. Màu và gáy của tờ Asiatic Quarterly Review rất dễ nhận ra”.

“Nhưng còn về Afghanistan? ” tôi nói, giọng hơi the thé vì xúc động.

“Điều đó chẳng quá rõ hay sao? Tôi sẽ không hạ thấp một trí tuệ mà tôi vừa mới tán dương bằng cách nói toạc ra rằng tôi biết được điều đó một cách dễ dàng như thế nào đâu”.

Có một tia sáng vụt long lanh trong mắt người Na Uy khi ông quay lại nói với Strickland.

”Khi cổ áo sơ mi đồng phục của một viên cảnh sát người Anh thấp thoáng hình dáng đặc biệt của một lá bùa hộ mạng kỳ lạ của người bản xứ, cũng cái loại bùa được công khai quần quanh cổ quý ông người địa phương đây, thì nhất định ta có thể cho rằng ắt hẳn giữa hai người phải có mối liên hệ nào đó. Trong khi cân nhắc các khả năng thì việc hai người các anh thuộc về một hội đoàn nào đó, có thể là một tổ chức bí mật, là khá cao.

Hơn nữa, theo những gì đã đọc được về đề tài này, tôi được biết rằng nước Trung quốc láng giềng với đất nước các anh bị quấy phá khá nhiều bởi những tổ chức kín như vậy. Ryder, trong cuốn Lịch sử của những hệ thống thờ cúng tôn giáo bí mật, cung cấp rất nhiều thông tin về chủ đề đó”.

“Trời đất thánh thần ơi?” Strickland vừa kêu lên, vừa lắc đầu kinh ngạc. “May phước là chúng ta không sống ở thời Trung cổ, ngài Holmes ạ, nếu không thì chắc ngài sẽ bị chết cháy trên giàn hoả thiêu mất”. Anh ta ngã lưng ra sau ghế và thở dài, “Saat Bhai hay Bầy huynh đệ là một tổ chức Mật giáo(15) đã tuyệt tích từ rất lâu rồi, nhưng ông Hurree Chunder Mookerjee đây đã có công khôi phục lại vì lợi ích của một số người trong Bộ chúng tôi. Lá bùa hộ mạng này còn gọi là hawa-dilli (có nghĩa là khuyến tâm) đã được bà phù thủy mù Huneefa trao cho tôi sau lễ kết nạp thành viên mới, gọi là dawat. Bà ta chỉ làm bùa cho chúng tôi mà thôi. Mụ phù thủy già hoàn toàn tin rằng mình đang làm bùa cho một hội kín thực sự và còn đính kèm miếng bùa một mảnh giấy trong đó có ghi tên các vị thần thánh và cả những thứ khác không thuộc về thần thánh nữa. Lá bùa giúp chúng tôi nhận ra một thành viên mà chúng tôi chưa gặp bao giờ hoặc giả người này đang cải trang làm một người nào đó. Tất nhiên toàn bộ chuyện này không hề chính xác chút nào”.

Cách nói năng thâm mật của Strickland khiến tôi hiểu rằng cái ông được gọi là “người Na Uy” này tuyệt đối không phải người ngoài, mà là một nhân vật có một mối liên hệ nào đó với Bộ và chắc chắn mối quan hệ ấy được thiết lập qua một kênh quan trọng và có ảnh hưởng lớn.

“Ngài thấy đấy, thưa ngài,” tôi giải thích thêm, “đó cũng là một hình thức để bảo đảm an toàn. Có một niềm tin đã tồn tại từ lâu giữa những người bản xứ, rằng Saat Bhai không chỉ đang tồn tại, mà còn là một hội kín hùng mạnh với rất nhiều thành viên. Và hầu hết những người dân bản địa chúng tôi, nếu không ở trong tình trạng quá kích động, bao giờ cũng dừng lại cân nhắc cẩn thận trước khi ra tay giết kẻ nào nói rằng anh ta thuộc về một tổ chức cụ thể nào đó. Vì thế trong những tình huống nguy hiểm - giả sử có ai đó kẻ dao vào cổ ngài hay làm một việc gì đại loại thế - ngài có thể nói, ”Tôi là con trai của Bùa phép,” điều đó có nghĩa rằng có thể ngài là thành viên của tổ chức Saat Bhai, nhờ vậy may ra ngài còn có thể thở được”.

“Tôi từng thuộc về nhiều môn phái tôn giáo khác nhau,” Strickland nói, thở dài đầy nuối tiếc. “Các ông thần bà thánh ấy chắc cũng cảm thấy rằng tôi đang rời bỏ dần các tông phái với việc đi lang thang khắp chốn cùng nơi dưới nhiều vỏ bọc khác nhau, và tôi cũng được thần thánh chỉ dụ là phải rời bỏ các môn phái ấy(16). Hiện nay, tôi chỉ còn thuộc về Saat Bhai mà thôi, vì thế tôi hy vọng ông sẽ không tố cáo tôi”.

“Anh bạn thân mến của tôi,” người Na Uy nói và lặng lẽ cười theo một kiểu rất riêng, “trong chừng mực các

buổi đại yến tiệc của cái hội gì gì đó của các anh không khuấy động thiên hạ bằng việc lấy máu người hiến tế cho các vị thần thì tôi hứa sẽ mang bí mật này của các anh xuống mồ”.

“Ôi vậy thì tốt lắm,” Strickland mừng rỡ reo lên. “Tốt hơn cả tôi nên đi đánh một bức điện báo cho Đại tá biết về chuyện đi an toàn của ông. Vào giờ này chắc người quản lý khách sạn đã chuẩn bị sẵn phòng cho ông rồi”.

“Tốt lắm, chỉ còn một vấn đề nho nhỏ cần nghĩ đến mà thôi,” người Na Uy nói, nhìn thẳng vào tôi. “Ông Mookerjee à, bằng những nỗ lực của mình ông đã phát hiện ra ít nhiều về những việc có liên quan đến tôi, nên tôi cảm thấy thật không phải, thậm chí có lẽ còn không khôn ngoan nữa, nếu không cho ông ấy biết đầy đủ những chuyện bí mật giữa chúng ta. Phải không Strickland?”

“Tất nhiên,” Strickland đáp. “Ông Hurree đây là một người thận trọng và ông có thể hoàn toàn tin tưởng ông ấy trong việc giữ bí mật”. Anh ta quay sang tôi với một nụ cười kẻ cả. “Này ông bạn Hurree, người đã tóm được ông chỉ vì ông tỏ ra thiếu khôn ngoan đến mức để cho sự tò mò trẻ con sai khiến, không ai khác chính là vị thám tử vĩ đại nhất thế giới, thám tử Sherlock Holmes”.

“Anh làm tôi xấu hổ đấy, Strickland ạ,” Holmes nói với giọng khản khản.

Đúng lúc ấy, nghe vang lên một tiếng thét rùng rợn, kéo dài khắp các hành lang của khách sạn Taj Mahal.

Chú thích:

(1) Milton, Thiên đường đánh mất.

(2) Ticca-ghari: xe ngựa chở thuê có bốn bánh.

(3) Chalo: Đi thôi đi nào! (tiếng Hindu).

(4) Babuji: Babu là từ chỉ người bàn xử có học làm việc cho chính quyền nhà nước, ji là hậu tố thêm vào khi nói chuyện với người đối diện tỏ ý kính trọng. Babuji có thể hiểu là thưa ông (tiếng Hindu).

(5) Jaldi: Nhanh lên (tiếng Hindu).

(6) sub rosa: (tiếng Latinh): nghĩa là sự kín đáo.

(7) Hai, rukho: họ, dừng lại.

(8) Nguyên văn paan: tương tự như trầu không ở ta, nhai chung với hạt cau, vôi. cùng một vài loại gia vị khác. Paan làm cho môi và răng có màu đỏ. Nhiều người Ấn thời đó có thói quen nhai paan.

(9) Pukka: quý ông sang trọng.

(10) Kismet: số mệnh, số phận.(11) Kacha: một loại nhà ở tam bực, xây bằng những vật liệu dễ hỏng, như loại nhà tranh của ta.(12) Sự thiếu thận trọng của Kipling liên quan đến Lực lượng bí mật Ấn Độ, dường như không chỉ giới hạn trong vấn đề về “Phà hệ của giống ngựa bạch”. Độc giả đọc Kipling sẽ biết rằng Strickland và những hoạt động bí mật của ông được nhắc đến không chỉ trong cuốn truyện Kim mà còn trong một số truyện ngắn khác. Strickland được miêu tả như là một thanh tra tài giỏi, cho dù chắc chắn không thể sánh được với Holmes. Ông là bậc thầy về cải trang và có kiến thức sâu rộng về những phong tục và văn hoá dân gian Ấn Độ, đặc biệt là trong những hoạt động bí mật và ám muội.(13) Burra mem: quý bà.(14) Tiếng Pháp trong nguyên bản, nghĩa là “Chỉ có vậy thôi”.(15) Mật giáo hay Mật tông: Một trong những tông phái của Phật giáo bắt nguồn từ Ấn Độ rồi được truyền sang Trung Hoa Nhật Bản... và phát triển đặc biệt mạnh mẽ ở Tây Tạng. Ở đây. Mật tông còn được gọi là Kim Cương thừa với ý nghĩa biểu trưng về một con đường thẳng dốc đứng để đi lên đỉnh núi, điều đó nói lên tính siêu việt cũng như những khó khăn, nguy hiểm của đường lối tu Mật giáo.

(16) Về những chuyện có liên quan đến nhân vật Strickland, mời các bạn đón đọc truyện ngắn Miss Yougal s Sais trong tập truyện Những chuyện kể chân thật vùng trung du của Kipling

4. Nỗi Kinh Hoàng Màu Đỏ

Sự trùng hợp không ai đoán trước được giữa lời tuyên bố bất ngờ của Strickland với tiếng thét rợn gai ốc kia phần nào khiến cho đầu óc tôi trở nên rối bời. Riêng Strickland nhanh chóng đứng phắt dậy.

“Chuyện quái quỷ gì thế!”

Một tiếng rú khác vang lên trong không gian vừa yên ắng được vài giây.

“Mau lên nào, các ông...” Sherlock Holmes kêu to. “Nó vọng đến từ tiền sảnh”.

Chúng tôi lao ra khỏi phòng viên quản lý khách sạn và đâm bổ xuống hành lang. Trong lúc chạy thực mạng như vậy, một ý nghĩ choáng váng vụt lên trong đầu tôi: Sherlock Holmes của chúng ta đã chết cách đây hai tháng rồi cơ mà. Tất cả những tờ báo lớn nhỏ trong Đế chế, nói rộng ra là khắp thế giới, đều tường thuật câu chuyện bi thảm về cuộc chạm trán định mệnh giữa nhà thám tử tài ba với tên giáo sư độc ác tinh quái Moriarty tại thác Reichenbach ở Thụy Sĩ. Vậy thì thế lực nào đã đưa ông ta quay trở lại cuộc sống? Nhưng ngay trước khi có thể định thần để đặt ra một câu hỏi rõ ràng trong đầu thì tôi đã đứng trước một cảnh tượng quái đản và khủng khiếp đến nỗi chắc chắn tôi sẽ đem theo ký ức đáng sợ này xuống tuyền đài.

Trong gian tiền sảnh khách sạn được thắp sáng bởi ba ngọn đèn chùm kiểu thành Viên hết sức rực rỡ, trắng lè, hiện có khá nhiều quý ông và quý bà ăn mặc trang trọng lịch lãm; mỗi người về phần mình đều chiếu ánh mắt vô cùng kinh hoàng lên đầu cái cầu thang ngăn đôi phần sau gian tiền sảnh. Tác giả của tiếng hét là một burra mem đứng tuổi, người mới đây, qua cái nhìn chệch bai, đã từ chối sự hiện diện của tôi ở một nơi sang trọng đẹp đẽ như thế này. Còn bây giờ thì bà ta tách lên đứng trước nhóm người tụ tập ở chân cầu thang vài bước và dường như đang chuẩn bị lấy hết sức để phát ra thêm những tín hiệu của nỗi sợ hãi tột cùng.

Ở đầu cầu thang trên cùng, nơi thu hút tất cả những cái nhìn ngây dại của mọi người, là một hình ảnh biểu lộ nỗi kinh hoàng thuần túy, đúng như cảnh địa ngục của người Hindu. Đó là một người đàn ông - hay ít nhất nó cũng có hình dáng của một người đàn ông - đỏ ối toàn máu là máu. Máu ở đâu ra mà nhiều thế, đến nỗi không ai có thể nhận ra một chi tiết nào về y phục hoặc hình thể học bên dưới lớp máu đỏ đang phát ra cái ánh mờ mờ ma quái. Cả cái thân hình nhuộm đỏ máu ấy đang rờ rẫm và loạng choạng như người mù tiến về phía trước. Trên bề mặt đỏ lôm của cái mặt ấy lộ ra một cái lỗ đen ngòm và từ đó phát ra tiếng tru hoang dại đau đớn của một con thú, tiếng kêu ấy tắt lịm đi trong tiếng ồ ạt chết người như thể còn bao nhiêu máu trong người đều theo đó ộc ra hết. Cả thân hình khuyu xuống chậm rãi một cách lạ lùng rồi lăn tròn từng bậc cho đến tận chân cầu thang, đứng ngay dưới chân quý bà kia thì dừng lại làm máu vấy tung lên chiếc váy dài trắng muốt của bà ta.

Quý bà lại hét lên một tiếng chói tai nữa và ngã lăn ra ngất xỉu.

Strickland lao đến trước, tiếp theo là tôi, hai chúng tôi nâng bổng quý bà lớn tuổi kia lên, khiêng đến chỗ chiếc ghế dài nơi người quản lý khách sạn và mấy người đàn bà đang đứng rúm vào nhau với vẻ kinh hoàng; chúng tôi giao bà ta cho họ để họ chăm sóc.

“Mọi người vui lòng tránh xa khỏi chỗ này,” Strickland hét lên át cả những tiếng kêu náo loạn. “Tôi là sĩ quan cảnh sát và không có lý do gì phải sợ hãi quá đáng”. Anh ra hiệu cho người quản lý, người này nhanh chóng tiến lại gần. “Nhờ ông cho chuyển ngay lá thư này cho thanh tra MacLeod tại đồn cảnh sát Horniman,” anh ta ra lệnh, viết thẩu vài dòng vào một mảnh giấy và trao ngay cho người quản lý đang run như cây sậy.

“Thật là một chuyện khủng khiếp nhất trên đời, thưa ngài, một việc như thế chưa bao giờ...”

“Đẹp những chuyện ba lắp đi ông bạn!” Strickland ngắt lời, vẻ sốt ruột. “Cứ ngay ai đó đến đồn cảnh sát đi”.

Trong lúc ấy, Sherlock Holmes quỳ gối bên cạnh cái thân hình đầm máu, chăm chú nhìn vào đồng tử nạn nhân mà ông đã vạch ra bằng cách kéo mí mắt lên. Khi Strickland quay lại, Holmes lắc đầu một cái rất dứt khoát.

“Ông ta chết đứ đừ rồi”. Sherlock Holmes vừa nói vừa lau các ngón tay vào một chiếc khăn mùi soa. “Bao nhiêu là máu chảy ở đây... Hừm... từ khắp mọi phần trên cơ thể”.

Mặc dù là một người có ăn có học và điều đó có nghĩa là tự trong bản chất tự nhiên, tôi đã dị ứng với máu me và bạo lực, nhưng vì tính chất nghề nghiệp của mình mà tôi đã tận mắt chứng kiến cái chết ở nhiều dạng thức và trong những cảnh huống khác nhau. Nhưng cái hình nhân đàn ông này, từ hình khối đến đường nét đều bị che phủ dưới tấm mền máu khủng khiếp này thì trông không có vẻ gì thuộc về con người mà giống như một con quỷ kỳ dị đỏ bầm, chỉ làm dậy lên trong lòng tôi một nỗi kinh hoàng mà tôi chưa từng nếm trải. Nhưng tất nhiên tôi không để lộ ra ngoài.

Sherlock Holmes thì dường như bị kích động chứ không bị sốc trong tình huống khủng khiếp này. Trông ông không hề có một biểu hiện nào của nỗi kinh hoàng đang bóp nghẹt trái tim tôi khi đứng trước cảnh tượng ghê rợn; trái lại, ông có dáng vẻ điềm tĩnh và an lạc của một thánh nhân đang ngồi kiết già trên tấm thảm da hoàng, trầm tư mặc tưởng về cái lẽ bí ẩn thâm sâu của sự sống và cái chết.

Ông nhanh chóng lau sạch khuôn mặt của người chết bằng khăn tay của mình. Tuyệt không thấy có bất cứ vết thương nào trên mặt nạn nhân, thế mà chỉ ít giây sau cả khuôn mặt kia, một lần nữa, lại phủ đầy máu.

“Một trường hợp độc nhất vô nhị,” đó là lời nhận xét duy nhất mà Sherlock Holmes thốt ra khi ném chiếc khăn tay đẫm máu đi. Ông quay sang Strickland: “Xin anh vui lòng ở lại đây và đảm bảo rằng không ai đến gần cái xác trong khi tôi lên lầu quan sát một chút, được không?”

“Chắc chắn rồi. Tôi sẽ lên chỗ ông ngay khi MacLeod và người của ông ta đến đây”.

Sherlock Holmes quay sang phía tôi.

“Ông có muốn đi cùng tôi không, ông Mookerjee? Có lẽ, có những câu hỏi cần lời giải đáp và sự dứt nét của tôi về người Hindu chắc chắn sẽ gây ra những khó khăn nhất định trong vụ án này”.

“Thật là một vinh hạnh lớn cho tôi, thưa ngài, nếu tôi có bất cứ một tài mọn nào được chứng minh là có ích đối với ngài”.

Tôi đã hình dung trong đầu rằng Sherlock Holmes sẽ ngay lập tức lao vào điều tra những bí ẩn đằng sau vụ này, nhưng xem ra chẳng hề có chuyện như vậy. Với một dáng điệu dừng đứng, trong hoàn cảnh này thì gần như là kiểu cách, ông đứng đĩnh đi lên cầu thang. Lên đến đầu cầu thang, ông bình thần ném một cái nhìn lơ đãng khắp xung quanh trần nhà, sàn nhà và những bức tường vấy máu (toàn bộ khung cảnh trông giống như trong một lò mổ). Có vẻ như ông cho rằng thế là quá đủ cho phần khảo sát chiếu lệ của mình và với cái dáng hơi nhún nhảy nhẹ như mèo, Holmes tiếp tục rẽ vào hành lang bên trái, lần theo những vết chân màu đỏ rõ mồn một và những vũng máu không thể lẫn vào đâu.

Dọc theo hành lang, kéo dài qua khoảng năm phòng thì vết chân dừng lại, chỉ còn một vài đốm máu nhỏ trên tấm thảm.

Sherlock Holmes kiểm tra hai cái cửa nằm ở hai bên, nhưng chỉ có cánh cửa bên phải của phòng số 289 là mở được. Chìa khoá vẫn còn trong ổ. Holmes mở cửa bước vào.

“Hừm, có vẻ như là không có ai ở đây thì phải”.

“Có phải ngài đang chờ gặp một ai đó?”

“Sao ông lại hỏi thế?”

“Vâng, thưa ngài, nếu có kẻ nào đó trong vụ án này toan tính bất cứ một hành động bạo lực không thích hợp nào thì tôi không muốn nó xảy ra như một tình tiết chưa được chúng ta tính toán. Thần kinh của tôi khó chấp nhận một cú sốc nào như thế”.

“Vây, ông nghĩ nạn nhân của chúng ta đã bị giết”.

“Còn có lời giải thích nào khác chẳng?”

“Cả đống. Lại vẫn là sai lầm nghiêm trọng nhất khi đưa ra các giả thuyết trong lúc vẫn còn chưa có đủ các dữ kiện. Xin chào! Ai đó?”

Ở cuối hành lang xuất hiện một bhangi(1) đứng tuổi, trên tay cầm một cái chổi cán ngắn.

“Ông ta chỉ là một người quét dọn, thưa ngài, có thể khẳng định đó là một người lao công trong khách sạn”.

“Đưa ông ta đến đây khoảng một phút, được không?”

”Chắc chắn là được, thưa ngài. Người hầu phòng! Đến đây, mau lên!

Ông già lúp xúp tiến về phía trước trên đôi bàn chân trần không mang giày, khi tới gần chỗ chúng tôi, ông cúi chào Sherlock Holmes.

“Namaste, sahib”(2)

“Hỏi ông ta xem, vừa nãy ông ta có thấy bất cứ điều gì bất thường không?”.

“Nghe cho rõ đây, ông già,” tôi nói với ông ta bằng tiếng bản xứ. Ông có thấy gì không bình thường cách đây ít lâu không?”

“Babuji, tôi chẳng thấy gì suýt, à nhưng mà có,” khuôn mặt già nua của ông già chợt sáng lên, “tôi có nghe một tiếng hét lớn, giống hệt như tiếng một chural(3)”.

“Tất cả những ai được Thượng đế ban cho đôi tai đều nghe được tiếng đó,” tôi ngắt lời một cách bức bối. “Giờ thì hãy nghe cho rõ, hồi kể tôi tớ của Lal Beg(4). Sahib cao lớn này là một sakht burra atsar của cảnh sát. Có một người vừa mất mạng. Phải, đây là tiếng thét mà lão vừa nghe thấy và sahib này có mặt ở đây là để điều tra. Nếu lão muốn giữ được chỗ làm của mình ở khách sạn này, hãy kể cho ta nghe tất cả mọi chuyện, không được giấu giếm bất cứ điều gì, nghe chưa?”

“Hai mai” lão già cất tiếng than van. “Thật bất công. Tôi chẳng thấy gì cả, thưa ngài. Chẳng có ai đi qua lối này cả. Chỉ có một sahib người Angrezi khác rời khỏi đây bằng cầu thang phía sau”.

“Bình thường các quý khách có sử dụng cầu thang đó không?”

“Không, thưa ngài. Nó chỉ dành cho những người phục vụ trong khách sạn mà thôi”.

“Gadha! Đồ con lừa! Tại sao lão không nói ngay từ đầu hả?”

Tôi quay sang giải thích cho Sherlock Holmes nghe cuộc trao đổi qua lại giữa người quét dọn và tôi.

“Nghe cho rõ đây, lão già,” tôi nói, trừng mắt nhìn lão lần nữa với cái nhìn nghiêm khắc, sahib đó trông như thế nào và ông ta rời khỏi đây khi nào?”

“Babuji,” ông già lại rên lên một tiếng, “tất cả các sahib người Angrezi trông đều giống nhau cả”.

“Này, cẩn thận, không thì lão vào nizamut(7) đấy,” tôi nghiêm giọng nói, “nếu lão không cố mà nhớ lại, nhanh lên”.

“Babuji, tất cả những gì mắt tôi thấy là một sahib mảnh khảnh, không còn quá trẻ, bộ ria mép trông rất buồn cười, mũi thì dài dài là. Ông ta có vẻ rất hoảng hốt lúc chạy ngang qua mặt tôi”.

Đôi môi mỏng của Sherlock Holmes mím lại khi tôi nói cho ông biết điều này.

“Hãy bảo ông ta trả lời chính xác xem người đó rời khỏi đây vào lúc nào”.

“Ông ta nói, chỉ vừa mới đây thôi, thưa ngài, chỉ trước khi chúng ta gọi ông ta. ”

“Trời đất ơi! Vậy cái cầu thang đó ở đâu?”

“Người lao công nói nó ở cuối hành lang, thưa ngài, nó dẫn xuống lối đi dành cho nhân viên tiếp phẩm”.

Holmes chạy nhanh qua hành lang, lao xuống một cái cầu thang hẹp, không cho tôi một sự lựa chọn nào khác ngoài việc hốt hải chạy theo ông. Chúng tôi vội vàng lao qua cửa sau, chạy vào một lối đi hẹp. Nhưng rõ ràng con mồi đã chuồn ngay trước mũi chúng tôi, vì kia kìa, chỉ cách chúng tôi khoảng gần một trăm mét, một chiếc xe ngựa ào ào lao xuống con đường tối om vắng người qua lại. Đến ngã tư, chiếc xe đột ngột rẽ ngoặt vào con đường chính và chỉ trong tích tắc, nó hiện lên rất rõ trong vùng sáng của ngọn đèn đường. Đúng lúc đó, người hành khách trong xe nhô dậy khỏi ghế ngồi quay đầu lại nhìn. Đó chính là khuôn mặt chồn sương của gã đàn ông hồi chiều!

“Tôi e là chúng ta đã chạm chân một chút,” Sherlock Holmes vừa quan sát vừa nhét một khẩu súng lục có ổ quay lớn vào trong túi áo choàng. “Không biết liệu ông có nhìn được số đăng ký của chiếc xe ngựa không?”

“Không, thưa ngài, nhưng tôi lại thấy một điều khác,” tôi kể cho ông nghe về gã đàn ông mặt chồn sương khi chúng tôi leo lên cầu thang trở lại hiện trường.

“Đúng thế, đúng thế. Hẳn ta có thể là một trong những kẻ đồng mưu,” ông nhận xét lúc chúng tôi quay lại hành lang. “Tôi nên lường trước một điều gì đó như thế này. Ô này, Strickland đang ở đây. Cảnh sát hẳn đã đến”.

“Thưa ngài Sherlock Holmes, ngài đã phát hiện được gì chưa?” Strickland sốt ruột hỏi.

“Tôi mới chỉ kịp lướt một vòng qua hiện trường gây án, trước khi sự chú ý của tôi bị phân tán bởi một tình tiết khác”.

Sherlock Holmes bắt đầu kể cho Strickland nghe câu chuyện của ông già quét dọn trong khách sạn và cuộc chạm trán thoáng qua của chúng tôi với kẻ bí ẩn có mặt chồn sương. Ông kết luận.

“Như vậy, bây giờ được sự cho phép của anh, tôi sẽ tiến hành điều tra”.

Nói xong, ông lấy từ trong túi áo ra một cái kính lúp cực mạnh và một thước dây. Với hai dụng cụ này, ông di chuyển dọc theo hành lang, không gây một tiếng động nào, đôi lúc dừng lại, có khi lại quỳ gối và có một lần nằm ép mặt xuống sàn nhà. Ông chăm chú quan sát một điểm, vẫy tay ra hiệu cho Strickland và tôi lại gần.

“Các anh có nhận ra đây là cái gì không?” ông hỏi, chỉ vào vật gì đó trên sàn.

“Nó trông như một cục máu lớn,” Strickland trả lời.

“Hừm... có khả năng; tuy nhiên, có ai trong các ông vui lòng cho tôi mượn chiếc khăn tay không?”

Tôi móc túi chìa ra cái khăn mùi soa của mình. Ông nhận lấy và lau cục máu đỏ. Bên dưới hiện ra một vật gì màu xám xám.

“Sao cơ, đó là một mẫu cao su Ấn Độ?” tôi kêu lên.

“Ông cho là thế ư?” Holmes nhận xét. “Tốt lắm, tôi nghĩ đó là tất cả những gì có thể tìm được ở đây. Nào, bây giờ chúng ta hãy đi xa hơn nữa”.

Holmes hướm hẳn vào trong phòng 289 và ở đó khoảng mười lăm phút để thực hiện một trong những cuộc điều tra công phu vốn là nền tảng vững chắc cho những thành công vượt trội của ông. Thật là một kinh nghiệm để đối đầu với tôi, khi lần đầu tiên được dịp tận mắt quan sát cách làm việc thực thụ của một chuyên gia đã đạt được những thành tựu vô tiền khoáng hậu và nhờ thế mà nổi tiếng khắp năm châu. Cái vẻ háo hức, thích thú trên khuôn mặt Strickland cho biết cảm nhận của anh ta cũng giống như của tôi: Vào lúc ấy tôi đã không ngăn được cảm giác vui sướng khi chứng kiến cảnh thám tử Sherlock Holmes vĩ đại làm bầm một mình suốt thời gian đó, liên tục thốt ra những thán từ và thỉnh thoảng lại huýt sáo miệng, dấu hiệu của sự phấn khích và hy vọng, nhưng đôi lúc ông lại cất tiếng rên rỉ và thở dài, cho thấy chắc chắn mọi việc không đơn giản.

Dừng lại cạnh chiếc giường lớn, Sherlock Holmes kêu to, đồng thời chỉ tay xuống sàn.

“Được lắm, được lắm. Xem chúng ta có gì ở đây nào?”

“Có vẻ như đây là những dấu vết của mấy cái chân ghế,” Strickland nhận xét.

“Cái bàn, anh bạn Strickland thân mến ạ, đích thị là một cái bàn. Khoảng cách giữa các dấu vết này quá rộng so với một chiếc ghế. Nhưng thường thì nó không được kê ở đây, vì nếu vậy dấu vết do nó để lại sẽ phải sâu hơn và phải làm cho màu sắc trên thảm ở ngay chỗ đó khác với màu xung quanh. Vì vậy, cái bàn này chỉ vừa mới được đặt vào đây không lâu. Mọi người hãy nhìn đây lông trên tấm thảm ở ngay chỗ đó đang từ từ trở về tư thế cũ kia kìa”. Ông đứng thẳng lên, đưa mắt nhìn khắp phòng. “Và kia, chúng ta có một thứ ngay ở chỗ đó”.

“Nhưng còn có một cái khác giống nó ở đầu kia căn phòng,” tôi xen vào.

“À. Nhưng khả năng đây là một cái bàn thì cao hơn nhiều. Chỉ là vấn đề thuận tiện mà thôi. Con người thường có thói quen sử dụng những gì ở gần mình nhất”. Ông đi quanh bàn để kiểm tra. “Tôi cho là mình đã đúng. Hãy quan sát những vết trầy xước khá sâu trên lớp vecni kia. Trời ơi, ai lại nỗ lực xử với một món đồ đẹp đường này một cách thô bạo đến thế chứ. Rõ ràng đã có ai đó đứng trên mặt bàn. Mà lại còn dận một đôi giày to tổ chẳng nữa chứ. Hừm. Giờ hãy xem chúng ta có thể ráp các mảnh lại với nhau được chưa. Ông có thể giúp tôi một tay chứ?”

Sherlock Holmes và tôi nâng bổng cái bàn qua khỏi giường và cẩn thận đặt xuống sàn, sao cho chân bàn khít rịt với vết lõm để lại trên tấm thảm.

“Một sự trùng hợp hoàn hảo, thưa ngài Sherlock Holmes,” tôi nói, giọng thoải mái. Nhưng Sherlock Holmes đã đứng lên trên bàn và đang giơ tay sờ vào một chiếc đèn bằng đồng thau, là đồ sản phẩm nội địa được treo vào một sợi dây mảnh ngay phía trên cái giường. Chiếc đèn, một tác phẩm thu công hiệu Benaras, ráp theo hình dáng của một con voi, được chạm trổ công phu với nhiều đường nét phức tạp, hoàn hảo. Dùng chiếc khăn tay để cầm lấy chiếc đèn, ông kiểm tra nó thật kỹ lưỡng bằng cái kính lúp của ông. Cuối cùng, khoảng mười phút sau, ông để cho cái đèn đu đưa phía trên đầu, rồi nhảy xuống sàn.

“Thật tài tình. Đúng là một âm mưu hiểm độc, khéo léo không chê vào đâu được. Lẽ ra tôi không nên để mất nhiều thời gian như thế...” ông cúi xuống nghiên cứu cẩn thận tấm khăn trải giường với chiếc kính lúp trên tay. “Bây giờ, nếu mọi việc hợp lô-gíc thì ở đây nên có... A! Đúng như tôi đã mong đợi”.

Dùng một con dao nhíp nhỏ, Sherlock Holmes tỉ mỉ cạo một mảng nhỏ màu nâu từ một vết gì đó trên tấm ga trải giường rồi đưa nó tới gần phía dưới ánh sáng đèn để kiểm tra.

“Rành rành là một vết xi gấn. Các ông không nghĩ vậy ư, thưa quý ông?”

“Thưa ngài Sherlock Holmes,” Strickland đột nhiên kêu lên, giọng anh ta như đã mất hết cả kiên nhẫn, “phải có mối liên hệ nào đó giữa tất cả chuyện này với người vừa chết dưới kia chứ? Có phải người đàn ông kia bị giết không, nếu đúng như vậy thì việc đó đã xảy ra như thế nào? Và tại sao lại chạy máu nhiều đến thế? Thật tình, tôi nghĩ ông nên đối xử với chúng tôi chân tình hơn một chút”.

“Trong mớ kinh nghiệm của mình, tôi không nhớ là còn có một nghiên cứu nào thú vị và khác thường hơn trường hợp này. Cuộc điều tra của tôi gần như đã hoàn tất, nhưng tôi cần phải xác minh lại một vài chi tiết trước khi có thể thông báo kết quả điều tra của tôi cho các vị. Tuy vậy, tôi đảm bảo với hai người rằng tôi sẽ chỉ hoãn việc trả lời những câu hỏi của các vị trong thời gian ngắn nhất. Trong lúc đó, tôi nghĩ quý vị nên biết rằng người đàn ông đã chết một cách tức tưởi dưới cầu thang kia là nạn nhân của một vụ giết người, đồng thời là một vụ tai nạn”.

“Thưa ngài, điều ngài nói xem ra rất mâu thuẫn,” tôi xen vào.

“Ông đang biến chúng tôi thành những kẻ ngốc đấy, thưa ông Sherlock Holmes,” Strickland giận dữ nói.

“Chà, chà, anh bạn Strickland thân mến. Điểm đầu tiên mà tôi khám phá ở anh là việc anh dễ dàng nổi đóa. Dù sao thì đó cũng là lỗi của tôi. Tôi nên làm sáng tỏ mọi việc mới phải”.

“Sáng tỏ ư, ông Holmes?” Chúng ta thậm chí còn chưa biết người chết dưới kia là ai nữa”.

“Người chết là một người địa phương làm nghề bồi bàn ở ngay trong khách sạn này. Chẳng có gì phải nghi ngờ về việc anh ta bị ám sát. Nhưng cái chết của anh ta cũng lại là một tai nạn ngẫu nhiên, bởi anh ta, xui xẻo làm sao, lại chui đầu vào đúng cái bẫy chết người mà hung thủ giăng ra cho nạn nhân thực sự của hắn”.

“Vậy cái người mà kẻ sát nhân kia muốn ám sát là ai?”

“Còn ai khác ngoài Sherlock Holmes này, theo cách hình dung của tôi”.

“Ông ư, ông Sherlock Holmes?”

“Ồ, tôi phải thừa nhận có một mức độ xấu xa nào đó trong những vòng xoay tội ác này,” Holmes mỉm cười lặng lẽ, “nhưng mà đó là cả một câu chuyện dài và...”

Có một ký ức mơ hồ nảy giờ cứ luẩn quẩn trong đầu, đúng lúc này lại đột nhiên nảy ra trong óc tôi, trong vắt như pha lê.

“Con tàu, ông Sherlock Holmes,” tôi kêu lên.

“Sao, lại có chuyện gì?” Strickland gắt lên.

“Theo lịch trình, con tàu Kohinoor lẽ ra phải cập bến vào lúc giữa trưa, thế nhưng nó bị trễ, tận buổi chiều mới đến. Nếu mọi thứ diễn ra theo đúng lịch trình, ông Holmes không những có mặt ở khách sạn này vào buổi tối, mà thậm chí còn có thể đã ở trong phòng và rất có thể chính là căn phòng này, vào đúng lúc xảy ra tai nạn”.

“Như vậy, ông Holmes đây lẽ ra đã trở thành một cái xác đầm máu, chứ không phải anh chàng xấu số kia?” Strickland hỏi.

“Có thể lắm,” Sherlock Holmes nhẹ nhàng nói. “Chỉ là có thể thôi. Tôi cả quyết với quý vị là tôi hoàn toàn không khoác lác về khả năng tiên liệu được vấn đề, khi tuyên bố rằng tôi đã lường trước được một cuộc tấn công nhắm vào cá nhân tôi. Từng có bốn vụ mưu sát nhắm vào tôi, chỉ tính riêng trong tháng này, dù vậy tôi vẫn phải thừa nhận âm mưu lần này là đáng quan tâm nhất”.

“Nhưng căn phòng,” Strickland kêu lên. “Làm thế nào tên sát nhân biết được rằng...”

Đúng lúc ấy một sĩ quan cảnh sát có vẻ mặt khắc khổ vận bộ đồ vải ka ki bước vào phòng. Ông ta xoắn xoắn bộ ria mép lớn chồm ngả màu muối tiêu một cách lo lắng và nói.

“Xác chết đâm được chuyển tới nhà xác, thưa ngài,” ông ta nói với Strickland, giọng vùng Arbedonia khá nặng. “Trong suốt cuộc đời binh nghiệp của mình tôi chưa bao giờ nhìn thấy cái xác nào nhiều máu đến vậy. Không hiểu trên đời này có cái gì mà lại gây nên một cái chết khủng khiếp, thương tâm đến như thế nhỉ?”

“Ai cũng có một nhận định như thế, vào thời điểm này,” Strickland trả lời. “Nhưng mọi chuyện sẽ trở nên sáng tỏ hơn một khi cái xác được khám nghiệm kỹ càng. Hôm nay ai trực ở phòng xét nghiệm?”

“Chắc là ông già Patterson, thưa ngài”.

“Hãy bảo ông ta rằng tôi muốn mổ xác khám nghiệm tử thi ngay lập tức. Tôi sẽ xuống hiện trường ngay khi kiểm tra xong một số điểm với ông Sigerson và người dẫn đường của ông ấy ở tại đây. Ông Sigerson đã kiểm tra kẻ xấu số vào phút cuối cùng, hẳn ông ấy đã nhìn thấy hoặc nghe được điều gì đó có liên quan đến vụ này”.

Một ngài sĩ quan chỉ huy, khi cần, cũng có thể nói dối trơn tru như một tên trộm cắp vặt.

“Như vậy, mọi việc có ổn không nếu người của khách sạn dọn sạch cái đồng lộn xộn dưới kia? Chúng ta đã rà soát tất cả mọi chi tiết, nhưng có lấy được thông tin gì đâu”.

“Thôi được. Ông có dám chắc là người của các ông không bỏ sót bất cứ điều gì không?”

“Không một chút gì, thưa ngài. Tôi có thể đoán chắc là không có chuyện như vậy,” viên thanh tra đáp rồi nở một nụ cười buồn bã. “Người ta đang có một cuộc họp mặt cựu học sinh ở dưới gác - trường Đại học United Services, tôi nghĩ thế - còn người quản lý khách sạn thì được một phen hồn xiêu phách lạc. Khiếp máu ở đâu mà lắm thế, khắp cầu thang, chỗ nào cũng có”.

Ông ta bước ra khỏi phòng, vừa đi vừa sửa lại chiếc mũ cát kết. “Tôi sẽ bố trí Havildar Dilla Ram và hai cậu bé ở lại đây làm nhiệm vụ”.

“Cám ơn ông, MacLeod. Chúc ngủ ngon”.

Sau khi viên thanh tra đi khỏi, Holmes ngược mắt nhìn lên trần nhà và thở dài. “Có thể thấy rõ cung cách làm việc của cảnh sát thành phố Bombay này cũng không khác gì lắm với cách làm của Scotland Yard trước đây”.

“Quay vào việc đi, ông Sherlock Holmes,” Strickland nói với giọng bị tổn thương. “Tôi thừa nhận là bọn chúng tôi hoàn toàn bất lực trong vụ án bí ẩn này và tôi cho là ông thì lại khác. Ông đã tung ra những gợi ý này khác ở chỗ này chỗ kia, nhưng tôi nghĩ chúng tôi có quyền hỏi thẳng, ông biết được bao nhiêu trong vụ này?”

“Anh bạn thân mến, tôi không hề có ý làm tổn thương tình cảm của anh đâu. Chỉ còn vài chi tiết cần được kiểm chứng, sau đó tôi đảm bảo với anh, tất cả sẽ được công khai. Nào, tôi muốn anh có mặt tại chỗ khám nghiệm tử thi và ghi chép tất cả mọi chi tiết một cách cẩn thận. Tôi không do dự khi cho rằng kết quả khám nghiệm có thể sẽ là giải pháp sống còn cho vụ án này”.

“Được ông Holmes,” Strickland nói, xem ra anh chàng đã được xoa dịu phần nào, “Ông có cách làm mọi chuyện trở nên phức tạp mới xong cơ, nhưng tôi đã biết cái tính kiêu lời của ông lâu đến nỗi tôi cho là mình có thể chịu đựng thêm một thời gian nữa”.

“Chà chà, anh bạn tốt của tôi,” Sherlock Holmes cười lớn, vỗ vỗ vào vai anh chàng. “Còn đây là việc cuối cùng và có thể nó nằm trong lĩnh vực được ông Mookerjee quan tâm nhiều: chỗ nào có thể kiếm được một bộ sưu tập sách liên quan đến quần thể thực vật và động vật của đất nước này?”

“À, thưa ngài,” tôi đáp lời, có phần hơi hoang mang sau câu hỏi hoàn toàn không được chờ đợi này, “nơi khả dĩ nhất chắc là thư viện của Hội Lịch sử Tự nhiên Bombay. Tôi cũng có quen biết chút đỉnh viên thư ký Hội, ông ấy tên là Symington; tôi đã từng cung cấp (một cách bán chính thức) cho ông ta những mẫu vật quý hiếm về cây anh thảo Tây Tạng. Ngoài ra, các trang thiết bị trong thư viện của họ rất tốt. Nhưng tôi e rằng giờ này thư viện đã đóng cửa”.

“Ồ không sao, không sao, đợi đến mai cũng được,” Sherlock Holmes nói giọng dễ dãi. “Tôi chờ ông ở đây, ông Mookerjee ạ, và sáng sớm ngày mai hãy đưa tôi đến thư viện ấy nhé. Giờ thì chúng ta hãy xuống dưới gác để thu xếp đồ đạc của tôi mang về phòng và cùng ăn lót dạ một chút”.

“Hắn là ông rất đỗi,” Strickland nói, giọng rầu rĩ. “Lẽ ra tôi nên...”

“Chuyện không có gì mà ầm ĩ, anh bạn thân mến ạ,” Sherlock Holmes cắt ngang, và là người đầu tiên rời khỏi phòng.

“Thật là một buổi tối có nhiều chuyện đáng học hỏi nhất. Tôi sẽ không để lỡ mất một dịp như vậy. Anh vui lòng đóng cánh cửa sau lưng lại giùm tôi chứ? Không nên để mọi người biết chúng ta đang quanh quẩn ở đây”.

Có vẻ như viên quản lý khách sạn đã không mất nhiều thời gian để sắp xếp lại mọi thứ, bởi có một tốp nhân viên phục vụ đang bận rộn lau chùi cầu thang. Nhưng cho đến lúc ấy, họ vẫn chưa lau xong đầu cầu thang là nơi dẫm nhiều máu nhất.

Sherlock Holmes đột nhiên dừng lại trước khi xuống cầu thang, trên mặt ông xuất hiện nét băn khoăn khi ông chăm chú quan sát sàn nhà.

“Strickland, anh có nhận thấy bất cứ điều gì bất thường về những vết máu này không?”

“Chuyện gì vậy, ờ không,” Strickland trả lời. “Thì chỉ là có quá nhiều máu... Sao? Có gì bất thường ở đây ư?”

“Ồ không có gì,” Holmes phẩy tay đáp, tiếp tục đi xuống cầu thang, nhưng tôi loáng thoáng nghe ông lầm bầm một mình, “Thật xuất sắc, đúng là không chê vào đâu được”.

Chúng tôi đi ngang qua tiền sảnh, tiến lại gần quầy tiếp tân thì người quản lý vội vã rảo bước về phía chúng tôi.

“Xin gửi tới ông nghìn lời tạ lỗi, thưa ông Sigerson. Tôi thật khiếm khuyết trong nhiệm vụ của một người chủ nhà. Nhưng cái tai nạn khủng khiếp này...”

“Hoàn toàn ổn cả mà. Tôi cũng vừa bỏ ra nửa giờ hữu ích đề lên một kế hoạch chi tiết cho chuyến đi thăm thú các địa điểm tham quan trong thành phố với người dẫn đường của tôi, ông Mookerjee, một người dân sở tại ở thành phố này. Giờ xin cảm phiền ông...”

“Chấn chấn rồi, thưa ngài. Nay ông Carvallo!” ông ta ra hiệu cho một nhân viên thư ký đứng sau quầy tiếp tân. “Một phòng dành cho quý ông đây”.

Ông Carvallo - một thanh niên trẻ, đáng người phục phịch béo tốt, chắc chắn là con cháu người Bồ Đào Nha - cúi xuống bòn nhón lên một chiếc chìa khóa và dùng ngón tay cái nhấn lên cái chuông. Ngay lập tức, một

người bản xứ mặc đồng phục nhân viên phục vụ hành lý nhanh nhẩu bước lại gần. Anh ta được giao chìa khoá phòng cùng với một số hướng dẫn, rồi đi lấy số hành lý ít ỏi của ông Holmes từ phòng người quản lý ra và chuẩn bị leo lên cầu thang. Sherlock Holmes đã toan đi theo người khuôn vác, nhưng lại quay về phía chỗ chúng tôi.

“Nếu các ông đợi tôi trong phòng ăn, tôi sẽ không bắt các ông phải đợi lâu đâu. Tôi muốn lấy một chiếc khăn tay sạch để trong va li”.

Strickland và tôi đến phòng ăn, chọn một cái bàn nhỏ kê ở một góc phòng. Rõ ràng, bữa tiệc họp mặt của các cựu nam sinh (có các quý bà đi kèm) trường Đại học United Services chưa kết thúc, vì ở giữa phòng ăn còn kê nhiều bàn tiệc cùng những quý ông và quý bà mặc đồ đại lễ, họ cũng chính là những người lúc chạng vạng tối đã được một phen sợ mất mật khi chứng kiến cái chết thê thảm của người bạn xấu số của chúng ta. Khỏi cần phải nói thêm rằng bữa tiệc đã không có được không khí vui vẻ như người ta mong đợi. Trong lúc người phục vụ bàn mặc chế phục trắng tinh, đầu quần khăn im lạng rót nước cho chúng tôi thì nhà đại thám tử linh lợi bước vào phòng, lặng lẽ cười theo cái kiểu lạ lùng của riêng ông trong khi ngồi xuống ghế và trải khăn ăn ra.

Thật là một điều hết sức thú vị! Các ông có thể đoán là tôi được người ta bố trí ở phòng nào không?”

“Chắc không phải là...” tôi kêu lên một cách kinh ngạc, nhưng tôi đã đoán đúng.

“Chính xác, phòng số 289”.

“Trời đất quý thần ơi!” Strickland kêu lên, “chắc chắn là do tên quản lý giả dối, trơn tuột như lươn đó. Để tôi lôi cổ hắn đến đồn cảnh sát và tôi sẽ buộc hắn phải mở miệng, cũng nhanh như việc treo cổ Jack Ketch lên vậy”.

“Hãy bình tĩnh lại nào, anh bạn Strickland,” Sherlock Holmes nói, đưa tay ra với một cử chỉ tỏ vẻ khản khoản. “Tôi đảm bảo với anh rằng tôi đã lường trước được những bước đi này. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng đâu có bằng chứng gì về sự đồng lõa của tay quản lý trong vụ này. Vả lại, dù hung thủ là ai thì chúng ta cũng không được rút dây động rừng, làm cho hấn sợ hãi ở ngay đoạn đầu của cuộc chơi”.

“Nhưng còn tính mạng của ông, thưa ông! Chắc là ông không định ngủ ở đó tối nay chứ?”

“Đó chính là ý định của tôi đấy. Sẽ không có chuyện gì xảy ra trong căn phòng đó vào đêm nay đâu, anh bạn thân mến. Tôi đặt cược cái thứ còn lớn hơn cái danh tiếng tội nghiệp của tôi vào đấy cơ. Còn bây giờ chúng ta đừng tự làm phiền mình thêm nữa với những câu hỏi hóc búa này. Ấi chà, cái món xúp Solferino và gà nướng Moghul quá lứa này chính là những đồ ăn có tác dụng giải toả tâm lý tốt nhất. Tôi có nên gọi một chai Montrachet để uống mừng việc của tôi... Hừm, một chuyến đi xem ra có biết bao nhiêu là biến cố quan trọng đến bờ biển của Đế quốc Ấn Độ không nhỉ?”

Chú thích:

(1) Bhangì: người hầu phòng. người dọn dẹp (tiếng Hindu).(2) Namaste, sahib: Xin chào Ngài. (Sahib là từ chỉ một người đàn ông da trắng sống ở Ấn Độ, theo cách nói tôn trọng tiếng Hindu).(3) Churail: ma quỷ (tiếng Hindu).(4) Lai Beg theo tín ngưỡng của người Hindu là vị thần bảo trợ cho những người đi ở.(5) Sakht burra atsar: lãnh đạo cao cấp.(6) Hai mai: Trời đất ơi.(7) Nizamut: nhà giam, nhà đá.

5. Sherlock Holmes Nhớ Lại

Trong lúc nhâm nhi tách cà phê, Sherlock Holmes kể cho chúng tôi nghe câu chuyện về cú lừa ngoạn mục mà ông vừa thực hiện đối với cả thế giới.

“Chắc các ông có nghe nói về giáo sư Moriarty,” Sherlock Holmes nói, đẩy ghế ra xa bàn nước và đuỗi đôi chân dài ra, chọn một tư thế thoải mái.

“Tờ The Times of India có đăng một bài về đề chế tội ác của hấn, cùng một lúc với bản cáo phó về cái chết của ngài(1),” tôi đánh bạo nói.

“Chúng tôi nhận được thông tin từ London về giáo sư và bằng đảng của hắn ta,” Strickland lên tiếng. “Tôi cũng đã đọc một câu chuyện vô cùng sống động về toàn bộ vụ này trên tờ Strand Magazine”.

“Đó có thể chỉ là bản miêu tả của ông bạn bác sĩ Watson về những gì mà ông ấy nghĩ là đã xảy ra,” Holmes nhận xét với vẻ mặt trầm ngâm trong khi nhồi thuốc vào tẩu. “Trong toàn bộ vụ này, điều mà tôi lấy làm tiếc nhất là nỗi hoảng sợ và lo lắng không cần thiết mà tôi đã gây ra cho người bạn của tôi. Nhưng tôi cho rằng mình không còn cách nào khác. Tiền đặt cược thì quá cao, mà thuộc hạ của Moriarty lại quá ghê gớm”.

“Phải, hắn thật sự là một thiên tài,” Sherlock Holmes nói tiếp, bập bập tẩu thuốc. “Một bộ óc độc ác xấu xa nhất thế kỷ, ấy vậy mà không ai nghe thấy gì về hắn cả. Điều đó vượt ra ngoài sự hình dung thông thường. Không còn nghi ngờ gì nữa, các ông hẳn đã được đọc những chi tiết khủng khiếp trong sự nghiệp tội ác của hắn ta. Vậy mà trong thực tế, con người xấu xa này lại thuộc về những dòng họ lâu đời và đáng kính trọng nhất. Khi còn bé xíu, hắn thể hiện những tư chất của một thần đồng toán học mà một nền giáo dục ưu tú đã phát triển lên đến đỉnh cao phi thường. Năm hai mươi mốt tuổi, hắn đã viết cả một luận án về Định lý nhị thức và được tán dương trên toàn châu Âu. Nhờ thành tích này, hắn được phong chức giáo sư toán học tại một trong những trường đại học nhỏ của chúng tôi. Hắn cũng là tác giả trứ danh của cuốn Động lực học của một hành tinh nhỏ, một cuốn sách đạt đến đỉnh cao hiếm thấy của toán học thuần túy và người ta đồn rằng không có một nhà khoa học nào có khả năng phê bình nó.

Nhưng thật đáng tiếc, mầm mống xấu xa tuôn chảy trong dòng máu của hắn trở nên trầm trọng hơn, nguy hiểm hơn, đáng sợ hơn gấp bội cũng bởi năng lực tư duy phi thường của hắn. Những lời đồn đại về những việc làm ghê tởm của hắn đã tạo ra một đám mây đen vây bủa hắn trong thời gian giảng dạy đại học, cuối cùng hắn bị buộc phải từ chức và chuyển xuống London(2).

“Trong suốt những năm qua, tôi chưa bao giờ nguôi nghĩ ngờ về một tổ chức tội ác rất có thể lực, hành sự hết sức độc ác và có mặt khắp nơi trong thế giới ngầm ở London. Những năm tháng ấy tôi đã nỗ lực hết sức để phá vỡ mưu đồ đen tối này và cuối cùng cơ hội đó cũng đã tới khi các nghiên cứu của tôi dẫn đến - sau hàng nghìn những lối ngoặt hết sức ngoắt ngoéo, bất ngờ - chính vị cựu giáo sư toán học danh nổi như cồn Moriarty của chúng ta. Hắn ta chính là kẻ tổ chức hầu hết các vụ tội ác ở nước Anh, trong đó đa số các vụ còn chưa được điều tra và rất có thể còn nhiều vụ chưa được biết đến. Gã giáo sư ngồi đó, kiên nhẫn và bất động như con nhện giữa cái mạng của nó, một mạng lưới có đến hàng nghìn sợi dây chẳng chặt mà chỉ hắn có khả năng nhận biết rõ từng rung động dù là nhỏ nhất. Vô cùng khôn ngoan, hắn hiếm khi ra tay. Hắn chỉ ngồi lập chương trình cho các kế hoạch tội ác. Đám thuộc hạ của hắn thì đông vô kể và là một tổ chức có quy củ hiếm thấy. Phải, đó là một lãnh địa đen mà tôi đã khám phá ra được và thừa quý ông, cũng là cái mà tôi nguyện dành hết thời gian để bóc trần và huỷ diệt. Nhưng tên giáo sư quỷ quyệt kia đã dựng lên một hàng rào bảo vệ xung quanh, khéo léo và thông minh đến nỗi vào cuối tháng thứ ba, tôi buộc phải đi đến chỗ thừa nhận rằng mình đã gặp phải một đối thủ ngang tài ngang sức, nếu không muốn nói là còn nhỉnh hơn nữa. Nhưng tôi vẫn kiên trì điều tra cho đến một ngày kia, tên giáo sư xấu xa đó phạm phải một sai lầm. Chỉ là một sai lầm nhỏ, tôi công nhận như thế, một sự sơ suất tí ti; nhưng nó đã cho tôi một cơ hội. Bắt đầu từ cái điểm ấy, tôi bắt đầu giăng lưới xung quanh hắn ta”.

Không cần thiết phải viết hết ra đây toàn bộ câu chuyện mà chúng tôi nghe được, về cách thức thông minh tuyệt đỉnh mà Sherlock Holmes đã sử dụng để cổ lòi ra ánh sáng và gài bẫy tên giáo sư xảo quyệt cùng toàn bộ tổ chức của hắn và việc làm thế nào mà Scotland Yard, với sự cầu thủ và bất cẩn của nó, đã tạo một khe hở giúp giáo sư và một số tay chân thân tín nhất lọt khỏi cái lưới đã giăng rất kỹ của thám tử Sherlock Holmes tài danh. Không còn nghi ngờ gì nữa, độc giả đã được đọc về câu chuyện ly kỳ này trên tờ Strand Magazine, trong đó toàn bộ câu chuyện, bao gồm cả cuộc gặp gỡ tiền định giữa giáo sư Moriarty và Sherlock Holmes đã được kể lại với những cao trào đầy kịch tính; và cũng trong bài báo đó, như một cái tang lớn của cả Đế quốc Anh, người ta đã rút ra kết luận sai lầm chết người rằng vị thám tử vĩ đại đã bị chôn vùi trong dòng nước khủng khiếp của thác Reichenbach.

Strickland và tôi lắng nghe như bị thôi miên khi Sherlock Holmes kể cho chúng tôi nghe về những giây phút đối đầu cuối cùng của ông với tên giáo sư độc ác.

“Tôi đã ít nhiều nghi ngờ, thưa các quý ông,” Sherlock Holmes tiếp tục sau khi hớp một ngụm rượu mạnh, “khi cái hình vốc đầy nham hiểm của tên cựu giáo sư lù lù hiện ra trước mặt, ở đoạn cuối con đường duy nhất chỉ đủ một người đi, dẫn đến nơi thoát hiểm, phải, tôi đã nghi ngại rằng có lẽ mình đã đi đến giới hạn

tận cùng trong cái sự nghiệp có thể gọi là thành công của mình. Đôi mắt xám của hắn lóe lên một ý định quỷ quyệt đầy hận thù. Nhưng hắn ta đã chào đón tôi theo khuôn phép lịch sự. Giữa chúng tôi đã có một cuộc trao đổi thú vị nhưng ngắn gọn, trong đó hắn ta tiết lộ cho tôi biết mấy điểm cơ bản nhất trong những phương pháp mà hắn đã sử dụng khiến cho lực lượng cảnh sát chuốc lấy những thất bại ê chề. Để đáp lại, tôi cũng hé cho hắn biết một vài chi tiết về việc làm thế nào tôi phát hiện ra tổ chức ngầm và những hoạt động được che đậy dưới nhiều vỏ bọc của hắn. Sau đó tôi được tên tội phạm lịch lãm cho phép viết một bức thư ngắn gửi cho bác sĩ Watson mà tôi đã để lại cùng với hộp xì gà và cây gậy. Tôi đi dọc con đường mòn, Moriarty theo bên gót cho đến khi tới đoạn cuối cùng. Ngay trước mặt tôi là một thác nước, hàng nghìn khối nước hung hãn đổ xuống một cái hồ kêu sùng sục như một vạc dầu sôi khùng khiếp với những vệt xoáy tít mù và lớp bọt tung trắng xoá. Tôi quay đầu nhìn hắn. Moriarty không rút vũ khí, nhưng tôi có thể nhận thấy cái mặt nạ bình tĩnh bề ngoài của hắn từ từ bỏ ra từng mảng. Cái trán cao gồ lên của hắn giật giật như một con vật sống. Đôi mắt hắn lóe lên tia nhìn của một lòng thù hận cực độ, là một điều mà tôi chưa từng chứng kiến trong đời. Đôi môi hắn mấp máy, vận vẹo liên tục và không còn gì phải nghi ngờ nữa, hắn đang thốt ra những lời nguyện rửa tội một cách độc địa nhất, một điều mà, may mắn thay, tôi không phải nghe nhờ có tiếng thác nước đổ ào ào sôi sục.

Rồi, thật bất ngờ, hắn gầm lên một tiếng và cầm đầu lao thẳng vào tôi. Hành động và dáng vẻ của hắn giống hệt như một người điên và đúng là hắn có sức mạnh của một kẻ mất trí. Về mặt thể chất mà nói, tôi cũng khỏe mạnh chẳng kém gì hắn, nếu không muốn nói là còn có phần hơn, nhưng cơn cuồng nộ và điên loạn của tên giáo sư toán học thoát đầu khiến tôi luống cuống, mất tự chủ. Những ngón tay tái dại của hắn bấu chặt quanh cổ họng tôi và với tất cả sức mạnh của kẻ loạn trí, hắn bắt đầu bóp cổ tôi với một điệu bộ đáng sợ nhất. Miệng hắn, méo xẹo đi trong sự hận thù cùng cực, nhễu ra những giọt nước dãi trông như một con chó dại.

“Chết đi, Holmes. Đồ khốn kiếp! Chết đi!” Cuối cùng, hắn hét lên, phun phì phì thứ nước bọt kinh tởm vào mặt tôi. Thân hình của cả hai chúng tôi xô vào nhau, cùng lao đảo, nghiêng ngả ngay trước vực thẳm. Tuy nhiên, tôi có được học ít nhiều về môn đấu vật bujitsu(3) của Nhật Bản, một môn võ không ít lần đã cứu tôi thoát chết. Túm chặt cổ áo Moriarty rồi tấn một bàn chân vào bụng hắn, tôi dùng sức hất mạnh cả thân hình hắn ra sau vai(4).

Với một tiếng thét kéo dài rợn gai óc, hắn ta rơi xuống vách núi.

Nhưng có lẽ khát vọng sống là một trong những mong muốn mạnh mẽ và dữ dội nhất của con người. Sau khi gượng đứng lên, phần nào vẫn còn run rẩy, tôi nhận ra tên giáo sư đang cố bám vào một cái gờ trên vách đá đã chặn được cú rơi của hắn. Lúc này hắn ta đang lung lẳng treo người trên cái vực thẳm tối om, sùng sục giằng dữ phía dưới, những ngón tay hắn cào bới một cách tuyệt vọng để bám víu vào vách đá. Đôi mắt trợn trừng lên vì kinh hãi của hắn bắt gặp cái nhìn của tôi.

“Làm ơn cứu tôi... cứu với...” hắn cất tiếng van xin.

Trong tích tắc, cái cảm giác ghê tởm tự nhiên trong tôi đối với gã đàn ông khốn khổ này tan biến. Tôi bước lên trước một bước, không may mà nghi ngờ về động cơ tráo trở thấp hèn đang ẩn giấu tận đáy lòng hắn, như một con rắn núp trong bụi cỏ. Bàn tay phải của hắn vung lên cố chụp lấy chân tôi và thiếu chút nữa thì nắm chặt được nó. Nhưng hắn đã thất bại. Bàn tay kia, không chịu nổi sức nặng của cả cơ thể, đã để tuột khỏi điểm bám víu cuối cùng. Sau một cố gắng ngăn ngừa toan bám lại vào vách đá, hắn rơi tuột xuống vực như một hòn đá nhỏ. Tôi đứng đấy, chứng kiến cảnh cả thân hình hắn buông rơi một quãng dài.

Cuối cùng, người hắn đập vào một tảng đá, nảy lên rồi chìm chìm trong làn nước sủi bọt trắng xoá.

Tôi đứng chôn chân bên mép vực, không sao nhúc nhích được trong vài phút. Có không ít kẻ căm ghét tôi, nhưng sự thù hận sôi sùng sục như cái thác nước kia mà Moriarty bộc lộ ra cho tôi thấy thì tôi chưa từng được biết và lúc ấy, biết rõ hắn đã chết rồi mà hệ thống thần kinh bình thường vốn khá mạnh mẽ của tôi vẫn còn bị chấn động.

Tôi chỉ vừa mới bắt đầu quay lại con đường mòn thì chợt hiểu ra rằng đây là một may mắn vô cùng hi hữu mà số mệnh đã đặt ra trên đường đời của tôi. Moriarty không phải là kẻ thù duy nhất. Còn ít nhất ba tên trợ thủ đắc lực của hắn đã trốn khỏi vòng vây của cảnh sát và chúng sẽ không để mất một giây tìm đến tôi báo thù. Chúng đều là những kẻ giết người không ghê tay và không từ một thủ đoạn nào, vì thế sẽ chỉ là tự

lừa dối mình nếu cho rằng tôi có thể tránh được chúng mãi mãi. Đáng sợ nhất trong số này là phó tướng của Moriarty. Một kẻ mà trong đời không có một tội ác nào hắn chưa nhúng tay vào, nhưng với một bộ óc thông minh tuyệt đỉnh, cũng bí ẩn và vô danh với hầu hết mọi người như chính mồ ma ông chủ của hắn. Việc làm xấu xa của những tên kia được nhiều người biết đến hơn. Có thể các ông còn nhớ vụ L oiseau, một tên diễn viên nhào lộn ở thác Niagara nổi tiếng, kẻ đã ám sát thủ tướng Hy Lạp ngay tại giường ngủ của ông ta và thoát khỏi nhà tù của cảnh sát mà không để lại phía sau một dấu vết gì. Tên còn lại là Luff, với biệt danh “quả bom điên” là một nhân vật với những kỳ tích về chất nổ đã làm tiêu tốn không biết bao nhiêu giấy mực của giới báo chí cách đây ít năm. Các ông thấy đấy, Moriarty tin vào các nguyên tắc kinh doanh của người Mỹ trong việc dãi ngộ những kẻ đạt đến tuyệt chiêu trong ngón nghề hẹp của mình. Dĩ nhiên, những kẻ này đều là những nhân vật xuất sắc nhất. Một trong ba tên kẻ trên, không đứa nào thì đứa khác, sớm muộn gì cũng sẽ tìm đến tôi.

Tất cả những điều này dẫn đến một tiền đề, nếu cả thế giới này bị thuyết phục rằng tôi đã chết thì chúng có thể sẽ mất cảnh giác, sẽ khinh nhờn mà hoạt động công khai, thế thì chẳng chóng thì chầy tôi sẽ cho chúng vào bẫy.

Vì vậy mà tôi cố nấu mình thật kỹ sau một vách đá cao trong khi nhóm cứu nạn, do bác sĩ Watson tổ chức, đến hiện trường.

Cuối cùng, sau khi họ đã tiến hành xong tất cả các thủ tục điều tra và đi đến một kết luận hoàn toàn sai lầm, họ rút khỏi, chỉ còn lại một mình tôi.

Bất thành linh, một tảng đá khổng lồ rơi từ trên cao xuống, sượt qua người tôi và lao xuống vực thẳm. Trong tích tắc đầu tiên, tôi nghĩ rằng đó thuần túy là một tai nạn, nhưng khi ngược lên nhìn theo hướng rơi của tảng đá, tôi thấy đầu một gã đàn ông in trên nền trời tối tối. Một tảng đá khác rơi trúng vào cái gờ mà tôi đang nằm nép vào, cách đầu tôi khoảng ba mươi xăngtimét.

Tất nhiên, ý nghĩa của những việc này rõ như ban ngày. Moriarty không chỉ đến đây một mình. Hắn có trợ thủ, và chỉ cần nhìn thoáng qua tôi đã đánh giá được mức độ cực kỳ nguy hiểm của kẻ đồng mưu giấu mặt này. Chính hắn đã canh chừng khi tên giáo sư toán học tấn công tôi. Giấu mình từ một khoảng cách mà tôi không thể nhìn thấy được, hắn đã chứng kiến cái chết của thủ lĩnh và việc tôi chủ tâm trốn tránh đội cứu nạn. Hắn kiên nhẫn chờ đợi và sau đó, vòng lên đỉnh núi đá, cố gắng thực hiện nốt cái việc mà ông chủ của hắn đã thất bại.

Tôi không mất nhiều thời gian để đi đến một quyết định, thưa quý ông. Tôi tìm cách bò xuống con đường độc đạo, có lúc tưởng chừng như đã ngã xuống vực thẳm, khi một tảng đá khác rơi sượt qua tôi. Đi xuống được nửa đường, tôi lại bị trượt chân, nhưng nhờ Chúa phù hộ mà tôi bám lại được vào vách núi cheo leo, nhưng toàn thân thì bầm dập và chảy máu suốt đoạn đường đó.

Tôi cố thoát khỏi cái nơi khủng khiếp ấy và không hiểu sức mạnh ở đâu ra mà cũng đi hết mười dặm đường chỉ toàn dốc núi trong đêm tối. Cuối cùng, tôi cũng tìm đến được một trong những túp lều của những người chăn cừu mà các ông có thể gặp trên dãy Alps. Một căn lều trống hoác, chỉ có một thanh gỗ ngăn dùng để chặn cái cửa gỗ chắc chắn. Tôi ngã lăn ra sàn, dò dẫm trong bóng tối như bưng, cuối cùng cũng tìm được một chiếc đèn lồng bằng thiếc méo mó. Dưới cái ánh sáng vui tươi của nó, có lẽ tôi đã tìm được cho mình một mái nhà. Vật dụng trong lều cổ phần thô sơ, chỉ ở mức phục vụ cho những nhu cầu tối thiểu nhưng còn dồi dào chán so với yêu cầu ít ỏi của tôi, thật ra còn được còn là xa hoa nếu căn cứ vào tình huống gay go của một kẻ vừa thoát khỏi cái chết trong gang tấc. Tôi rửa ráy, tự băng bó những vết thương; thật cảm ơn ông Trời vì đó chỉ là những vết thương ở phần mềm.

Sáng hôm sau, tôi lại một mình sải bước trên những đồng cỏ của dãy Alps với một tâm trạng lâng lâng nhẹ nhõm. Mặc dù không một phút lơ là cảnh giác, nhưng tôi đã gạt sang một bên hầu hết những suy nghĩ về Moriarty và băng đảng của hắn.

Dù sao mặt trời cũng chẳng mọc lên rực rỡ, những đỉnh núi kia chẳng khoác một chiếc áo choàng trắng muốt tinh khôi như buổi khai thiên lập địa và những khu rừng anh đào cổ xưa tồn tại từ thời cha ông tôi chẳng tạo thành một bức tranh tuyệt đẹp đó sao? Vậy thì việc gì phải băn khoăn về một tên giết người đáng ghê tởm đã chết. Chiều tối hôm đó tôi đến thị trấn Hospenthal. Với sự giúp đỡ của một người dẫn đường, tôi đã vượt qua đèo St. Gotthard ngập sâu trong tuyết và cứ tiếp tục hướng về phía Nam đến thị trấn biên giới

ở Como. Mười ngày sau, tôi đến được Florence, thành phố của Dante - người có nhận xét chí lý cách đây vài thế kỷ, “Nel mezzo del cammin di nostra vita” (5) có thể dùng để miêu tả tình trạng hiện tại của tôi.

Tôi đánh đi một bức điện cho một người thân ở London đã lâu năm, hỏi mượn tiền(6). Ông là người bạn duy nhất mà tôi có thể tin tưởng và trông cậy, ông cũng chính là người đã đánh điện cho Đại tá Creighton đề nghị giúp đỡ tôi trong lúc tôi ở đây, tại Ấn Độ này. Như các ông thấy đây, ít lâu sau mọi việc trở nên rõ như han ngày, rằng tôi có thể yêu cầu được trợ giúp một cách tích cực, nhất là khi tôi đến những vùng đất xa lạ, trong trường hợp những kẻ báo thù cho Moriarty không thể mò đến được. Bốn âm mưu khác nhau đã được thực hiện nhằm lấy mạng tôi: vụ gần đây nhất xảy ra ngay trước Khách sạn Gezirah Palace ở thủ đô Cai-ro, nơi tôi bị tấn công bởi hai tên hắc y sử dụng điều luyện những thanh mã tấu ngoại cỡ. May mắn sao, tôi đã lường trước bằng cách mua một khẩu súng rất nhạy và một trăm viên đạn Boxer, vì vậy mà lợi thế nghiêng hẳn về phía tôi.

Còn bây giờ đến vụ giết người quái đản này, và nếu các giả thuyết của tôi là đúng, thì đây sẽ là vụ cuối cùng và đáng quan tâm nhất trong đời tôi. Nhưng sức cảm dỗ của việc đưa ra những giả thuyết vội vã dựa trên những cơ sở dữ liệu chưa đầy đủ chính là tai họa tiềm tàng trong nghề của chúng ta. Không nên vội đưa ra một kết luận trước khi kết quả xét nghiệm tử thi được công bố. Tôi hy vọng rằng anh, Strickland ạ, là người sẽ ráp cái mảnh ghép cuối cùng của trò chơi ghép hình này vào ngày mai. Còn bây giờ thì xin chúc các vị ngủ ngon”.

Trên chiếc xe ngựa lóc cóc chạy dọc theo những con phố tối tăm của Bombay trên đường về nhà trọ, tôi cố gắng sắp xếp lại trong đầu những sự kiện xảy ra trong ngày. Người đàn ông tội nghiệp đó đã bị giết như thế nào? Lý do gì khiến tất cả lượng máu trong người đều chảy ra hết? Giữa người quản lý khách sạn, tên Moriarty và cái gã có khuôn mặt chồn sương ấy có mối liên hệ với nhau như thế nào? Nhưng vấn đề này vượt quá khả năng giải quyết của tôi. Tôi biết rằng mình phải đợi cho tới ngày mai để có được câu trả lời.

Đêm hôm đó, tôi có những giấc mơ thật hãi hùng.

Chú thích:

(1) Gần như chắc chắn bản thông điệp của Reuter đã xuất hiện trên tất cả báo chí Anh vào ngày 7-5-1881, đã được bác sĩ Watson nhắc tới trong truyện Bí mật trong ngôi nhà trống.

(2) Một bản tiểu sử ngắn gọn về giáo sư Moriarty gần giống như thế này đã được Holmes cung cấp cho bác sĩ Watson trong Điệp vụ cuối cùng và Thung lũng khủng khiếp.(3) Một trong những sai lầm nhỏ ít được hoan nghênh của bác sĩ Watson, với tư cách là nhà báo, đã thể hiện rõ ở đây. Trong Bí mật trong ngôi nhà trống, Watson viết rằng Shertock Holmes đánh bại Moriarty là nhờ hiểu biết về “... boritsu hoặc môn đấu vật Nhật Bản...” Trong thực tế, từ boritsu không hề tồn tại trong ngôn ngữ Nhật Bản. Thuật ngữ thật sự đã được Holmes sử dụng và Hurree sửa lại cho chính xác là bujitsu, từ thông dụng của Nhật Bản để nói về một môn võ thuật trong hệ thống đấu vật Nhật Bản (Jujitsu) Cùng với những nội dung khác như đấu kiếm, bắn cung v.v... Học giả trứ danh người Nhật, Bá tước Makino, cũng đã đưa ra lời giải thích tương tự về lỗi viết của Watson trong một bài đọc tại cuộc gặp mặt những người sáng lập Hội Baritsu của Baker Street Irregulars tại Tokyo vào ngày 12 tháng Mười năm 1948. (Xin tham khảo Foreign Devil. Thirty Years of reporting in the Far East, Richard Hughes, Andre Deutsch, Anh Quốc, 1972).(4) Rất giống thể ném “hy sinh” trong Judo có tên là Tomoe-nage.(5) “Đến nửa đường đời”: câu mở đầu phần 1 “Địa ngục” (Inferno) của Dante Alighieri (1265-1321).(6) Người này là anh trai của Sherlock Holmes, tên là Mycroft, như Sherlock Holmes giới thiệu với bác sĩ Watson sau này, lúc ông đã quay lại London (Xem Bí mật trong ngôi nhà trống). Trước đó, Holmes cũng đã kể cho bác sĩ Watson nghe, mặc dù hơi quanh co, úp mở rằng Mycroft thật ra là người lãnh đạo Cơ quan tình báo Anh. Trong Người phiên dịch Hy Lạp, Holmes cho biết Mycroft làm chủ “một số văn phòng nhỏ dưới quyền Chính phủ Anh”, mặc dù trên thực tế ông là một người “giả sử nếu đất nước cần một ai đó không thể thiếu được thì đó chính là ông ấy”. Trong Những kế hoạch của Bruce Partington, Sherlock Holmes tiết lộ nhiều hơn với Watson rằng. vị trí độc nhất vô nhị của Mycroft trong chính phủ là ở “trung tâm trao đổi dữ liệu đáng tin cậy” và nhiều lần lời nói của anh ấy đã quyết định đến chính sách quốc gia”.

6. Quần Thể Thực Vật Và Động Vật

Mặc dù trải qua một đêm chập chờn đầy mộng mị và thao thức không yên, tôi vẫn có mặt ở khách sạn vào tờ mờ sáng hôm sau. Một lần nữa tôi lại trở thành mục tiêu cho cái nhìn thù địch của viên gác cửa người Sikh, nhưng tôi tìm cách tránh mặt người quản lý cũng như viên thư ký trong tiền sảnh và nhanh chóng đến phòng Sherlock Holmes.

“Mời vào, mời vào,” một giọng nói lạnh lạnh kêu lên khi tôi gõ cửa phòng số 289.

Trong phòng mù mịt khói thuốc, nhưng một tấm sáo duy nhất hé mở cho phép một chút ánh nắng ban mai rọi vào phòng.

Sherlock Holmes đang ngồi vắt chân theo kiểu một rajah(1) xứ Ấn Độ trên một chiếc trường kỷ Đông phương mà ông tự tạo ra trên sàn bằng mấy cái gối lấy từ trên giường cùng với các tấm đệm lót lưng ở sofa và ghế bành. Ấn tượng về nét lộng lẫy phương Đông được tăng thêm bởi bộ áo choàng màu đỏ tía rực rỡ, màu của hoàng tộc mà ông khoác trên người cùng cái tẩu thuốc sang trọng trước mặt, một loại tẩu có lớp da bóng mượt như lụa quý với cái tay cầm hết sức tao nhã tạc bằng hổ phách mà ông kẹp một cách trầm ngâm giữa các ngón tay dài, mảnh. Đôi mắt phiêu du của ông lơ đãng nhìn lên một góc trần nhà. Làn khói xanh lững lờ bốc lên từ nõ điếu, trong lúc ông ngồi, dáng trầm tư, bất động thì một tia nắng ban mai chiếu sáng những đường nét mạnh mẽ như chim ưng trên khuôn mặt ông.

“Chào buổi sáng, thưa tôn ông Sherlock Holmes. Tôi nhận thấy hôm nay ông ủng hộ cho các nhà sản xuất tẩu thuốc nội địa”.

“Nó có nhiều ưu điểm,” ông uể oải trả lời, “nhất là vào những khoảnh khắc tĩnh tại như thế này. Cũng lại là một phát hiện gần đây nhất của tôi, rằng cái mùi thơm dịu dịu của thuốc lá nội địa đặc biệt có lợi cho việc duy trì trạng thái thiền định kéo dài”.

Ông rít một hơi thuốc dài vẫn với vẻ trầm tư mặc tượng như thế. Khói thuốc dậy lên nồng nồng thơm thơm quện trong mùi nước hoa hồng.

“Ngài không ngu được ư, thưa ngài?” tôi lo lắng hỏi.

“Không, không. Tôi cứ lật đi lật lại một vấn đề nhỏ của chúng ta cho tới khi có thể tường tận về nó, cùng với một vài điểm khác. Ông có thể nói cho tôi biết...” ông đột ngột chuyển một đề tài khác, “ý nghĩa của cuộc đời, của vòng xoay vô tận của đau khổ, nỗi sợ hãi và bạo lực là gì không?”(2)

“Ồ thưa ngài,” tôi nói, có phần bối rối trong việc chọn từ. “Tôi chỉ là... xin ngài thứ lỗi cho cách diễn đạt này, một nhà khoa học và như vậy sẽ không có đủ hiểu biết để phát biểu ý kiến về... những vấn đề tâm linh như vậy. Nhưng theo một Lạt Ma người Tây Tạng mà tôi đã có vinh hạnh được trao đổi với mục đích dân tộc học thuần túy, xung quanh những vấn đề tín ngưỡng và lễ nghi của Phật giáo Đại thừa thì có quan điểm nêu lên rằng đời là bể khổ. Quả thật, đó là điều quan yếu nhất chi phối cách nghĩ của ông ta”.

“Một người khôn ngoan,” Holmes lẩm bẩm, “thật là một người thông tuệ”. Ông im lặng một lúc, đôi mắt đắm đắm nhìn vào khoảng không với một vẻ vừa lơ đãng vừa mãnh liệt, trông rất lạ lùng. Trong khoảnh khắc ấy, dường như đối với tôi, bên dưới cái vẻ ngoài điềm tĩnh, lý trí và trịch thượng kia là một tâm hồn khác mãnh liệt, gần gũi, luôn thao thức trước cuộc đời - tuyệt đối không phải là của người phương Tây thuần túy - mà chỉ có thể bắt gặp ở phương Đông trong một “hành giả” thật sự. Sau đó, với một nỗ lực của sự bình tĩnh, ông thoát ra khỏi trạng thái mơ màng kỳ lạ của mình và trở lại với những vấn đề của đời thường.

“Ông đã ăn sáng chưa?” ông hỏi. Tôi nhìn thấy một khay điểm tâm đã dùng rồi được đẩy qua một bên. “Một tách cà phê nhé? Không ư? Tốt lắm, vậy thì nếu không quá sớm, phiền ông hãy đi cùng tôi đến Hội Lịch sử Tự nhiên Bombay mà ông đã nhắc tới tối qua”.

“Ông Symington thư ký tại toà nhà đó dậy rất sớm, thưa ngài. Ông ấy tiến hành nghiên cứu ở đó khi trời dịu mát, thường là vào các buổi sáng sớm”.

“Tốt quá. Thế thì chúng ta không nên lãng phí thời gian nữa”.

Ông cẩn thận cuộn cái tẩu lại, cởi áo choàng phương Đông ra, khoác lên người chiếc áo Jacket bằng vải lanh xám mà ông đã mặc hôm trước. Không như hầu hết những người châu Âu khác ở Ấn Độ, ông không đội mũ bắc hay mũ cát, mà đội một chiếc mũ lưỡi trai nhẹ, loại mà tôi nghĩ được gọi là mũ săn.

Chúng tôi nhanh chóng xuống cầu thang. Trước khi rời khỏi khách sạn, Sherlock Holmes đến quầy tiếp tân và ông viết thẩu một lời nhắn, rồi bỏ vào bao thư và trao cho một trong những người tiếp tân đứng sau quầy. Tôi đoán là nó được gửi cho Strickland. Sau đó, Sherlock Holmes và tôi rời khỏi khách sạn, trong một chiếc xe ngựa.

Không khí se lạnh buổi ban mai thoang thoảng mùi i-ốt tràn vào trong xe giữa lúc nó bon bon chạy xuống con đường song song với bãi biển, nơi các cậu bé gần như trần như nhộng đang rao bán dừa nước với lớp vỏ còn tươi nguyên. Gần đó có hai sadhu(3) toàn thân phủ đầy tro đang thực hiện nghi thức thờ phụng mặt trời trên biển. Không khí không còn được thanh bình như thế khi xe chạy đến chợ trời Borah, nơi các chủ tiệm, những người bán dạo, người đánh xe ngựa, các tay cu li và đủ loại khách bộ hành đang ồn ào và hối hả bắt đầu một ngày mới. Cuối cùng chúng tôi cũng đến toà nhà xây bằng gạch của Hội Lịch sử Tự nhiên Bombay.

Chúng tôi đứng chờ trong đại sảnh lớn trong lúc một chaprasi(4) đi tìm ông Symington. Toàn bộ không gian nơi đây được lấp đầy bởi vô số các mẫu vật phong phú về chim và động vật lâu đời bên trong các tủ kính có dán nhãn. Ít phút sau, chaprasi kia quay trở lại.

“Sahib đang đợi các ông. Xin vui lòng theo lối này”.

Cẩn thận lách người qua những mẫu vật cá sấu và các loài vật có móng guốc khác đặt trên tấm thảm trải sàn, chúng tôi theo anh ta qua một hành lang, tới một căn phòng dài với vô số chai lọ hoá chất khác nhau được sắp thành dãy hoặc để bừa bãi trên bàn. Những cái bàn rộng và thấp chất đầy những chiếc bình cổ cong, ống nghiệm và nhiều đèn Bunsen nhỏ với những ngọn lửa riu riu, xanh biếc lung linh. Trong phòng nồng nặc mùi khí focmandehyt át tất cả các mùi khác. Tuy vậy, nó dường như không làm phiền Symington, người đang ngồi phía sau một cái bàn bằng đá cẩm thạch rất dài, dùng một cái kẹp để phân loại thứ gì đó mà theo tôi thì trông rất giống với một loại bèo tấm dơ bẩn. Đó là một người đàn ông nhỏ bé, dáng vẻ hơi luộm thuộm với cái đầu hơi bóng loáng chỉ còn vài chòm tóc lơ thơ ở hai bên thái dương và sau gáy. Ngẩng mặt lên một chút, ông nhìn khách một cách sẫm soi qua cặp kính dày với cặp mắt đục đục có những bông mờ nhỏ quanh mắt.

“Xin chào, có phải ông Mookerjee đó không?”

“Phải, chào ông Symington. Ông khỏe chứ?”

“Khỏe, đúng như ta mong muốn. Tốt quá, tôi chưa bao giờ có được cơ hội cảm ơn ông vì mẫu vật *Primula glacialis*(5). Nó là niềm tự hào thực sự của tôi, ông ạ. Thậm chí cả đến Hooker(6) cũng chưa bao giờ có được cái thứ ấy”.

“Phải, thưa ngài, loài hoa đó chỉ phát triển ở độ cao trên sáu nghìn mét. Con người khó mà thích ứng được khi ở trên một độ cao như thế”.

“Vậy thì làm thế nào mà ông lên được tới tận đó hả đồ què già,” ông ta cười khùng khục trong cổ, đẩy cặp kính luôn có xu hướng trễ xuống dưới tinh mũi lên. “Nào, người bạn đi cùng ông tôi đây là ai thế?”

“À, ông Sigerson đây đến từ Na Uy, thưa ngài. Ông ấy là một... một... nhà thám hiểm”.

“Một nhà thám hiểm ư? Thật thú vị. Rất vui được gặp ngài, thưa ngài. Tôi có thể giúp gì cho ngài đây?”

“Nếu không quá phiền phức cho ông,” Sherlock Holmes đáp vắn tắt, “tôi muốn tham khảo bất cứ tài liệu nào mà ông có trong tay về *Hirudenia*”

“*Hirudenia* ư? Vậy thì ngài gõ đúng cửa rồi đấy. Chúng tôi có tất cả những văn bản chính thống về đề tài này, bao gồm cả một số báo cáo quan trọng và rất đặc biệt mà tôi có thể mạnh miệng nói rằng ông không thể tìm thấy ở bất cứ nơi nào tại châu Âu ít nhất là cho đến thời điểm này. Xin vui lòng theo tôi”.

Ông đi trước, dẫn chúng tôi vào một căn phòng hẹp kê những tủ sách cao, màu gỗ gụ được sắp thành hàng ở tất cả các phía. Ông mở một trong những cánh cửa kính và chăm chú nhìn ngó hồi lâu vào các bộ sưu tập

sách bên trong.

“Tôi có thể phiền ông lấy giùm cái thang đó không?” ông ta xoay lại, chỉ vào một chiếc thang gấp thấp để gần đó. Tôi mang thang lại cho ông ta.

“Cám ơn”. Ông leo lên ba bậc thang đầu tiên và ngắm kỹ lưỡng một hàng sách trên nóc kệ, lầm rầm đọc tên các tác giả mà tôi cho rằng tất cả đều là các chuyên gia về “Hirudenia”, bất kể họ viết gì đi nữa.

“Fowler... Merridew... Konrad... Hackett, hừm... Hackett. Đừng nghĩ rằng ông ta có ích cho ngài; người này chỉ nói về về động vật không xương sống nói chung. Konrad và Merridew đặc biệt giỏi về Hirudenia ở đất nước này”. Ông rút ra hai cuốn sách mỏng, thổi bụi khỏi bề mặt rồi trao cho Holmes. “Hy vọng ngài tìm thấy những gì mình cần ở đây, bản thân tôi không quan tâm tới chúng lắm. Tôi chỉ thuần túy là một nhà thực vật học thôi. Còn những con quỷ khát máu này đã giết một nửa vật thờ của tôi trong một lần thám hiểm. Vâng, tôi sẽ để ngài lại một mình để nghiên cứu”.

Holmes ngồi ngay trên cái thang gấp bắt đầu đọc. Ông lật từng trang trong cuốn sách đầu tiên một cách thiếu kiên nhẫn, khi lật đến cuối sách thì đặt nó qua một bên với một tiếng khịt mũi ghê tởm. Hẳn ông phải tìm thấy những điều cần thiết trong cuốn sách thứ hai vì tiếng sột soạt của những trang sách ngừng lại và ông kêu lên một tiếng nho nhỏ đầy vẻ đắc thắng.

“Ha! Ha! Thật tuyệt diệu!” ông cười, vẫn với cái vẻ lặng lẽ rất riêng của mình một cách thoả mãn, đọc trang đó hết sức cẩn thận, ngón tay bòn chồn vạch theo từng câu một. Thỉnh thoảng, ông ngừng lại hí hoáy viết cái gì đó lên cổ tay. Một lúc sau, ông quay về phía tôi, lắc lắc đầu làm bộ đang đau khổ ghê gớm. “Ôi trời! Một thế giới xấu xa; chà, khi một người thông minh dành tất cả trí tuệ mình vào việc trả thù thì đó là điều tồi tệ nhất trong tất cả những điều tồi tệ. Bây giờ, tôi nghĩ mình đâu có đủ thông tin...”

“Sherlock Holmes! Ngài đã giải quyết...”

“Đúng là như vậy, ông Mookerjee ạ. Chả là tôi đã đi đến cùng một kết luận như tối hôm qua, tất nhiên một phần là nhờ sự giúp đỡ của vài gam thứ thuốc lá nội địa. Cái này...” ông nói tiếp vừa nói, vừa gấp cuốn sách lại bằng một ngón tay cái, “... chỉ là để củng cố những kết luận của tôi mà thôi”.

“Nhưng tôi không hiểu làm thế nào mà...”

“Hãy kiên nhẫn một chút,” ông trả lời. “Tất cả sẽ được tiết lộ vào đúng thời điểm, tôi xin đảm bảo với ông đấy. Quả là, tôi có cách làm việc hơi khác người và ông cũng phải tha thứ cho tôi thôi. Còn bây giờ cần phải nghĩ đến những trò giải khuây một chút. Tôi muốn tận dụng cái cơ hội mà ông đã đề nghị trong cuộc gặp đầu tiên của chúng ta ở bến tàu, phải, tôi muốn được ông hướng dẫn đi thăm thú phong cảnh xứ này”.

Chúng tôi rời khỏi thư viện và đi đến phòng thí nghiệm để chào tạm biệt ông Symington. Nhà thực vật học già bắt tay Holmes và, với một cố gắng không lấy gì làm tế nhị lắm, cố moi thông tin về những khảo sát chuyên sâu từ Sherlock Holmes, người mà ông nghĩ là một nhà thám hiểm.

“Tốt lắm, ông Sigerson, tôi chúc ông thật may mắn trong những cuộc chinh phục mạo hiểm của mình. Ông Mookerjee đây đúng là thổ công và có thể hướng dẫn ông an toàn đến... À mà ông đã nói là ông định theo đuổi những khảo sát khoa học của mình ở đâu ấy nhỉ?”

“Tôi còn chưa nói ra mà,” Holmes trả lời, nghe như có âm điệu vui sướng trong giọng nói. “Nhưng sự hợp tác của ông quả là vô giá, vì vậy sẽ là không công bằng nếu như tôi không nói ra. Với tất cả lòng tin tưởng, tôi muốn nói cho ông biết rằng dự định của tôi là đến Tây Tạng và thăm thành phố huyền thoại Lhasa”.

Như tôi thầm lo ngại, trên mặt Symington xuất hiện một vẻ tham lam và ông lập tức kể ra một danh sách dài những mẫu vật cây cỏ trên cao nguyên Tây Tạng mà chúng tôi dù thế nào đi nữa cũng phải thu thập cho ông ta.

“Ông nhớ kỹ nhé, tôi muốn mẫu cây anh túc xanh và steleria decumbens, rễ và tất cả... và đừng ngại ngần với các loại cây có gai... Gentiana depressa hẳn phải ở trong hệ cây lùn đa dạng khác”

Vừa đưa ra vài câu trả lời nước đôi, vừa tìm cách đi giật lùi, cuối cùng tôi cố gắng giải thoát bản thân và Sherlock Holmes khỏi sự đeo bám của Symington, thậm chí tôi dám đánh cược là ông ta sẽ lảng nhảng bám

theo chúng tôi xuống tận đường với bản danh sách cây cỏ dài vô tận nếu chúng tôi không may mắn đón được một chiếc xe ngựa ngay tại cổng toà nhà. Chúng tôi vội vã nhảy lên xe và lập tức rời khỏi đó.

Sherlock Holmes tựa lưng vào chiếc ghế bọc da bị rạn, mỉm cười.

“Từ gốc của từ ”nhiệt tình” có thể truy nguyên từ tính từ *enthousia* của Hy Lạp, có nghĩa là bị ám ảnh bởi một vị thần hay ma quỷ. Nhưng đến nay tôi vẫn chưa bao giờ nghĩ đến việc làm thế nào mà từ nguyên của nó vẫn còn giữ lại nguyên cái nghĩa ban đầu”.

“Tôi e là mình đã đặt ông vào một hoàn cảnh khó xử, ông Sherlock Holmes ạ,” tôi nói với giọng có lỗi, “với việc tuyên bố rằng ông là nhà thám hiểm”.

“Vô lý Hurree. Lời giải thích của ông, mặc dù bộc phát, hoàn toàn có thể đoán trước được. Sau khi kết thúc vụ này, tôi dự định sẽ thực hiện một cuộc thám hiểm và đóng góp một phần bé nhỏ của mình vào việc giúp đỡ những người ở biên giới”.

“Nhưng sao lại là Tây Tạng chứ, ông Holmes?”

“Điều đó không rõ ràng sao? Đó là một trong những nơi bí ẩn cuối cùng trên trái đất, nơi thách thức hầu hết các nhà phiêu lưu mạo hiểm trong việc mở những cánh cửa đang đóng chặt của nó”.

“Ông sẽ không bao giờ đến được đó đâu,” tôi trầm nghĩ.

Sherlock Holmes ạ, ông có thể là vị thám tử vĩ đại nhất trên thế giới, nhưng giới lãnh đạo ở Tây Tạng đâu có thiện cảm gì với người ngoại quốc, đặc biệt là người châu Âu. Thậm chí chưa từng có người nào được phép đến gần Linh Thành mà không có chiếu khán của chính quyền, mà nó thì chưa từng được cấp cho một người da trắng nào cả. Cả đến bản thân tôi cũng chỉ đi được nửa đường đến Lhasa mà đã bị nhà cầm quyền phát hiện ra danh tính và thiếu chút nữa thì đến cái đầu chết tiệt này tôi cũng còn không giữ nổi nữa là”.

“Trước đây,” Sherlock Holmes nói tiếp, “tôi đã từng bị lôi cuốn vào những nghiên cứu chuyên sâu về những vấn đề có sẵn trong thiên nhiên hơn là những vấn đề hời hợt, do tình trạng tồn tại nhân tạo của chúng ta tạo ra. Một trong những vấn đề căn bản này là ý nghĩa cuộc sống của chúng ta. Chính hy vọng có thể tìm được câu trả lời cho những vấn đề này đã khiến tôi muốn cất công đến Tây Tạng một phen. Dù đúng hay sai, thì nơi đây cũng được xem là sợi dây liên lạc sống cuối cùng nối kết chúng ta với những nền văn minh xa xưa, nơi chứa đựng kho tàng kiến thức về những năng lực còn giấu kín của tâm linh con người”. Ông đốt tẩu thuốc và rít một hơi với dáng điệu trầm tư. “Không có địa hạt nào cần đến phép diễn dịch nhiều hơn như trong tôn giáo cả. Nó có thể được xây dựng như một ngành khoa học chính xác bởi các nhà lý luận”(7).

Chiếc xe lăn bánh xuống đường Hornby đến Đền Mumba Devi và tôi thực hiện trách nhiệm của một hướng dẫn viên du lịch trong việc giải thích rõ cho Sherlock Holmes hệ thống thờ cúng nữ thần Mumba (một hiện thân của Parvati, vợ của Shiva) trong cái thành phố mang tên bà. Sherlock Holmes, cũng giống như Strickland (bởi vậy không giống phần lớn những người Anh khác) là một người biết lắng nghe; sự quan tâm của ông là chân thật và rất khoa học. Chắc bạn hiểu rõ, thật là một niềm vui lớn cho tôi khi có dịp giải thích cho vị khách đặc biệt này những thông tin có liên quan đến những thắng cảnh trong thành phố, đồng thời không quên chưa thêm vào bài thuyết trình đầy cảm hứng của mình những giai thoại thú vị và đúng chỗ. Chẳng hạn, không phải ai cũng biết được, thậm chí cả những công dân ở thủ phủ xinh đẹp này, rằng con người đã xuất hiện ở khu vực này từ thời kỳ Đồ đá. Mới gần đây thôi, các đồ dùng bằng đá thuộc thời kỳ Đồ đá cũ đã được phát hiện ở Kandivli thuộc Greater Bombay bởi một nhà khoa học quen biết với tôi, ông Cunningham thuộc Hiệp hội Hoàng gia châu Á.

Phía Bắc của Greater Bombay là những hang động của người Kanheri (đã biến thành một điểm du lịch rất thu hút khách) cũng là nơi toạ lạc của một trường đại học Phật giáo thuộc loại cổ xưa nhất. Hơn một trăm hang động đã được phát hiện với một lượng lớn các tác phẩm điêu khắc khổng lồ về Phật giáo.

Người Bồ Đào Nha chinh phục các đảo vào năm 1534 đã đưa những tác phẩm này về Anh vào năm 1661 như một phần trong số của hồi môn của công chúa Catherine xứ Braganza - em gái của đức vua Bồ Đào Nha - khi bà kết hôn với vua Charles đệ nhị.

Từ đó về sau, dưới sự che chở của Tổng trấn Ấn Độ, Tổng quản của Nữ hoàng Anh, Bombay đã phát triển vượt bậc, trở thành một thành phố lớn của mọi lớp người cả về phương diện công nghiệp, xây dựng, giáo

dục, vân vân và không nghi ngờ gì nữa, chính là đô thị lớn nhất của Đế chế, tất nhiên chỉ xếp sau London, nơi tôi chưa có vinh hạnh đặt chân đến.

Holmes và tôi đã trải qua một ngày vui vẻ thú vị trong khi đi du ngoạn khắp thành phố và chỉ đến cuối giờ chiều, sau khi đã xem xét một cách thích thú các hiện vật tại Bảo tàng Victoria và Albert, Sherlock Holmes mới quay lại vụ án giết người một lần nữa.

“À tôi nghĩ hôm nay chúng ta thư giãn thế là đủ rồi đấy,” ông nói khi ngồi lên chiếc xe ngựa đậu ngoài cổng viện bảo tàng. “Vào giờ này, chắc Strickland đã chuẩn bị sẵn sàng giải pháp cuối cùng cho vấn đề của chúng ta. Xin vui lòng bảo người đánh xe đi thẳng về khách sạn”.

Ông Holmes thả một đồng tiền vào tay một đứa bé xin bố thí, dựa lưng ra sau ghế rồi đốt một điếu thuốc. Sau đó ông hướng dẫn tôi một cách chi tiết, cụ thể.

“Này, Hurree, một điều có tính nguyên tắc là ông phải nhất nhất làm theo chỉ dẫn của tôi, chính xác đến từng điểm một. Khi chúng ta đến khách sạn, ông sẽ đi cùng tôi vào tiền sảnh, chúc tôi ngủ ngon rồi dang hoàng đi ra, sao cho tất cả mọi người đều nhìn thấy. Sau đó, ông vòng ra phía sau khách sạn, sử dụng lối đi dành cho người tiếp phẩm rồi cố lén vào phòng tôi mà không để cho ai nhìn thấy. Gõ cửa nhẹ nhàng ba tiếng, Strickland sẽ để cho ông vào. Từ lúc đó ông sẽ làm theo mọi chỉ thị của anh ta. Về phần mình, tôi sẽ thông báo cho người quản lý khách sạn hay nhân viên trực ở quầy tiếp tân rằng tôi hết sức mệt mỏi sau chuyến tham quan suốt cả ngày hôm nay, rằng tôi muốn đi ngủ sớm sau khi ăn qua loa một bữa tối vội vàng tại phòng ăn. Như vậy sẽ tạo cho người hạn của chúng ta, bất kể hần là ai đi chăng nữa, có đủ thời gian để sắp xếp kế hoạch của hần”.

Tất nhiên, tôi lạnh cả sống lưng khi biết sắp đến hồi kết của vụ này, nhưng tôi cũng được an ủi phần nào vì tâm trạng trầm mặc dễ sợ của ông Holmes về vụ án. Xe chúng tôi đến khách sạn.

Một lần nữa, trong gian tiền sảnh, tôi chào Sherlock Holmes, chúc ông ngủ ngon và rời khỏi khách sạn bằng cửa trước, dĩ nhiên là vẫn dưới cái nhìn soi mói khinh khỉnh của tay gác cửa.

Khi xe ngựa của tôi chạy qua lối đánh xe vào khách sạn, tôi thoáng thấy cảnh Sherlock Holmes đang nói gì đó với tay thư ký người Bồ Đào Nha, gã này đứng trước mặt ông với điệu bộ khúm núm, đầu hơi cúi như thường lệ.

Chú thích:

(1) Raiah: tiểu vương.(2) Holmes đã diễn đạt một ý tưởng tương tự trong phần kết của tác phẩm Cuộc phiêu lưu của chiếc hộp các tông.(3) sadhu: đạo sĩ hoặc ẩn sĩ theo trường phái khổ hạnh phương Đông, chủ trương rằng thân xác con người ta có khổ thì người ấy mới có được tâm thanh tịnh.(4) chaprasi: người hầu, người giúp việc.(5) Có một tài liệu tham khảo duy nhất của Peter Coullart trong Hoàng tử xương đen. Nhà xuất bản John Murray 1959, mà tôi khám phá ra được có nói về loài cây độc nhất này. Coullart viết: “Tôi được một nhà thực vật học xuất chúng kể rằng cao cao trên sườn ngọn núi Minya Konkka, mọc lên dưới lớp tuyết là một loài hoa anh thảo rất đặc biệt có tên là *Primula Glacialis*, một trong những loài hoa quý hiếm nhất thế giới đã được một linh mục Công giáo phát hiện. Thậm chí nó khiến cho trời xanh cũng phải phát ghen bởi cái màu xanh tinh khiết và những đường nét tao nhã của nó. Tại sao những loài hoa đẹp nhất, đem lại những ấn tượng thị giác hài hoà nhất và thanh nhã nhất trên trái đất lại thường nằm ở quá cao và trong những hoàn cảnh môi sinh quá khác nghiệt, hầu như không có những điều kiện tối thiểu cho sự sống, như thách thức của sương giá, mưa đá, lở đất và những cơn gió dữ dội, nằm ngoài ảnh hưởng của con người?”

(6) Sir Joseph Dalton Hooker đã đi khắp Ấn Độ (1848-1850) đặc biệt là vùng Sikkim Himalaya để nghiên cứu về sự phân bố và phát triển của giới thực vật. Ông là một trong những nhà khoa học lỗi lạc nhất thế kỷ 19 và là bạn tri kỷ của Darwin.(7) Sherlock Holmes đã có những phát biểu tương tự trong Điệp vụ cuối cùng và vụ án trước đó, Hợp đồng hải quân. Điều thú vị là chiều hướng siêu hình trong ông đã xuất hiện quá rõ ràng trong hai vụ án này, ngay trước cuộc chạm trán cuối cùng của ông với giáo sư Moriarty và chắc chắn đó là khoảnh khắc đáng sợ nhất nhưng có ý nghĩa nhất trong đời ông từ trước đến nay.

7. Con Voi Đồng Thau

Ra khỏi cổng khách sạn, tôi nhảy xuống xe ngựa, tên đánh xe lưu manh đòi gấp đôi tiền xe thông thường với lý do trên xe có một quý ông người Anh. Tôi chửi hằn thậm tộ vì hành động bất lương đó rồi nhanh chóng tìm cách len đến phía sau khách sạn Taj Mahal. Trời đã tối hẳn. Tôi di chuyển thận trọng, chọn những chỗ tối nhất trong con hẻm mà đi. Tôi phải chờ mất một lúc, nép sau một đồng thùng rỗng, trong lúc hai người khuân vác nặng nhọc khênh những cây nước đá đi qua lối đi tiếp phẩm của khách sạn. Khi họ đi khỏi, tôi nhanh nhẹn băng qua con hẻm và len vào toà nhà. Tôi mò mẫm leo lên những bậc thang nội bộ tối om, chật hẹp và vội vã bước tới hành lang tranh tối tranh sáng. Xung quanh không có một bóng người. Tôi gõ mạnh ba tiếng vào cánh cửa phòng 289. Anh chàng Strickland tính nóng như lửa mở phất cánh cửa và gần như lôi tuột tôi vào trong.

“Muốn làm cho cả làng biết hay sao mà gõ mạnh thế! Vào nhanh lên, ông bạn. Hẳn ta sẽ đến đây trong ít phút nữa thôi”.

Chúng tôi nấu mình sau một tấm bình phong bằng đá cẩm thạch có lưới sắt ngăn giữa phòng ngủ với ban công trông ra cửa sổ. Tôi tò mò muốn biết tại sao thám tử Sherlock Holmes lại cử Strickland bảo vệ phòng, cũng hồi hộp muốn biết nhân dạng của kẻ không mời mà đến và đang được chờ đợi hồi hộp như thế này; nhưng nhiều năm làm việc trong Bộ đã dạy tôi mọi thứ, chẳng hạn dạy tôi cách cầm ly nước đầy làm sao không để sánh ra ngoài một giọt trong khi bản thân đang bị chế ngự bởi một cảm xúc tiêu cực nào đó, mong rằng lối diễn đạt của tôi có thể chấp nhận được.

Chúng tôi đứng im như thóc trong bồ phía sau tấm vách ngăn của tấm lưới sắt, dần dần tôi cũng có thể phân biệt được hình dáng lờ mờ của các đồ vật trong phòng. Strickland khịt mũi một cách đầy nghi ngờ.

“Khiếp cái mùi đến kinh,” anh ta thì thầm với âm điệu câu hỏi. “Ông không bao giờ có cơ hội dùng loại nước hoa nào có đẳng cấp hơn phải không, ông Hurree?”

“Chắc chắn là không, Strickland ạ” tôi thủng thẳng tiếng một, trong lúc tìm cách “chơi” lại kẻ không biết người biết ta kia.

”Mùi thơm này bắt nguồn từ một loại mỹ phẩm dành cho tóc mà hàng ngày tôi vẫn xức lên da đầu. Đó là loại mỹ phẩm thượng hạng và đắt tiền, giá bán lẻ là một ru-pi và bốn anna một chai, sản phẩm chính hiệu của Hãng Armitage và Astruthers tại nhà máy hiện đại của họ ở Liverpool. Tôi xin mách nhỏ với anh, Strickland ạ, rằng nó có thể đem lại nhiều phép lạ cho kiểu tóc của anh đấy.

Anh ta thở dài chịu đòn. Chúng tôi lại tiếp tục canh chừng trong sự im lặng đầy ấn tượng. Đột nhiên Strickland nắm chặt lấy cánh tay tôi. Có tiếng lách cách nhẹ nhàng của một chiếc chìa khoá đang tra vào ổ. Cánh cửa được mở ra êm ru, không gây nên một tiếng động nào và kia, trong phút chốc hiện lên cái bóng rõ ràng là của một người đàn ông, nhờ ánh đèn khí hắt từ ngoài hành lang vào. Cánh cửa nhanh chóng được đóng lại. Cái người kia len lút băng ngang qua gian phòng đến gần chiếc giường ngủ.

Một que diêm được đánh lên. Ngọn lửa nhỏ xíu trên đầu que diêm cũng đủ soi cho tôi thấy khuôn mặt nức ních đầy căng thẳng của tay thư ký người Bồ Đào Nha. Hắn thắp một ngọn nến nhỏ rồi đặt lên bàn trang điểm gần đầu giường, rồi nhanh chóng di chuyển cái bàn từ một góc phòng (cũng chính là cái bàn mà ông Holmes đã bình luận ngày hôm qua) đến bên giường.

Một tay cầm ngọn nến, hắn nặng nề leo lên trên giường rồi đứng hẳn lên ban. Hắn với tay tóm lấy con voi bằng đồng thau vẫn được treo toèng teng phía trên giường, kéo nó lại gần và thực hiện một loạt động tác lên lút ám muội mà từ chỗ đang nấp chúng tôi không thể nhìn rõ.

Thật khó cho hắn trong khi vừa phải cầm ngọn nến lại vừa phải nắm sợi dây của con voi đồng những giọt mồ hôi to tướng rịn ra trên khuôn mặt bóng nhẫy của hắn, cả các cơ trên mặt cũng như giật giật vì lo lắng, căng thẳng. Hắn rút một vật - trông như một cái hộp nhỏ - ra khỏi túi áo khoác và trút thứ gì đó từ trong hộp vào chiếc đèn. Cuối cùng, hắn thắp ngọn đèn trên bàn của con voi bằng đồng thau và để nó đung đưa nhẹ nhàng trên đầu.

Sau đó, hắn nhảy xuống, kê cái bàn về cho cũ, rồi lau mồ hôi túa trên mặt bằng một chiếc khăn tay rộng khổ. Đoạn hắn len lút rời khỏi phòng, khoá cửa đằng sau lại. Strickland và tôi vẫn đứng im không nhúc

nhích phía sau bức bình phong trong vòng mười phút cho tới khi có ba tiếng gõ cửa khác vang lên.

Strickland mở cửa bằng một chiếc chìa khoá lấy từ trong túi.

Sherlock Holmes đi vào, nhìn ngay lên ngọn đèn hình con voi đang cháy và bây giờ chỉ còn đống đũa nhè nhẹ.

“A ha ha! Tôi nhận thấy chúng ta đã có khách. Thật tuyệt vời tuyệt vời,” ông nhận xét, xoa xoa hai bàn tay vào với nhau.

“Làm ơn bật ngọn đèn khí lên giùm tôi. Có lẽ chúng ta sẽ có một màn giải trí nữa vào tối nay, nhưng lần này không phải là dành cho người bạn của chúng ta để xem kết quả hành động của hân chỉ với ánh sáng của ngọn đèn kỳ lạ nào”.

Sự vui nhộn của ông Holmes không xua tan được nỗi sợ hãi trong tôi. Ngọn đèn hình con voi rõ ràng không phải là món đồ thủ công mỹ nghệ bình thường trong nhà bạn và vì vậy, việc ở trong cùng một phòng với nó quả có khiến cho tôi lo ngại ít nhiều.

“Tôi hy vọng hoạt động của nó không làm hại người khác,” tôi nói, giọng nói không giấu được những băn khoăn lo lắng.

“Chắc chưa phải ngay lúc này nhưng chúng ta sẽ sớm biết thôi” Holmes nói tránh xa ngọn đèn một chút và nhìn vào Strickland. “Nào, Strickland xin hãy cho tôi biết từng chi tiết?”

Ông ngồi xuống, ngả người duỗi dài trên sofa trong lúc Strickland thông báo tất cả những việc đã xảy ra trong phòng.

“Tôi đã làm theo những chỉ dẫn mà ông viết trong thư, ông Holmes ạ. Vào lúc năm giờ, ngay trước khi mặt trời lặn, tôi vào khách sạn mà không để ai nhìn thấy tất nhiên là từ phía sau, bằng lối đi nội bộ và lấy chìa khoá để dưới tấm thảm dứa ở trước cửa phòng. Từ lúc ấy đến giờ tôi chỉ việc chờ đợi, và đó là một cuộc chờ đợi dài dằng dặc nhưng kết cục tốt đẹp”.

“Phải, phải, nó đạt được một kết quả mỹ mãn,” Sherlock Holmes cười lớn, “Vì những sự cố mà anh quan sát cách đây ít lâu đều đã được dự báo từ trước. Chúng ta đã lường trước được mọi chuyện. Giờ thì hay kiểm tra tất cả các dữ liệu trước khi bắt đầu. Báo cáo của người khám nghiệm tử thi như thế nào?”

“À, thưa ông Holmes, bác sĩ Patterson ấy, ông ta hoàn toàn bó tay. Patterson nói chưa bao giờ gặp một vụ bất thường như thế này. Không có dấu hiệu của việc sử dụng bất cứ loại độc được nào, cũng không hề có bất cứ vết thương nghiêm trọng nào gây ra việc chảy máu nhiều đến thế, ngoài một vài vết thâm tím, cho nên cái chết gần như được quy cho việc ngã cầu thang. Thực tế, nhân viên điều tra đã lau sạch xác chết để kiểm tra và phát hiện gần như không còn một chút máu nào ở tất cả các mạch máu. Tôi chưa bao giờ nhìn thấy một người bạn xứ nào tái đại đến thế trong suốt quãng đời làm việc của mình”.

“Anh đoán chắc là xác chết không có một vết thương nào chứ?” Holmes hỏi đi hỏi lại. “Tuyệt không có một vết thương nhỏ nào ư? Cả đến một vết thương đáng lưu ý nào đó trên da, quanh gáy hay cổ, cũng không có ư?”

“Ông Sherlock Holmes, nếu ông nghĩ người đàn ông kia chết vì một vết rằn cấn thì tôi có thể đảm bảo là không phải. Không có bò sát, tuy vậy thuốc độc thì có thể có...”

“Có bất cứ vết lõm nào không?” Holmes cắt ngang, giọng ông như đã mất hết kiên nhẫn.

“Có một vài vết xây xước nhẹ sau cổ, nhưng ông không thể gọi đó là những vết lõm hay lỗ thủng. Tôi đã nhìn thấy tất cả các kiểu rằn cấn ở nước này và nhiều dấu vết mà chúng để lại trên da. Nhưng dấu này nông hơn, chỉ là những vết khía và...”

“Vết xây xước đó có cái hình như thế này phải không?”

Holmes hỏi, chìa ra một mảnh giấy mà ông đã vạch sẵn một vài ký hiệu.

“Làm thế quái nào mà...” Strickland thốt lên, ngớ người ra.

“Tôi đã suy nghĩ rất nhiều,” Holmes kêu lên, bật những ngón tay dài kêu tanh tách. “Vụ phá án của tôi thế là đã hoàn chỉnh, thưa các quý ông, giờ đã đến lúc kết thúc vấn đề. Strickland, phiên anh hộ tống ông Carvalho, thư ký ở bộ phận Tiền sảnh lên đây một lúc. Tôi e là chỉ có cái móc của một sĩ quan nhà nước như anh mới có thể thành công trong việc điệu quý ông ấy lên đây một lần nữa. anh hãy đưa hắn ta đến thẳng chỗ giường ngủ và bắt hắn ngồi lên giường”. Holmes bắt đầu sắp xếp mấy cái ghế đối diện với chiếc giường. “Sau đó anh sẽ ngồi ở ghế này, nếu không thấy có gì phiền; còn Hurree, ông ngồi đây. Tôi thì ngồi trên chiếc ghế bành ở chính giữa. Tôi nghĩ như vậy chúng ta sẽ gây ấn tượng đủ mạnh để một kẻ độc ác phải chột dạ về tội ác của mình”.

Strickland rời phòng và chẳng mấy chốc đã quay lại với viên thư ký người Bồ Đào Nha. Gã này giật mình, lùi lại mấy bước, rõ ràng là hết sức sửng sốt và sợ hãi trước những bộ mặt hình sự của chúng tôi nhưng Strickland cương quyết ấn hắn ngồi lên giường.

“Mời ngồi, ông Carvalho, mời ngồi,” Sherlock Holmes nói giọng vui vẻ. “Chúng tôi rất xin lỗi vì đã quấy quả ông trong lúc ông đang thực thi nhiệm vụ, nhưng chúng tôi mong ông sẽ thông cảm, điều tra về tấn thảm kịch tối qua phải được ưu tiên hơn tất cả những chuyện khác. Không, không, làm ơn ông hãy lên ngồi ở chính giữa giường ấy, ngồi ở sát mép như thế không được thoải mái đâu, ông cũng biết mà. Ông không cần phải đứng để tiếp chuyện chúng tôi”.

Viên thư ký loay hoay dịch dần thân hình phục phịch vào trong mép giường, thỉnh thoảng lại tia một cái nhìn lén lút lên ngọn đèn bằng đồng thau treo trên đầu. Khuôn mặt căng thẳng lo âu của hắn vã mồ hôi, thậm chí còn nhiều hơn cái lúc hắn lén lút đổ cái gì đó vào chiếc đèn, một việc mà chúng tôi đã chứng kiến từ đầu đến cuối.

“Thế tốt lắm,” Holmes nói, ngả lưng ra sau ghế. “Nào, ông Carvalho, xin ông vui lòng kể cho chúng tôi nghe sự thật về sự cố ngày hôm qua”.

Khuôn mặt béo tốt của gã đàn ông chuyển thành màu trắng bệch như tấm ga trải giường, trắng đến tận chân tóc.

“Tôi... tôi không hiểu ngài nói gì, thưa ngài...”, hắn lập bập nói, cố gắng tỏ ra bình tĩnh.

“Thôi mà, thôi mà. Ông đừng nghĩ chúng tôi quá khờ khạo như thế”.

“Thưa ngài, tôi hoàn toàn không biết gì về những việc đã xảy ra...”

“Vậy là xui xẻo quá,” Holmes vừa nói vừa lắc đầu. “Nhưng tôi sẽ nêu ra một số gợi ý ngõ hầu giúp khôi phục trí nhớ của ông vì hình như ông mắc căn bệnh đáng trí khá trầm trọng thì phải. Chúng tôi có đủ mọi lý do để tin rằng ông là một công cụ trong thảm kịch ngày hôm qua. Chúng tôi đã sẵn sàng đi đến một kết luận hợp lý rằng người chết không phải là nạn nhân trong dự định của ông mặc dù tôi không cho rằng kết luận này có thể gây ấn tượng tốt với một quan toà giúp ông ta giảm nhẹ cái án đưa ông lên đoạn đầu đài. Nạn nhân thực sự của ông chính là tôi, phải vậy không, thưa ngài Carvalho? Ông đã phạm một sai lầm nhỏ - kết quả của việc ông bị căng thẳng quá mức chẳng - khi khiến cho máy móc hoạt động hơi sớm quá. Phải chăng ông đã dùng quá ít sáp? Có lẽ ông đã vô tình bật vào một cái gì đó khi đã làm xong nhiệm vụ ông không muốn nói gì à. Chao ôi, ông thật không biết điều chút nào”.

Kẻ phá hoại thè lưỡi liếm đôi môi dày và khô, nhưng vẫn không nói gì cả.

“À, cũng không sao. Chỉ là một điểm không mấy quan trọng và chúng ta có thể quay lại vấn đề này sau khi ông ở vào tam trạng muốn cộng tác”.

“Ôi! Không, không được,” Strickland kêu lên giận dữ, ẩy mạnh vào vai tên thư ký, buộc hắn quay lại chiếc giường mà hắn lại cố len lén lảng ra xa lần nữa.

“Ông, ông Carvalho,” Sherlock Holmes lắc ngón tay tỏ ý khiển trách. “Mời ông ngồi yên lặng ở chỗ đó cho đến khi tôi nói xong những gì cần phải nói. Nào, tôi đã nói đến đâu rồi? À, phải. Người hầu phòng đáng thương trong khách sạn đã chết như thế nào. Tôi nghĩ nhiều khả năng con người xấu số đó có việc đi ngang qua căn phòng này, nhìn qua cánh cửa mở - mà ông, do quá căng thẳng nên đã quên đóng - và là một người nhân viên mẫn cán, ông ấy phát hiện ra tấm ga trải giường không phẳng phiu như lẽ ra nó phải như thế. Tôi e, đó lại là một lỗi khác, hậu quả của việc hành sự cầu thả hấp tấp của ông. Phải, là một nhân

viên phục vụ chu đáo và gương mẫu của khách sạn này, người đàn ông quý hoá kia bước vào phòng, cúi gập người trên giường, bắt đầu vuốt vuốt tấm ga trên giường cho thẳng thêm.

Đó là lúc chuyện ấy xảy ra, đúng không? Phải, chúng ta có thể không bao giờ biết chắc mọi việc xảy ra theo trình tự như thế nào. Nhưng tôi nghĩ lập luận của mình là khá chính xác và hợp lô-gíc, ít nhất thì cũng đủ vang để thuyết phục được bồi thẩm đoàn. Anh có đồng ý với tôi không, Strickland?

“Cả hai ta!”, Strickland nói giọng dứt khoát.

“Xin làm ơn. Làm ơn”. viên thư ký thì thào bằng giọng khàn khàn. Con người khốn khổ ấy bắt đầu run như giẻ vì kinh hoàng, đôi mắt hần mở trợn trừng, mất hết thần sắc, hướng về phía chiếc đèn trên đầu như thể bị thôi miên bởi chiếc đèn hình con voi bằng đồng thau đang cháy sáng.

“Con voi này có gì hấp dẫn ông lắm à?” Sherlock Holmes hỏi, làm ra vẻ lần đầu tiên thấy chiếc đèn và quan sát nó với vẻ hiếu kỳ đầu thích thú của một nhà sưu tầm. “Chắc chắn nó là tác phẩm của một nghệ nhân bậc thầy, được làm bằng đồng thau Benaras, tôi dám nói như thế; mặc dù đây là lần đầu tiên tôi thấy một cái đèn như thể treo dưới một cái trướng. Tinh xảo lắm, hẳn là ông nghĩ như vậy. Quả thật là rất tài tình”. Ông cố chưa thêm một câu đầy vẻ đe dọa vào những lời kết luận của mình.

Bị kích động đúng vào nỗi kinh hoàng đang tràn ngập trong lòng, tên thư ký nhảy phắt ra khỏi giường, ngã sụp xuống trước mặt Sherlock Holmes. Hắn ôm lấy chân Holmes rồi nức nở kêu lên:

“Tôi thú nhận... Hức hức...Tôi thú nhận hết. Cái ấy nằm trong ngọn đèn. Đó là một cái bẫy. Xin... hãy để tôi rời khỏi phòng trước khi...”

Đúng lúc đó từ ngọn đèn vang lên một tiếng tách nhỏ; khi nhìn lên, chúng tôi thấy một nắp nhỏ bật tung ra từ móng con voi và một vật nhỏ, sáng màu rơi xuống giường. Viên thư ký hét lên một tiếng kinh hoàng. Vật đó màu đỏ và trông như đang phát sáng, dài không quá hai tấc, có cả độ dày lẫn hình dáng của một cái găng tay bạn mang đi làm vườn. Nó nhôm dậy, một đầu dựng lên trong không trung ngúc ngắc từ phía này sang phía khác.

“Chuyện quái quỷ gì thế này?” Strickland hỏi.

“Ma quỷ,” Holmes trả lời, dứt một tay vào trong túi áo.

Ngay khi cái vật kia ngừng ngó ngoáy, nó cứng đờ toàn thân trong một giây rồi với những bước di chuyển khác thường, nó hướng về phía chúng tôi. Mặc dù nỗi kinh hoàng tột độ của viên thư ký chắc chắn là có tác dụng lan truyền nhanh nhất sang người bên cạnh sự hiếu kỳ thuần túy khoa học buộc tôi dán mắt vào cách thức di chuyển kỳ lạ của cái vật đó. Ngay khi phần trên của nó rơi xuống đất thì phần sau lại nhôm dậy và ngo nguẩy rướn tới trước. Khúc trên lại nhôm dậy lần nữa và nhảy về phía trước và khúc đuôi lập tức phối hợp theo. Nó thực hiện những động tác này với tốc độ đáng kinh ngạc và nhanh chóng tiến về phía chúng tôi.

Viên thư ký mất hết cả hồn vía lùì mãi ra sau, ngã nhào, trốn sau ghế của tôi. Strickland và tôi, mặc dù không sợ đến mất hết cả hồn vía như hắn nhưng cũng phải rùng mình co người lại trước bước tiến của con vật, mơ hồ ý thức được mối nguy hiểm ghê gớm ẩn nấp trong con vật, bất chấp kích thước không đáng kể của nó. Chỉ có Sherlock Holmes vẫn hoàn toàn bình thản.

Ông điềm nhiên ngồi trên ghế, và khi cái vật đó tiến đến gần chân mình thì thọc tay vào túi, lấy ra một lọ muối màu bạc, nhanh nhẹn cúi xuống trút cái chất đựng trong lọ lên cái vật kia.

Ngay khi muối chạm vào thân, con vật bắt đầu quằn quại và bung mình tanh tách dữ dội, như thể đang trải qua một sự đau đớn ghê gớm.

“Trời ơi, đó là một con đĩa!”, tôi kêu lên kinh ngạc.

“Nhưng không phải loại đĩa thông thường có thể tìm thấy ở bất cứ ao hồ nào”. Holmes nói, giọng nghiêm nghị, “Đây là một con thuộc giống đĩa đỏ khổng lồ⁽¹⁾ sống ở vùng thấp nhất của dãy Himalaya, tên khoa học của nó là *Herudenia Himalaya Giganticus* thuộc loài *Haemadipse*. Chúng ta phải cảm ơn Thượng đế nhân từ vì đã giới hạn sự tồn tại của chúng chỉ trong khu vực nhỏ bé Kaladhungi tại phía Tây Himalaya. Chỉ vì loại này có một số lượng cực hiếm mà nó không vang danh thiên hạ như là một sát thủ đáng sợ nhất.

Có lẽ các ông cũng biết rằng nước bọt của loài đĩa thông thường chứa những chất hoá học không chỉ gây tê vùng quanh vết thương, mà còn chứa chất hirudin chống đông tụ máu, đã được dùng trong y khoa để ngăn chặn việc máu đông thành cục. Tài liệu mà tôi đọc sáng nay tại Viện Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên cho biết rằng, loài đĩa đỏ khổng lồ này không chỉ lớn hơn đĩa thông thường mà người ta biết là có tới ba trăm loài, mà nước bọt của chúng còn chứa những chất hoá học tương tự, nhưng tính năng còn mạnh hơn mấy nghìn lần”.

“Hèn gì con người tội nghiệp đó đã chảy nhiều máu như thế,” tôi nói mà cảm thấy nổi sợ luồn cá vào xương sống.

“Nhưng đó chưa phải là tất cả,” Holmes nói, giọng nghiêm nghị, kiểm tra lại những ghi chép trên cổ tay. “Có hai chất hoá học phức tạp khác hiện có trong nước bọt của loài đĩa khổng lồ này. Một chất hoạt hoá hệ thống phản ứng với dị ứng trong mô cơ thể để sản xuất ra chất histamine, một loại amin được hình thành từ histidiene, có tác dụng làm giãn nở mạch máu và các lỗ chân lông trên da. Chất thứ ba tạo ra một số lượng lớn chất paroxysmal tachycardia một môi trường trong đó tim đột nhiên chuyển sang đập thật dữ dội với tốc độ từ 250 đến 300 nhịp/phút, trong một khoảng thời gian đáng kể nào đó. Như vậy một khi nước bọt loài đĩa này xâm nhập vào mạch máu, cơ thể sẽ ở trong một trạng thái tích lũy đến một mức độ khiến cho trái tim bị kích ứng dữ dội sẽ bơm tất cả dòng máu một trong thân thể ra ngoài qua các lỗ chân lông đã nở rộng dưới da”.

“Lạy Chúa tôi,” Strickland rùng mình. “Nhưng mà trước hết, làm thế nào mà con đĩa đỏ bò lên người nạn nhân được?”

“Nó đã rơi xuống gáy người này khi ông ta cúi xuống để vuốt phẳng tấm ga giường”.

“Đúng vậy, điều đó giải thích tại sao có những vết xây xước trên cổ,” Strickland kêu lên.

“Phải, loại đĩa có ba hàm cùng với những chiếc răng sắc nhọn đã tạo thành những vết khía hình chữ Y mà ban nãy tôi đã vẽ cho anh xem. Các hàm và giác trên miệng nó bám chặt vào da thịt nạn nhân không rời ra. Có nhiều khả năng nạn nhân đã cố gắng dứt con đĩa ra khỏi cổ ngay sau khi ông ta lao bổ ra hành lang một cách hoảng loạn. Đó là nơi vết máu bắt đầu. Sau đó có lẽ ông ta đã vứt cái vật khủng khiếp đó xuống đất và đạp lên nó cho đến chết. Hurree, ông có nhớ cái ”miếng cao su Ấn Độ” mà tôi đã phát hiện ở hành lang tối hôm qua không? Tất nhiên đó là con đĩa đã bơm thứ nước bọt đáng sợ của nó vào người nạn nhân và từ lúc đó không có gì và không ai có thể ngăn cản việc quả tim ông ta biến thành một cái bơm hoạt động hết công suất để tống máu ra ngoài cơ thể. Có quá nhiều chất chống đông tụ trong máu người chết đến nỗi thậm chí sau khi cái xác đã đổ xuống sàn mà máu vẫn phun xối xả và trong hơn một tiếng đồng hồ sau, nó vẫn không có dấu hiệu đông lại”.

“Ông đã tình cờ chú ý đến hiện tượng này ngày hôm qua lúc chúng ta đi xuống tiền sảnh sau cuộc điều tra, phải không ông Sherlock Holmes?” tôi lên tiếng khi nhớ lại những sự việc hôm qua.

Nhưng Sherlock Holmes lại đang bận rộn trèo lên chiếc bàn mà ông đã đẩy đến sát cạnh giường. Ông nắm lấy chiếc đèn cẩn thận lót tay bằng một chiếc khăn tay, tháo sợi dây treo chiếc đèn lơ lửng trên trần nhà. Sau đó, ông nhẹ nhàng nhảy khỏi bàn và đặt con voi lên bàn ngắm nghía.

“Hừm. Thật tài tình. Một thứ vũ khí độc nhất vô nhị và mới khủng khiếp làm sao!”. Ông kiểm tra con voi kỹ lưỡng. “Lại là một tác phẩm nghệ thuật tinh xảo đến thế kia chứ. Nhìn xem này, hơi nóng của cái đèn bên trong cái khung được che chắn...”

“Cái bành voi, thưa ngài...” tôi chỉnh lại.

“Cám ơn,” ông đáp giọng cụt lùn. “... làm thế nào mà hơi nóng của cái đèn bên trong bành voi lại được chuyển đến bụng voi, đó là nhờ những sợi dây bằng đồng đó này. Hơi nóng dần dần làm tan chảy lớp sáp đã giữ một cơ quan tinh vi trong bụng voi và rồi, sau một khoảng thời gian đã được tính toán thật chính xác, căn cứ vào độ dày của lớp sáp được sử dụng, khiến cho cái nắp bật ra, mở một lối cho con đĩa kia rơi xuống. Tôi đã làm thí nghiệm với cái nắp bật tối hôm qua và phát hiện rằng nó sẽ chẳng có tác dụng gì một khi vẫn bị đóng kín - một khi chiếc đèn được đốt lên khoảng hơn hai giờ. Vì vậy, tôi biết chắc rằng sẽ không ai chuẩn bị cái bẫy độc ác này một lần nữa trước khi trời tối. Mặc dù vậy, để đảm bảo an toàn tuyệt đối nên tôi đã yêu cầu anh Strickland ạ, ở trong phòng tôi trước khi mặt trời lặn. Khi gặp ông Carvallo ở tiền sảnh, tôi đã báo cho ông ta biết rằng tôi sẽ đi nghỉ ngay sau bữa tối, sớm hơn thường lệ. Nhờ thế ông

bạn của chúng ta sẽ có thời gian dư dả mà hành sự, trong lúc đó tôi ung dung dùng một bữa nhẹ và sau đó hỏi mượn nhà bếp một chiếc lọ đựng đầy muối”

“Nhưng sai lầm của ngày hôm qua là gì, thưa ngài Sherlock Holmes?”, tôi hỏi.

“Người bạn quá căng thẳng của chúng ta đây...” Holmes nói, quay mặt về phía tên thư ký đang co rúm người lại trong một góc phòng, “... đã dùng quá nhiều hơi nóng để dán sấp vào cái nắp bật hôm qua, nên đã khiến một phần sấp nhỏ xuống cái khăn trải giường. Như vậy lớp sấp mỏng đi là nguyên nhân khiến cho cái nắp bật ra sớm hơn. Nhưng có lẽ tôi đã đổ lỗi cho ông quá nhiều, ông Carvalho ạ. Suy cho cùng thì đây là một nhiệm vụ quá kinh khủng và quá tinh vi mà một người yếu bóng vía như ông đây khó lòng đảm nhiệm mà không để lại sơ sót gì. Nó đòi hỏi bất cứ ai thực hiện cũng phải mang hết dũng khí ra để điều khiển một sinh vật như thế, chỉ một lần thôi, thế mà ông lại phải làm đến hai lần! Chà chà, một đòi hỏi quá cao và vượt ra ngoài cái được gọi là trách nhiệm. Hoặc cũng có thể là bởi vì chủ của ông sẽ không bỏ qua cho một sự thất bại chẳng? Đó là một ông chủ vô cùng nghiêm khắc, không khoan nhượng phải không nào? Quả khó mà hình dung nổi một kẻ không hề biết tha thứ như cái tên côn đồ mà ông, thật không may, phải ở dưới trướng và chịu sự điều khiển. Mà này, hắn đã nắm được cái gót A-sin gì ở ông thế?”

“Tôi... tôi không thể nói được”. Con người khốn khổ kia rên rỉ kêu lên, vẫn giấu mặt sau hai bàn tay. “Đã quá trễ,” hắn nấc lên. Một lúc sau, hắn ngẩng đầu lên và với một nỗ lực lớn, cố đứng dậy. Hít một hơi thật sâu, hắn nói tiếp, vẻ phản kháng vô vọng càng nhấn mạnh tính bi thiết trong giọng nói của hắn.

“Không, thưa các ngài, dù thế nào tôi cũng không thể nói. Dù cái bản án mà luật pháp có thể áp đặt trong trường hợp của tôi là gì đi nữa, thì nó cũng còn tử tế hơn và êm ái hơn nhiều so với những gì mà tôi chắc chắn phải gánh chịu nếu phản bội chủ tôi”.

“Ồ, ông nghĩ thế thật sao?” Strickland nói với vẻ mặt nghiêm khắc, mở còng tay trông vào tay hắn. “Để tôi nói cho ông biết, ông bạn, rằng nếu tôi có bất cứ điều gì để nói thì đó là việc ông sẽ chỉ treo lung lẳng dưới cái giá treo cổ cao nhất trong vùng Bombay này”. Anh ta quay sang tôi. “Làm ơn rung chuông đi, ông Hurree”.

Ít phút sau, thanh tra MacLeod và hai đồng sự đi vào.

Strickland giao cho họ một số chỉ thị trong công việc. Ít phút sau đó họ rời khỏi phòng cùng với tên phạm nhân khốn khổ.

“Sức mạnh của nỗi sợ hãi,” Sherlock Holmes nói một cách trang trọng khi đã ngồi yên vị trong chiếc ghế bành. “Tôi không nên đánh giá thấp nó. Hãy xem, thậm chí một kẻ đáng thương như tên thư ký người Bồ Đào Nha cũng có khả năng tôi luyện bản thân để chống lại chúng ta, phải, nỗi ám ảnh kinh hồn về đòn trừng phạt của Moriarty đã phủ một cái bóng đen ngòm lên trái tim hắn...”

“Nhưng hắn đã chết rồi cơ mà,” tôi tranh luận. “Ông chẳng đã nói...”

“Người thì chết, đã đành thế,” Holmes chỉnh lại, “Nhưng sự nghiệp của hắn thì vẫn còn sống. Tên giáo sư có thể đã nằm dưới đáy thác Reichenbach, nhưng cái hội kín hội hờ của hắn vẫn sống, vẫn còn sức mạnh để ban thưởng, và trong những việc có liên quan ít nhiều đến vụ án của chúng ta thì là để trừng phạt những kẻ dám mưu toan phản bội. Đây là Ấn Độ, cả một đế chế tội ác rộng lớn được cai trị bởi một người bạn tri kỷ của Moriarty. Đó là kẻ đã thừa hưởng bộ não đen tối xấu xa của hắn. Đó cũng là kẻ đang ngày đêm đeo bám tôi”.

“Hãy cho tôi biết tên hắn đi, ông Holmes,” Strickland nói, “và tôi sẽ sớm làm cho hắn phải đổ mồ hôi hột đàng sau song sắt”.

“Tôi đánh giá cao lòng nhiệt tình của anh, Strickland ạ. Nhưng tôi e rằng một hành động trực tiếp như vậy sẽ chỉ dẫn tới thất bại. Đại tá Sebastian Moran là một kẻ thù nguy hiểm và tinh ranh nhất. Vào lúc này, mạng lưới của chúng ta lại quá mong để có thể bắt giữ một con mồi ghê gớm đến dường ấy”

“Nhưng, mẹ kiếp”. Strickland kêu lên. “Người mà ông vừa nhắc đến là một quân nhân đáng kính trọng”.

Sherlock Holmes giơ hai tay ra tỏ vẻ cam chịu.

“Quả thật, mạng lưới của chúng ta quá mỏng khi một đại diện luật pháp lại không thể nhận ra kẻ thù ghê gớm nhất của mình”.

“Ông làm tôi kinh ngạc đấy Sherlock Holmes ạ”. Strickland phản đối. “Ông chờ đợi tôi phải tin rằng, một quý ông người Anh, một trong những thành viên sáng lập của quân đội Hoàng gia Ấn Độ, tay súng hạng nặng giỏi nhất xứ này, một tay săn cộp vô địch mà lại là một tên tội phạm nguy hiểm ư? Sao chứ, chỉ mới cách đây hai đêm tôi đã gặp mặt ông ta ở Câu lạc bộ Cổ nhân. Chúng tôi còn cùng chơi bài Uýt với nhau cơ mà”.

“À,” Sherlock Holmes nhún vai, “tôi cho rằng quả không thể mong đợi anh lại là người có thể nhìn thấu tâm can hẳn qua một cái vỏ bọc hoàn hảo như anh vừa mô tả. Với lại nói đâu xa, chỉ cách đây vài tháng thôi, thì thậm chí đến Scotland Yard cũng không biết đến sự tồn tại của giáo sư James Moriarty cơ mà. Nhưng xin hãy tin tôi, khi tôi khẳng định với anh rằng, sau vị giáo sư nọ thì Đại tá Moran đáng kính chắc chắn là tên tội phạm nguy hiểm nhất vẫn còn sống trên đời”.

Sherlock Holmes thọc tay vào túi quần lấy ra một cuốn sổ tay mỏng bọc da dễ thuộc.

“Hừm. Hãy xem cho đến nay, chúng ta đã biết được những điều gì về ông ra. Chỉ là một vài mục mà tôi đã chép lại từ bản liệt kê tiểu sử. A! Đây rồi”.

Ông trao một tấm thẻ bài cho Strickland. Tôi nhòe dậy, vòng ra đứng đằng sau Strickland, dòm qua vai anh ta.

Moran Serbatian, đại tá

Không nghề nghiệp. Từng thuộc đội công binh Bangalore, số 1. Sinh ở London, 1840. Con trai của nam tước Augustus Moran, Công dân danh dự, từng là Đại sứ Anh tại Ba Tư. Học tại các trường Eton và Oxford. Đã phục vụ trong chiến dịch Jowaki, chiến dịch Afghanistan, Charasiab (đặc phái Sherpur, Cabul. Tác giả của cuốn Những trò chơi hạng nặng ở Tây Himalaya (1881); Ba tháng trong rừng nhiệt đới (1884). Địa chỉ ở London: đường Conduit. Tham gia các câu lạc bộ: Cổ nhân; Tankerville, Bagatelle Card. Địa chỉ ở Ấn Độ: biệt thự Auckland, căn cứ quân sự Lahore. Tham gia các câu lạc bộ: The Punjab (ở Lahore), Cổ nhân (ở Bombay), The Black Hearts (ở Simla).

“Nhưng thưa ngài Sherlock Holmes,” tôi phản đối, “Trên phương diện binh nghiệp mà nói thì quý ông này là một quân nhân đáng kính”.

“Đó là một sự thật không thể chối cãi”, Holmes đáp. “Trên một phương diện nào đó thì đúng là ông ta rất đáng kính. Ông ta bao giờ cũng là một người có hệ thần kinh thép và không nghi ngờ gì nữa, chắc là anh, Strickland ạ, đã nghe chuyện ông ta bỏ xuống một cái mương, nằm phía sau một con hổ ăn thịt người đang bị thương như thế nào. Có một số loài cây, ông Hurree ạ, một khi mọc cao đến một mức nào đó rồi thì đột nhiên phát triển các lỗ một trong thớ gỗ. Ông cũng sẽ thường xuyên phát hiện đặc điểm đó trong con người. Tôi đang xây dựng một lý thuyết rằng mỗi cá nhân đại diện cho sự phát triển của toàn bộ tổ tiên mình và việc đột nhiên rẽ ngoặt sang hướng phát triển tốt hay xấu là do một số ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu xa từ trong cái dòng máu mà anh ta mang. Con người trở thành, như nó vốn vậy hình ảnh thu nhỏ của lịch sử dòng tộc mình”.

“Điều này chắc chắn là hơi có phần tưởng tượng,” Strickland chỉ trích.

“À, tôi cũng không khẳng định rằng bất kể mình nói ra điều gì thì cũng đều từ đúng trở lên. Phải, dù với nguyên do gì đi nữa thì đại tá Moran cũng đã bắt đầu đi lầm đường. Tôi chắc chắn một điều, Strickland, nếu vụ xì căng đan trong chuyện đánh bài ở Hyderabad không làm hoen ố được danh tiếng của ngài Đại tá, thì cái chết bí ẩn của người quản gia bản xứ của ông ta ít nhất cũng làm lực lượng cảnh sát nảy sinh một số nghi ngờ đối với khả năng kiểm chế tình cảm của con người này”.

“Ông Holmes, chúng tôi cũng có biết một số sai lầm trong những việc làm của Đại tá Moran, nhưng ghép cho một người cái tội là thủ lĩnh một băng đảng tội phạm ghê tởm lại là chuyện khác, cũng cần phải trả lời khá nhiều vấn đề đấy”.

“Không nghi ngờ gì tính đúng đắn trong lời nói của anh,” giọng Holmes hơi gắt lên. Ông lấy một điều xì gà trong cái hộp để trên bàn và châm lửa. Sau đó ông ngả hẳn người vào lưng ghế bành và nhìn đăm đăm lên

trần nhà, bắt đầu nhả từng cuộn khói vào không trung. “Phải, đây là một vấn bài nan giải, nhưng tôi nhất định phải chơi nếu cái danh tiếng nhỏ nhoi đáng thương của tôi như nó vốn thế, không bị tiêu tán mất. Này Strickland, vì anh đã từng chơi bài với Đại tá Moran, chắc anh cũng nhận ra một điểm bất thường ở ngón cái bàn tay phải của ông ta”.

“Ông ta có một vết sẹo sâu, dài bắt chéo qua ngón tay cái. Kết quả của một tai nạn nào đó với một con dao sắc”.

“Thật sự thì ông ta đã nhận vết thương đó trong một cuộc vật lộn với một người phụ nữ đang dùng dao, người mà ông ta đã phản bội và huỷ diệt một cách bẩn thiu. Nhưng vào lúc này, điều đó không nằm trong mối quan tâm của chúng ta. Nào, Hurree, nếu ông vui lòng cho tôi mượn một cái bút chì từ bộ sưu tập những dụng cụ viết lách rất đẹp mà tôi thoáng thấy ở túi áo ngực ông thì tôi sẽ cố gắng chứng minh cho lời tuyên bố của mình rằng Sebastian Moran là thủ phạm thực sự của tội ác ghê tởm này”.

Sherlock Holmes lấy một con dao nhíp ra khỏi túi áo và bắt đầu vót nhọn đầu cây bút chì. Ông gọt lớp gỗ, một đoạn ruột bút chì mềm dài vài phân bắt đầu nhô ra, sau đó ông thận trọng dùng dao cạo ruột chì lên một tờ giấy sạch. Khoảng mười phút sau, trên tờ giấy đã có một lớp bột chì mịn có màu đen óng rất đẹp. Quay lại chỗ con voi bằng đồng thau, ông bắt đầu dùng kính lúp sẫm soi nó từ trong ra ngoài một lúc lâu. Con voi đồng sáng lên lấp lánh khi Sherlock Holmes xoay nó lúc theo hướng này lúc lại chuyển sang hướng khác, bao giờ cũng dưới ánh sáng ngọn đèn khí; nhưng tôi nhận thấy ông cẩn thận không tiếp xúc trực tiếp với con voi mà khéo léo lót trên tay một chiếc khăn tay mỏng.

“Ôi, ông Carvalho ơi là ông Carvalho...” Holmes lẩm nhẩm một mình, “Lý ra ông không nên chà xát cái thứ này quá nhiều bằng đôi tay đầm mồ hôi của mình chứ”

Cảnh này diễn ra gần hai mươi phút, suốt thời gian ấy, vầng trán ông dường như được kẻ thêm nhiều nếp nhăn hơn do thất vọng cũng có mà bực mình cũng có. Rồi, thật bất ngờ với cả hai cử tọa chúng tôi ông nhảy phắt khỏi ghế, kêu lên một tiếng vô cùng sảng khoái.

“Hay! Hay lắm! Thật tài tình. Bây giờ, nếu quý vị không phiền mà bước lên vài bước gần hơn, tôi có thể khiến các ông kinh ngạc với chút mẹo vặt này”.

Hai chúng tôi xúm quanh bàn, Sherlock Holmes nhặt tờ giấy lên, hà hơi nhẹ nhàng để thổi đám mây bột chì lên bề mặt con voi, bên sườn trái của nó. Rồi ông vẫn dùng con dao nhíp cạo nhẹ lên mình voi, cho tới khi tất cả bột than chì rút hết xuống bàn. Như thể có ma thuật, một số dấu vân tay, trong đó có cả dấu ngón cái hiện lên trên phần thân voi có dính bột chì. Những đường nét thẳng và xoắn đen đen của dấu vân tay hiện lên rất rõ dưới ánh sáng màu vàng nhẹ của ngọn đèn bằng đồng thau.

“Phải,” Holmes nói, “hầu hết những dấu tay này đều thuộc về những ngón tay nhớm nhóp mồ hôi của anh bạn Bồ Đào Nha kia, nhưng nếu các ông quan sát kỹ hơn ở đây...”

Sử dụng mũi dao như một vật để điểm chỉ, ông chỉ vào một dấu tay to, rõ ràng, với những đường vân lượn tròn của một ngón tay cái thô kệch bị một đường chéo cắt ngang qua.

“Đó không phải là bằng chứng có sức thuyết phục cao”, Sherlock Holmes nói, gấp con dao nhíp lại bỏ vào túi, “nhưng ít nhất nó cũng có thể dùng để chứng minh rằng Đại tá Moran, ở một thời điểm nào đó, đã cầm tới vật này”

“Đó là bằng chứng tuyệt vời nhất, thưa ngài; quod erat demonstrandum(2) nếu tôi được miễn thứ cho một diễn đạt như thế,” tôi thốt lên khâm phục.

“Tôi nợ ông một lời xin lỗi, ông Holmes ạ,” Strickland nói, giọng rầu rĩ, “Tôi nên tin tưởng nhiều hơn vào tài năng của ông mới phải”.

”Anh đã khen ngợi tôi quá lời rồi đấy, Strickland ạ. Tôi phải thừa nhận là đã gặp may trong trường hợp này. Khi cân nhắc các khả năng, tôi đã không dám hy vọng một mẫu hoàn hảo đến thế về dấu ngón tay cái của ngài Đại tá, nhất là khi viên thư ký trung thành với chủ đã xoá đi gần hết dấu vân tay đã in lên trên mình voi trước đó bằng những hành động vụng dại, non nớt của mình.

Nhưng tôi đã nắm lấy cơ hội vì “a vaincre sans peril, on triomphe sans gloire”(3). Corneille(4) nói rất hay về những điều như thế. Nhưng để có được bằng chứng không thể chối cãi, anh cũng cần có trong tay một

mẫu dấu ngón tay cái của đại tá để so sánh vai dấu tay trên mình voi. Chắc anh cũng biết, không có hai người nào có dấu tay giống nhau”.

“Phải, ông Holmes,” Strickland trả lời, “tôi đã nghe một điều gì đó tương tự như thế; mặc dù cho đến nay tôi vẫn chưa hiểu rõ, không biết điều này liệu có ích gì trong thực tế, nhất là trong việc diệt trừ tội ác không?”

“Một vốn hiểu biết rộng và chính xác là vô cùng cần thiết cho việc cải thiện nghệ thuật điều tra của nghề thám tử”. Sherlock Holmes giải thích với tác phong của một ông thầy. “Từ thuở xa xưa, người Babilon đã lăn dấu tay lên đất sét để xác định tác giả của những kiểu chữ viết hình nêm và để chống lại việc giả mạo. Dấu tay cũng đã được người Trung quốc sử dụng từ rất sớm với mục đích nhận dạng. Có thể các ông chưa biết rằng tôi là tác giả của một chuyên khảo khiêm nhường về đề tài này. Trong cuốn sách có tựa đề Nét độc đáo và sự phân loại dấu tay và ngón tay ngón tay cái con người tôi đã phân ra thành năm nhóm chính với những đặc điểm tiêu biểu nhất cùng các nhóm phụ khác; theo đó dấu tay con người có thể được phân loại và lập hồ sơ theo hệ thống. Tôi đã dành trọn hai chương tập trung nói về những phương pháp, qua đó có thể phát hiện dấu tay trên các vật như thủy tinh, kim loại, gỗ, thậm chí cả trên giấy. Bản thân tôi cũng đã phát triển một phương pháp riêng, mà các ông vừa chứng kiến một cách sơ sài, nhờ thế các dấu vân tay gần như không thể nhìn thấy lại có thể được làm nổi bật hay hiện rõ lên bằng cách sử dụng khéo léo các loại bột mịn có màu sắc tương phản thích hợp với bề mặt của vật. Bột bám chặt vào các đường nét của dấu tay, vì chất dầu và mồ hôi trên cơ thể bao giờ cũng hiện lên trên bề mặt bàn tay con người và luôn để lại dấu vết bàn tay trên bất cứ bề mặt nào mà chúng ta chạm vào: Những dấu tay hiện rõ như thế có thể được chụp lại để cung cấp - như chúng ta có thể nói - như một vật chứng ở toà án.

“Trong chuyên khảo đó tôi cũng cung cấp nhưng bằng chứng không thể chối cãi về một hệ thống dấu tay tốt hơn hệ thống của ngài Bertillon(5) trên phương diện nhân trắc học trong việc nhận dạng tội phạm. Nhưng chắc là tôi đã khiến các vị phải mệt mỏi về những ảnh hưởng của tôi về những chi tiết vụn vặt ”

“Ồ, không phải như vậy,” Strickland háo hức nói. “Đó là mối quan tâm lớn nhất của tôi. Chắc chắn, một hệ thống như ông miêu tả có thể tạo nên một cuộc cách mạng thật sự trong công việc của ngành cảnh sát”.

“Điều đó thì không có gì phải nghi ngờ nữa, nhưng nó không nằm trong thẩm quyền của một cố vấn điều tra độc lập nếu người này muốn áp dụng một hệ thống như thế để hưởng lợi nhiều nhất từ hệ thống. Một việc như vậy đòi hỏi nguồn lực của một tổ chức lớn thuộc về nhà nước, như Scotland Yard chẳng hạn, chỉ có họ mới có thể lập hồ sơ dấu tay của tất cả những tên tội phạm hay những kẻ bị tình nghi mà họ đã gặp rồi lưu trữ lại bằng cách thức nào đó khiến cho bất cứ dấu tay mẫu nào cũng luôn có sẵn để đối chiếu với dấu vân tay trên hiện trường vụ án. Nhưng có vẻ như Scotland Yard không phải là những người sẽ hào hứng ủng hộ cho bất cứ một hệ thống nào mang tính cách mạng”.

“Chà, ông Holmes ạ, tôi sẽ xem đó là một vinh dự lớn nếu như ông cho phép tôi áp dụng hệ thống dấu vân tay của ông trên đất nước này(6). Lực lượng cảnh sát Ấn Độ, mặc dù còn nhiều điểm thiếu hụt vẫn đủ trẻ trung để thỉnh thoảng dám nhận vai trò của người đi tiên phong”

“Vinh dự đó sẽ thuộc về tôi chứ, Strickland. Không hề có bằng sáng chế hay bảo hộ bản quyền cho những phương pháp của tôi đâu. Chỉ có một yêu cầu duy nhất, anh không được tiết lộ tên tôi, nhất là trong trường hợp những cố gắng của anh đem hoa kết trái, đủ để thu hút sự chú ý của báo giới. Trong hoàn cảnh hiện nay thì điều phù hợp nhất với mục đích của tôi là hãy để cho cả thế giới này nghĩ là tôi đã chết. Rất tiếc là tôi không đem theo một bản sao chuyên khảo đó đến đây, nhưng anh có thể lấy nó ở chỗ Huber ở London, nếu anh muốn. Họ cũng có một số tác phẩm không đáng kể khác của tôi mà có lẽ cũng khiến anh quan tâm. Một cuốn có tên là Sự phân biệt giữa các tàn thuốc lá khác nhau có thể rất hữu ích cho anh. Còn điều này nữa, nếu anh có thể nhận ra được tàn thuốc lá màu đen loại Trichinopol tại hiện trường của một vụ giết người, vậy thì anh có thể tính Đại tá Sebastian Moran vào diện tình nghi, vì tôi biết ông ta hút loại thuốc đó”.

“Tốt lắm, ông Holmes ạ!” Strickland nói với một tiếng cười khe khẽ trong cổ, “dù là thuốc hiệu Trichinopoly hay Lunkah thì ông cũng có thể trông cậy vào chúng tôi trong việc buộc ông đại tá phải đứng sau song sắt trong một tương lai không xa. Một khi tên thư ký đã có thời gian để ngẫm nghĩ về thái độ của mình trong xà lim, hẳn sẽ phải cân nhắc xem có nên thành thật khai báo để nhận cái án đi đày đến đảo Andaman vốn nhẹ nhàng hơn rất nhiều so với việc treo toang teng dưới giá treo cổ hay không”.

Đúng lúc đó có tiếng gõ hồi hả vào cánh cửa. Strickland đứng dậy ra mở cửa. Đứng ở ngoài hành lang là gương mặt căng thẳng xốn xác của một viên cảnh sát sở tại.

“Havildar, có chuyện gì thế?” Strickland hỏi.

Viên cảnh sát lầm bầm điều gì đó mà chúng tôi nghe không rõ. Strickland quay gương mặt lo lắng về phía chúng tôi:

“Viên thư ký người Bồ Đào Nha vừa bị bắn chết ngay trước sở cảnh sát”.

Chú thích:

(1) Có thể nào con đĩa này có mối liên hệ nào đó với “câu chuyện ghê gớm về con đĩa đỏ” mà Watson đã nhắc tới ở phần giới thiệu trong cuộc phiêu lưu Chiếc kính kẹp mũi bằng vàng?(2) *quod erat demonstrandum* (tiếng Latin) sự việc đã được chứng minh(3) *a vaincre sans peril, on triomphe sans gloire* (tiếng Pháp): thắng mà không hiểm nguy thì cũng chẳng vinh quang gì.(4) Pierre Corneille (1606-1684): nhà soạn kịch vĩ đại người Pháp trong thế kỷ 17 được mệnh danh là “cha đẻ của bi kịch Pháp”.(5) Alphonse Bertillon (1853-1914), thám tử vĩ đại người Pháp, là cha đẻ của một hệ thống mang tính cách mạng trong việc phân loại và bắt tội phạm bằng cách đo và ghi chép lại những phần không thể thay đổi trong cơ thể người. Ông gọi phát minh của mình là “nhân trắc học” hay phép đo người.(6) Vào năm 1896, tại quận Hooghly ở Bengal, lần đầu tiên trên thế giới thanh tra trưởng sở cảnh sát đã giới thiệu hệ thống dấu tay nhận dạng tội phạm. Nhưng mãi đến năm 1901, Scotland Yard mới chấp nhận hệ thống phân loại dấu tay Henry dựa trên cơ sở “hình dáng và đường vân tay”.

8. Phát Súng Trong Đêm

Không nói một lời, Sherlock Holmes lao ra khỏi phòng. Strickland và tôi lập cập chạy theo, phóng ra ngoài khách sạn, chạy thẳng đến chỗ xe ngựa đậu thành dãy ngoài cổng chờ khách. Trong khi cỗ xe ngựa lọc cọc lăn bánh xuống đường Frere rồi đến sở cảnh sát Horniman, Holmes châm một điếu thuốc và hút trong tâm trạng dần vật, bực bõ.

“Thật là một sự bất cẩn tai hại, đó là vì tôi đã không lường trước được đường đi nước bước của Moran,” ông nhảm nhảm nói. “Giờ tôi sợ rằng cái sợi dây mỏng manh mà chúng ta vừa tìm được trong vụ án này đã bị cắt đứt”.

“Nhưng chúng ta vẫn còn bằng chứng về dấu tay cái kia mà, ông Holmes,” tôi gợi ý “bọn nó không đủ, dù chỉ là *ad interim*(1) để bắt giam Đại tá Moran cho đến khi những tội ác ghê gớm hơn của hắn được phơi bày ra ánh sáng hay sao?”

“Hurree thân mến, bằng chứng về vân tay ngón cái sẽ là quá *outré*(2) đối với bất cứ vị quan tòa nào để ký lệnh bắt một người có vai vế trong xã hội như Đại tá Moran. Chúng ta cũng không bao giờ được quên rằng gã thợ săn già đời kia là một kẻ quyền biến, giảo hoạt có tài xoay chuyển tình thế; hắn ta có thể phủi sạch bất cứ những chương ngại nào - như cái trở ngại mà chúng ta vừa đặt trên lối đi của hắn - nhẹ nhàng như không”.

“Tôi e là ông nói đúng, ông Holmes ạ,” Strickland nói, giọng chán nản. “Chúng ta cần có lời khai của tên thư ký trời đánh thánh vật đó, vậy mà giờ thì hắn đã đi đời nhà ma. Lẽ ra tôi nên cảnh báo cho MacLeod...”

“Lỗi hoàn toàn thuộc về tôi, Strickland ạ” Sherlock Holmes nói cộc lốc. “Anh làm sao lường trước được một việc như vậy. Nhưng thôi! Tôi thấy chúng ta đã tới nơi rồi. Không gì trên đời này có thể khiến thiên hạ chen vai thích cánh bên nhau nhìn ngó cho bằng một vụ án mạng, nếu như sự tò mò thiếu lành mạnh của người dân London là cái có thể dùng để đánh giá phần nhân loại còn lại”.

Quả thật, đám đông hỗn loạn trước đồn cảnh sát Horniman là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến việc dòng xe lưu thông trên đường bị tắc nghẽn nghiêm trọng. Mặc cho những lời rầy la xối xả của tôi, những thằng nhóc đường phố đi chân trần vẫn như những con khỉ con leo bám lên xe chúng tôi để nhìn cho rõ hơn.

Cuối cùng, Strickland và viên hạ sĩ phải xuống xe dùng cái móc cảnh sát của mình để mở đường đi qua đám đông. Sau khi trả tiền xe, tôi và Holmes đi theo họ.

“Tránh đường, đi chỗ khác nào!” Strickland la lên, át cả những tiếng huyền não trên đường, “đi đến chỗ kia kia”. Vung vẩy chiếc roi chỉ huy một cách mạnh mẽ trước mặt, anh ta cố gắng mở một lối đi giữa đám người chật như nêm cối. Một số cảnh sát nhìn thấy chúng tôi bèn khua những cây gậy bịt sắt lên để giúp sức. Ngay khi lọt qua đám đông, tôi nhìn thấy một vũng máu lớn trên mặt đất. Cái xác đã được chuyển vào đồn. Bên trong sở cảnh sát, viên thanh tra MacLeod hoàn toàn quần trí chạy đến gặp chúng tôi, hàng ria xám xộc xệch rủ xuống, thiếu não hơn bao giờ hết.

“Tôi rất... rất thành thật xin lỗi về việc này thưa ngài,” anh ta nói cà lăm, “Có đến chết tôi cũng không thể tưởng tượng được”

“MacLeod thân mến, ” Strickland cắt ngang, “hãy cho chúng tôi biết chính xác chuyện gì đã xảy ra...”

“Vâng, thưa ngài,” viên thanh tra bắt đầu, “tôi... tôi áp giải phạm nhân ra khỏi khách sạn bằng chiếc xe ngựa bốn bánh của cảnh sát. Có hai cảnh sát khác đi cùng. Chiếc xe về đến đồn và tôi đang bước xuống xe thì có cái gì đó đánh vào phạm nhân, trúng ngay vào ngực, gây tổn thương nghiêm trọng. Căn cứ vào vết thương thì có thể hiểu đó là hậu quả của một phát súng, nhưng cũng có thể không phải như vậy, vì cả tôi lẫn mấy tay cảnh sát kia đều không nghe thấy tiếng súng nổ. Chúng tôi cố gắng đưa người bị thương vào bên trong và bác sĩ Patterson ngay lập tức có mặt để chăm sóc, nhưng không còn làm được gì nữa. Phạm nhân tắt thở vài phút sau đó”.

Một ông người Anh đáng bệ vệ, tuổi cỡ trung niên, mặc áo choàng phẫu thuật trắng toát từ một căn phòng khác đi ra. Tôi đoán đó là bác sĩ Patterson.

“Xin chào ông Strickland... chào các ông”, ông gật đầu thật nhanh với chúng tôi và quay sang thanh tra MacLeod. “Phạm nhân của anh rõ ràng là bị bắn, MacLeod ạ, và đây là viên đạn đã gây ra chuyện này. Tôi vừa lấy ra viên đạn ra khỏi ngực nạn nhân”.

Ông chìa ra một chiếc đĩa sứ men trắng trên đó có một viên đạn dính máu đang lăn qua lăn lại trong lòng đĩa, làm vang lên những tiếng lanh canh. Sherlock Holmes cúi xuống kiểm tra.

“Một viên đạn bay ra từ một khẩu súng lục có ở quay nhẹ,” ông tuyên bố, như các vị sẽ thấy, nó đã nổ rộng một cách bất thường sau khi bị bắn đi, vì thế mà gây nên tổn thương nghiêm trọng trong cơ thể nạn nhân như ông thanh tra MacLeod đã mô tả.” “Nhưng nó không thể là một khẩu súng lục có ổ quay được,” viên thanh tra kêu lên bối rối, giật giật bộ râu tua tua một cách bứt rứt “Như tôi đã nói tuyệt không có một tiếng súng khai hỏa nào cả. Vả lại vào thời điểm ấy trời đã tối, đường phố cũng đã yên ắng trở lại, không thể có chuyện có tiếng súng nổ mà đám cảnh sát chuyên nghiệp chúng tôi lại không nghe thấy được.” “Vậy thì anh hãy tự nhìn xem,” Sherlock Holmes nói, chl tay vào viên đạn lăn qua lăn lại trên đĩa. “Tôi không phụ định đó là một viên đạn, thưa ngài,” viên thanh tra cương quyết bảo vệ quan điểm của mình, những thừa đại uý Strickland, hẳn ngài cũng biết rõ rằng sân trước của đồn cảnh sát được chiếu sáng rất tốt bằng đèn khí. Tôi sẵn sàng đánh cược cả khoản tiền hưu của mình rằng không có một ma nào lảng vảng quanh tù nhân và tôi, ít nhất là trong tầm ngắm.” “Nhưng nếu xa hơn nữa thì sao nào,” Strickland gợi ý “chẳng hạn ở bên kia đường?” “Từ đó đến đây chắc cũng phải hai mươi lăm thước hoặc xa hơn nữa,” viên thanh tra trả lời, “trong trường hợp này thì tôi không dám chắc.” “Vậy có bất cứ phương tiện giao thông nào trên đường, tỉ như một chiếc xe ngựa chạy ngang qua xe các anh lúc đó không?” “Không, tôi đảm bảo điều đó mà... có một chiếc xe tải... một trong những chiếc xe giao hàng... đang đậu trước cửa một trong những cửa hàng ở bên kia đường. Nhưng thậm chí cả một xạ thủ cự phách nhất cũng không thể bắn trúng một người từ một khoảng cách xa như vậy bằng khẩu súng lục, nhất là lại vào ban đêm.” “Chẳng lẽ muện thế mà người ta vẫn giao hàng hay sao?” Holmes nhận xét, tiến đến bên cánh cửa sổ hé mở và nhìn ra ngoài màn đêm. “Dù sao thì hiện giờ nó cũng không còn ở đó nữa”. Ông quay lưng lại cửa sổ, đứng đối mặt với chúng tôi. “Than ôi! Than ôi! Đúng là một vấn đề đặc biệt nan giải”. Có một cái gì đó trong âm điệu của ông làm tôi chú ý. Đối với tôi, âm hưởng của giọng nói ấy không những không có chút gì bối rối mà lại gián tiếp ám chỉ một thông tin riêng biệt nào đó. Strickland cũng có thể đã nhận ra, vì anh ta lập tức chấm dứt cuộc thảo luận và dẫn Sherlock Holmes ra khỏi sở cảnh sát. “Tối nay chúng ta sẽ chẳng còn việc gì để làm nữa,” Strickland nói, giọng có phần hơi quá nhấn mạnh khi tiến ra cửa. “MacLeod, điều đầu tiên tôi muốn anh làm là hỏi tất cả các chủ tiệm và người dân quanh đây xem có bất kỳ hành động nào bất thường nào hay có kẻ khả nghi nào mà họ đã nhìn thấy vào thời gian xảy ra vụ bắn súng không”. Đám đông tụ tập bên ngoài đồn cảnh sát lúc này đã giải tán. Ánh sáng rực rỡ của những ngọn đèn khí đốt soi rõ bóng một vài kẻ ăn xin đang nằm sắp

mặt trên vỉa hè đá lát mà ngủ. Tiếng từng từng của một cây đèn xita vang lên dặt dìu lúc khoan lúc nhặt trong không khí tĩnh lặng của một đêm tối trời. Trong giây lát tôi nghĩ đến viên thư ký khách sạn người Bồ Đào Nha với thân hình phốp pháp hiện đang nằm bất động trên phiến bê tông lạnh lẽo trong nhà xác của sở cảnh sát trong khi linh hồn hắn đang bắt đầu cuộc hành trình đến “một đất nước chưa được phát hiện nơi mà du khách một khi đã đi qua thì không thể quay trở về được nữa”. Một viên cảnh sát vẫy xe ngựa cho chúng tôi và cả ba lại quay về khách sạn, thưởng thức cảm giác mát lạnh của không khí Bombay khi đêm về khuya. Có vẻ như nhà thám tử tài ba của chúng ta cũng có lúc buồn phiền, gương mặt với những đường nét sắc cạnh dưới chiếc mũ sẫm của Sherlock Holmes gục xuống rầu rĩ. Ông hoàn toàn đắm chìm trong những suy nghĩ riêng tư nên dường như không nghe thấy câu hỏi của Strickland. “Nó đã được thực hiện như thế nào, thưa ông Holmes?” “Cái gì cơ?” “Phát súng ấy, ông Holmes. Gã Bồ Đào Nha đã bị bắn như thế nào?” “Ồ cái đó,” Holmes trả lời với giọng lạnh đậm và từ từ ngẩng đầu lên, “chỉ là một khẩu súng hơi.” “Ông nói gì thế một khẩu súng hơi, Strickland thân mến. Hay đúng hơn là một khẩu súng trường hơi. Hay tin tôi, có một thứ như thế đã tồn tại(3). Một thứ vũ khí độc nhất vô nhị, không gây ra tiếng động, còn khả năng sát thương thì vô địch. Tôi biết rõ rằng Von Herder, tay thợ máy mù người Đức đã chế tạo ra nó theo lệnh của giáo sư Moriarty quá cố. Đạn mà nó bắn ra là đạn súng lục loại nhẹ. Đó là một kỳ tích, vì ai có thể chờ đợi một việc như vậy từ một khẩu súng trường hơi. Moran, hơn một lần, đã cố hạ gục tôi với món đồ chơi đó, nhưng số phận đã tử tế với tôi hơn là những con cọp của Đại tá.” “Nhưng chắc chắn hẳn ta sẽ thử lại lần nữa,” tôi nhận xét, “nếu chúng ta không cố bắt giữ hoặc chặt bớt vây cánh của hắn ta. Tiếp tục ở lại đây sẽ vô cùng nguy hiểm cho tính mạng ông, Holmes ạ.” “Xét về khía cạnh nào đó thì tôi cũng không phải là một kẻ yếu bóng vía, Hurree ạ, nhưng tôi hiểu quan điểm của ông. Vậy ông đề nghị ta sẽ hành động theo hướng nào đây?” “Tránh voi không xấu mặt nào, biết người biết ta cũng là cái đúng của kẻ trí vậy, nếu có thể, tôi khuyên ông hãy nhanh chóng rút khỏi cái thành phố đã trở thành một nơi nguy hiểm nhất đối với ông,” tôi đề nghị. “Hurree nói đúng đây ông Holmes,” Strickland nói, “tại Bombay này Đại tá Moran có rất nhiều lợi thế, có thể xem như hổ mọc thêm cánh vậy. Ngoài việc thành phố này có diện tích rất lớn, lại ở trong tình trạng, e hèm, có thể nói là rất lộn xộn, gây nhiều trở ngại cho việc thi hành công vụ của cảnh sát, còn có vô số tổ chức tội ác mà Moran có thể dễ dàng tuyển mộ cho những mục đích xấu xa của hắn.” “Tôi đề nghị một chỗ trú chân tạm thời ở Simia, ông Holmes ạ,” tôi nói. “Vào thời điểm này trong năm, thời tiết cực kỳ dễ chịu và rất phù hợp với thể chất người châu Âu. Các vị có nhớ không?...những triền đồi xanh tươi, những dòng suối trong vắt như pha lê, làn gió vùng trung du mát mẻ mang hơi thở ngát hương của những loài thông bất diệt...” chúng ta có thể nhận được những thông tin tương tự như thế trong cuốn Sổ tay hướng dẫn du lịch Simla của tác giả Towell.” “Ông chớ để cho những câu văn vắn của Hurree làm cho mất tinh thần, ông Holmes ạ,” Strickland đáp. “Phải, Simla là nơi nghỉ xả hơi tốt nhất cho ông vào lúc này. Mặc dù nó là thủ phủ mùa hè của quan chức chính phủ, nhưng nó đủ nhỏ để chúng ta có thể theo dõi được bất cứ du khách nào tỏ vẻ bất thường, ngoài ra dân ở đây đều là những người dân miền núi rất chất phác, lương thiện. Với lại, một khi lên vùng cao thì ông Hurree đây sẽ giống như cá gặp nước, ông ta có thể bảo vệ ông một cách hiệu quả.” Tôi rất vui khi biết được rằng mình có thể trở thành bạn đồng hành cùng Holmes đến Simla. Chỉ sau hai ngày quen biết ông, tôi đã hoàn toàn tin chắc rằng được ở gần con người đặc biệt này không chỉ giúp người ta học hỏi thêm nhưng kiến thức nhiều mặt mà còn là cả một niềm vui lớn. “Tàu chở thư đến Peshawar sẽ lăn bánh lúc một giờ đêm nay, ông Strickland ạ,” tôi nhìn chiếc đồng hồ đeo tay lớn màu bạc có hình củ cải mà tôi thừa hưởng từ cha. “Nếu không có việc gì cần kíp đối với ông Holmes, chúng ta còn khoảng hai giờ nữa để đón chuyện tàu đó.” “Tốt lắm, tôi đã sống cuộc đời này đây, mai đó quá lâu rồi,” Sherlock Holmes trả lời, “và hai giờ là khoảng thời gian quá đủ để cho tôi lấy cái túi xách ở khách sạn.” “Thế là ổn cả,” Strickland nói khi chiếc xe dừng lại trước cửa khách sạn. “Ông càng rời khỏi Bombay sớm thì càng ít có cơ hội cho Moran giở trò đối phó với ông. Nay, ông Hurree,” anh ta quay sang tôi, ra lệnh, “hãy mau chóng về nhà lấy hành lý rồi đến gặp chúng tôi ở ga Victoria ngay tại quần bán sách bảo gần phòng đợi đầu tiên nhé.” Chú thích: (1) ad interim (tiếng Latinh): tạm thời (2) outré (tiếng Pháp): quá đáng, thái quá (3) Mặc cho đặc điểm khá mới lạ của nó, súng trường hơi đã được sử dụng thậm chí còn sớm hơn nữa trong lịch sử. Louis XIV đã săn hươu với một khẩu như vậy. Thậm chí, quân đội Pháp đã sử dụng loại vũ khí này rất thành công để chống lại quân Áo trong cuộc chiến tranh của Napoleon. Lewi s và Clark từng dùng một khẩu súng trường hơi trong cuộc thám hiểm nổi tiếng của họ

9. Chuyến Tàu Thư Biên Giới

Victoria chắc chắn là nhà ga tàu hỏa tráng lệ nhất thế giới. Nó được mở vào tháng Tám, mới cách đây năm năm, nhân dịp lễ mừng đám cưới vàng của Nữ hoàng của chúng ta. Sự lộng lẫy cũng như sang trọng của nó được người ta tán tụng ở khắp nơi trong lãnh thổ, duy chỉ có bà Dufferin, Phó vương phu nhân là không chấp nhận mà cho rằng nó “quá xa hoa đối với đám đông hành khách ô hợp huyên náo của ngành hỏa xa”. Dinh thự đồ sộ này về mặt kiến trúc mà nói, là sự kết hợp hài hòa giữa các phong cách Viên, gothic, Tân cổ điển, Hindu và Hồi giáo. Các cột chống được làm từ loại đá granit xẫm màu rất đặc biệt, nhập khẩu từ Aberdeen, tạo nên một kết cấu tráng lệ pha lẫn nét đường bệ của Hoàng tộc. Tôi đứng dựa lưng vào một trong những chiếc cột chống vững chãi ấy, hành lý xách tay và chiếc giường xếp nằm dưới chân, đôi mắt lơ đãng quan sát dòng người đến và đi, họ len lỏi bước qua những hình nhân nằm ngửa mặt lên trời, đó là những hành khách hạng ba, những người mua vé tàu đêm và tranh thủ chợp mắt ở thêm nhà ga trong lúc đợi tàu. Những người bán bánh kẹo, người chở nước, bán trà đạo bán thuốc lá và trầu cau (Paan) dạo cất tiếng rao ông ổng rất ồn ào át cả tiếng huyên náo của đám đông đi lại trong nhà ga. Tôi mua tờ Thời báo Ấn Độ tại quầy sách báo A. H. Wheeler, ở đó cũng trưng bày cả những tác phẩm của ông Kipling với những bìa sách màu xanh đặc biệt (Thư viện Đường sắt Ấn Độ) giúp giải khuây cho hành khách trong chuyến hành trình dài dằng dặc phía trước. Trong lúc trả tiền cho người bán báo và kẹp tờ báo dưới nách, tôi thoáng thấy một người đàn ông đáng nhớ thoắt mặc bộ đồ vải bông dày nhiệt đới màu cháo lòng, đội sùm sụp một chiếc mũ cát quá khổ. Hắn ta từ cửa phòng chờ hạng hai(1) lao ra ngoài và thành linh biến mất trong đám kỵ binh đông đảo người Sikh. Gã đàn ông có khuôn mặt chồn sương hai mặt một tên mật thám? Có đúng là hắn không. Rất nhiều người trên đất nước này đội mũ cát quá khổ và mặc bộ quần áo vải bông dày dơ bẩn nhưng một lần nữa... Trước khi tôi có thể sắp xếp lại các suy nghĩ của mình một cách thích hợp thì có ai đó vỗ vào vai tôi từ phía sau khiến tôi giật nảy mình. “Ồ, là anh à, Strickland,” tôi kêu lên mừng rỡ. “Giờ thì hãy nghe tôi đây, ông Hurree. Tôi đã cố gắng lấy được ngăn buồng cuối cùng ở toa hạng nhất cho hai người từ suất ưu tiên của chính phủ, vì thế ông có thể đi với ông Holmes mà không phải lo lắng về bất cứ vấn đề nào nảy sinh với những hành khách châu Âu khác.” “Ồ, sẽ không có vấn đề gì đâu, anh bạn quý hoá ạ.” “Tôi cũng không chắc lắm đâu, Hurree ạ. Tôi vẫn không sao yên tâm được khi để ông và ông Holmes ra đi như thế này.” “Nhưng tại sao chứ, Strickland? Chúng ta đã nhất trí là...” “Tôi biết ông Holmes sẽ an toàn hơn khi rời khỏi Bombay, nhưng một con tàu trên đường đi của nó có vẻ như cũng là một mục tiêu lý tưởng cho một cuộc tấn công khác...” “Đừng lo, thưa ngài. Tôi sẽ không ngủ nghe gì đâu”. Chuyến tàu thư biên giới rầm rập lăn bánh vào ga, chỉ muộn hơn một vài phút so với giờ ghi trên vé là 1 giờ 45 phút sáng. Đám người nằm ngủ gà gật ngổn ngang trên thêm ga lồm cồm bò dậy. Tiếng ồn và sự huyên náo thông thường của một nhà ga lúc này đã lên tới đỉnh điểm, hành khách thi nhau gào lên trong lúc tập hợp hành lý, túi ngủ, trẻ con và người thân, rồi lao đi như điên, chen lấn nhau nhón nháo ở cửa lên xuống và cửa sổ các toa tàu. Sự tán loạn của đám hành khách dường như cũng lây cả sang những người bán dạo, đám phu khuân vác và đoàn người ăn xin trong lúc họ la hét, tranh cướp khách hàng và cầu xin lòng thương xót của những người đang vội vã cho một chuyến đi xa. Chúng tôi đến đón ông Holmes ở phòng chờ hạng nhất. Với sự giúp đỡ của một phu khuân vác mặc sơ mi chỉnh tề màu đỏ và thắt dải băng màu đồng nơi cánh tay - anh này nhanh nhẩu đội sổ hành lý ít ỏi của chúng tôi lên đầu - chúng tôi cũng phải chen lấn qua đám đông hỗn loạn mới lên được tàu. Như một biện pháp ngăn ngừa bọn thổ phỉ tấn công, xe lửa ở Ấn Độ không có lối đi thông toa này sang toa khác, mỗi toa đều có một lối đi lên xuống độc lập từ thêm ga. Trên sân ga có một nhóm quân nhân người Anh nhón nháo - đáng vẻ bặm trợn rất lính tráng của trung đoàn Hoàng gia Warwickshire - ngay lập tức họ chiếm toa tàu nối liền với toa chúng tôi. “Ông đã vũ trang đầy đủ chưa, ông Holmes?” Strickland hỏi. “Tôi có một khẩu súng rất nhỏ. Tôi nghĩ nó cũng đủ tốt để mang theo.” Tôi sẽ nhẹ nhõm và an tâm hơn nếu ông bao giờ cũng giữ nó cạnh mình, ngày cũng như đêm, không một phút lơ là canh gác. Hurree là một tay lão luyện trong chuyện này, ông có thể tuyệt đối tin tưởng vào ông ấy.” “Hắn rồi. Tốt lắm, bây giờ thì tạm biệt anh, Strickland. Tôi không biết cảm ơn thế nào cho đủ về sự giúp đỡ quý báu của anh.” “Tạm biệt ông, Sherlock Holmes,” Strickland nói khi tàu bắt đầu lăn bánh khỏi thêm ga và những đứa bé ăn xin cố sức những nỗ lực điên cuồng cuối cùng để gọi lòng thương hại của hành khách trên tàu. “Tạm biệt Hurree. Nhớ là không được bắt cản đây”. Sau khi xua đuổi vài đứa bé ăn mày, đang nhảy như con chơi chơi toan trèo vào trong toa, tôi ngồi xuống, tựa lưng vào ghế và chúi mũi vào tờ báo mới mua, trong lúc con tàu rời khỏi ga, bắt đầu cuộc hành trình dài đến Peshawar nằm dưới chân đèo Khyber, sau sẽ chạy qua Deolali, Burhanpur, Khandwa, Bhopal, Jhansi, Gwalior, Agra, Dehli, Umballa, Amritsar và Lahore, nhưng chúng

tôi sẽ xuống ga tại Umballa và đón một chuyến xe ngựa đến Simla. Holmes thò đầu ra ngoài cửa sổ, chăm chú nhìn xuống một cái gì đó ở bên ngoài. Một lúc sau ông thụt đầu vào trong, cũng ngả người vào lưng ghế và châm tẩu thuốc. Tôi sắp xếp hành lý gọn gàng lên cái giá phía trên đầu, rồi bỏ một miếng paan vào miệng. Trong lúc chậm rãi nhai paan, tôi điểm lại một lần nữa tất cả những sự kiện vừa xảy ra trong ngày. Đột nhiên tôi nhớ đến gương mặt chồn sương của một gã đàn ông. “Có chuyện gì thế, Hurree?” giọng điềm tĩnh của Holmes vang lên phá vỡ nỗi ưu tư của tôi. “Trông ông như thể vừa mới nuốt phải một đồng ba xu vậy”. Tôi thuật lại cho ông nghe về chuyện vừa thoáng bắt gặp gương mặt kẻ bám theo đuôi chúng tôi ở nhà ga. “Nhưng tôi cũng chẳng chắc lắm, thưa ngài,” tôi nói. “Tất cả diễn ra quá nhanh”. “Hừm. Dù vậy sẽ là một sự khinh suất đáng trách nếu chỉ xem nó như một sự cố ngẫu nhiên. Vào lúc này thì chắc chắn tên Moran đã biết việc chúng ta rời khỏi Bombay tối nay. Đó không phải là một ý nghĩ dễ chịu gì cho lắm. Trở thành đích ngắm, một lần nữa, cho những động vật nguy hiểm và những viên đạn nổ rộng thể tích khi xuyên vào người, nhất là khi ta lại ở trong khoảng không gian rất giới hạn của một toa tàu đang chạy, là một cái gì quá sức đối với tạng người như tôi. Nhưng may mắn thay Sherlock Holmes đã khéo léo lái tâm trí tôi thoát khỏi những suy nghĩ ảm đạm bằng cách hướng cuộc nói chuyện của chúng tôi sang các đề tài dễ chịu và có tính học thuật hơn.” Dân tộc học là chuyên môn của ông, đúng không Hurree?” Holmes gợi chuyện, “Ông có thể vui lòng nói cho tôi biết hình ảnh một bàn tay xò ra có ý nghĩa tượng trưng nào trên đất nước ông hay không?” “Một bàn tay mở ư? Ồ, đó là biểu tượng của nữ thần Kali”. “Làm ơn nói cho tôi biết một cách chi tiết hơn”. “Rất hân hạnh, thưa ông Holmes. Kali chắc chắn không phải là vị thần nhân ái bình thường như trong suy nghĩ của ông. Hoàn toàn không phải như vậy. Bà ta là hiện thân của những khía cạnh hung dữ và khủng khiếp nhất của Devi, Nữ thần Tối cao; chắc chắn đó là vị thần độc ác nhất trong thần hệ của người Hindu. Kali được mô tả như một phụ nữ thủy gớm ghiếc, toàn thân nhuộm máu tươi, nhe răng thè lưỡi ra ngoài. Bốn bàn tay của bà ta nắm giữ những vật khác nhau, một thanh gươm, một cái khiên, một bàn tay góm guốc của người khổng lồ và một sợi dây thòng lọng. Có một thời, các nghi lễ thờ cúng nữ thần Kali bao gồm cả việc tàn sát những vật cúng tế. Kali được cho là đã... phải, đã phát triển sở thích hút máu người khi bà ta được mời đến để giết quỷ Raklavija.” Nhưng nói chung, tất cả những điều này đều xuất phát từ những tín ngưỡng mê tín và man rợ, ông Holmes ạ, hoàn toàn không phù hợp với tư duy khoa học. Bản thân tôi, một người Brahmo Somajist(2), thì tránh xa những hành động tàn ác như thế và thay vào đó luôn tôn trọng những nguyên tắc hợp đạo lý và mang tính nhân văn cao quý, những điều đã được diễn tả trong Upanishads(3) vốn đại diện cho những triết lý nhân sinh chân chính của Ấn Độ giáo chưa hề bị hoen ố. “Rút cái tẩu thuốc ra khỏi miệng, Sherlock Holmes hơi cúi người về phía trước, nói: “Thật thú vị, nhưng có phải nữ thần tàn bạo kia hay biểu tượng bàn tay mở có bất cứ mối liên hệ nào với một điều gì khác hơn chuyện thần thoại ông vừa kể, với một tội ác, chẳng hạn...” “Chuyện đó thì có đấy thưa ngài. Kali là nữ thần được hội “Những kẻ sát nhân” thờ phụng. “À tôi nhớ là đã đọc về chúng cách đây vài năm. Một hội giết người chuyên nghiệp, có phải không?” “Đúng vậy, thưa ông Sherlock Holmes. Chúng là thành viên của liên minh những kẻ ám sát được tổ chức rất tốt trong thế giới ngầm của Ấn Độ suốt hơn ba trăm năm qua”. “Làm ơn tiếp tục đi,” Holmes nói, đôi mắt nhắm lại, các đầu ngón tay chụm vào với nhau, trong khi cả thân người ngã vào lưng ghế. “Cách hành sự của những kẻ giết người hiểm độc này khá đơn giản, chúng tìm cách chiếm được lòng tin của khách bộ hành và khi đã trở nên thân thiết với họ, chúng tìm cách bóp cổ họ từ đằng sau bằng một chiếc khăn tay đã được thắt nút lại ở các góc (để nắm cho chặt hơn) và một đồng bạc dâng tặng cho Kali. Nhất nhất việc gì cũng phải thực hiện theo những quy định nghiêm ngặt, cổ xưa, tiếp theo việc cử hành những nghi thức tôn giáo đặc biệt trong đó việc phong thánh cho cuộc chìm và lễ dâng đường kính là phần được thực hiện một cách nổi bật nhất. Mặc dù tín điều tôn giáo chủ yếu của họ là tôn thờ Kali, nhưng có thể thấy nhiều dấu vết của giáo lý đạo Hồi hiện diện trong tín ngưỡng của họ. Thường hội này sử dụng một loại biệt ngữ riêng được gọi là Ramasi. Bọn chúng cũng đưa ra những dấu hiệu đặc biệt để các thành viên có thể nhận ra nhau.” “Khi nào thì nhà cầm quyền biết đến sự tồn tại của tổ chức này?” “Bằng chứng rõ ràng về môn phái sát nhân này chỉ được phát hiện khi huân tước William Bentinck trở thành Toàn quyền Ấn Độ; điều này xảy ra vào những năm 1830, đúng cái thời hoàng kim của công ty Bahadur - Công ty Đông Ấn đáng kính. Huân tước đã chỉ đạo đại úy Sleeman thực hiện những biện pháp cần thiết để trừng trị những kẻ coi thường Luật pháp Đại Anh quốc. Trong vòng năm năm có không dưới ba nghìn kẻ sát nhân bị bắt và bị kết án; một trong số đó đã thừa nhận riêng bản thân hắn thực thi thiên không dưới 719 vụ giết người, nhiều vụ khác diễn ra cũng phải quá lâu trước những vụ được kê trong bản danh sách phong thiếp này. Hơn 400 kẻ sát nhân đã bị treo cổ, phần còn lại bị lưu đày, chắc chắn là đến quần đảo Andaman.” “Như vậy là toàn bộ bọn man rợ độc ác này đã bị quét sạch?” “À đó sẽ là một luận điểm...

à... mặc nhiên, nhưng cũng không hẳn là như vậy... e concensu gentium(4) ông cũng biết đấy”. “Nhiều kẻ còn sống sót ư?” “Không nhiều, nhưng cũng đủ để khôi phục và duy trì tổ chức tội ác này. Khi đại úy trẻ tuổi Sleeman thực hiện những cuộc truy sát, thì Những kẻ sát nhân có địa bàn hoạt động chủ yếu ở Trung Ấn, phần lớn ở những khu vực nông thôn hẻo lánh và vùng rừng núi. Những kẻ bị mắc kẹt ở những vùng xa xôi hẻo lánh đều đã bị tóm, không sớm thì muộn. Chỉ có một số ít đã thay đổi thói quen hành sự, mò đến những thành phố lớn như Calcutta hay Bombay thì còn sống sót. Đó là lý do tại sao tôi muốn ông rời khỏi Bombay càng sớm càng tốt, ông Holmes ạ. Chúng vẫn nhớn nhọc ở đó, vẫn giết người như ngóe, sẵn sàng bán linh hồn và tay nghề của mình cho những kẻ như Đại tá Moran”. Ra khỏi Bombay đoàn tàu chạy chậm lại và dừng lại ở một ga xép nhỏ. Có lẽ đường ray phía trước chưa được giai phóng hoặc lịch tránh tàu đã có gì thay đổi. Một người soát vé lai Âu-Á, trông đáng vẻ như thể đang có điều gì lo lắng ghê gớm đi vào khoang; gương mặt khó khăn của ông ta, bị khuất một phần dưới chiếc mũ cát to bất tiện, bóng loáng những giọt mồ hôi. Ông ta nhìn chằm chằm vào tôi vẻ trịch thượng, để ghét: “Này Ba bu. Sao lại lơ đãng ở đây? Nikal jao Jaldi!(5)

“Quý ông này đang đi du lịch cùng với tôi,” Holmes nói giọng ôn tồn nhưng cương quyết. “Chúng tôi đã thuê bao toàn bộ khoang này đây là vé của chúng tôi”. Lau mặt bằng một chiếc khăn tay không lấy gì làm sạch sẽ cho lắm, người soát vé chăm chú tìm tên chúng tôi trong tập danh sách hành khách - một xấp giấy nhàu nát ẩm ướt kẹp trong một cái bìa đựng hồ sơ - và cuối cùng đành bấm vào cuống vé của chúng tôi một cách bất đắc dĩ. Đúng lúc ông ta quay lưng đi khỏi, Sherlock Holmes nói: “Xin lỗi, không biết ông có tình cờ mang theo một màu phấn không?” Người soát vé có phần hơi ngạc nhiên trước đề nghị bất ngờ của Holmes, nhưng vẫn móc ra một cục phấn trắng nhỏ từ túi chiếc áo đồng phục màu xanh đã bạc màu và đưa cho Holmes. Nhìn chung, nhân viên soát vé và bảo vệ thường mang phấn theo người để đánh dấu vào hông toa tàu cho dễ kiểm soát. “Cám ơn rất nhiều,” Holmes nói khi người soát vé kẹp bìa hồ sơ dưới nách và đi khỏi. Tôi cũng rời khỏi khoang đi tìm xe bán thức ăn. Cũng may là nó không ở quá xa nên tôi có thể mua một ít bia Murree ướp lạnh cho ông Holmes và nước khoáng có pha quinin cho mình. Khệ nệ mang nhưng thứ này, tôi vội vã qua lại khoang, may mà vừa đúng lúc, vì tôi vừa về đến nơi thì tàu bắt đầu lăn bánh trong màn đêm dày đặc. Sherlock Holmes cũng không ở trên tàu, ông đang leo vào toa theo tôi. Khi ông vào đến cửa, tôi để ý thấy tay ông dính đầy bụi phấn. Sau đó, ông vào toilet nối vào toa của chúng tôi. Khi ông quay lại, tôi nhận thấy đôi tay ông đã được rửa sạch sẽ. Xe lửa từ từ tăng tốc, gầm lên trong lúc xuyên qua cái nóng hầm hập về đêm của Ấn Độ. Hai chúng tôi ngồi vào bàn. Chúng tôi vừa uống bia lạnh và nước khoáng, ăn nho Cabuli và quả hồ trăn mà tôi đã mua từ sớm tại chợ Bhindi vừa thân mật trao đổi về những vấn đề đặt ra trong cuộc đời con người, về nghệ thuật và triết học trước khi cái mỗi một và cơn buồn ngủ ập đến. Khoảng ba giờ sáng, tôi đột ngột thức dậy vì những tiếng ầu ẩu từ toa tàu bên cạnh, thậm chí nghe có cả tiếng súng nổ. Có lẽ, đám lính người Anh đã nốc đầy rượu vào và như thường lệ, trở nên ngổ ngược bất trị, chỉ làm những chuyện làm ô danh bộ quân phục trên người. Có tiếng ai đó dường như hét to điều gì đó bằng tiếng Hindu, nhưng tôi không nghe rõ lắm. Một lúc sau, tiếng la ó lắng xuống và thần mộng lại dịu dàng ôm chặt tôi vào lòng. Nhưng ngay trước khi lịm vào giấc ngủ, tôi nghĩ mình đã nghe Sherlock Holmes cười khe khẽ một mình trong bóng tối toa tàu. Khi thức giấc lần nữa, tôi thấy Sherlock Holmes mặc chiếc áo choàng màu tía đang hút tẩu thuốc và đọc tờ Thời báo Ấn Độ, trong khi một nhân viên phục vụ đường sắt mặc chế phục trắng tinh đang phục vụ bữa sáng trên tấm ván gỗ dùng như chiếc bàn gấp. “Chào buổi sáng Hurree,” Holmes nói, sột soạt lật thêm một trang báo. “Tôi tin là ông đã ngủ rất ngon”. “Ồ, phải, thưa ông Holmes. Như một đứa trẻ. Chỉ có điều tiếng huyền não chết tiệt ở toa bên cạnh phần nào đã làm phiền giấc ngủ của tôi. Chắc nó cũng đánh thức ông chứ?” “Babuji!” người phục vụ nghe câu chuyện giữa hai chúng tôi thì lập tức xen vào, một điều không phải phép cho lắm. “Có hai tên thổ phỉ đã tấn công toa tàu bên cạnh vào đêm hôm qua”. “Làm thế nào anh biết được điều đó?” tôi hỏi bằng tiếng địa phương. “Babuji, chính tôi đã vào toa đó để phục vụ bữa trà sớm tại ga chính Jalgaon vào sáng sớm hôm nay. Nhân viên cảnh sát ở đó đã bắt một tên từ toa tàu bên cạnh. Người soát vé cho tôi biết rằng hai tên thổ phỉ đã cố cướp một toa tàu chở đầy lính Anh. Hai! Bewakoof, khi biết mình đã nhầm địa chỉ, một tên đã nhảy ra theo đường cửa sổ. Tên kia bị một quân nhân bắn vào chân. Xin lỗi, giờ tôi phải đi để phục vụ cho những toa khác”. “Một lũ thổ phỉ hữu dũng vô mưu, lại đâm đầu vào một toa đầy những lính vũ trang đến tận răng cơ chứ,” tôi châm chước nói sau khi đã phiên dịch câu chuyện của người phục vụ cho người bạn đường đặc biệt của mình nghe. theo chỗ tôi biết, bọn tội phạm kiểu này vốn cần thận và chuẩn bị rất kỹ càng mỗi khi ra tay cơ mà! Nhưng dường như nhà thám tử không chia sẻ những nghi ngờ với tôi. Một ánh lửa hiểu biết và tinh nghịch lóe lên trong cặp mắt chim ưng của ông. “Trời đất ơi, ông Holmes,” tôi kêu lên,

“tôi nhận thấy ông đã đi đến một kết luận đúng đắn về vấn đề này. Xin ông đừng bắt tôi phải sống mãi trong bóng tối của sự ngu dốt nữa” “Có gì đâu,” ông bỏ tờ báo qua một bên, “Tất cả bắt đầu với việc vẽ một bàn tay mở. Ông vẫn nhớ là tối hôm qua tôi đã hỏi ông về ý nghĩa của biểu tượng đó chứ?” “Vâng, thưa ông. Tôi đã bảo ông đó là biểu tượng của Kali.” “Và tôi đã chú ý đến một phác thảo y như thế được vẽ bằng phấn trắng ngay bên hông toa tàu của chúng ta, chỉ ngay trước khi tàu rời ga ở Bombay.” “Sao tôi chẳng thấy gì cả?” “Ông có thấy nhưng nó không được lọc vào bộ nhớ của ông thôi. Sự khác biệt rất rõ ràng. Ví dụ, hẳn ông đã đi hàng trăm chuyến tàu trong đời và thường xuyên nhìn thấy các bánh xe dưới gầm toa.” “Vâng, thế thì sao?” “Vậy thì tôi hỏi, theo ông có bao nhiêu bánh xe ở mỗi toa nào?” “Bao nhiêu ư? Tôi cho là bốn. Nhưng tôi cũng không chắc lắm.” “Vấn đề là ở chỗ ấy đấy! Ông đã không quan sát dù ông đã từng nhìn thấy nó. Nhưng tôi thì khác. Tôi biết rõ là có tám bánh xe ở mỗi toa bởi vì tôi đã thấy và đã ghi nhận. Nhưng hãy quay lại đề tài lúc này: khi nhìn thấy hình vẽ bàn tay xò rộng tôi đồng thời biết rằng nó chỉ có thể rơi vào một trong hai trường hợp: trò nghịch ngợm vô hại của trẻ con, hoặc một dấu hiệu được để lại với một mục đích rõ ràng nào đó. Khi ông cho tôi biết rằng, hình vẽ đó là một biểu tượng của nữ thần Kali và do đó là biểu trưng giáo phái của tổ chức tội phạm Những kẻ sát nhân, thì tôi biết có một trò chơi đã được sắp đặt và chuyến đi của chúng ta đã bị phát hiện.” “Nhưng ai có thể làm điều đó? Ông Strickland đặt chỗ cho chúng ta ngay trước khi tàu vào ga, và chúng ta luôn ở trong toa từ lúc lên tàu cơ mà?” “Có thể đó là một trong những kẻ ăn xin leo lên cửa sổ toa tàu. Chắc chắn Moran sẽ đề phòng bằng cách bố trí người canh chừng tại nhà ga, phòng trường hợp tôi bỏ trốn.” “Rất có thể gã mặt chồn là một trong những kẻ đó thưa ngài.” “Nhiều khả năng hẳn chính là kẻ đứng đầu và đã rải vô số tai mắt ở khắp các vị trí khác nhau tại nhà ga để báo lại cho hẳn nhất cử nhất động của chúng ta, nếu chúng phát hiện ra bất cứ điều gì.” “Phải, tất nhiên. Tôi hoàn toàn đồng ý với ông, Holmes ạ.” “Lúc ấy tôi không thể nhờ cảnh sát can thiệp chỉ vì một cái hình vẽ ngớ ngẩn nào đó, đây là đặt giả thuyết chúng ta có được một sự giúp đỡ như thế trên một đoàn tàu đang chạy. Chúng ta ai cũng thừa biết rằng trước khi ra tay giúp đỡ, nhất định cảnh sát sẽ muốn biết rõ vị trí của tôi trong cái kế hoạch được sắp đặt này một điều thật khó mà giải thích cho họ hiểu chân tơ kẽ tóc. Cũng có khả năng Đại tá Moran nguy trang một số tay chân của mình thành cảnh sát để đánh lừa chúng ta. Chẳng còn sự lựa chọn nào khác, tôi đành xóa hình vẽ bên hông toa tàu của chúng ta và vẽ một cái tương tự vào toa kế bên, toa tàu chở đầy lính vũ trang.” “Úi chà! Tất nhiên rồi. Như vậy Những kẻ sát nhân đã tấn công vào toa tàu ấy tối hôm qua, chứ không phải là thổ phỉ. Chao ôi. Nếu không có sự thận trọng và nhanh trí của ông rất có thể những chiếc khăn tay đã xoắn quanh họng chúng ta lúc nửa đêm về sáng rồi. Cha mẹ ơi!” “Ồ, không đến mức bị đất thế đâu. Khẩu súng của tôi bao giờ cũng sẵn sàng nhả đạn cơ mà. Nhưng giám bớt nguy cơ thì vẫn tốt hơn. Xem nào, chúng ta có gì đây nhỉ?” Holmes hỏi, nhắc nắp đậy thức ăn lên, hít hít một hồi rồi khen ngợi. “Chà, thịt xông khói và trứng. Xin được phục vụ ông một chút Hurree à. Nếu tôi không lầm, việc dùng một vài lát thịt hun thối không vi phạm những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong tín ngưỡng đặc biệt của ông.” Khoảng mười một giờ tối, chúng tôi đến Dehli. Tôi nhảy khỏi giường ngủ và thò đầu ra ngoài cửa sổ nhìn vào cái nhà ga xấu xí, trông như một cái lò cốt xây bằng đá màu đỏ quạch. Tiết trời rất nóng, còn nóng hơn ở Bombay nữa, và hết sức bụi bặm. Một người chở nước đơn độc đang phun ướt thêm ga bằng một chiếc bình đã màu da trâu đựng đầy nước, nhưng tiếc thay việc đó không giúp thanh lọc được bầu không khí bụi mù hay làm nó mát dịu đi được chút nào. Trên sân ga, đám người ăn xin còn ồn ào và lộng hành hơn ở đâu hết. Tôi mua paan từ người bán dạo chột mắt và nhai cho tới khi may sao con tàu được kéo ra khỏi nhà ga. Thỉnh thoảng cũng có vài cơn gió nhẹ thổi qua cửa sổ toa tàu và tôi nằm xuống ngủ lại. Sáng hôm sau vào lúc năm giờ, tàu lăn bánh vào nhà ga thành phố Umballa, nơi Holmes và tôi xuống tàu. Cơn mưa phùn lất phất đã tẩy sạch bụi bặm và làm tươi mới làn không khí ban mai. Trong lúc chúng tôi ăn sáng tại một nhà hàng nhỏ nhưng sạch sẽ ở nhà ga con tàu thư biên giới tiếp tục cuộc hành trình dài đến ga cuối cùng ở Peshawar. Ở thời điểm này còn chưa có đường xe lửa đến Simla, chúng tôi đón một chuyến xe trạm của công ty Vận tải Miền núi đầu sẵn tại ga và lên đường đến Kalkay điểm dừng đầu tiên en route (7) đến Simla. Chú thích:

(1) Hạng hai, một trong ba hạng của các công ty tàu Ấn Độ thời ấy. Là loại nằm giữa vé cho toa hạng nhất với hạng ba. Toa hạng nhất thời ấy chỉ dùng để phục vụ cho người Âu. (2) Brahmo Somai hay Hội thần thánh được Raja Ram Mohan Roy - một nhà cải cách lớn người Ấn và là nhân sĩ lão thành của Thời kỳ phục hưng Bengal - sáng lập vào năm 1828. Hoạt động của ông ta trên những nguyên tắc lý tính và quyền cá nhân được diễn đạt trong Upanishada. Tư tưởng lý luận của ông trở thành những khái niệm căn bản cho tư tưởng của cả người Ấn Độ lẫn người châu Âu và hình thành một cơ sở, qua đó chúng có thể vay mượn và ảnh hưởng lẫn nhau. Mohan Roy đã phá hệ thống sati và sự lạm dụng đẳng cấp, ủng hộ việc nâng cao địa

vị cho người phụ nữ và thủ tiêu hệ thống sùng bái ngẫu tượng

(3) Upanishads là tên gọi chung cho những tập luận văn cổ Ấn Độ, trong đó một số tập sớm nhất được sáng tác vào khoảng từ thế kỷ 6 đến 3 trước công nguyên. Được coi là nối tiếp các bộ Vệ Đà và là phần văn bản cuối cùng của thời kỳ Vệ Đà, Upanishads là những tư liệu cổ lần đầu tiên đặt ra những vấn đề triết học như: chúng ta từ đâu đến, đang ở đâu, sẽ đi về đâu. Upanishads cũng là nguồn gốc của hệ thống triết học duy tâm khách quan Vệ Đà, có ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của tư tưởng triết học và giáo lý Ấn Độ (các đạo sà La Môn, Phật, Jana...) cũng có ảnh hưởng đến các quan điểm của các nhà tư tưởng lớn như Schopenhauer (người Đức, thế kỷ 19) Gandhi (lãnh tụ Ấn Độ thế kỷ 20).

(4) e concensu gentium (tiếng Latinh): bởi sự đồng thuận chung

(5) Nikal jao Jaldi: đi ra ngoài mau!

(6) Hai! Bewakoof: Ủi giời! Đồ ngốc!(7) en route (tiếng Pháp) trên đường.

10. Dưới Những Cây Thông Tuyết

Tonga là một kiểu xe hai bánh rất chắc chắn được kéo bởi một hay hai con ngựa, giống như kiểu xe song mã hai bánh, trong thùng xe bố trí những chỗ ngồi đầu lưng vào nhau dành cho bốn hay sáu người và hành khách ngồi tách khỏi người xà ích. Vì chúng tôi thuê bao cả chiếc xe này nên chỗ ngồi rất thoải mái với hai hành khách và một ít hành lý. Đánh xe là một ông lão già cả, mặt mũi nhăn nheo dễ sợ, một chiếc khăn xếp màu đỏ dơ bẩn quấn quanh chiếc đầu có khung xương rất to; tuy vậy ông biết cách điều khiển đôi ngựa lùn giống Kathiawar, dưới bàn tay ông chúng gõ nhịp đều đều vững vàng trên đường đi Kalka, trong không khí trong lành của buổi bình minh mưa. Cỗ xe lộc cộc chạy dọc theo con đường gồ ghề, lở lổm trong nhiều giờ, chỉ có đôi lần dừng lại một parao bên đường, một nơi dừng tạm cho du khách đường xa đuổi dài đôi chân hai đi đi lại lại cho đỡ tê chân, cũng là nơi cho lũ ngựa nghỉ xả hơi một lúc. Chúng tôi tận dụng cơ hội để đuổi chân và uống loại trà nâu pha đường thốt nốt màu gỗ gụ, vốn là thức uống duy nhất có sẵn tại những khu vực đơn sơ như thế này. Đi khỏi thành phố Umballa được khoảng ba mươi lăm dặm, tôi bắt đầu nhìn thấy những dãy núi xanh ngắt như vết mực lam trôi dần về phía chân trời phương Bắc xa xăm. Trận mưa nhẹ hồi sáng sớm quả có tác dụng gột rửa không gian bụi bặm nên các chóp núi như vừa được tắm gội sáng lên lấp lánh và mới mẻ, in đậm trên nền trời xanh tươi vui. “Nhìn kìa, ông Holmes, dãy Himalaya đấy! Nơi ở của các vị thần, hoặc như điều chúng ta được biết trong Skanda Puranas”. Sherlock Holmes ngẩng đầu nhìn lên. Khuôn mặt với những đường nét sắc sảo hơi nhón nhọn của ông như đang trải qua một sự chuyển biến từ bên trong, trở nên mềm dịu hẳn đi, đôi mắt ông như được thắp lên ánh lửa lung linh toả sáng như hai vì sao lớn. Hầu như tất cả mọi người đều xúc động khi lần đầu tiên nhìn thấy rằng Himalaya hùng vĩ còn trong trường hợp của Sherlock Holmes thì có vẻ như tất cả những thận trọng và lo âu vấn đề nặng trong ông ít ra là vào lúc này đã được cất khỏi đôi vai kia, cứ như thể ông đã thực hiện một cuộc hành trình mệt mỏi và dài đằng đẵng, những cuối cùng ông cũng đã về đến nhà. Holmes ngậy người im lặng ngắm nhìn những chóp núi xa xăm hồi lâu. “Nhưng thứ này đã thấm thấu vào Beethoven như thế nào ấy nhỉ?” ông lẩm bẩm một mình. “Trên những đỉnh cao ngự trị sự yên bình - yên bình để phụng sự. ”Tra la la... la... la... la... la... lirra... lay“. Holmes cúi xuống chiếc hộp vĩ cầm để bên cạnh, mở hộp lấy ra một cây đàn cũ kỹ có vẻ như đã cùng ông dãi dầu mưa nắng. Đặt cây vĩ cầm dưới chiếc cầm nhọn ông chỉnh lại dây đàn rồi bắt đầu chơi. Đôi mắt ông đượm một vẻ xa xăm mơ màng trong khi những hợp âm đầy ám ảnh thoát ra từ tiếng đàn của ông. Chắc hẳn ông đang chơi một bản nhạc của Beethoven. Chỉ có điều tôi không biết đó là bản đàn nào. Thú thật tôi chẳng biết gì nhiều về lĩnh vực âm nhạc. Dù vậy đi nữa, ngón đàn của Holmes có sức lay động cảm xúc của kẻ phàm phu tục tử chai sạn nhất. Tôi thật sự mê mẩn. Ông lão đánh xe cất tiếng cười thơ thới hạnh phúc, cả đến hai con ngựa mệt mỏi dường như cũng hoạt bát hẳn lên. Thực vậy trong không trung còn có sự hoà quyện của nhiều âm thanh khác: tiếng vòng xoay đều đặn của bánh xe, tiếng vó ngựa lộp cộp nhịp nhàng, tiếng rì rào êm dịu của triền sông Gugger xa xa, khúc hát của những chú bò câu và chim cu rộc trên những hàng cây Jamun râm mát hai bên đường... một bản giao hưởng kỳ lạ, say đắm ngọt ngào của tự nhiên, mà trong tưởng tượng của tôi đang được trình diễn trước những dải đồi thấp dưới chân rằng Himalaya hùng vĩ mỗi lúc một tiến lại gần. Bản nhạc kết thúc, những nốt nhạc cuối cùng vương trong không trung rồi cũng lịm dần và tắt hẳn. Tôi ngồi bất động một lúc rồi bắt giắc vỗ tay hoan hô nồng nhiệt: “Trời đất ơi! Ông Sherlock Holmes, trên cả tuyệt vời ông còn tài năng hơn cả thần Shiva(1) nhiều tay

nữa. Sherlock Holmes mỉm cười, khẽ cúi đầu chào. Vị thám tử vĩ đại, mặc cho bộ óc khoa học siêu việt lạnh lùng và cung cách bậc thần vẫn cảm động như thường trước một lời tán thưởng chân thành về tài năng của mình. Đêm hôm đó chúng tôi nghỉ đêm tại Kalka. Sáng sớm hôm sau, khi trời vẫn còn mờ mờ chúng tôi đã ở trên đường đi Simla. Vượt qua Công viên Pinjore gần đó, con đường như một dải lụa uốn lượn lên xuống qua những ngọn núi trập trùng mỗi lúc một lớn dần lên. Khắp nơi ta nghe tiếng róc rách rì rào của những dòng suối lớn nhỏ chảy từ trên núi xuống cùng với tiếng eng éc ồn ào của loài khi đầy rẫy trong những khu rừng phong tuyết phủ kín các ngọn đồi. Càng đi xa càng gặp nhiều loại phương tiện di chuyển xuất hiện trên đường đi hơn. Đám sĩ quan người Anh trên những con chiến mã giống Badakshani, các tay lái ngựa người Pathan ngồi giạng chân tề he trên những chú ngựa lùn Cabuli hăng hái, các gia đình thổ dân chất đầy đồ đạc trên những cỗ xe bò di chuyển ỉ ạch, du khách như chúng tôi thì sử dụng những chiếc tonga hai bánh, thậm chí còn bắt gặp cả cảnh một tay quán tượng đầu quấn khăn đóng, oai vệ ngự trên một con voi công vụ của nhà nước, tất cả toả đi những hướng khác nhau, với những tốc độ khác nhau, trên những con đường núi quanh co uốn lượn này. Càng đi không khí càng trở nên mát lạnh hơn tinh khiết hơn, cây cối sum suê hơn và con đường càng tăng dần độ cao. Chúng tôi đã đến gần Simla. Sherlock Holmes thì hài lòng rít từng hơi thuốc từ một trong nhiều chiếc tẩu mà hình như bao giờ ông cũng mang theo bên mình, miệng khe khe ngậm nga một giai điệu nào đó trong cổ và nhẹ nhàng đánh nhịp bằng không ngón tay thon dài trong khi hát. Những nỗi sợ hãi, đề phòng ở Bombay dường như đã lùi đi rất xa: Đại tá Moran hung ác, tên do thám có khuôn mặt chồn sương, cái xác chết đầm máu, viên đạn trong ngực của viên thư ký người Bồ Đào Nha, Những kẻ sát nhân hoạt động về đêm.... tất cả dường như chỉ xuất hiện một cơn ác mộng không thực xa xăm và đã bị lãng quên đến một nửa. Nhưng tôi thì luôn phải nhắc nhở mình rằng tôi nắm trọng trách đảm bảo an toàn cho một trong những con người vĩ đại nhất thế giới, và mặc dù cho đến nay tôi chưa làm được gì nhiều để xứng đáng với sự tin tưởng lớn lao này vì danh dự của Bộ, tôi tuyệt đối không được lơ là. Vì vậy tôi tỏ ra rất cảnh giác, khi cuối cùng chúng tôi cũng xuống xe tại Simla và luôn mở to mắt đề phòng bất cứ tội ác nào có thể do bọn lâu la của Đại tá Moran gây ra. Simla, thủ phủ mùa hè của Chính quyền Ấn Độ từ 1864, là thành phố cao nguyên tuyệt đẹp, nên thơ và tân tiến nhất. Các khu vực của người châu Âu trong thành phố - nhà thờ, toà thị chính, trung tâm thương mại Nhà hát Gaiety, dinh thự của phó vương và tất cả những toà nhà cao tầng, cùng nhà cửa và các cửa tiệm sang trọng - toạ lạc tại những vị trí cao nhất trên đồi và các doi đất hẹp giữa những ngọn đồi. Nằm thấp hơn ở phía dưới là khu chợ của người bản xứ, một mớ lộn xộn chen chúc những ngôi nhà bằng gỗ và thiếc gỉ sét nằm san sát bên nhau trên các sườn dốc. Từ trên nhìn xuống, dù muốn hai không, chúng vẫn gây ra một ấn tượng đảo lộn về thị giác, có cảm giác các ngôi nhà nhỏ xếp chồng lên nhau, nhà này mọc lên trên nóc nhà khác. Sau khi ăn trưa tại Paleti và đăng ký cho khách quý của mình nghỉ ở khách sạn Doveli, tôi tìm đến một khu vực chợ ở thấp hơn, nơi tôi tạm trú trong một ngôi nhà nhỏ khiêm tốn nhất trên đồi Nikku. Người hầu trung thành của tôi, rót trà và trao cho tôi một bản báo cáo về tất cả các sự kiện lớn nhỏ của Simla. Sau đó tôi sắp xếp thời gian để gặp mặt một số người: người giữ rơm, nài ngựa, chủ tiệm tạp hoá, nhân viên thư ký văn phòng, nhân viên khách sạn, đám ăn mày và một người đàn bà Hồi giáo nhỏ nhắn, xinh xắn nhưng thuộc hạng đàn bà lẳng lơ - tất cả những người này không ngần ngại cung cấp thông tin cho tôi hoặc thực hiện những nhiệm vụ nhỏ nhỏ được tôi giao phó để đổi lấy chút tiền công ad valorem(2). Như vậy tôi có thể yên tâm rằng không một ai, kể cả Đại tá Moran, tên do thám có khuôn mặt chồn sương, hay bất cứ tên đâm thuê chém mướn nào có thể thực hiện những hành động xấu xa của chúng được, mà dù chúng có đến Simla thì tôi phải là người biết đầu tiên - chính tôi, Hurree Chunder Mookerjee M.A. Hai ngày sau, tôi xoay sở thuê được một ngôi nhà nhỏ nhưng đầy đủ tiện nghi cho Sherlock Holmes ở Runnymede, gần Choa Simla. Chủ cũ của ngôi nhà này là một anh chàng nổi tiếng về thành tích chim chuột đàn bà và một kẻ có thâm niên trong việc gây ra những vụ xì căng đan tại Simla, nếu chỉ căn cứ vào số vụ việc mà anh ta gây ra, bao gồm cả việc say rượu, ngã ngựa và rơi xuống một khe núi từ độ cao hơn ba trăm mét làm mất toi một vạt bắp của một người Ấn. Tôi e là bất chấp mọi nỗ lực của mình ông Holmes không có vẻ comme il faut(3) cho lắm theo cách nghĩ đời thường. Bạn có thể cho rằng sau tất cả những khó khăn và nguy hiểm mà ông vừa trải qua, ít nhất ông sẽ thư giãn một chút và tận hưởng cơ hội nghỉ ngơi tại nơi an dưỡng tuyệt vời này cùng những người châu Âu khác. Nhưng Holmes không phải loại người như vậy. Ông không đến thăm dinh Phó vương hoặc đăng ký vào danh sách các khách danh dự tại Dinh thống đốc, thậm chí cũng không gửi danh thiếp đến tư dinh những sĩ quan cao cấp và các yếu nhân trong xã hội quý tộc nơi đây. Trên thực tế ông còn không chịu cho in danh thiếp nữa. Kết quả thì bạn có thể hình dung được, ông không được mời đến dự các bữa tiệc và những buổi khiêu vũ trọng thể, cả một lời mời ăn tối cũng không và ông cứ tiếp tục duy trì lối sống như thế, vì nó "hoàn toàn thích hợp" với ông. Những cuộc thi đấu của Hội những người thích bắn cung Simla, cả những trận

polo lay đua ngựa tại Annadale ông cũng hờ hững nốt. Thật sự tôi đã vận dụng tất cả trí tuệ của mình vào việc làm ông vui vẻ hơn. Nhưng đó cũng là thời điểm mà người ta phải hết sức thận trọng nếu có ý định thuyết phục ông làm bất cứ điều gì ông không muốn. Có cái gì đó trong khí chất lạnh lùng, lãnh đạm của ông khiến người ta khó lòng tự tiện muốn cư xử thế nào cũng được. Biết ông đặc biệt say mê âm nhạc, tôi nghĩ không có gì thích hợp hơn là đề nghị cùng ông đến Nhà hát Gaiety vào lúc ấy đang công diễn một nhạc kịch hài vui nhộn có sự tham gia của các diễn viên tên tuổi như các ông Gilbert và Sullivan. Chỉ sau đó tôi mới biết sở thích âm nhạc của ông nghiêng về các buổi hoà tấu violon, nhạc giao hưởng và opera hơn. “Nhạc kịch hài hước ư. Gọi là nhạc kịch vui nhộn ấy à?” Sherlock Holmes kêu lên khi nghe tôi đề nghị, trong giọng ông có cái gì như khiếp đảm lắm. “Đúng, ông Holmes à,” tôi trả lời, có phần e dè, “Chỉ là một vở hài kịch nhẹ nhàng, thuần túy để giải trí, ấy là tôi nghe nói vậy. Cả cái thành phố Simla này chỉ bàn tán về nó. Còn nữa, ngài phó vương đã xem những hai lần cơ đấy!” “À ra vậy và cũng không có gì phải nghi ngờ, đó là lý do tại sao tôi được khuyến cáo hay khuyến khích là cũng nên làm như thế.Ồ, không, tôi xin kiêu. Hãy để Ngài phó vương làm những gì mà ông ta muốn làm. Về phần mình, tôi odi profanum vulgus at arceo(4). Các quan điểm của Horace có thể không hoàn toàn là dân chủ, nhưng ít nhất chúng cũng phản ánh được cách nghĩ của tôi vào lúc này”, ông đưa cho tôi một bản danh sách dài. “Nào Hurree, nếu ông thật sự muốn biến mình thành kẻ có ích, ông có thể xuống cửa hàng dược phẩm và lấy những thứ thuốc thử này cho tôi”. Đây lại là một chuyện khác làm cho tôi cảm thấy có phần khó khăn trong quan hệ với Sherlock Holmes. Như độc giả đến lúc này cũng nhận ra được, tôi là một nhà khoa học, nhưng tôi không bao giờ đi quá giới hạn mà tiến hành những thí nghiệm nặng mùi ở ngay trong phòng khách. Nhưng với Holmes thì không có chuyện đó. Ngay từ ngày đầu tiên đến sống tại Runnymede, ông đã nhờ tôi tìm cho ông một bộ sưu tập các loại ly cốc dùng trong phòng thí nghiệm, bình chưng cất than đá bằng khí đốt, ống nghiệm, ống hút, đèn bunsen và các hoá chất (một số thứ không có sẵn ở Simla). Sau đó ông vui vẻ và hồn nhiên sắp đặt một vài cái kệ ở góc phòng khách, làm a-xít và những thứ tương tự tràn cả ra chiếc bàn kiểu Georgia xinh đẹp mà ông sử dụng làm bàn thí nghiệm. Tôi rùng mình lo sợ khi nghĩ đến cái ngày tôi sẽ phải quay lại ngôi nhà này cùng tất cả đồ đạc đã bị tổn hại của nó để thương lượng với cái “mặt sắt đen xì” của Oswal Jain, nhân viên nhà đất, không chỉ phải bồi thường cho chiếc bàn mà còn cả những vết rạch sâu trên bề mặt gỗ sồi bằng gỗ tếch, nơi ông Holmes trong những lúc đau đầu với những câu hỏi chưa có lời giải của mình đã rạch những nhát rất sâu lên đó bằng con dao găm quai quý của Tây Tạng mà ông đã mua từ một tay buôn đồ cổ ở chợ. Bề mặt gỗ sồi bao giờ cũng là một đồng lõa xôn xôm gồm tàn thuốc từ ống tẩu, bao thuốc lá, ống tiêm, dao nhíp, đạn súng lục và nhiều mảnh vỡ rải rác khác. Nhưng tất cả chuyện này chưa thấm vào đâu. Một ngày nọ, anh người hầu què mùa thật thà như đêm mà tôi đã thuê cho Sherlock Holmes chạy học tốc đến chỗ tôi, thở không ra hơi, hào hển gào lên rằng có tiếng súng nổ và người chết tại nhà quý ông người Anh. Tim đập như trống trận, tôi lao đến ngôi nhà gỗ nhưng kia ông Holmes vẫn mạnh khỏe và vui như tết đang ngồi chễm chệ trên chiếc ghế bành trong một căn phòng mù mịt khói cô đặc. Bên cạnh ông là khẩu súng lục cùng với một hộp đạn và phía bức tường đối diện, trước nỗi kinh hoàng của tôi được tô điểm bằng một chữ OM bí ẩn, được hình thành bởi những vết đạn. Có một điều mà tôi thật sự không thể có ý kiến ý cò gì là niềm đam mê sách vở gần như có xu hướng cường bức của ông. Bởi vì chính tôi cũng có khuynh hướng này, mặc dù tôi chưa bao giờ có đầy đủ phương tiện để thoả mãn nó ở mức độ như ông. Sherlock Holmes không mua sách một cách tàn tiện tính toán mà mua từng chồng lên và để lung tung khắp nhà khiến anh người hầu nhiều phen khốn đốn. Trong thực tế, ông Holmes và tôi chưa bao giờ đi dạo một vòng quanh khu buôn bán mà cuối cùng lại không dừng chân đọc các tựa sách tại quầy sách báo, hay tại Kho sách Higginbotham. Nhưng nơi yêu thích nhất của Sherlock Holmes là cửa hàng đồ cổ của ông Lurgan. Hàng chồng sách, tài liệu, bản đồ, báo... nhưng món hiếm và lạ lùng nhất phủ dày từng lớp bụi xám xịt nằm lọt giữa một đồng nhưng loại hàng hoá kỳ lạ. Thôi thì đủ loại trên đời, những chiếc vòng cổ bằng ngọc lam, đồ trang sức bằng ngọc bích, những chiếc kèn trumpet bằng xương đùi người và những bánh xe cầu nguyện bằng bạc đến từ Tây Tạng, các tượng Phật và Bồ Tát mạ vàng, mặt nạ quý sứ và những bộ giáp Nhật Bản, nhiều loại thương, kiếm khanda và dao găm kuttar, bình đựng nước Ba Tư, lư hương bằng đồng đen, những chiếc thắt lưng bằng bạc mờ xỉn nổi mấu trông như làm bằng da sống, những chiếc kẹp tóc bằng ngà voi và đá thạch anh, cùng hàng nghìn những vật linh tinh khác được đóng thùng, cho vào bao, chất thành đồng hay nằm rải rác khắp phòng, chỉ để lại duy nhất một không gian trống cực hẹp quanh chiếc bàn ọp ẹp nơi Lurgan làm việc. Lurgan cũng là một nhân viên trong Bộ chúng tôi, cực kỳ tài giỏi trong việc huấn luyện và phát triển người cho tổ chức cũng như rất tháo vát trong việc chuẩn bị tung họ vào những chuyến đi quy mô, dài hơi đến những nơi họ chưa từng biết. Ông là người thông kim bác cổ, một nhà ngôn ngữ học kỳ tài, nói được tiếng Anh, tiếng Ấn, Ba Tư, A rập, Trung quốc, Pháp và Nga trôi chảy. Tôi và ông thường chia sẻ những mối quan tâm

giống nhau về những tín ngưỡng xa lạ và các phong tục địa phương, mặc dù tôi phải thừa nhận bản thân mình không được thoải mái và vui vẻ cho lắm trong mối giao hảo với ông. Lurgan có khả năng kỳ lạ ông có thể làm giãn nở đồng tử trong mắt và thu nhỏ lại thành một vết rất nhỏ, bất cứ lúc nào ông muốn. Ông cũng có khả năng thôi miên lạ lùng, bản thân tôi đã hơn một lần chứng kiến ông trở tài sử dụng năng lực ấy đối với người khác; vì thế mà có lời đồn là ông cũng tập tành làm ma thuật! Lurgan chắc chắn là nhân vật bí ẩn nhất từng làm việc tại Cục Đo đạc trắc địa Ấn Độ. Lurgan lúc nào cũng kín kín hờ hờ hoặc cố tình ồm ồm về lai lịch của mình, ông cho là trong mình có một phần ba dòng máu Hungary, một phần ba dòng máu Pháp và phần còn lại của người Ba Tư, thỉnh thoảng thành phần máu của ông lại thay đổi từ nước này sang nước khác cho phù hợp với những câu chuyện cười kỳ lạ của ông. Chỉ có Đại tá Creighton mới là người biết 100% sự thật về ông; mà Đại tá thì lại vốn là một quý ông kín miệng đến mức không thể chịu nổi và tôi có thể chắc như đinh đóng cột rằng ông ta sẽ mang những thông tin đó xuống mồ. Lurgan đặc biệt thích làm bạn với người bạn mới của tôi - mặc dù tôi không nói cho ông biết nhà thám hiểm Na Uy thực ra là ai - và trong những cuộc đàm luận rông dài về tự nhiên, siêu hình học và sự thất thường trong ngành kinh doanh sách báo ở Simla, ông chu đáo phục vụ chúng tôi bánh bích quy nhân quả hạch, uống kèm với trà xanh Trung quốc đựng trong những chiếc tách hình vỏ trứng mỏng mảnh tao nhã. Một tối nọ, trong lúc từ tiệm đồ cổ của Lurgan quay về căn nhà gỗ ở Runnymede, Sherlock Holmes quay sang tôi, bảo: “Lurgan tiết lộ rằng ông nói được tiếng Tây Tạng”. “Ồ, khả năng của tôi về mặt này cũng hạn chế lắm”. “Hạn chế ư?”, Holmes nói giọng lạnh nhạt. “Ông là tác giả của cuốn sách rất có uy tín về ngữ pháp tiếng Tây Tạng và cũng là người biên soạn cuốn từ điển Tây Tạng - Anh đầu tiên cơ mà”. “Không, không,” tôi rí rít phần đối. “Thật ra tôi không phải là người đầu tiên đâu, ông Holmes ạ. Ồ, không, danh dự này thuộc về người thầy đáng kính của tôi, nhà Đông phương học vĩ đại người Hungary tên là Alexander Csoma de Koros, ông không những là người biên soạn cuốn từ điển Tây Tạng - Anh đầu tiên, mà còn là người đi tiên phong trong ngành nghiên cứu hiện đại về ngôn ngữ và văn minh Tây Tạng”. “Thoạt đầu làm thế nào mà sự quan tâm của ông lại đi theo hướng này?” “Và, thưa ông đó là cả một câu chuyện dài, nhưng tôi sẽ tóm tắt những ý chính. Tôi hoàn thành bậc cao học ở đại học Calcutta vào năm 1862, hồi tôi còn là cậu thanh niên tròn hai mươi tư tuổi. Nhờ may mắn quen biết với nam tước Alfred Croft vị giám đốc của Viện giáo dục Công chúng ở Bengal - người đối với tôi bao giờ cũng là người bạn tốt và người thầy phong thái ân cần mà tôi được cử vào chân hiệu trưởng Trường Nội trú Bhutia tại Darjeeling. Tại nơi an dưỡng thú vị này nơi giáp ranh với lãnh địa của người Sikh, tôi đã có dịp gặp gỡ Csoma de Koros.” Ông ấy là một người phi thường và là một học giả vĩ đại, thực sự là một trong những người vĩ đại nhất. Ông rời Hungary khi còn trẻ và đến thị trấn Himalaya này để học mọi thứ có thể học được về Tây Tạng. Ông tin rằng người Hungary, người Magyar, cách đây nhiều thế kỷ đã di cư từ Tây Tạng đến; và tất cả những điều lớn nhỏ về đất nước kỳ lạ này đều có sức cuốn hút ông. Lúc tôi được hân hạnh gặp giáo sư thì ông đã lớn tuổi lắm rồi và đó là điều vô cùng đáng tiếc vì tôi không có đủ thời gian tiếp thu được trọn vẹn nguồn kiến thức uyên thâm từ giáo sư, vì ông đã qua đời chỉ một năm sau đó. Tuy thời gian ngắn ngủi là vậy, nhưng ông đã làm cháy lên trong tôi nguồn cảm hứng lớn trong cuộc hành trình khám phá Tây Tạng. “Như ông cũng biết đấy, sau khi nghiên cứu chuẩn sâu về ngôn ngữ và các bản kinh của người Tây Tạng, de Koros đã đi đến chỗ bị thuyết phục rằng Tây Tạng là mất tích cuối cùng còn lại có tác dụng liên kết chúng ta với nền văn minh của một thời xa xưa. Trong khi hệ thống thờ cúng bí ẩn của Ai Cập, vùng Lưỡng Hà, người Hy Lạp, của người Inca và Magyar đã bị chôn vùi cùng với sự hủy diệt nền văn minh của họ và vì vậy khép lại mãi mãi đối với hiểu biết của chúng ta, duy chỉ có Tây Tạng, nhờ sự cách ly về mặt tự nhiên và việc khó tiếp cận từ bên ngoài, không những bảo tồn được mà còn giữ nguyên sức sống của những truyền thống quá khứ xa xưa nhất, trong đó có hiểu biết về những năng lượng còn ẩn giấu trong tâm linh con người cùng những thành tựu cao nhất và những lời giáo huấn bí truyền của các vị thánh nhân và hiền triết Ấn Độ.” Tôi đã nỗ lực học tiếng Tây Tạng và thiết lập mối quan hệ thân thiết với một vị Vương công người Sikh (người thuộc dòng dõi Tây Tạng thuần khiết) và nhiều vị Lạt Ma là lãnh tụ tinh thần của Tây Tạng, nhờ thế tôi không chỉ thạo ngôn ngữ mà còn có thể đọc và hiểu nhiều cuốn sách cổ. Các vị lãnh đạo nhà nước dần dần biết được khả năng của tôi trong lĩnh vực bí mật này và cho rằng tôi sẽ phụng sự tốt hơn cho lợi ích của chính phủ Ấn Độ nên tôi rời khỏi lĩnh vực giáo dục mà gia nhập một bộ chủ quản khác, nơi các kỹ năng của tôi có thể sẽ được sử dụng hữu ích... và đúng chỗ hơn. Phải, đó là lý do bây giờ tôi có mặt ở đây, ông Holmes ạ, để phục vụ ông.” “Và sẽ là một sự phục vụ đáng giá nhất đối với tôi, ông Hurree ạ, nếu ông chịu dạy tôi tiếng Tây Tạng.” Ông đã ban một vinh dự lớn cho cái tài mọn của tôi, thưa ông Holmes, tất nhiên vốn tính khiêm tốn của tôi là tùy ông sử dụng. Nhưng tôi phải báo cho ông biết trước rằng chỉ hiểu biết về ngôn ngữ không thôi chưa đủ

để giúp ông đặt chân vào Tây Tạng.” Ông nói thế là có ý gì, Hurree? ”Vâng, thưa ông Holmes, có thể ông đã nghe nói rằng Tây Tạng được xem như là “Vùng đất cấm”; đó là một cụm từ hoàn toàn chính xác đối với những người ngoại quốc, đặc biệt là người gốc Âu. Giới tăng lữ cầm quyền ở đất nước này ra sức bảo vệ quyền lực, tài sản và bí mật của họ. Từ lâu họ sợ rằng người da trắng có thể đem những thứ này ra khỏi biên giới Tây Tạng. Bởi vậy, người châu Âu và những người làm việc cho người phương Tây hoặc đại diện cho người phương Tây đều bị ngăn cản không được phép vào Tây Tạng, thậm chí còn bị xử tử nếu cả gan chống lại lệnh cấm. Gần đây tình hình còn trở nên tồi tệ hơn, bởi vì đức Đạt Lai Lạt Ma, lãnh tụ tối cao của Phật giáo Tây Tạng và là người đứng đầu đất nước này đang thất thế; trong khi đại diện của triều đình Mãn Thanh tại Lhasa thì càng ngày càng có thêm nhiều quyền lực.” Người Mãn Thanh đã làm gì với Tây Tạng? ”Từ lúc quân đội của Hoàng đế Ung Chính tràn vào Tây Tạng từ đầu thế kỷ vừa qua, triều đình Mãn Thanh đã tuyên bố một số quyền bá chủ ở Tây Tạng và lập ra hai đại diện cho triều đình Mãn Thanh gọi là những Amban đóng đô ngay tại Lhasa, thủ đô xứ Tây Tạng. Việc áp đặt đặc quyền nước lớn tại Tây Tạng đã trải qua một lịch sử lăm thẳm trầm gây ảnh hưởng đến vị thế của những người mong muốn được du lịch đến Tây Tạng. Vào thời điểm này thật không may là vị Amban Mãn Thanh, Đề đốc O-erh-t ai, không chỉ có quyền lực cao hơn cả Đạt Lai Lạt Ma và chính quyền Tây Tạng mà còn nuôi lòng căm thù sâu sắc và độc địa đối với tất cả người châu Âu, đặc biệt là người Anh.” Hừm... tôi hiểu. Nhưng ông đã có cố gắng vào Tây Tạng lần nào chưa? ”Rồi, ông Holmes ạ. Người bản xứ có một số thuận lợi hơn về mặt này. Đó cũng là lý do tại sao Bộ tuyển người bản xứ để thực hiện công việc thám hiểm và điều tra những vùng như Tây Tạng; đặc biệt là giữa những dòng tộc sống gần biên giới Tây Tạng. Bản thân tôi đã đến Tây Tạng, trong vỏ bọc một học giả về Ấn Độ đồng thời là một người sùng đạo nhưng thật không may đã làm dấy lên sự nghi ngờ từ các nhà chức trách lúc mới đi được nửa đường đến Lhasa, tại thị trấn Shigatse, nơi toạ lạc tu viện lớn của Ban Thiền Lạt Ma(5). Viên quan Mãn Thanh tại một đơn vị đồn trú nhỏ miền biên ải Trung quốc là một trong những tên đại diện khó chịu nhất của đế chế Trung Hoa mà tôi từng có dịp chạm trán. Thằng cha trời đánh đó đã ra lệnh chặt đầu tôi chỉ vì một nghi ngờ nho nhỏ - khiếp cái cặp mắt chó chết của hân; “Trời ơi, ông Holmes ạ, chắc chắn ông sẽ danh giá cao việc tôi kiên quyết không thay đổi lập trường của mình, may sao đúng mười một giờ tôi được cứu thoát khỏi thanh đao của đao phủ. Phúc tinh của tôi là bà mẹ quý hoá của Ban Thiền Lạt Ma, người mà trước đó tôi đã có dịp trở tài chữa khỏi chứng đầy bụng với một liều thuốc sủi bọt mang theo người. Người đàn bà ngoan đạo này đã phải hối lộ cho tên quan phụ trách chết tiệt kia, và số tiền đó đã ngẫu nhiên giải phóng hân khỏi những mối nghi ngờ về địa vị cũng như hành động của tôi. Nhưng tôi buộc phải rút ngắn chuyến thám hiểm và lui về nghỉ tạm ở Darjeeling. Vì vậy ông biết đấy, một chuyến đi đến Tây Tạng tuyệt đối không phải là một cuộc du hí như người đời vẫn nói đâu. Đó là chưa kể vô số chuyện có thể xảy ra trên một độ cao vài nghìn mét so với mặt nước biển, bão tuyết, thú dữ, bọn lâm tặc và còn những gì gì nữa. Phải, tất cả đều đòi hỏi một nỗ lực đặc biệt.” “Tốt lắm, Hurree, rõ ràng là ông đã đương đầu với những nguy hiểm trong cuộc hành trình đến Tây Tạng. Nhưng ai mà chẳng phải vượt qua những cây cầu trên đường để đến được cái đích. Còn bây giờ, dưới sự chỉ dẫn vô giá của ông, tôi cũng chỉ nên hạn chế những khám phá của mình trong sự phức tạp của ngôn từ Tây Tạng mà thôi.” Thế là ngày ngày tôi dạy ông những bài học về tiếng Tây Tạng. Holmes là một học trò lý tưởng mà bất cứ người thầy nào cũng mơ ước, ông có đôi tai mẫn cảm khác thường đối với những biến âm vô cùng tinh tế trong thứ tiếng này một đặc điểm khiến đa số người phương Tây tuyệt vọng khi học tiếng Tây Tạng. Chẳng hạn, trong tiếng Tây Tạng thì từ “la” có nghĩa là một ngọn đèn, đồng thời “la” cũng là một hậu tố tôn xưng được thêm vào sau một tên người, một vị thần, một con hươu xạ, đồng lương, việc để mất đi một thứ gì đó kể cả mất đi linh hồn, tất cả những ý nghĩa này đều phụ thuộc vào những biến âm vô cùng nhỏ trong âm điệu khi người ta dùng để phát âm từ gốc đi kèm với nó. Sherlock Holmes cũng không gặp khó khăn gì trong việc sử dụng cách nói tôn xưng, đề cao vì tiếng Tây Tạng không phải là có một lối nói mà có đến ba lối nói thông thường, lối nói tôn xưng và lời nói tôn xưng cao nhất. Lối nói đầu tiên là để dùng với những người bình dân; lối nói thứ hai là để dùng với các quý ông sang trọng; và lối nói cuối cùng chỉ dùng với Đức Đạt Lai Lạt Ma. Bạn có thể nghĩ rằng sự phân biệt này chỉ thuần túy có vấn đề với các tiền tố và hậu tố. Nhưng vấn đề không đơn giản như thế: thậm chí cả gốc từ của những từ tương ứng với mỗi loại cũng không có dây mơ rễ má gì với nhau. Nhưng tôi sẽ không làm cho bạn đọc của mình phải rối trí thêm khi sa vào những tiểu tiết về sự tinh tế và phức tạp của ngôn ngữ Tây Tạng, vì một đề tài như thế chỉ có thể khiến một chuyên gia ngôn ngữ có hứng thú. Ngoài ra, với những độc giả muốn biết thêm về tiếng Tây Tạng, tôi có thể giới thiệu cuốn Tiếng Tây Tạng cho người bắt đầu một ấn bản của Bengal Secretariat Book Depot và cuốn Ngữ pháp tiếng Tây Tạng thông dụng (giá 2.4 annas) của tôi, cũng của nhà xuất bản nói trên. Chú thích:

(1) Shiva là một trong ba ngôi tối linh của Ấn Độ giáo vừa là thần Huỷ diệt, vừa là thần Sáng tạo, bởi theo quan điểm Ấn Độ giáo huỷ diệt là hành động tất yếu để đem đến sáng tạo. Nếu sáng tạo là thiêng liêng thì huỷ diệt cũng phải là một phương diện thiêng liêng khác. Shiva là vị thần bán nam bán nữ, tự phân thành chết và sống; một nguyên lý âm, một nguyên lý dương Trong mỹ thuật, hình ảnh Shiva thường có ba con mắt (tượng trưng cho mặt trời, mặt trăng và ngọn lửa thế gian) bốn tay chỉ bốn phương; phổ biến hơn cả là hình ảnh Shiva đang múa, chân giẫm lên một người lùn.(2) ad valorem(tiếng Latinh): theo giá hàng

(3) comme il faut (tiếng Pháp) như nó phải vậy

(4) odi profanum vulgus at arceo (tiếng Latinh) - thơ của thi sĩ vĩ đại Horace): ghét sự nhàm tẻ hoá của quần chúng và tránh xa nó.(5) Nguyên văn; Lạt Ma Teshoo Tu viện Tash -thunpo, nơi tu hành của Ban Thiền (panchen) Lạt Ma. Trong thời kỳ đầu mới đến Tây Tạng, các du khách châu Âu và các nhà văn đã mắc sai lầm khi gọi Ban Thiền Lạt Ma là Lạt Ma “Teshoo” hay Lạt Ma “Tashi” trong khi từ sau là chỉ tu viện.

11. Một Tên Vô Lại Chính Cống

Ngôi nhà gỗ ở Runnymede nằm ngay rìa Chota Simla. Chạy ngay phía sau ngôi nhà là một lối đi dành cho các vật thờ, dẫn đến con đường Hindustan - Tây Tạng (gọi tắt là H-T) nằm cách Chota Simla bầy dặm. Thỉnh thoảng bài học tiếng của chúng tôi lại bị quấy rầy bởi tiếng lanh canh của những cái chuông treo trên cổ con vật thờ khi các thương nhân Tây Tạng chậm chạp lê bước dọc con đường cùng với những con la lặc lè chở nặng sọt hàng. Thỉnh thoảng các Lạt Ma mặc áo lê dài màu vàng đỏ cũng đi ngang qua, xoay xoay bánh xe cầu nguyện trong tay các sanyasi(1) nữa mình để trần cầm chiếc bát khất thực bằng vỏ dừa bóng loáng cũng sử dụng lối đi này trên đường đến những hang động linh thiêng ở rất xa trong núi nơi họ sẽ ở lại suốt mùa hè, lương thực thì đã có những ngôi làng ở gần đây cung cấp. Trong khi đó, các pahari(2) đi thành từng nhóm, cuộn tròn trong chiếc áo choàng putoo ấm áp (đan bằng loại len thô dệt tại nhà) cùng những đàn dê và cừu; đôi khi cao hứng, họ rút sáo trúc thổi lên những giai điệu có tiết tấu rất lạ lùng.Nhờ vậy mà chúng tôi có những giờ học trực quan, tôi có thể giải thích cho ông Holmes rõ về địa vị xã hội của những con người rất khác nhau này, về dòng dõi, tập quán tôn giáo và cả những chuyện khác nữa. Ông tỏ vẻ quan tâm và hứng thú với những đề tài này. Đôi khi ông chặn một người Tây Tạng đi chăn gia súc hoặc một thương nhân Ladakh và thực tập tiếng Tây Tạng với họ. Những vị khách này hút thuốc ông mời và cười thích chí khi nghe sahib kỳ lạ này tập nói thứ tiếng của mình, có lẽ chưa được nhuần nhuyễn lắm, nhưng tuyệt không phạm một lỗi nào.Nhiều tháng cứ thế trôi qua: học tiếng, nểng buổi đi dạo và đàm đạo rất dài giữa những người bạn, nhưng tuyệt nhiên không có bất cứ dấu hiệu nào về Đại tá Moran hoặc có phong thanh gì về những hoạt động của băng đảng tội phạm này, phải. Không có gì quấy rối không khí thanh bình trong ngôi nhà gỗ ở Runnymede.Cuộc sống yên bình cho phép tôi có thời gian tĩnh rồi nghiên cứu những đặc điểm tính cách của Sherlock Holmes và phát hiện ra rằng ẩn dưới cái vẻ ngoài lạnh lùng bình thản kia là một tâm hồn không bình ổn chút nào. Ông không phải là người Sikh ra để hưởng hạnh phúc. Đường như những tài năng siêu việt Pahari: những người chăn gia súc ở vùng núi khiến người đời ganh tị nhiều khi lại chỉ mang đến cho người sở hữu hoạ nhiều hơn phúc. Cái nhìn rõ ràng, minh bạch đến tàn nhẫn dường như là nguyên nhân khiến ông khước từ những ảo tưởng thông thường vốn cho phép phần lớn nhân loại sống hết cuộc đời ngắn ngủi của mình ngụp lặn trong những vấn đề vụn vặt và những niềm vui nho nhỏ mà quên đi những khổ đau đầy rẫy xung quanh và cái kết cục tồi tệ không tránh khỏi. Do đó, khi bị những sức mạnh của chính mình lấn át, thật đáng tiếc Sherlock Holmes chẳng còn biết làm gì ngoài việc lạm dụng những loại thuốc có hại như morphine và cocaine mà ông tự tiêm cho mình hàng ngày suốt vài tuần lễ.Ngoài cái thói quen đáng tiếc này, nhưng tính cách khác trong Sherlock Holmes đều cao quý và mang thiên hướng trí tuệ.Cho tới bây giờ ông vẫn sống độc thân và dường như không mấy may quan tâm đến bất cứ mong ước đời thường phù phiếm nào của con người như tiền tài, quyền lực, danh vọng hay tình yêu nam nữ. Rất có thể ông sẽ là một ẩn sĩ khổ hạnh, suốt đời sống trong một hang núi, với nếp sống cực kỳ giản dị.Strickland đến chỗ chúng tôi nhân dịp Giáng sinh. Bên ngoài cả thành Simla chìm sâu trong tuyết, nhưng trong ngôi nhà gỗ giản dị, ngồi trước sức gỗ đang cháy tí tách trong lò sưởi, chúng tôi sưởi ấm tâm hồn mình bằng rượu mạnh và lắng nghe những thông tin mới nhất từ Strickland. Vụ án không có bước tiến triển mới nào. Bất chấp những nỗ lực vượt bậc của cảnh sát Bombay, người ta không thể lần ra mối liên hệ nào giữa mờ ma viên thư ký Bồ Đào Nha ở khách sạn Taj Mahal với ngài Đại tá Moran đáng

kính. Cũng vậy tuyệt nhiên không có một nhân chứng nào nhìn thấy bất cứ một kẻ đáng ngờ nào, dù chỉ một mảy may, vào cái thời điểm viên thư ký bị bắn trước sở cảnh sát Strickland đã cố làm lung lay sự tự tin của Đại tá Moran bằng cách cử “những người xua thú” đến nhử cho hắn ta ra khỏi nơi ẩn nấp. Anh đã cầm nhiều cảnh sát trong vai người dân bình thường xung quanh nơi ở và các câu lạc bộ mà Đại tá lui tới, thậm chí còn phái cả nửa tá người bám theo hắn ta đến bất cứ nơi nào. Nhưng Đại tá Moran không phải là người dễ dàng bị tác động bởi một chiến thuật như thế và vẫn duy trì lộ trình hàng ngày như thể “những người xua thú” không hề tồn tại. Trong một lần rời khỏi câu lạc bộ, thậm chí hắn ta còn nhờ một trong những cảnh sát giữ ngựa giùm, rồi sau đó thưởng công cho anh ta một ru-pi. Ngài Đại tá đúng là một gã côn đồ thứ thiệt. Strickland cũng truyền đạt đến tôi những chỉ thị từ một Đại tá khác, người đứng đầu Bộ chúng tôi - Đại tá Creighton: Tôi đã ở cùng với Sherlock Holmes trong suốt thời gian qua và cũng đã làm cho mình trở thành người hữu ích với ông, trong bất cứ vấn đề nào mà ông cần đến. Tôi cũng đã dùng mọi biện pháp phòng ngừa chống lại bất cứ cuộc tấn công nào nhằm vào tính mạng của nhà thám tử tài danh - và trong chuyện này đã hành động mau lẹ. Nhận xét cuối cùng - mà tôi không ngờ tới nhưng đúng là cung cách của Đại tá Creighton không chệch vào đâu được - trong đó ông biểu thị thái độ không hài lòng về cái cách tôi đã bị một cú bất ngờ như một thằng thộn không có một xu teng về nghiệp vụ trong vụ người của Đại tá Moran thực hiện cuộc tấn công bất thành nhằm giết Sherlock Holmes trên chuyến tàu thư hôm ấy. Là loại nhân viên thừa hành “trong vắt như pha lê”, tôi đã không hề do dự tường thuật cả vụ này trong bản báo cáo gửi cho Đại tá, dù biết rõ mười mươi rằng nó sẽ không đem lại cho tôi điều gì tốt lành. Nhưng nếu tôi không thành thực khai báo thì bằng cách này hay cách khác Đại tá Creighton cũng sẽ biết; ông ta là loại người mà bạn chờ bao giờ nuôi hy vọng có thể giấu giếm được điều gì. Phải, cánh đàn ông ai cũng có sĩ diện. Tôi đã thề quyết không bao giờ để xảy ra một tình huống đáng xấu hổ như thế một lần nữa. Vì vậy tôi cảnh giác gấp đôi, lệnh cho những tay mật thám và nhân viên của mình tăng cường đề phòng, thậm chí thuê hai người hầu chỉ làm mỗi một nhiệm vụ duy nhất là để mắt đến mọi vật và mọi người trong vòng bán kính nửa cây số xung quanh ngôi nhà, xem có bất cứ ai biểu hiện mối quan tâm bất thường đến những hoạt động trong căn nhà gỗ hay chủ nhân trong đó không. Với tính chất công việc của mình, tôi hiểu một cách rõ ràng rằng thời gian và sức lực bỏ ra cho việc nâng cao cảnh giác không bao giờ là lãng phí cả. Chắc chắn là chỉ trong vòng một tuần lễ, tính đúng đắn của cách nghĩ này đã được chứng minh. Q.E.D.(2) Một hôm, một oắt con còm nhom, vẫn còn thò lò mũi, chạy đến nhà tôi ở khu chợ dưới chân đồi. “Babuji. Một người đàn ông lạ mặt đã xuất hiện phía sau nhà sahib cách đây được một lúc,” thằng bé vừa hồn hồn nói, vừa hút nước mũi chảy xuống môi đến chụt một cái. “Cái gì?” tôi hỏi, giọng sốt ruột. “Có khối người đi ngang qua con đường sau nhà cơ mà.” “Không, Babuji, ông này làm nhiều hơn thế. Ông ta đi vào nhà.” “Thế à, ông ta có bộ dạng như thế nào?” “Ông ta trông như một budmaash(3) thật sự, Babuji à. Tóc ông ta để dài dài là, lại rối rùi và ăn mặc giống như người Tây Tạng, mặc chiếc bukoo(4) bằng len màu nâu lại đội mũ bằng da cừu ông ta cũng giắt một burra talwar(5) ở ngay thắt lưng.” “Thế sahib làm gì?” tôi lo lắng hỏi. “Chúng cháu không biết, Babuji. Chúng cháu không trông thấy sahib”. Trong óc tôi vụt hiện lên hình ảnh Sherlock Holmes của chúng ta đang ngồi bình thản bên bàn học, tiếp tục ghi nhớ những biến cách trong ngôn ngữ Tây Tạng, hay đang vui vẻ thực hiện một trong những cuộc thí nghiệm nặng mùi thì một kẻ ám sát đột nhlập vào trong nhà, im lặng tiến đến từ phía sau, một thanh gươm sáng loáng vung lên... Trời, tôi cảm thấy cả người nôn nao như muốn bệnh đến nơi. Cúi xuống dưới gầm giường, tôi vội vã lôi ra một cái rương bằng thiếc. Lục lọi bên trong hồi lâu, cuối cùng tôi cũng tìm thấy khẩu súng lục nhỏ mạ kền mà tôi đã mua tại chợ Multani ở Cabul cách đây mấy năm. Tuy nhiên, tôi phải thú nhận rằng mình là một tay súng tồi. Quả thật tôi chưa bao giờ dứt bỏ được cái thói quen ngó ngẩn nhưng hoàn toàn vô thức là nhắm tịt cả hai mắt lại khi kéo cò. Nhưng vốn phản đối bạo lực, nên bao giờ tôi cũng xem cái nhược điểm đó của mình như một yếu tố khách quan được dùng để in terrorem(6) hơn là in mortiferus(7) - vì thế tiêu chuẩn về khả năng thiện xạ của tôi thật sự không phải là vấn đề gì to tát. Tôi lết tọt chạy sau thằng bé tới ngôi nhà gỗ. Một thằng nhóc khác đang đứng đợi gần chỗ ré, ngay trước căn nhà ở Runnymede. “Này, Sunnoo,” đứa bé chạy trước tôi cất tiếng gọi bạn, “Có chuyện gì xảy ra thế?” “Không có gì cả”, đứa kia trả lời, “Người đàn ông kia vẫn ở trong ấy.” “Còn sahib thì sao?” tôi lo lắng hỏi, sờ tay vào khẩu súng bên trong áo choàng. “Cháu chưa hề nhìn thấy ông ấy, Babuji.” “Thế người hầu thì sao?” “Ông ta đã đi chợ cách đây một giờ, ngay trước khi người Tây Tạng vào nhà.” “Cả hai đứa chúng bay hãy im lặng đứng chờ ở đây, nghe chưa, để ta đi quan sát xem sao,” tôi nói, cố to ra thật tự tin. Tôi không thích việc này chút nào nhưng dù sao đó vẫn là việc phải làm. Tôi tiếp cận với căn nhà từ phía đông, nơi có ít cửa sổ hơn và nhón chân nhẹ nhàng, trong chừng mực một tấm thân nặng 120 seer(8) cho phép. Tôi bò qua hàng rào mà không gặp khó khăn gì, chỉ bị vài vết trầy xước và cái khố bị rách một chút, rồi rón rén trèo qua bức tường đá của ngôi nhà, sau đó trườn đến cửa

trước và chuẩn bị hành động. Tôi buộc lại thắt lưng - theo nghĩa đen thì phải nói rõ là tôi cột chặt cái khóa quanh thắt lưng để đi đứng cho thoải mái và tiện lợi hơn - rồi đặt tay lên báng súng, tôi chậm rãi đẩy cửa bước vào. Gian phòng khách nhỏ hoàn toàn trống trải, nhưng tôi nhận ra cánh cửa dẫn vào phòng đọc sách hé mở. Trong tâm trạng hồi hộp tột đỉnh, tôi kiễng chân nhìn vào. Đúng là một tên tội phạm đích thực, với hình dáng người vùng cao, hằn đứng cạnh chiếc bàn gần lò sưởi, đang lục lọi đồng giấy tờ của ông Holmes. Về gian ác, bất lương của hắn thì không lẫn vào đâu được. Đôi mắt nhỏ liên tục sục sạo mở giấy tờ mà hắn đang cầm trong mấy ngón tay gầy nhẳng với những cái móng đen thui, cẩu ghét. Hàng ria nam nhỡ mọc tua tua xung quanh đôi môi nhờn bóng láng. Mái tóc để dài làm thành một mớ rối bù bẩn thỉu thò ra khỏi chiếc mũ da cừu dơ dáy. Hắn vận một chiếc bukoo, loại áo choàng lưng thụng bằng len của người Tây Tạng, chân đi ủng kiểu Tartar. Thanh gươm của hắn, mà khi nhìn nó tôi có thể thở phào nhẹ nhõm được phần nào, được cho vào vỏ, giắt nơi thắt lưng áo choàng. Hắn là điển hình của một gã lưu manh thuộc tầng lớp dưới, một kẻ cổ cùn liều thân và chắc chắn là một trong những kẻ thành tích bất hảo đến từ vùng thượng lưu sông Gharwal chuyên cướp bóc khách hành hương trên đường đến Núi Kailash. Nhưng hắn đang làm vì vậy ư? Nếu là một tên cướp cạn, hắn phải vơ vét tất cả những vật có giá trị mà hắn có thể lấy chứ không phải lục lọi mớ thư từ của người khác mà bản thân hắn không đọc được lấy một dòng. Ở đây hắn có điều gì bí ẩn, còn tôi thì sẽ không giải quyết được gì nếu cứ đứng run lập cập bên ngoài như thế. Sau khi lên cò súng, tôi bước vào phòng. “Giơ tay lên!” tôi nói, với giọng can đảm. Kẻ xâm nhập bất hợp pháp chậm rãi quay về phía tôi. Trông hắn thậm chí còn hung ác, dữ dằn hơn là tôi tưởng tượng lúc đầu. Đôi môi bóng nhẫy của hắn kéo căng ra thành một nụ cười giễu cợt và hắn đưa hai tay lên chống nạnh. “Nghe đây tên lưu manh kia!” tôi nói giọng còn cương quyết hơn. Chỉ cần người đụng vào cán gươm là ta sẽ tiến người đến địa ngục bằng một viên đạn này đây! “Hắn là hắn có nao núng trước thái độ dữ tợn của tôi, vì đột nhiên hắn quỳ gối, lẩm nhẩm những lời xin lỗi và phân bua cái gì đó bằng một mớ hỗn độn pha trộn giữa tiếng Hindu ba rọi với tiếng Tây Tạng.” Xin hãy tha thứ cho kẻ nô lệ của ngài, thưa Ngài, thưa ông chủ. Tôi chỉ quay lại để lấy cái thuốc về tôi. Những gì đã bị sahib cao lớn người Anh kia ăn trộm. Cái hộp thiêng liêng, cái hộp bùa mê của tôi. Kia kìa, bây giờ Babuji có thể thấy nó treo trên tường ngôi nhà của kẻ vô tín ngưỡng này! “Sherlock Holmes mà lại đi ăn trộm hộp bùa mê của hắn? Thật là chuyện nực cười nhất trần đời, thế mà tên lưu manh miệng lưỡi trơn tru này lại hy vọng tôi tin. Tôi quay đầu nhìn bức tường mà hắn chỉ, nhưng chẳng thấy cái hộp bùa me nào ở đó cả. Khi tôi quay lại nhìn kẻ bất lương toan cho hắn một trận thì thấy Sherlock Holmes đang đứng bên lò sưởi, mỉm cười nhìn tôi.” Tôi xin ông đừng nắm khẩu súng chặt như thế, Hurree ạ,” ông nói với giọng lạnh lùng, vô cảm. “Xét cho cùng, loại súng đó có cò súng rất nhạy, ông biết đấy!” “Trời ơi, ông Holmes” tôi kêu lên kinh ngạc. “Thật quái quỷ. Làm thế quái nào mà...” “Hãy thú nhận là ông đã bị lừa đi,” ông cười về khoai trá rồi ném chiếc mũ, bộ tóc giả và bộ ria giả lên chiếc ghế bành. “Trời đất ơi! Thực vậy đó là một màn trình diễn sân khấu phi thường nhất. Nhưng ông không nên trêu chọc tôi như thế, ông Holmes ạ. Tôi quá rất lo lắng cho sự an nguy của ông.” “Tôi nợ ông một lời xin lỗi. Nhưng mà tôi không định cải trang như thế này để trêu đùa ông đâu. Đây là hộ chiếu đến Tây Tạng đấy!” “Nhưng chắc chắn làm vậy quá nguy...” “Ông cũng hoàn toàn bị lừa, đúng không nào. Ông cứ nghĩ tôi là một thương nhân Tây Tạng.” “Thưa ngài, một tên cướp Tây Tạng thì có. Hoàn toàn không giống một thương nhân.” “Dù thế nào thì cũng là người Tây Tạng.” “Vâng, tôi không thể phủ nhận điều đó, ông Holmes ạ... Trời đất, ông đúng là một người Tây Tạng thứ thiệt, tôi có thể thề như vậy một người Tây Tạng tử đầu đến chân; một người Tây Tạng không chệch đi đâu được nếu ông bỏ quá cho tôi cách diễn đạt đó. Nhưng tôi vẫn phải xin ông đừng liều lĩnh, thưa ông. Xét cho cùng thì tôi là người chịu trách nhiệm về sự an nguy của ông, với lại muốn đến Tây Tạng thì cải trang khéo léo không thôi chưa đủ. Ông còn phải chuẩn bị rất nhiều thứ từ vật kéo, thực phẩm, thuốc men, lều bạt, cho đến dụng cụ mở đồ hộp, v.v.... và nhất định phải có sự phục vụ đắc lực của người dẫn đường có kinh nghiệm và trung thành rất mực.” “Có thể là một người nào đó giống như ông chẳng?” “Tôi ư, thưa ngài. À... e hèm. Thật sự, tôi không có dụng ý đó. Nhưng vì lợi ích... sao lại không chứ?” “Thực vậy sao lại không chứ? Lý do gì mà ông lại không đi cùng tôi?” “Ông Holmes?” đó quả là một đề nghị hấp dẫn. Xét cho cùng, tôi là nhà khoa học, và một chút nguy hiểm cùng với một chút bất tiện chẳng có gì là đáng kể khi tính đến cơ hội mở rộng biên giới hiểu biết, mà chúng ta sẽ... không nghi ngờ gì nữa... sẽ có được trong cuộc phiêu lưu dự kiến này.” “Không có gì phải nghi ngờ.” Nhưng than ôi, thưa ngài. Không may tôi lại là một công bộc làm việc cho nhà nước, một kẻ công bộc chỉ có thể bắt đầu một cuộc hành trình như thế nếu có được chỉ thị của cấp trên ex Cathedra(9). “À đó sẽ là chỉ thị của Đại tá Creighton, có phải vậy không?” “Vâng, rất đáng tiếc là vậy ông Holmes ạ.” “Được lắm, vậy tôi sẽ là người nói với Đại tá về chuyện này phải không nào?” “Nhưng chắc chắn Đại tá sẽ phản đối. Thậm chí ông ấy có thể đổ lỗi cho tôi...” “Hãy san sẻ cho tôi những băn khoăn của ông, tôi xin ông đấy!” Holmes giờ tay

lên với dáng điệu độc đoán. “Hãy để nó cho tôi”. Vừa nói ông vừa cởi chiếc áo choàng Tây Tạng ra. “Giờ tôi sẽ biết ơn ông rất nhiều nếu trên đường về nhà ông vui lòng ghé lại chỗ tiệm đồ cổ gửi trả bộ trang phục này cho Lurgan, còn bộ tóc giả và bộ ria khùng khiếp kia thì cho người quản lý Nhà hát Gaiety”. Cầm theo những món đồ hoá trang đó, tôi rời khỏi nhà ông. Sherlock Holmes thật quá tài tình theo cách của mình; yêu cầu của ông đơn giản và rõ ràng đến nỗi thật khó đặt ra câu hỏi về hành động của ông - dẫu vậy tôi vẫn lo lắng khôn nguôi. Đại tá Creighton là một nhà cầm quân rất đa nghi. Ông ta biết tổng là tôi mơ ước thế nào về một cơ hội khác đến Tây Tạng và thái độ bất mãn của tôi - vì Bộ đã có chỉ thị, tôi tuyệt đối không được lai vãng đến Tây Tạng sau tai nạn vừa rồi - thì không giấu được ai. Con cáo già Creighton chắc chắn sẽ đi đến kết luận rằng tôi đã cố ý xúi bẩy ông Holmes thực hiện cuộc hành trình nguy hiểm này, bởi lý tôi là người thích hợp nhất trong vai trò thám tử nhà thám tử. Tôi thở dài buồn bã. Đại tá có thể tỏ ra rất nghiêm ngặt với những kẻ mà ông cho là đang coi thường kỷ luật của Bộ. Tôi chuẩn bị tâm lý chờ đợi một cuộc nói chuyện không lấy gì làm thú vị với ông sẽ diễn ra trong nay mai và tôi đã không phải thất vọng. Ba tuần sau, đích thân Đại tá Creighton đến Simla. Ông ta gặp ông Holmes, trong thực tế là họ đã cùng ăn tối đôi lần và xem ra hai người rất quý mến nhau. Tôi không được mời, vì thế mà không biết được chính xác giữa họ đã có chuyện gì. Cuộc gặp riêng của tôi với Đại tá diễn ra trong nhà kho phía sau cửa hàng của Lurgan. Trong vòng ít nhất là một tiếng đồng hồ tôi đã phải chịu đựng một trong những cuộc nói chuyện ngược ngùng và khó chịu nhất trong nghề. Cũng có lúc Đại tá cho phép mình vượt quá giới hạn với những câu cật vấn quá đáng và những lời miệt thị khó chịu. Cuối cùng, với thái độ hết sức miễn cưỡng và về mặt khó chịu đến điều, ông chấp nhận lời giải thích của tôi. “Thôi được rồi. Đừng có mất thời gian giải thích rằng anh không hề có chủ ý lôi kéo ông ta vào việc này. Không anh thì ai nào? Tại sao ông ta cứ nhất định muốn đi Tây Tạng chứ không phải chỗ nào khác? Ông ta là thám tử, đúng không, chứ đâu phải nhà thám hiểm?” “Vâng, đúng là thế đấy, thưa Đại tá. Bất chấp mọi nỗ lực khuyên can của tôi, ông ấy vẫn khẳng khái đòi đi. Tôi biết nói thế nào bây giờ thôi được, câu trả lời là ông ta không thể đi được. Có thể thôi! Xin ngài thứ lỗi, thưa Đại tá, nhưng thật khó mà ngăn Holmes được, trừ phi giam ông ấy lại. Theo chỗ tôi hiểu thì Sherlock Holmes là một quý ông vô cùng tháo vát, đảm lược và cương quyết. Một ngày nào đó ông ấy dám mạo nhận mình là người bản xứ lắm!” “Ông ấy giỏi lắm phải không?” “Ý tôi là trong việc hoá trang. Tôi không cường điệu đâu, thưa ngài, khi nói rằng cho đến giờ tôi chưa từng gặp ai tinh thông nghệ thuật hoá trang như thế!” “Hừm...” Đại tá nói có vẻ ngấm ngấm, “Vậy ông ấy xoay sở học tiếng Tây Tạng như thế nào?” “À, tất nhiên là cho tới nay ông ấy vẫn chưa nói trôi chảy lắm, nhưng cũng đủ để mạo nhận mình là người Ladakh chẳng hạn, hay một ai đó đại loại thế. À phải, cải trang hành một người Ladakh sẽ phù hợp hơn cả với Sherlock Homes. Sẽ rất tiện để giải thích một vài nét nổi bật trên khuôn mặt ông ấy, như cái mũi cao, khoằm chẳng hạn!” “Đúng, và đoàn lái buôn mùa xuân từ Leh đến Lhasa sẽ khởi hành trong ít tháng nữa. Chuyện này là sao, hử Hurree, tôi vẫn không gạt bỏ được sự ngờ vực khó chịu là chính anh đã đạo diễn mọi chuyện khéo không chệ vào đâu được, cho khớp như in với mục đích của anh?” “Ồ, thưa ngài. Tôi đoán chắc với ngài là...” Ông gạt bỏ lời biện hộ của tôi bằng một cái phẩy tay. “Dù sao đi nữa, như anh đã nói đấy, chúng ta cũng không thể ngăn ông ấy được. Có vô số lý do giải thích tại sao chúng ta không thể, ít nhất thì cũng không, và London - nhưng thôi, đó không phải là chuyện anh cần quan tâm”. Ông ta đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ nơi có thể nhìn thấy những mái nhà bằng thiếc đỏ au ở khu chợ bên dưới. Cuối cùng, ông quay lại, nhún vai nói: “Chắc, suy cho cùng thì bạo lực và những mối nguy mà ông ấy có thể phải đối mặt ở Tây Tạng chắc chắn là không nhiều hơn những gì ông ấy đã trải qua kể từ khi đặt chân lên đất nước này. Còn anh thì sao, Hurree, ông Holmes đã yêu cầu tôi cân nhắc liệu có thể cho phép anh cùng đi với ông ấy đến Tây Tạng hay không”. Tim tôi nảy lên trong lồng ngực vì vui sướng, nhưng tôi thận trọng không để lộ bất cứ điều gì trên nét mặt. “Tôi ư, thưa ngài...” “Phải, chính anh, Hurree ạ. Anh nghĩ sao về chuyện này?” “À, thưa ngài, tôi rất vui khi thấy ông Holmes đánh giá quá cao sự phục vụ của tôi như thế. Nhưng việc cùng đi với ông ấy đến Tây Tạng... tất nhiên là không thể, nếu không được sự cho phép của Bộ,” tôi cẩn thận chua thêm. “Phải, tất nhiên là vậy,” Đại tá nói, giọng lạnh nhạt. “À Hurree, anh đã biết tổng và hình như đang mở cờ trong bụng rằng anh chứ không phải ai khác sẽ đi cùng ông Holmes đến Tây Tạng. Nhưng đừng nghĩ là anh có thể qua mặt tôi mà ăn cơm chúa múa tối ngày vui việc sưu tầm tài liệu về những phong tục và tôn giáo kỳ lạ ở các địa phương đâu nhé! Tôi chỉ biết đến công việc thôi!” Ông mở túi công văn lấy ra một mớ thư từ và tài liệu. “Sao ngài lại nói vậy tất nhiên ngài có thể tin tưởng ở sự miễn cưỡng của thuộc cấp” tôi trả lời với vẻ nghiêm trang. “Hừm... Giờ thì hãy nghe cho kỹ đã!” Ông chìa ra một lá thư được viết trên giấy thô Tây Tạng; loại giấy làm từ vỏ của một trong những loài cây thụ hương (tên khoa học là *edgeworthia gardeneri*) chủ yếu mọc ở vùng Bhootan. “Đây là bản báo cáo mật mà tôi nhận được từ K.21 chỉ mới cách đây một tuần. Tu viện của anh ta, như anh biết đấy, nằm gần con đường hành

hương chính từ Kashgar đến Lhasa, do đó nó là nơi tốt nhất để thu lượm tin tức từ thủ đô của Tây Tạng. Rõ ràng mọi thứ đã không diễn ra như đáng lẽ phải thế ở Lhasa. Có nhiều tin đồn cho biết hai ngài bộ trưởng quan trọng đã bị miễn nhiệm một cách nhục nhã, không còn ở trong Nội các nữa, vị cao tăng đứng đầu tu viện Drepung đã bị bỏ tù như một tên tội phạm thông thường. K.21 cho rằng chính viên cao uỷ của triều đình Mãn Thanh là kẻ đứng đằng sau tất cả những vụ này và chắc chắn nó nằm trong nỗ lực nhằm hạ thấp vị thế của Đạt Lai Lạt Ma và gia tăng ảnh hưởng của người Trung quốc tại Tây Tạng. Đường như hai vị bộ trưởng và vị cao tăng kia đã muốn suy tôn vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi lên ngôi cao nhất, trước cái tuổi mà hiến pháp quy định. Họ đã chống lại quan nhiếp chính, kẻ có được địa vị tối cao này nhờ ảnh hưởng của Amban, viên cao uỷ của triều đình Trung quốc.” “Có phải đó là Đề đốc O-erh-t ai, kẻ nuôi lòng căm thù sâu sắc với người Anh?” “Phải, và chúng ta đã khám phá tại sao hắn lại thực hiện chính sách bài ngoại điên cuồng đến như thế. Đường như cha hắn, đại quan T o-shih, đã bị thiêu chết khi quân đội Anh nổi lửa đốt Cung điện Mùa hè của hoàng gia tại Bắc Kinh(10).” Nay hắn muốn đảm bảo rằng không ai ngoại trừ người Trung quốc có bất cứ ảnh hưởng nào ở Tây Tạng.” “Chính xác. Tuy nhiên người Tây Tạng chẳng thích thú gì với sự can thiệp của hắn. Trong tay chúng ta có nhiều báo cáo về những cuộc biểu tình bạo loạn của đám đông quần chúng trước toà Công sứ Trung quốc tại Lhasa và có nhiều khả năng Hoàng đế Trung Hoa đang gửi thêm nhiều quân đến để tăng viện cho đơn vị đồn trú tại Lhasa.” “Trời đất ơi, đúng là tình trạng dầu sôi lửa bỏng. Chính tôi cũng đã nhận được những tin đồn tương tự như vậy từ cánh thương nhân quen biết người Tây Tạng.” “Cái ta cần nhiều hơn là những lời đồn. Điều quan trọng bậc nhất là anh phải đến được Lhasa và nắm được sự thật về tình hình ở đó.” “Đừng lo, thưa ngài. Lần này tôi quyết không để thất bại trong việc đến Lhasa; và một khi đã ở đó tôi sẽ điều tra tình hình thực tế cho rõ nguồn cơn. Chú thích:

(1) Sanyasi: nhà tu hành khát thực (Ấn Độ) (2) Quod Erat Demonstrandum (tiếng Latinh): vấn đề đã được chứng minh

(3) Budmaash: kẻ gian, người xấu.

(4) Bukoo: một loại áo choàng dài của người Tây Tạng.

(5) burra talwar: burra có nghĩa là lớn, quan trọng, talwar là thanh gươm: thanh gươm lớn.

(6) in terrorem (tiếng Latinh): để dọa suông. (7) in mortiferus (tiếng Latinh): để “giết thật”. (8) seer; đơn vị đo trọng lượng của Ấn Độ, tương đương với 0,9kg (9) tiếng Latinh, ý nói “tuân theo thượng lệnh”. (10) Năm 1860, một đội quân viễn chinh Anh-Pháp dưới sự chỉ huy của hãn tước Elgin đã chiếm được Bắc Kinh sau khi đánh bại quân đội hoàng gia Trung quốc và buộc Hoàng đế phải chạy trốn đến Jehol. Các cung điện, đền đài và lầu đài đều bị cướp sạch, còn Cung điện Hoàng gia mùa hè thì bị thiêu trụi. Sự kiện châm ngòi cho cuộc chiến tranh này là vụ “Mùi tên” vào năm 1856, khi một chiếc tàu của người Trung Quốc nhưng được đăng ký ở Hong Kong đã bị tấn công bởi quân đội Trung quốc với lý do truy tìm một tên hải tặc khét tiếng. Nhân đây xin nói thêm là Elgin đã được mai táng trong một sân nhà thờ cũ tại Dharamsala. dinh cơ hiện tại của Đạt Lai Lạt Ma ở Bắc Ấn Độ.

12. Tây Tạng-công Việc Chuẩn Bị

Sherlock Holmes nôn nóng muốn lên đường ngay lập tức, nhưng Đại tá và tôi khuyên ông nên kiên nhẫn. Những ngọn đèo sẽ ngập trong băng tuyết cho đến cuối mùa xuân, và đoàn lái buôn(1) từ Leh đến Lhasa sẽ không đại đột lên đường trước thời điểm đó. Nhưng có lẽ sẽ khôn ngoan hơn nếu không nhập đoàn buôn tại Leh, vì ở đó có một cơ quan đại diện thương mại của Tây Tạng, chắc chắn nhân viên của tổ chức này, sẽ có mối quan tâm chính đáng đến tính chân thực trong chuyến buôn của chúng tôi. Thay vào đó, chúng tôi sẽ đi con đường Hindu-Tây Tạng và băng qua Tây Tạng bằng ngã đèo Shipki, và nếu có nhân duyên may mắn, biết đâu chúng tôi lại không gặp đoàn buôn ở đâu đó xung quanh vùng lân cận Kailash - Núi Thiêng. Trong khi chờ đợi, lại có quá nhiều việc cần chuẩn bị. Có nhiều lý do khiến tôi có thể tự hào về tài xoay sở của mình, hay bundobast như chúng tôi gọi bằng tiếng mẹ đẻ. Chắc độc giả cũng vui lòng bỏ quá cho tôi nếu như tôi có hơi sa đà vào các chi tiết trong công việc chuẩn bị kỹ càng nhiều thứ mà tôi phải tuần tự tiến hành để đảm bảo thành công cho chuyến đi. Tính theo mức độ quan trọng, việc đầu tiên tôi phải làm là thuê người lãnh đạo đội thám hiểm. Chúng tôi may mắn chiêu nạp được Kintup, một vận động viên leo núi cự phách người Sikh, trước đó anh ta đã có vài dịp thực hiện nhiệm vụ Bộ giao(2) và cùng và người dẫn đường

cho chuyến đi Tây Tạng không thành của tôi trước đây. Vào thời điểm hiện tại, anh đang sống ở Darjeeling và hành nghề thợ may để kiếm sống. Tôi đã gửi cho anh ta một bức điện tín cùng một món tiền TA (trợ cấp đi đường) và một tuần sau anh ta đã có mặt ở Simla, hăm hở trước viễn cảnh bắt đầu một chuyến phiêu lưu mới. “Lần này chúng ta sẽ đến được Linh Thành, thưa ông,” anh cam đoan, đôi bàn tay chai sạn siết chặt tay tôi trong lúc tay bắt mặt mừng. Chúng ta sẽ không phạm sai lầm là ở lại quá lâu tại Shigatse như lần trước. “Vóc người lực lưỡng, bắp thịt chắc nịch nổi lên cuộn cuộn, Kintup là một chàng trai cả quyết, về gan lì lộ rõ trong dáng người vạm vỡ với nước da sạm nắng. Ở anh chàng này có sự hoà quyện của tính can đảm kiên trọng của một nhà leo núi chuyên nghiệp với sức mạnh của một con sư tử ẩn chứa bên trong. Thật may Kintup và ông Holmes có thiện cảm với nhau ngay từ cái nhìn đầu tiên. Chúng tôi cũng thuê thêm hai người đàn ông khác. Để chăm sóc đàn súc vật thồ, chúng tôi thuê Shukkur Ali Gaffuru, có cha là người Yarkand còn mẹ là người Spiti theo Lạt Ma giáo những người pha trộn hai dòng máu như thế được gọi là Argon, nhìn chung họ có nét nổi bật là lòng dũng cảm và đức trung thành. Để chăm lo cho cái bao tử chúng tôi có Jamspe, một thanh niên trẻ vui tính người Ladakh, tuy khả năng chế biến thức ăn có phần hạn chế nhưng bù lại thỉnh thoảng cũng chịu tắm một lần, lại rất rành trong việc nhóm lửa bằng phân bò yak rồi duy trì ngọn lửa trong mọi hoàn cảnh và thời tiết. Kintup và tôi đến chợ gia súc vật nuôi ở gần Narkhanda để chọn mua mười hai con la thồ hành lý và lương thực. Còn súc vật để cưỡi, chúng tôi mua năm con ngựa nhỏ lông rậm, một giống ngựa miền núi chân lùn. Dù có kích thước khiêm tốn và những đám lông rậm trông rất tức cười, loại ngựa này rất khỏe, dai sức và hội đủ các tố chất giúp chúng vượt trội hầu hết các giống ngựa khác trong việc sống còn trên các cao nguyên Tây Tạng hoang vu, khắc nghiệt. Tôi đã làm tốt việc mua sắm và chuẩn bị nhiều vật dụng khác nhau: lều bạt, yên ngựa, bộ yên thồ, sọt, yakdan (những chiếc hộp nhỏ bằng gỗ bên ngoài có bọc da được sử dụng ở một số nơi như ở Turkestan chẳng hạn), nồi niêu và dụng cụ làm bếp; chăn làm bằng vải len tuyết xoắn, tấm đắp bằng nhựa cây gutta-percha giường gấp dã ngoại cho ông Holmes, súng trường, dao, sổ ghi chép, bút, talkan hay bột lúa mạch rang mà người Tây Tạng gọi là tsampa, thịt hộp, thuốc lá, v.v... Tôi hướng dẫn Jamspe nướng một lượng lớn khura một loại bánh quy cứng của người Ladakh có thể coi như lương khô cất giữ được rất lâu. Tôi rất thích loại bánh này và chẳng trên những chặng đường vắng vẻ tẻ ngắt thì có những chiếc bánh giòn này nhai côm cốp cũng đỡ buồn. Tôi cũng đặt mua một tủ thuốc đi đường gồm đủ các loại thuốc từ hai nhà cung cấp Burroughs và Wellcome ở London. cùng tất cả những loại biệt dược địa phương dùng để đối phó với khí hậu lạnh giá ở một vùng địa hình được coi là nóc nhà thế giới. Tất cả thuốc men được gói trong những tờ báo khổ nhỏ tiện lợi, xếp có lớp lang trong chiếc rương gỗ được chạm khắc rất đẹp và chắc chắn. Đến đây tôi nghĩ mình nên thông báo cho độc giả về những phần việc khác mà tôi đã tiến hành một cách bán chính thức vì một mục đích lớn lao cho khoa học và vì sự tiến bộ của đế chế. Nhiệm vụ của những “người chặn bóng” chúng tôi không chỉ giới hạn trong việc thu thập những thông tin chính trị, như cuộc nói chuyện vừa rồi của tôi với Đại tá Creighton có thể khiến bạn đọc nghĩ thế. Trong thực tế, phần chính yếu trong nhiệm vụ của chúng tôi, cũng là những hoạt động chủ chốt của Bộ, là mối quan tâm đến các thông tin về địa lý và dân tộc học. Chính vì vậy đám “người chặn bóng” chúng tôi, hoặc chuyên viên đặc biệt (chain-man) nếu dùng theo thuật ngữ thích hợp của Bộ, đã được huấn luyện và trang bị chu đáo để thực hiện tốt những nhiệm vụ này. Đầu tiên, chúng tôi được đào tạo rất bài bản trong việc khảo sát lộ trình và đo đạc. Chúng tôi được huấn luyện để sử dụng kính lục phân, compa và cách tính toán độ cao so với mực nước biển, bằng cách quan sát điểm sôi của nước. Nhưng bởi vì công việc chán chết này không thể tiến hành thuận tiện do mối đa nghi thái quá cũng như thái độ thù địch của những cư dân lạc hậu sinh sống ở các vùng đất còn chưa được khai phá văn minh và vì trên thực tế, đôi khi cũng bất tiện nếu mang theo thước đo cùng nhiều dụng cụ linh kính để gây chú ý khác - Bộ đã nghĩ ra một số phương pháp rất tài tình cùng nhiều “chiêu” khác để xua tan sự nghi ngờ và thái độ thù địch đó. Đầu tiên, mỗi người trong chúng tôi đều phải tập bước đi - qua một quá trình tập luyện ròng rã bền bỉ - sao cho khoảng cách giữa hai bước chân bao giờ cũng bằng nhau bất kể bạn đang leo lên đỉnh núi, xuống đèo hay đi ở vùng đất bằng phẳng - trong trường hợp của tôi, một bước chân dài khoảng gần 80 cm. Chúng tôi cũng phải biết làm thế nào để tính chính xác số bước chân mình đã đi trong một ngày hoặc giữa hai địa điểm bất kỳ nào đó. Hỗ trợ cho việc đo lường này đã có chuỗi tràng hạt của người theo đạo Phật, mà bạn chắc cũng biết rõ là thường có 108 hạt. Người ta bỏ bớt đi 8 hạt, giữ lại vừa chẵn 100 cho dễ tính toán, đồng thời lại không bỏ bớt quá nhiều để tránh làm người khác chú ý. Cứ đi được 100 bước thì bạn lại lần qua một hạt. Như vậy sau khi lần hết một tràng hạt bạn đi được 10.000 bước - trong trường hợp của tôi là năm dặm; như vậy, với tôi một dặm là 2.000 bước. Bởi vì tràng hạt của các Phật tử thường có thể hai vòng phụ, mỗi vòng gồm mười hạt nhỏ hơn nên có thể dùng vòng phụ để tính xem bạn đã lần tràng hạt được bao nhiêu vòng. Không chỉ có tràng hạt Phật giáo được ứng dụng tài tình cho mục đích thám hiểm mà còn

có cả bánh xe cầu nguyện (mani lag khor)(3) Những chiếc vòng này đã được điều chỉnh lại, bổ sung thêm một nắp bật bí mật cho phép bạn có thể mở cái ống hình trụ bằng đồng và nhét vào hay lấy ra những cuộn giấy bí mật ghi chép về lộ trình cùng các tin tức tình báo khác. Compa cũng được giấu bên trong các bánh xe. Những dụng cụ lớn hơn như kính thiên văn và đồng hồ bấm giờ được giấu trong các yakdan đã được thiết kế thêm một cái đáy đặc biệt, ngoài ra nhiều chiếc túi bí mật đã được may thêm vào quần áo chúng tôi. Nhiệt kế dùng đo độ cao thì được giấu trong những mảnh ván khoét rỗng, còn thủy ngân - cần thiết cho việc bố trí một đường chân trời giả khi lấy số đo của kính lục phân - được giấu trong những đồng tiền vỏ ốc bí mật và được rót vào một cái bát hành hương, khi cần thiết. Lurgan, vốn vô cùng mưu mẹo trong những chuyện lừa gạt, đã nghĩ ra hầu hết những phương pháp này và thường dân chúng tôi sử dụng chúng một cách hiệu quả. Chú thích:

(1) Đoàn người buôn bán này cũng là đoàn ngoại giao mang những vật triều cống của vua xứ Ladakh đến cho Đạt Lai Lạt Ma. Được biết việc triều cống hàng năm này được bắt đầu từ thế kỷ 17 vào thời điểm kết thúc cuộc chiến tranh Ladakh-Tây Tạng- Mông Cổ. Xin tham khảo thêm trong “Nghĩa vụ cống nạp từ Ladakh đến Lhasa trong ”Chính sách đối ngoại Anh-Ấn” John Bray, Tập san Tây Tạng, Vol. XV, No.4.(2) Năm 1881, Kintup (hay K.P như trong hồ sơ của Bộ) đã được bí mật cử đến Bắc Tây Tạng để ném những khúc gỗ được đánh dấu xuống sông Tsangpo, hòng chứng minh dòng sông này thông dòng với Bhramaputra. Chàng điệp viên dũng cảm này đã tìm đường vượt qua những khu rừng hoang chưa được khai phá chỉ có thú hoang, những kẻ ăn thịt người và săn đầu người. Sau bốn năm phiêu lưu cùng những cuộc thoát hiểm ly kỳ trong đường tơ kẽ tóc, cuối cùng anh đã cố gắng ném những khúc gỗ được đánh dấu xuống sông Tsangpo. Nhưng đáng tiếc, chẳng có ai chờ sẵn để đón những khúc gỗ này ở Assam, vì nhân viên phụ trách cuộc thí nghiệm đã chết. Để biết rõ hơn về những kỳ công của Kintup, xin xem ”Thám hiểm trên sông Tsangpo năm 1880-1884, Tạp chí Địa lý XXXVIII (1911), Cuộc tìm hiểu những kỷ lục Ấn Độ IX, L.A, Waddel.

(3) Bánh xe cầu nguyện thật ra là một cái chuông bằng đồng hay gỗ, hoạt động giống như một cái thùng rỗng xoay quanh một trục đứng treo dọc quanh hành lang nhà chùa. Chuông không phải để gõ mà để xoay. Trên chuông có khắc sáu chữ Om mani podme hum, vì vậy còn được gọi là bánh xe mani hoặc chuông chuyển kinh cầu bình an.

13. Trên Con Đường Ấn Độ - Tây Tạng

“Này ở kia kìa, Gaffuru”. Cái giọng trầm trầm âm vang của Kintup bị bóp méo đi một cách lạ lùng bởi màn sương mù dày đặc lúc sáng sớm. “Giữ chặt lấy đai yên của con la màu hồng, đừng để nó tung hàng xuống đất”.

Anh đã hoàn thành việc kiểm tra lần cuối hàng hoá trên lưng bầy la và yên cương trên mấy con ngựa lùn, sau đó anh bước đến gần chỗ tôi, đôi ủng dày nhẹ nhàng nghiêng trên lớp sỏi rải ở lối đi nhỏ, trung khu vườn trước ngôi nhà gỗ ở Runnymede. “Babuji, ông có thể thông báo với sahib rằng tất cả đã sẵn sàng cho cuộc hành trình”. Tôi bước vào nhà, ở đó Sherlock Holmes đang tạm biệt ông già Lurgan. Một tháng trước, Đại tá Creighton đã tiết lộ với ông này danh tính thực của Sigerson, vị du khách người Na Uy và đã chiêu nạp Lurgan để ông này có thể danh chính ngôn thuận giúp một tay trong công việc chuẩn bị cho chuyến đi. Còn lúc này thì già Lurgan quay sang tôi, ngay khi tôi bước vào phòng. “À, tôi nghĩ ông bạn già Hurree đây muốn thông báo cho ngài biết rằng mọi thứ đã sẵn sàng để lên đường, thưa ông Sherlock Holmes”. Lurgan thọc tay vào túi, lấy ra một ống tẩu cổ xưa tuyệt đẹp kiểu Tarta, được khảm bạc và có phần ống hút làm bằng ngọc bích. “Người phương Đông chúng tôi có phong tục tặng quà cho khách quý lúc chia tay. Tôi không nghĩ là ông sẽ có cơ hội tiếp tục hút cái tẩu màu đỏ anh đào trông rất Anh Cát Lợi kia trong khi đóng giả một người Ladakh. Làm ơn nhận lấy món quà này, tôi xin ông đấy”. Ông Holmes nhận món quà và cảm ơn Lurgan một cách nồng nhiệt. Lurgan quay sang tôi, đưa cho tôi một hộp bút hình trụ bằng sắt, bên ngoài có những hoa văn trang trí của Tây Tạng. “Tôi được biết cái ống nhòm hiện đại của anh đã khiến nhà cầm quyền Trung Quốc đem lòng nghi ngờ anh trong chuyến đi lần trước, tôi nghĩ lần này chúng ta nên thận trọng hơn. Anh chỉ cần mở cái nắp ra, nhìn qua một cái lỗ nhỏ ở đáy hộp và - hây! Đó là một cái kính viễn vọng. Trông khéo chưa? Tôi nghĩ rằng nó là thứ tốt nhất mà tôi đã làm, có lẽ chỉ sau cái bánh xe cầu nguyện có đáy trứng. Thôi nhé, ông bạn già, chúc may mắn. Đừng có tạo ra một vụ rắc rối ngoại giao nào nữa nhé. Nó chỉ khiến Đại tá lo lắng và anh cũng hiểu rõ bằng, sau những việc như vậy thì rất khó làm việc

với ông ta đấy!”Chúng tôi im lặng cưỡi ngựa ra khỏi khu vườn. Từ trên yên ngựa, tôi ngoái đầu nhìn lại, cái bóng đen đen của Lurgan hiện rõ như được khắc trong lòng ánh sáng ấm áp dễ chịu của một ngàn mới vừa rơi xuống ngưỡng cửa. Ông gơ bàn tay phải lên chào tạm biệt. Tôi hơi rùng mình, chủ yếu bởi vì trong cái lạnh thấu xương của buổi ban mai đầy sương mù tôi bỗng nhận thức rõ ràng, một lần nữa tôi lại rời bỏ cuộc sống tiện nghi, an toàn để đối mặt với những khó khăn nguy hiểm của những điều xa lạ. Như đã từng thú nhận trước đó, tôi là loại người dễ hoảng sợ, một điều rất có hại trong nghề nghiệp của tôi, nhưng ở một khía cạnh khác, càng sợ hãi bao nhiêu tôi lại càng có xu hướng bị cuốn vào những chốn nguy hiểm bấy nhiêu. Tuy vậy, nỗi sợ hãi ít nhất cũng có được một chút năng có ích, nó làm cho người ta trở nên cẩn trọng hơn. Tôi đã chuẩn bị vô số biện pháp đề phòng để đảm bảo rằng bất cứ ai quan tâm quá mức đến hoạt động của chúng tôi đều không biết được gì nhiều. Cả cuộc ra đi im lặng, lén lút trong buổi sáng mờ sương này cũng là một trong những cố gắng của tôi để “làm vẩn đục cái giếng điều tra bằng cây gậy của sự đề phòng,” như người ta vẫn dùng cách nói khoa trương như vậy ở Afghanistan. Chiếc khafila(1) nhỏ của chúng tôi mỗi lúc một rời xa Choa Simla, lăn bánh đều đặn trên con đường Ấn Độ-Tây Tạng, một con đường giao thông huyết mạch được lên kế hoạch và bắt tay xây dựng từ năm 1850 do chiếu tá Kennedy chỉ huy - ông là thư ký của nam tước Charles Napier, người đã thực hiện thành công cuộc chinh phục người Punjab và người Sikh. Quả là một kỳ tích đáng tự hào của Đế chế, bởi vì để làm được con đường hùng vĩ này, người ta phải vượt qua những chướng ngại vật tưởng chừng như không thể khuất phục của dãy Himalaya, kéo dài suốt 230 dặm cho đến điểm kết thúc ở Shipki giáp biên giới với Tây Tạng. Trời mỗi lúc một sáng hơn, mặc dầu làn sương mù vừa lạnh vừa ẩm ướt vẫn nhằng nhằng bám vào các sườn núi làm cho quang cảnh nhuốm một màu u ám. Trong làn sương mù ẩm ướt, khó có thể phân biệt được cánh vật hai bên đường, đám vật thô và kỳ sớ lẫn vào nhau, hệt như những vết ở ẩm ướt trên nền những hình dáng lơ mơ đen đen của cây cối và những lùm cây bụi ven đường. Trong không gian tĩnh lặng vang lên tiếng móng guốc gỗ lộp cộp tiếng nghiêng của những sợi dây đã bị kéo căng, tiếng thở phì phò và chốc chốc lại rộ lên tiếng khụt khịt của những con vật đang nhẩn nại kéo đi một gánh nặng, nhưng trong làn sương mù tất cả những âm thanh này trở nên hư hư thực thực đến nỗi có cảm giác như chúng vang lên từ một giấc mơ đã nửa phần chìm vào quên lãng. “Lha Gyallo! Lha Gyallo!”(2)

Cái giọng trầm trầm của Kintup, lúc này đang cưỡi ngựa vượt lên dẫn đầu đoàn người, hò lên dội lại về phía sau vang đến chỗ chúng tôi. Câu thần chú Lạt Ma giáo này nhìn chung thường được người Tây Tạng hò to lên khi bắt đầu một cuộc hành trình, lúc ở trên đỉnh một ngọn đèo hai trên một ngọn núi cao lúc này đây nó được lặp lại một cách nhẹ nhàng bởi người cùng tôn giáo với anh ta, Jampsel, tay đầu bếp người Ladakh của chúng tôi. Tôi cưỡi ngựa chạy bên cạnh cái thân hình cao lêu đêu của Sherlock Holmes, ông quần mình trong chiếc áo choàng bằng da cừu Ladakh, ngồi trong một tư thế gò bó vì phải giạng đôi chân dài sang hai bên khi cưỡi con ngựa vùng núi thấp, nhỏ. “Thưa ngài, thế là chúng ta đã bắt đầu cuộc tìm kiếm của mình”. Tôi bày tỏ ý nghĩ của mình. “Caelum non animus mutant qui trans mare current(3). Horace thật sự không tin tưởng vào những lợi ích của việc đi du lịch đâu, nhưng hãy cầu nguyện để cho cuộc hành trình vượt qua những ngọn núi chọc trời này đem lại cho chúng ta nhiều cảm hứng hơn ông ta đã nhận được từ cuộc hải hành”. Holmes đáp, giọng ngân nga đầy vẻ triết lý. Ngày đầu tiên sau khi rời khỏi Simla, đoàn chúng tôi hướng về một rặng núi thường được gọi là Fagu, cách đó mười bốn dặm. Ở đây và ở một vài khu vực lân cận, trong chừng mực con đường còn nằm trong lãnh địa của người Anh, ta có thể nhìn thấy rải rác một số ngôi nhà gỗ một tầng của chính phủ, được dựng lên với mục đích phục vụ nơi nghỉ chân tạm bợ cho lũ khách lữ độ đường, họ chỉ phải trả một khoản tiền thuê không đáng kể mỗi ngày. Mặc dù thường không được bảo quản và chăm sóc tốt nên khá bất tiện trong mùa mưa bão, những ngôi nhà như vậy vẫn là một địa điểm đáng mơ ước cho những người mệt mỏi vì những nỗi dọc đường; ít nhất nó cũng cho người ta một mái nhà, một ánh lửa mà không cần dùng đến đèn trại. Đoạn đường từ Simla đến Fagu đi theo hướng dãy núi chính, không phải bao giờ cũng chạy qua những chòm núi nhưng hiếm khi ở cách xa nó. Ra khỏi Simla chừng bốn dặm, dãy núi đột nhiên tăng độ dốc, đồng thời nó đột ngột rẽ ngoặt về hướng Đông. Con đường trèo lên mặt dốc đứng của dãy núi theo hình chữ chi. Lên đến gần đỉnh dốc, nó thỉnh thoảng xuất hiện sau một màn sương mù dày đặc, phơi bày trước mắt chúng tôi ngọn núi Shali, mặt trời như dát vàng lên chóp núi tạo cho nó một vẻ đẹp khiến người ta phải sửng sốt: ôm trọn thung lũng hướng Đông Bắc, những vách đá dốc đứng của nó dường như treo lơ lửng trên thung lũng Sutlej. Chúng tôi đến nhà nghỉ ở Fagu vào lúc chiều muộn, trong khi trời đổ mưa như trút. Tuy vậy, một tách trà nóng bên ngọn lửa cháy sáng rực trong lò giúp chúng tôi nhanh chóng quên đi cái khó chịu của chuyến đi lướt thướt dưới mưa. Suốt hai ngày sau đó, chúng tôi cưỡi ngựa đi qua đỉnh dãy núi chính, bằng ngang thôn xóm của người Matiana, Narkhanda và

Kortgarh; đó là khu vực cuối cùng có một cơ sở truyền giáo của người châu Âu nơi đang thực hiện những công việc từ thiện cao quý và truyền đạo cho những người dân miền núi chất phác suốt đời chưa rời khỏi những ngọn núi này. Từ Kortgarh chúng tôi bắt đầu đi xuôi phía bên kia dãy núi chính xuống lưu vực sông Sutlej. Đường đi rất dốc và chúng tôi chứng kiến sự thay đổi đầy kịch tính của các hệ thực vật, vừa mới gặp những cây thông vùng ôn đới đã lại thấp hoa cỏ rực rỡ xứ nhiệt đới. Càng xuống thấp nhiệt độ càng nóng lên cho đến khi con đường dẫn tới bờ con sông Sutlej tại làng Kepu. Chúng tôi tiếp tục chặng đường kéo dài khoảng 70 dặm từ thung lũng đến Nirat. Ngày hôm sau chúng tôi đến Rampur, thủ phủ của Bushair, quận Bushair là một lãnh thổ vùng cao độc lập dưới quyền cai trị của một tiểu vương người Ấn. Lãnh địa của ông vua này cũng trải rộng sang đến tận Kunawar, khu vực nằm xa xa phía trên thung lũng, cư dân của nó thuộc dòng dõi người Tarta và là tín đồ trung thành của Lạt Ma giáo. Thị trấn Rampur nằm trên một vùng đất khá thấp chỉ cao hơn 30 mét so với con sông uốn lượn chảy dưới chân nó. Nhà cửa ở đây được xây dựng kiên cố, nhưng đa số là nhà một tầng với loại mái nghiêng lợp bằng ngói đen. Thị trấn Rampur có mối quan hệ thông thương buôn bán tốt đẹp với Tây Tạng, hàng hoá trao đổi chủ yếu là khăn choàng len và có một đơn vị sản xuất với quy mô nhỏ sản phẩm khăn quàng nhẹ bằng len trắng. Bắc ngang con sông là một cây cầu treo bằng dây cáp. Nó gồm có chín nhịp dây cáp căng từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia. Chiều rộng của sông Sutlej ngay tại chỗ cây cầu vào khoảng hơn 60 mét. Sutlej là một trong bốn con sông chính bắt nguồn từ ngọn núi Kailash linh thiêng và những hồ nước đôi huyền thoại ngay ở chân núi. Người Tây Tạng có những truyền thuyết mang tính thần thoại, rằng dòng nước của nó được chảy ra từ miệng một con công và lấy sự tích này mà đặt tên cho nó. Các sông Indus, Bramhaputra và Karnali cũng bắt nguồn từ cùng một khu vực và được người Tây Tạng lần lượt đặt tên là “Chảy ra từ miệng sư tử” “Chảy ra từ miệng voi” và “Chảy ra từ miệng ngựa” biểu lộ thái độ tôn kính với những con sông này. Người Tây Tạng, cũng như phần lớn các dân tộc châu Á khác, giải thích các vấn đề khoa học bằng những truyền thuyết và sự tích hoang đường. Chúng tôi ở lại Rampur trong hai ngày làm khách trong nhà một tiểu vương già rất khoái rượu whisky. Sở dĩ ông hoàng này quan tâm và biểu lộ thiện chí với tôi là vì lần trước, khi đi qua thị trấn (đóng giả làm một viên quan toà), tôi đã chữa khỏi bệnh gút cho ông cùng nhiều căn bệnh lật vật của đám dân chúng nghèo khổ ở vùng này. Khi chạy đến gần thị trấn Rampur, thung lũng Sutlej dường như bị thất lại khá nhiều, những ngọn núi vươn lên cao hơn và cũng khó trèo hơn. Sau bốn ngày đường, khi chúng tôi đến được thị trấn Chini thì những bụi cây sum sê xanh tốt ở thung lũng dưới kia chốc chốc lại nhường chỗ cho loại cây bách xù bị gió thổi cho xơ xác và những đám cây bụi khô héo. Những cơn gió nhẹ dưới kia lên được đến đâu thì biến thành những lưỡi dao bén nhọn khiến tôi phải kéo hai miếng che tai của chiếc mũ cũ mòn làm bằng da thỏ xuống cho đỡ lạnh. Gian khổ là vậy nhưng hình như chẳng có gì trên đời này có thể làm ông Holmes phiền lòng và không gì làm vãn đục niềm hứng khởi đang bùng bùng trong ông. Tâm trạng của ông tỷ lệ nghịch với những ngọn gió mỗi lúc một tai ác hơn, cái lạnh khắc nghiệt hơn và quang cảnh hoang vắng đìu hiu khi chúng tôi tiến đến gần Tây Tạng. Phải, càng đi xa bao nhiêu, Sherlock Holmes càng vui vẻ, phấn chấn, hoạt bát và có thể sinh khí bấy nhiêu. Những lúc không đặt ra cho tôi những câu hỏi bất tận về ngôn ngữ và phong tục Tây Tạng thì ông lại ngâm nga khe khẽ một giai điệu nào đó và mỉm cười tự lự, đầy vẻ bí ẩn. Từ Chini trở đi, kinh nghiệm về cuộc hành trình chẳng có gì ngoài một bộ sưu tập lớn về những ngôi nhà đá thô kệch của những người dân miền núi, ai ở đâu cũng có nước da vàng bủng thân mình béo úng trong những bộ quần áo bằng vải len thô, họ chần dốt những đàn cừ cũng mập tròn như thế. Chúng tôi đi lên bản Poo, ngôi làng cuối cùng và duy nhất trước khi đặt chân đến vùng Shipki và Tây Tạng. Bình thường chỉ mất năm ngày đường từ Chini đến Poo, nhưng chúng tôi phải mất đến sáu ngày. Bạn biết đấy vào ngày thứ tư chúng tôi rơi tõm vào một cái mạng giăng ra gồm toàn những chướng ngại vật không thể nào lường trước được. Chú thích:

- (1) Khafila: loại xe tải có mui do các con vật thồ kéo (2) Lha Gyalo: Vinh danh các thánh thần
(3) Caelum non animus mutant qui trans mare current (tiếng Latinh - thơ của Horace) Những người băng qua biển thì có thể thay đổi trời nhưng không thay đổi được lòng người.

14. Cuộc Đụng Đầu Nguy Hiểm

Vào khoảng giữa trưa cái ngày thứ tư ấy, chúng tôi dừng lại nghỉ ngơi và ăn uống. Trong khi Kintup cho đàn súc vật ăn thì Jamspele bận rộn với đồng nồi niêu xoong chảo, còn Gafuru bắt đầu nhóm lửa. Sherlock Holmes ngồi tựa vào một tảng đá phẳng lì dài đầu mưa nắng mà hút tẩu thuốc của người Tarta với dáng

trầm ngâm thanh thản của một nhà hiền triết. Tôi bước sang vệ đường bên kia. Xa xa phía dưới, dòng nước dào dạt của con sông Sutlej đang sùng sục không yên. Con đường đất uốn lượn, nương theo dòng chảy khúc khuỷu của con sông. Ngược lên trên khoảng nửa cây số, phía trên con đường là một cây cầu hẹp bắc ngang qua sông, nơi dòng nước thắt lại chỉ còn chừng 20 mét bề ngang. Cây cầu đó thuộc loại mà người dân miền núi gọi là sanga tức là cầu gỗ hay cầu lát ván gỗ, khác hẳn với jhula có nghĩa là cầu dây. Trụ cầu ở bờ bên trái được làm bằng một tảng đá đơn độc nhỏ chên vênh ra khỏi vách đá. Lôi chiếc ống nhòm tra hình ra khỏi túi, tôi chiếu sang vách đá ở phía bờ sông bên kia, cố điều chỉnh tiêu cự chính xác để thu vào tầm nhìn toàn bộ chiều dài của khúc sông, ngoại trừ một con kền kền lẻ loi đang rĩa xác một con cừu chết, tôi chẳng phát hiện được điều gì đáng chú ý. Nhưng như mấy người trong Bộ chúng tôi thường nói với nhau “người ta chẳng thấy được điều gì cả, trừ phi đã kiểm tra mọi thứ tới lần thứ hai,” tôi lại nâng ống nhòm lên và bắt đầu quan sát thận trọng kỹ càng, vừa nói lầm bầm trong miệng suốt thời gian đó. Một thói quen chẳng giống ai, nhưng là cái mà tôi đã vô tình nhiễm phải sau nhiều năm sống trong cảnh phải cố gắng ghi vào ký ức tất cả những gì mà đôi mắt quan sát được. “Ồ, cái gì thế nhỉ?” Tảng đá gì mà hình dáng đến là kỳ cục... giống một cái mũ cát xấu xí hơn bất cứ thứ gì. Trời đất ơi, đích thị là một chiếc mũ cát... làm thế quái nào nó lại lạc đến đó được Ủa, lạ chưa kia! Có một cái đầu bên dưới vành mũ... để mình nhìn cho rõ coi nào. Ôi, mẹ kiếp cái núp điều chỉnh khi gió này! Chật quá. Lurgan ơi là Lurgan ơi... À, tốt hơn rồi đây. Gì thế này? Gã mặt chồn sương? Ôi, trời đất quý thần ơi! Cái đầu biến mất sau một tảng đá, ngay lúc tôi chiếu ống nhòm vào chỗ đó, khiến tôi băn khoăn không dám chắc vừa nãy mình có nhìn thấy nó hay không. Tôi vội quay lại chỗ nghỉ chân kể cho Sherlock Holmes nghe những gì vừa nhìn thấy. “Hừm,” ông cau mày nói, “cái gã này bắt đầu trở thành một con chim báo bão quá thường xuyên rồi đây. Chúng ta phải rời khỏi chỗ này ngay lập tức. Nó đã bị phát hiện.” “Phải, thưa ngài. Tôi sẽ chuẩn bị khởi hành ngay. Này, Kintup, đến đây nào!” Tôi giải thích tình huống cho Kintup và mấy người kia. Kintup (chàng trai cử khôi ấy), đã trải qua nhiều cuộc phiêu lưu lớn nhỏ trong đời nên luôn có thái độ điềm tĩnh và bình thản trước những sự việc bất ngờ không được chờ đón như thế này. Ngay lập tức anh ta bắt tay chuẩn bị cho cuộc ra đi vội vã. Những người còn lại noi theo tấm gương đáng quý đó. Nhưng ngay khi con la cuối cùng được chất hàng lên lưng xong thì Gaffuru, một người lai vừa hét to vừa chỉ xuống con đường bên dưới mà chúng tôi đã vượt qua cách đây không lâu. “Ôi thưa ngài! Các kỵ sĩ kia!” Cách đó khoảng một dặm ở khúc cuối con đường, một đám bụi mù mịt nhanh chóng bốc về phía chúng tôi. Tôi giật phắt chiếc ống nhòm đặc biệt, giơ lên ngang mắt và nhìn muốn nổ con người về phía một tốp kỵ sĩ trông chẳng khác gì những tên thổ phi hung bạo nhất, vũ trang đến tận răng, đang quát những con ngựa lông xù một cách hung hăng, hiếu chiến. “Nhìn kia, ông Holmes!” tôi kêu lên và trao cho ông chiếc ống nhòm. “Chúng ta đang ở trong tình huống nguy hiểm đến tính mạng.” “Xem ra mọi việc có vẻ đúng như thế thật,” ông trả lời không hề nao núng, rồi trả lại cho tôi chiếc ống nhòm và đến gần một trong những con la, lôi ra một khẩu súng trường Martini-Henry mà chúng tôi đã giấu, pro re nata(1), dưới những chiếc sọt của nó. Sherlock Holmes vội vã nạp đạn. “Hãy mau mau dẫn mấy con la này đi ngược lên con đường mòn kia. Nếu có băng qua được cây cầu trước khi chúng đến, ta sẽ có một tia hy vọng mong manh ngăn không cho chúng băng qua sông.” Tôi hiểu ngay rằng kế hoạch của Sherlock Holmes là việc làm khả thi duy nhất. Phải, chúng tôi cách cây cầu chừng 600 mét hoặc xa hơn nữa và lũ la sẽ khiến cả đoàn bị chậm lại một chút, trong khi đó đám cướp cận sẽ nhanh chóng bắt kịp chúng tôi. Chỉ có cách duy nhất là phải liều mạng. “Này đi mau chúng mày.” Kintup, Jamspele và Gaffuru lừa đám súc vật thồ lên con đường mòn trong khi thám tử Sherlock Holmes, với khẩu súng trường hếch lên trời, và tôi với khẩu súng lục mạ kền đi sau tập hậu, cùng giật dây cương ngựa lao tới. Con đường ở khúc này như cắt sát vào bên hông một vách đá dựng đứng gần đó rồi khúc khuỷu uốn lượn theo đường đi ngoắt ngoéo của con sông hung dữ cách mặt đường khoảng 50 mét ở bên dưới. Chúng tôi chưa đi xa được hơn 200 mét thì đột nhiên nghe “đoàng, đoàng” tiếng nổ danh gọn của một khẩu súng trường đang khai hỏa bắn tới từ bên kia con sông khiến cho vách đá bên cạnh chúng tôi cày tung bụi và bắn lên những mảnh vụn. Lũ ngựa lồng lên vì hoảng sợ. “Trời đất!”, Holmes hét lên, “Chúng còn có một số tay xạ thủ bên kia sông. Cẩn thận đây Hurree.” Gần như ngay sau khi Sherlock Holmes thốt những lời cảnh cáo thì một viên đạn đã cày một đường bên hông con ngựa lùn đáng thương của tôi, khiến nó trượt đi vài bước đến mép đường rồi đổ sập xuống với một tiếng hí vang rền thảm hại. Bản thân tôi cũng ngã xuống đất, nhục nhã như một trái bóng vô dụng và chắc chắn tôi cũng sẽ lăn tròn khỏi mặt đường như quả bóng, rơi khỏi vách đá, lao xuống dòng nước sôi sục dưới kia nếu Sherlock Holmes không nhanh nhẹn nhảy xuống ngựa lao đến giúp tôi. Thật chỉ trong đường tơ kẽ tóc, thân hình to béo nặng nề của tôi vừa lăn đến mép vực thì Holmes đã kịp thời chộp được vào cổ áo và lôi tôi lên khỏi vách đá dựng đứng. “Đội ơn ngài... vì sự giúp đỡ kịp thời này... thưa ngài,” tôi vừa thở hổn hển vừa nói. “Không có chi,” ông đáp trong lúc chúng tôi vội vã trườn về núp sau một tảng

đá lớn. “Thật tình tôi sẽ không chịu đựng nổi nếu để mất đi một người dẫn đường vô giá như ông vào lúc mới bắt đầu cuộc hành trình”. Thêm nhiều khẩu súng trường khác chìa về chúng tôi. Sherlock Holmes bắn trả vài phát nhưng không may con ngựa lùn của ông vì sợ tiếng súng đã lồng lên chạy mất. Thế là giờ đây cả hai chúng tôi đều không có ngựa. Đám thổ phỉ tiến đến rất gần. Một số tên nhảy xuống ngựa, bắn rất rất về phía chúng tôi. Thật là một tình huống nghìn cân treo sợi tóc - tôi xin thề với quý độc giả thân mến rằng những viên đạn chết người vãi ra xung quanh chúng tôi như một bầy ong vò vẽ đang nổi giận khi có kẻ chọc vào tổ chúng. Nhờ có vách đá, các ụ đá và những lùm cây xung quanh cùng những động tác xoay sở khéo léo sau các tấm lá chắn tự nhiên này và nhất là nhờ ở tài bắn súng của Sherlock Holmes - tôi cho rằng chẳng mấy ai trên đời này có khả năng thiện xạ như thế - không những chúng tôi không bị thương tích nào đáng kể mà còn làm nhụt bớt sự hung hăng điên cuồng của những kẻ tấn công liều mạng. Trước mặt chúng tôi, con đường đánh một vòng của đợt ngột, ngăn không cho ai nhìn thấy cây cầu. Tôi chỉ còn biết hy vọng những người còn lại trong đoàn đã đưa lũ súc vật băng qua sông một cách an toàn. “Bọn phá hoại đang đến rất gần, thưa ngài,” tôi hét lớn át cả tiếng nổ đi đoàn của một loạt súng ngắn từ phía kẻ thù. “Tôi thấy rồi,” ông trả lời, chăm chú nạp lại đạn theo đúng quy tắc, “Chúng ta phải rời khỏi đây trước khi chúng đến đủ gần để làm thịt chúng ta. Nào, nghe thật kỹ nhé, Hurree. Ngay khi tôi bắt đầu bắn, ông hãy bật dậy thật nhanh và chạy hết sức bình sinh. Dừng dừng lại trước khi ông đến được khúc quanh. Nào, ông đã sẵn sàng chưa? Một, hai, ba!” Ông Holmes bắt đầu trả đũa bằng một loạt súng rất rất và hiểm hóc khiến bọn địch phải co vùi, lom khom cúi đầu thấp xuống tránh đạn. Từ phía sau một tảng đá, tôi bật dậy, nổ một vài phát súng ngắn và lao lên con đường mòn - đôi chân khỉ gió của tôi gắng sức guồng nhanh liếc mức có thể. Sherlock Holmes bắn thêm một vài phát nữa rồi cũng chạy theo sau. Hàng loạt đạn chết người rít lên chiu chiu và đồng loạt nổ vang trời trong lúc tôi chạy thục mạng đến bên bờ vách đá dựng đứng. Đối với tôi đó là một cuộc trốn chạy khốn khổ chậm chạp và dường như không bao giờ kết thúc nhưng cuối cùng tôi cũng đến được khúc quanh và, với sự bùng nổ của nguồn năng lượng cuối cùng, tôi phóng mình qua khúc quanh sống còn đó một cách thần tình. Tôi vừa toan thở phào nhẹ nhõm vì thoát chết trong gang tấc thì bất gặp ngay một cảnh tượng bất ngờ, gây sốc, làm cho tôi phải từ bỏ ngay lập tức mọi hy vọng vừa nhen lên về mạng sống mới giành giật được. Không hề mủi lòng, như chính thần Chết, gã đàn ông có khuôn mặt chồn sương đứng chính giữa con đường hẹp. Đập ngay vào mắt tôi là một khẩu súng lục tự động hiệu Mauser nằm chắc trong tay phải hắn và dường như đang chìa thẳng vào người tôi. “Thiên thần và các giáo sĩ của ngài bảo vệ chúng ta”. Phía sau hắn, mà chỉ đến lúc này tôi mới nhìn thấy, là một đám du thủ, du thực Tây Tạng khoác một vẻ man rợ nhất mà tôi từng thấy. Bọn chúng đã bày binh bố trận đầu vào đây. Người của chúng được bố trí trên đường và rải rác trên sườn đồi, ẩn nấp sau các tảng đá và lùm cây với tất cả các loại vũ khí: súng trường, súng lục, súng hỏa mai và cả súng thần công đã nạp đạn sẵn, trong tư thế sẵn sàng khai hỏa. Sherlock Holmes phóng tử khúc quanh ra, suýt nữa thì đâm bổ vào tôi và cũng đứng trước cái ngõ cụt chết chóc này. “Cái quái...” ông thốt lên, nhưng khi ý thức được tình huống nghiêm trọng, ông nhanh chóng trấn tĩnh lại một cách đáng khâm phục. Với đôi tay điềm tĩnh, ông đốt một tẩu thuốc, bình thần nhả khói lên trời như thể trên đời này chẳng có chuyện gì đáng quan tâm hơn việc hút một điếu thuốc cho đúng cách. Tên mặt chồn sương nâng súng lên ngắm bắn. Mắt tôi nhìn ngón tay trò của hắn đặt vào lẫy cò và trong óc tôi vụt hiện lên hình ảnh ngôi làng nhỏ xanh bóng cọ ở hạ lưu sông Bengal nơi chôn nhau cắt rốn của tôi. Nhưng giọt lệ từ từ dâng lên trong mắt tôi. Một tiếng nổ lớn kéo theo hàng tràng những tiếng nổ đánh gọn của một loạt súng trường và súng hỏa mai. Tôi tưởng đâu mình đã chết thật rồi vì mọi thứ xung quanh tôi chao đảo, lộn vòng, tối tăm và lẫn lộn vào nhau. Nhưng khi mở mắt, tôi thấy mình vẫn đang đứng, và vẫn còn nguyên cái đầu trên cổ. Sherlock Holmes đứng bên cạnh tôi, thở ra một làn khói thuốc xám nhạt. Gã đàn ông có khuôn mặt chồn sương và người của hắn vẫn đứng phía trước chúng tôi, khói bốc lên từ các nòng súng. Tôi quay người lại. Con đường phía sau rải rác những con ngựa nằm chúng bốn vó lên trời - ngựa của những tên cướp hung dữ đã cố gắng giết chết chúng tôi nhưng lại bị hạ đồng loạt bởi gã mặt chồn sương và đám người Tây Tạng của hắn, lúc chúng theo ông Holmes và tôi tới khúc cua trong trận rượt đuổi nóng bỏng hẳn chúng đâu có ngờ là có một sự đón tiếp dữ dội như thế? Một số tên cướp, nhất là những tên tụt lại phía sau, nhờ thế mà sống sót qua loạt đạn vừa rồi thì cuống cuống tháo chạy một cách nhục nhã. Người có khuôn mặt chồn sương bắn thêm vài phát như để tiễn chúng lên đường, rồi cất vũ khí vào một bao súng bằng gỗ đeo bên hông. Ông ta tiến về phía chúng tôi và chìa tay cho ông Holmes. “Ông Sigerson phải không ạ?” Vâng. “Còn tôi là Jacob Asterman. Tôi là người của Đức Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng, được cử đến để trao tận tay ông tấm hộ chiếu đặc biệt, cho phép ông và người của ông đến thăm Linh Thành Lhasa”. Chú thích:

(1) pro re nata (tiếng Latinh): cho sự việc đã phát sinh.

15. Hộ Chiếu Đến Tây Tạng

Với một cái vẫy tay ra hiệu của Asterman, một người Tây Tạng trẻ tuổi có dáng vẻ nho nhã lịch sự tiến lại gần và sau khi thi lễ bằng cách cúi đầu rất thấp, đưa cho ông ta bằng hai tay một tài liệu được quấn quanh một mũi tên. Đây là cái mà người Tây Tạng gọi là một da-iyg hay “mũi tên-công văn”, dấu hiệu cho biết rằng nó là công văn chính thức của cấp chính quyền. Asterman trang trọng cúi chào và trao “mũi tên-công văn” cho Sherlock Holmes. Ông bóc lớp xi niêm phong, tháo sợi dây và mở hộ chiếu. Nó được viết bằng kiểu chữ umay tao nhã, tức là kiểu chữ thảo bay bướm mà đến nay ông Holmes vẫn chưa nắm được nên ông trao cho tôi đọc hộ. Sau đây là bản sao lại tài liệu nguyên bản và một bản dịch ra tiếng Anh để bạn có thể đọc qua cho biết. Hỡi tất cả các thống đốc, công chức quan huyện, trưởng thôn và công dân trên lộ trình từ Tholing đến Lhasa - hãy nghe và tuân theo!

Một người ngoại quốc, Si-ga sahib (ngài Sigerson) và người tùy tùng của người là nhà học giả Ấn Độ mang cái tên thần thánh - Hari Chanda - đang thực hiện một cuộc hành trình danh dự đến nơi ở của các vị thần (Lhasa). Trong cuộc hành trình, ta yêu cầu tất cả chức sắc trong các hạt cung cấp cho họ bốn con ngựa cưỡi và bất cứ con vật thô nhỏ cùng với yên cương và vật dụng cần thiết. Chi phí thanh toán thông thường sẽ được trả cho chủ của những con vật được thuê cùng với biên nhận hợp lệ. Tại tất cả các nơi họ dừng chân, cỏ khô phải được cung cấp miễn phí cho súc vật của những người mang hộ chiếu này. Ngoài ra, phải cung cấp nhiên liệu cho họ, và khi cần phải nhường đường nơi bến phà, thuyền và con đường leo dây cho họ. Tất cả phải được cung cấp đầy đủ cho quý ông trong cuộc hành trình này. Tuyệt đối không để xảy ra bất cứ sự chậm trễ hay cản trở nhỏ.

Ngày đầu tiên của tháng thứ hai trong năm Nhâm Thìn.

Ấn của Đạt Lai Lạt Ma Tây Tạng.

Phụ lục: Hộ chiếu nay đi kèm với hai “chiếc áo choàng của các vị thần” thuộc cỡ trung bình để chào mừng những vị du khách đáng kính.

Chàng trai Tây Tạng có nhiệm vụ mang “mũi tên-công văn”, và dường như là một viên chức chính quyền, lấy từ trong áo choàng ra hai chiếc khăn quàng cổ trắng bằng lụa, đó là “áo choàng của các vị thần” như đã được nhắc đến trong hộ chiếu. Những chiếc khăn quàng cổ - có lên là khatag - được người Tây Tạng và người Tarta sử dụng cho thêm phần long trọng trong những dịp lễ lạt hay sự kiện đặc biệt nào đó trong đời. Chúng cũng được dùng để chào mừng khách, chia tay khách, thỉnh cầu các vị vua, thờ cúng phật, xoa dịu các vị thần, tổ chức hôn lễ và để than khóc trong tang lễ. Màu trắng của khăn quàng tượng trưng cho thiện ý và động cơ trong sáng của người tặng. Người Tây Tạng mở khăn quàng ra, cúi chào thật thấp lần nữa rồi trao cho Sherlock Holmes và tôi mỗi người một cái. “Xin cảm ơn!”, Holmes nói khi nhận lấy chiếc khăn quàng với một vẻ khả ái và khẽ nghiêng mình đáp lễ. Mọi việc xoay ra bất ngờ quá, kỳ lạ quá. “Ông khuyên tôi nên làm gì đây, Hurree?” “Trời ơi, thưa ngài, chắc phải có một cơn say đầy máu me đây. Nhưng đầu óc tôi không biết có còn dùng được nữa không, nó đang rối tung cả lên, mặc dù tôi phải nói rằng cái hộ chiếu xem ra là thật” “Ồ nhưng nó là thật mà,” Asterman vội nói, giọng thất kinh. “Chính ngài chương lý của Đạt Lai Lạt Ma đã thảo ra nó và đích thân ra lệnh chuyển đến cho ông. ” Đây này“, ông ta chỉ vào dấu triện đỏ vuông vắn trong đó có khắc những ký tự nhỏ tiếng Phạn, “đó là con dấu của Đạt Lai Lạt Ma, không một ai có bất cứ cái gì giống như thế cả ở Tây Tạng lẫn vùng Đại Tarta này. Nhận thấy vẻ nghi nghi hoặc hoặc trên nét mặt chúng tôi, ông ta vội vã nói thêm, “À! Tôi thay rằng các vị cần một sự giải thích rõ ràng hơn nữa. Được thôi. Chúng ta hãy đi đến chỗ cắm trại của tôi ở bên kia sông, ở đây các vị sẽ được ăn uống, nghỉ ngơi và có câu trả lời thoả đáng. Người và súc vật của các ông hiện giờ đã ở đó, tất cả đều an toàn và khoẻ mạnh. Chúng tôi băng qua cầu và sau khi đi qua khoảng hơn 100 mét trên con đường độc đạo thì đến một vùng đất rộng. Hai căn lều vải cùng một lều bạt rất lớn đã được dựng lên quây thành vòng tròn quanh một đồng lửa nhỏ. Kintup và mấy người khác đang ngồi chồm hổm quanh đồng lửa, vừa thoảng thấy chúng tôi thì chạy bổ đến vui mừng tíu tít. Liếc sang bên cạnh, tôi thấy Sherlock Holmes tỏ vẻ xúc động khi chứng kiến niềm vui chân thật, lộ lộ của các chàng trai người dân tộc khi thấy hai chúng tôi còn sống và không bị tổn thương gì. Kintup nhắc đi nhắc lại rằng họ cứ tưởng đầu chúng tôi đã bị giết, nhất là

sau khi nghe loạt súng rền vang như sấm nổ lần cuối. Bản thân họ cũng nghĩ chính mình đã bị bắt làm tù binh trong tay một đám cướp còn đông hơn nữa. Để làm họ yên lòng, tôi đoán chắc với họ bằng mọi việc không phải như vậy và Asterman cùng người của ông ta là những vị cứu tinh chứ không phải kẻ thù của chúng tôi. Vị cứu tinh mời chúng tôi đến ngồi ở một vài chiếc ghế dài, thấp kê dưới mái hiên. Kỳ lạ thay việc thành kiến có thể làm thay đổi diện mạo của một người trong mắt ta đến đường nào. Giờ đây Asterman hoàn toàn là một quý ông lịch lãm, đáng mến không có gì chung với "kẻ mặt chồn sương" hung ác mà trước đây tôi vẫn gán cho ông ta. Tuy nhiên, Asterman có phần hơi khoa trương, lắm lời. "Tốt lắm, thưa các ông nếu các ông có chút quan tâm nào đến chuyện này tôi xin kể hầu các ông chuyện của tôi từ đầu đến cuối," Asterman bỏ chiếc mũ cát kết cấu ghét ra để lộ một cái đầu hồng hào khá to với một vài chòm tóc xám lơ thơ. Khuôn mặt xương xương của ông ta trông linh hoạt và sôi nổi hẳn lên khi bắt đầu câu chuyện. "Như các ông có thể đoán biết tôi là người Do Thái, một đứa con bất hạnh của Shem, người mà vì lai lịch và toàn cảnh xuất thân đã phải cho đi nhiều hơn là nhận được trong cuộc đời khốn khổ này." Gia đình tôi vốn quê ở Alexandria, cha tôi là con trai thứ ba của David Asterman, một trong những thương nhân xuất sắc nhất thành phố. Nhưng cha tôi muốn chọn con đường riêng nên sau khi được chia tài sản đã cùng mẹ tôi lên đường đến Calcutta, nơi ông bắt đầu sự nghiệp của một nhà buôn bán hương liệu. Nhưng cha tôi không phải là người biết lo xa, thưa các ông, nên mặc dù ông ấy chỉ sẩy chân một lần duy nhất - trong chuyện ngựa nghèo - nhưng cũng đủ khiến gia đình tôi tán gia bại sản còn ông thì sớm qua đời với một trái tim tan vỡ. Cầu cho linh hồn ông được nên nghỉ nơi chín suối. Để nuôi mẹ già cùng các anh chị em khác, tôi thử điều hành kabari - một cửa hàng bán đồ cũ - tại chợ Bow ở Calcutta, nhưng đó là một cuộc đầu tư đáng nản. Thiếu cả vốn liếng lẫn kỹ năng nên dù đã cố hết sức tôi vẫn không bao giờ kiếm đủ tiền để đưa gia đình thoát khỏi cảnh chạy ăn từng bữa. Nhưng chúng tôi là một gia đình ngoan đạo, bao giờ cũng tin tưởng vào những điều răn của Chúa. Mặc dù đã đến gần ranh giới tuyệt vọng nhưng chúng tôi vẫn không mất hết niềm tin vào Thượng Đế. Ngài đã khiến cho những con quạ kiếm thức ăn nuôi Elijah trong hoang địa thì chắc chắn Ngài sẽ không để cả nhà chúng tôi phải bỏ mạng cùng nhau. Rồi một hôm có một khách hàng rất dị thường tìm đến tiệm. "Đó là một chàng trai trẻ vóc người tầm thước, khuôn mặt mang những đường nét phương Đông không lẫn vào đâu được. Anh ta khoác trên người một chiếc áo choàng chẳng giống ai, nhưng chắc chắn là được may bằng loại lụa đắt tiền; cùng đi với anh ta là một kayeth, người chuyên viết thuê ở chợ và hình như anh ta đến chỗ chúng tôi với tư cách người thông dịch." Kayeth giải thích với tôi rằng quý ông trẻ tuổi này đến từ Bhotiyal, hay Tây Tạng. người viết thuê này cách đây nhiều năm đã từng làm việc chăm chỉ ở thành phố nhỏ Kalimpong, biên giới Tây Tạng và đã học được ít nhiều tiếng Tây Tạng trong thời gian đó. Quý ông người Tây Tạng này muốn mua một món hàng đặc biệt, đã tìm đến nhiều cửa hàng trong thành phố, nhưng chỉ bị chủ cửa hàng xua đuổi với thái độ nghi ngờ và chế giễu. Cuối cùng anh ta quyết định bỏ cuộc. Kayeth khuyên anh ta hãy tỏ ra nhẫn nại thêm một lần nữa và đã thuyết phục được người khách đến cửa hiệu tồi tàn của tôi. Khi biết chuyện, tôi cố làm cho vị khách phương Đông cảm thấy dễ chịu hơn và lịch sự hỏi về món đồ anh ta đang tìm kiếm. Người này trả lời một cách đơn giản rằng anh ta muốn có "một tiếng sét"; "Này hỡi con trai của Jacob(1)", tôi bèn bụng bảo dạ "Đây không phải là lúc tỏ vẻ ngạc nhiên hay bồn chồn. Kể ngu ngốc không mặc áo lụa đắt tiền như thế (ông nội tôi từng bán lụa trong nhiều năm và tôi biết thế nào là một loại lụa quý mà cũng không có cả một người phiên dịch để dịch lại những lời nói ngu ngốc của họ. Có thể chú mày sẽ vớ bẫm trong chuyện này chưa biết chừng. chỉ cần biểu lộ một chút kiên nhẫn và lịch sự mà thôi". "Như vậy tôi xác định đó là một sự hiểu lầm," Asterman tiếp tục sau khi hớp một ngụm trà, "sự hiểu lầm chắc chắn sẽ trở nên trầm trọng hơn bởi khả năng ngôn ngữ kém cỏi của Kayeth. Tôi kiên nhẫn đặt ra nhiều câu hỏi cho quý ông Tây Tạng này về cái món anh ta muốn, chẳng hạn như về hình dạng, màu sắc và đặc tính, nhưng không biết thêm được gì cả. Rồi tôi nhớ rằng trong bộ sưu tập sách cũ trong tiệm có một cuốn từ điển Tây Tạng-Anh cũ mèm mà tôi đã mua từ đồng đồ cũ của một nhà truyền giáo đã chết. Tôi lao ra sau tiệm, tìm thấy nó nằm lẫn trong một đồng tạp chí Blackwood phủ đầy bụi bặm. Đúng cái lúc mà tôi đưa cuốn từ điển cho quý ông Tây Tạng thì tôi hiểu, vấn đề của chúng tôi đã được giải quyết. Rõ ràng anh ta là một người có học - theo cách của mình - vì anh ta hỏi hắt hắt các trang sách cho tới khi tìm thấy điều mình muốn. Với một tiếng kêu nhỏ đầy thỏa mãn, anh ta chỉ cho tôi một chỗ trong một trang sách và thúc giục tôi, bằng những âm thanh lấp lụp lù, hãy nhìn vào đó. Nói một cách công bằng, thì cái ông kayeth ấy đã dịch đúng nghĩa đen của từ đó và nó có nghĩa là "tiếng sét", nhưng hiểu theo nghĩa bóng thì là những mẩu thiên thạch và đó mới đúng là cái mà quý ông Tây Tạng này tìm kiếm." Tôi đã cố gắng thu mua một lượng mẩu đá từ một nhà buôn chuyên cung cấp khoáng sản, mẩu vật địa chất cho các trường cao đẳng và đại học và đáp ứng nhu cầu cho người này. Anh ta trả cho tôi một khoản hoa hồng lớn và từ đó về sau thường thông qua tôi đặt mua nhiều món

hàng kỳ lạ và hiếm thấy khác. Mãi sau này tôi mới được biết người này làm việc cho Đạt Lai Lạt Ma, có nhiệm vụ tìm kiếm những thứ như thế cho vị Phật sống của mình. Bản thân tôi không bao giờ hiểu rõ tại sao ông ấy lại muốn có những vật lạ lùng này, nhưng rồi tôi tặc lưỡi, "có phải là việc của chú mà đâu, có lẽ người ta dùng để làm ra những pháp thuật chẳng"(2). Dù sao đi nữa, tôi cũng đã được đền đáp xứng đáng cho công lao khó nhọc của mình, mặc dù không phải lúc nào tôi cũng kiếm được những của đó. Cũng thật đáng ngạc nhiên khi một ngày nào đó các ông có dịp phát hiện ra một thực tế - bất kể nó kỳ lạ như thế nào - rằng mình được trả tiền rất nhiều tiền chỉ để tìm ra một món gì đó và nhất là được toàn quyền hành động mà không phải mà không phải lo lắng về phí tổn. Tôi có thể kể hầu các ông vô số câu chuyện ly kỳ trong việc truy lùng mấy món này. Thực vậy, có một lần tôi còn mặc cả mua một quả trứng Phượng hoàng từ kho báu của Đại pháp sư Kafristan cơ đấy. Đó sẽ là một câu chuyện còn hấp dẫn và kích động hơn tất cả các tiểu thuyết của ông Haggard(3)."Chắc chắn là rất thú vị, điều đó thì không còn gì phải hồ nghi nữa," Sherlock Holmes nói, giọng khô khan, "nhưng có những điều còn thú vị hơn với chúng tôi vào lúc này, xin ông cảm phiền kể cho chúng tôi nghe làm thế nào ông biết được sự hiện diện của chúng tôi trên những ngọn đồi này. Và vì lý do gì mà chúng tôi lại có được một vinh dự quá khác thường khi nhận được một tấm hộ chiếu đến Tây Tạng?" "Chắc chắn rồi, ông Sigerson, không có gì chắc chắn hơn thế," Asterman đáp, không khỏi bối rối. "Tôi cũng vừa định bắt đầu. Nhưng trước tiên phải uống thêm một chút trà nữa", ông ta vỗ tay với dáng điệu chỉ huy và một người bước lại gần. "Hãy châm thêm trà cho các quý khách nào. Tách của họ đã cạn nước rồi đấy. Đám người theo hầu của quý ông đây đã có đầy đủ thức ăn và nước uống chưa? Tốt lắm, anh lui được rồi đấy!" Sau đó ông ta quay lại, đối diện với chúng tôi với một vẻ mặt khá kỳ quặc. "Vâng, như tôi đã thưa với các ông, hiện có ít nhiều điều quả vẫn còn khiến tôi hết sức kinh ngạc, nhưng thật tình mà nói, bất cứ cái gì liên quan đến ngài đây đối với tôi mà nói đều là một bài toán mẹo rất khó của người Trung quốc. Chuyện là thế này. Cách đây bốn tháng, người của Đạt Lai Lạt Ma - cái người đến cửa hàng của tôi để mua "tiếng sét", cũng chính là người vừa dâng cho ngài và ông đây hai chiếc khăn quàng cổ trắng như món quà chào mừng các vị khách quý. Phải, người này đã trao cho tôi một chỉ thị kỳ cục, phải tìm cho được một chilingpa - tức là một người châu Âu - mà họ rất quan tâm. Đây là lần đầu tiên họ yêu cầu tôi tìm người và thú thật tôi cũng không hiểu rõ lắm về những việc mà mình đang dính vào. Nhưng họ hứa trả tôi rất hậu nếu tôi tìm được người này. Họ không chỉ cung cấp cho tôi tên của ông, ông Sigerson ạ, mà còn cung cấp một bản miêu tả đầy đủ và chính xác về bản thân ông, bao gồm cả ngày giờ con tàu của ông cập bến tại cảng Bombay" Một cảm giác khó chịu nhói lên ở sau gáy khi tôi nghe nói tới điều này. "Nhưng làm thế nào họ biết được chứ?", Sherlock Holmes lẩm bẩm, vàng trán cau lại bối rối. "Ồ, họ biết rõ điều đó, thưa ông," Asterman cả quyết "Chúa sẽ trừng phạt tôi nếu tôi dám nói sai một lời. Thậm chí, họ còn miêu tả cả tẩu thuốc và hộp đàn violon của ông nữa." "Và ông đã bám theo ông Sigerson từ cảng đến khách sạn," tôi hỏi ngay "Phải thế không nào?" "Phải, tôi đã làm thế, thưa ông," ông ta toét miệng cười lộ ra hàm răng vàng khè, lờm chờm. "Đừng nghĩ là tôi không biết ông bám theo tôi trên chiếc xe ngựa từ bến cảng đến khách sạn nhé. Mặc dù tôi phải công nhận rằng cho mai tới sau này tôi mới biết rõ, chứ lúc ấy tôi không thể đoán ra ông có mối liên hệ gì với ông Sigerson. Vụ án mạng trong khách sạn làm tôi hiểu rằng vô hình trung tôi đã để bản thân mình lún quá sâu vào những việc mà tôi không kiểm soát được". Ông ta hơi rùng mình. "Tôi vẫn bị những cơn ác mộng đáng sợ về cái thân hình đầm máu lão đảo tiền về phía tôi trong hành lang khách sạn. Tôi chạy khỏi nơi đó trong sự kinh hoàng tột độ. May sao tôi đã kịp phòng ngừa bằng cách để cỗ xe của mình ở phía sau khách sạn. Nhờ thế tôi cố gắng thoát đi thật nhanh, chỉ vừa kịp lúc, vì hai cảnh sát đã đuổi theo tôi từ lối đi của người phục vụ". Như vậy là Asterman đã không nhận ra chúng tôi trong con hẻm tối. "Vâng, thưa các ngài," Asterman tiếp tục, "Tôi hôm đó, tôi quay lại nhà quyết định sẽ không dấn sâu vào công việc nguy hiểm chết người này nữa. Nhưng sau khi suy đi nghĩ lại suốt đêm, tôi đã đi đến chỗ nhận thức rõ ràng dù sao tôi đã có một cam kết với khách hàng, vậy thì điều ít nhất mà tôi phải làm là thông báo cho họ biết về nơi ở và kế hoạch của ông. Vì vậy ngày hôm sau tôi lại lảng vảng ở khu vực xung quanh khách sạn, canh chừng xem ông ra vào khách sạn như thế nào. Khi thấy ông rời khỏi khách sạn cùng hành lý vào đêm hôm đó, tôi đã đi theo ông đến ga tàu. Tôi cho tay bán vé một ít tiền, thế là hắn nói cho tôi biết ông mua vé đến Umballa. Vì vậy, tôi đoán rằng ông dự định đến Simla và tôi đã đúng. Tôi bèn đến Darjeeling để báo cáo mọi việc. Một nhân viên trẻ tuổi có tên là Tsering, còn có nghĩa là "Trường Thọ" cho rằng việc này hết sức quan trọng. Anh ta đặt ra nhiều câu hỏi về ông, ông Sigerson ạ. Ngoài ra, anh ta còn tỏ ra lo lắng về vụ án mạng ở khách sạn. Cuối cùng, tôi nói dù rất tiếc nhưng tôi không thể tiếp tục đảm trách nhiệm vụ nguy hiểm này nữa. Anh ta bảo tôi rằng việc này vô cùng quan trọng và họ hứa sẽ trả cho tôi bất cứ thứ gì tôi muốn để thực hiện việc này từ đầu đến cuối. Tôi đòi một khoản tiền lớn đến mức hoang đường, cốt để anh ta nản lòng, nhưng trước sự thất vọng của tôi, anh ta mau mắn đồng ý. Suy cho

cùng, nếu tôi may mắn sống sót qua vụ này, cả đại gia đình của tôi sẽ yên ổn và sung túc suốt đời. Sau đó, Tsering đưa ra cho tôi những chỉ thị cụ thể. Anh ta khẳng định rằng dù thế nào ông cũng sẽ cố đến Tây Tạng vào mùa xuân và rất có thể kẻ thù của ông sẽ cố thủ tiêu ông trên đường đi. Trách nhiệm của tôi là phải ứng cứu ông. Bản thân anh ta sẽ vượt qua biên giới từ mạn Thượng và chỉ cần băng qua đèo Shipki cùng một đội quân có vũ trang là có thể phối hợp với tôi để trợ giúp ông. Anh ta cũng làm sẵn một tấm hộ chiếu cho phép ông vào Tây Tạng. “Tôi cho rằng chúng tôi đã dự liệu vừa khéo, ông Sigerson ạ. Đội quân Tây Tạng cũng chỉ mới đến đây trước một ngày và mặc dù đã lùng sục toàn bộ khu vực này cố tìm ra nơi ẩn náu của băng cướp, nhưng chúng tôi vẫn mất đi ba tay súng trường được cất giữ cạnh gác ở bên kia sông. Thật bất thường cái việc một toán cướp có vũ trang lảng vảng trong khu vực đèo heo hút gió này còn kỳ quặc hơn nữa khi chúng bày binh bố trận chỉ để chờ đợi một đoàn hành hương bé nhỏ của các ông. Trong khi ấy mới sáng nay thôi, có một đoàn la dài dằng dặc chở nhiều hàng hoá đi ngang con đường này nhưng chẳng thấy chúng có động tĩnh gì ông Sigerson ạ, ông cứ như một cục nam châm, luôn hút về mình bao nhiêu hiểm nguy: đầu tiên là vụ án mạng ở khách sạn, còn bây giờ là những tên cướp này. Thưa ông, thật ra có chuyện gì vậy?”. Ông ta hỏi đặt một ngón tay lên môi với vẻ bí ẩn. “Hẳn phải có chuyện gì đó quan trọng khủng khiếp đằng sau tất cả những chuyện này. Không phải ư? Ồ, xin lỗi, tôi đã hỏi qua nhiều... lẽ ra tôi chỉ nên quan tâm đến chuyện của mình thôi!” “Tốt lắm, thưa ông Asterman,” Sherlock Holmes nói và mỉm cười, “Rõ ràng tôi và người bạn đồng hành đã nợ ông mạng sống, cho nên thật là không phải đạo nếu tôi không thoả mãn trí tò mò chính đáng của ông. Rất tiếc là vào lúc này, tôi chưa thể cho ông biết mọi chuyện về tôi hay người bạn đồng hành này. Điều mà tôi có thể nói chỉ là có một tổ chức tội phạm rất nguy hiểm âm mưu thực hiện nhiều cuộc tấn công liều mạng nhằm tiêu diệt tôi, chẳng hạn như vụ vừa rồi. Vụ giết người trong khách sạn là một trong những cuộc tấn công đặc biệt đáng quan tâm. Ông có biết...” Rồi không hề tiết lộ danh tính cũng như bản chất thật sự của tổ chức tội phạm đằng sau những tội ác trên, Sherlock Holmes kể lại câu chuyện về chiếc đèn hình con voi bằng đồng thau và con đĩa sắt thủ khổng lồ. Dù với ít nhiều thay đổi trong các tình tiết đó cũng là một câu chuyện hồi hộp, gay cấn từ đầu đến cuối. Asterman bị cuốn hút vào câu chuyện, còn tôi thì nhận thấy Sherlock Holmes đã tận trọng tận tâm mọi công lao cho cảnh sát trong việc tháo bỏ tấm màn bí ẩn của vụ án, bản thân mình thì đóng vai trò của một nạn nhân hoảng loạn. “Chắc, chuyện thế mới là chuyện chứ, chà chà!” Asterman trầm trồ kêu lên. “Đúng là một câu chuyện ly kỳ từ đầu đến cuối! Nó khiến tôi phải rung mình khiếp sợ khi nghĩ rằng tôi đã ở cạnh kẻ với cái chết như thế nào... chà chà, ngay trong hành lang khách sạn. Điều đáng tiếc là cảnh sát không thể tóm tên chủ mưu đứng đằng sau vụ này. Dù sao tôi cũng tự mình thoát khỏi nhiều rắc rối, còn những tên cướp này tôi cho là hẳn ta đã thuê chúng.” “Rất có thể là như vậy,” Sherlock Holmes trả lời, nhồi đầy tẩu thuốc bằng thuốc lá lấy ra từ một chiếc bao da màu xám. “Đó là sai lầm đáng trách nhất về phía tôi thưa ngài,” tôi nói, giọng hối lỗi, nhưng cứ lấy cuộc đời chết tiệt của mình ra mà thề, tôi không thể hiểu được làm thế nào chúng lại có được thông tin về cuộc hành trình của chúng ta. Tôi xin đảm bảo việc chuẩn bị không hề gọi lên mối quan tâm hay nghi ngờ của bất cứ ai cả.” “Chắc chắn là ông đã làm tốt, Huree ạ. Nhưng nên nhớ, chúng ta không đương đầu với những tên tội phạm thông thường, như có lần tôi đã nói rất rõ, đó là một tổ chức tội phạm nguy hiểm nhất trong biên niên sử của thế giới tội ác.” Asterman gãi gãi cái đầu hồng hào lơ thơ vài nạm tóc và nhận xét, giọng vui vẻ: “Nhưng mà ông Sigerson này ông không cần phải lo lắng về chúng một khi đã vào đến Tây Tạng. Tôi nghi ngờ khả năng những tên tội phạm này - dù chúng xuất quỷ nhập thần đến đâu chẳng nữa - lại có thể thành công trong việc xâm nhập đất nước này, khi mà những nhà thám hiểm kiên cường nhất cũng phải bó tay. Phải, có một điều vẫn khiến tôi băn khoăn tại sao nhà cầm quyền Tây Tạng lại cho phép ông vào đây với việc biểu không một tờ hộ chiếu quý giá. Nhưng không sao chẳng chóng thì chầy Tsering sẽ giải thích cho các ông biết. Anh ta sẽ hộ tống các ông đến Lhasa.” “Ông nghĩ tại sao họ lại cho chúng ta hộ chiếu đi đường, ông Holmes?”, tôi hôm đó, tôi hỏi ông, khi chỉ còn hai chúng tôi trong căn lều nhỏ. Tôi nằm đó, cuộn tròn ấm áp trong chiếc túi ngủ bằng da cừu, nhưng ký ức về các sự kiện và những tiết lộ trong một ngày đầy biến động này làm tôi tỉnh như sáo. Sherlock Holmes chỉ rúc nửa người vào túi ngủ thì đang tựa lưng vào cái poshteen(4) được cuộn tròn lại mà bình thần hút thuốc. “Đó là một câu hỏi thú vị phải không nào?”, một làn khói xanh cuộn lên từ tẩu thuốc của ông. “Nhưng nó vẫn sẽ là một bí ẩn ít nhất cho tới khi chúng ta đến được Lhasa, vì tôi chưa có bất cứ câu trả lời nào. Tuy nhiên, chúng ta hãy liều mạng một phen, đừng đếm xỉa đến bất cứ khía cạnh xấu nào có thể có trong ý định của họ, bởi nếu họ có ý đồ xấu với chúng ta thì việc quái gì phải làm một cách vòng vo phức tạp như vậy. Việc gì phải cử Asterman đến cứu chúng ta khỏi những tên giết thuê của Moran, rồi sau đó lại nhử chúng ta vào một cái bẫy nào khác. Không, không thể có chuyện đó được. Dù thế nào đi nữa, ta cũng chưa có đủ dữ liệu về vấn đề này để có thể đưa ra một giải pháp tức thì. Chúng ta cần phải tin vào lòng nhân từ của Thượng đế thôi,

Hurree ạ! Khi chúng ta vượt qua giới hạn của chúng ta - ngọn đèo cuối cùng đó - vào ngày mai “Sherlock Holmes cất tàu thuốc đi và chồm tới thổi tắt nến.” Chúc ngủ ngon!” “Chúc ngủ ngon, ông Holmes”. Tôi có thể thấy là chúng tôi sắp đi vào một nơi nguy hiểm nhất trước khi tắt cả chuyện này qua đi. Tôi thở dài và kéo phần trên của túi ngủ trùm qua đầu. Chú thích:

(1) Jacob ở đây chỉ tổ phụ của người Do Thái (2) Chắc chắn là Asterman đã lầm. Những lễ hội của Mật giáo Tây Tạng đòi hỏi nhiều vật thể kỳ lạ để đạt được hiệu quả. Thiên thạch chắc chắn là được dùng để đúc những dụng cụ trong các nghi lễ tôn giáo như “dao găm ma thuật” (phurba), chuông (drilbu) và “quyển trượng kim cương” (dorjee).

(3) Henry Rider Haggard (1856-1925): sinh ở Norfolk (Anh) là một nhà văn chuyên viết những chuyện phiêu lưu mạo hiểm thời Victoria, truyện của ông thường lấy bối cảnh ở những vùng đất xa lạ huyền bí đối với đa số độc giả người Anh thời ấy.

(4) Áo choàng dài bằng lông cừu của Afghanistan

16. Trên Nóc Nhà Thế Giới

Ngày hôm sau chúng tôi bắt đầu lên đường đến đèo Shipki. Cả đoàn đi dưới sự hộ tống của một tốp lính và người viên chức trẻ, Tsering, trên đường tới Tholing, thị trấn quan trọng ở hạt đầu tiên của người Tây Tạng phía bên kia biên giới. Tsering có mái tóc dài thắt thành bím, dải tai lưng lủng lẳng đôi hoa tai dài bằng ngọc lam chứng tỏ anh ta mang dòng máu quý tộc và có phẩm hàm cao trong giới chức sắc. Đó là một thanh niên trẻ tận tâm, bao giờ cũng để mắt đến mọi nhu cầu lớn nhỏ của chúng tôi với một thái độ luôn lo lắng có phần căng thẳng. Không nghi ngờ gì nữa, trách nhiệm chăm sóc vị khách quý của chính Đạt Lai Lạt Ma là một nhiệm vụ vô cùng khó nhọc. Sherlock Holmes lại là người châu Âu đầu tiên mà anh ta từng tiếp xúc nếu không tính Asterman, nhưng dù sao thì cái ông có khuôn mặt chôn sương đó cũng không phải là một quý ngài. Asterman đã từ già chúng tôi. Ông ta hẳn phải thấy nhẹ cả người khi đã kết thúc phần việc của mình và phần khởi nhìn về tương lai, mong đợi gầy dựng được một công việc kinh doanh phát đạt với món tiền thưởng lớn cho những khó nhọc của mình. Về những gì liên quan đến tôi và Sherlock Holmes, ông ta đã nhận được khá nhiều rắc rối và lo lắng rồi. Chúng tôi chúc ông ta may mắn trong công việc đầu tư cho tương lai và nhìn theo khi ông ta cười lên lưng ngựa phi nước kiệu xuống con đường dài khúc khuỷu để trở về Simla. Đèo Shipki không phải là ngọn đèo ẩn tượng nhất trong những vùng địa lý mà dãy Himalaya chạy qua, nó chỉ cao khoảng 4694 mét so với mặt nước biển, nhưng cái cảm giác phổi bị ép chặt cùng với trái tim như bị se lại thành từng thớ nhỏ lần nữa cho biết rằng tôi đang ở trên một vùng đất mà tôi thật sự chẳng có lý do gì phải tới. Trên đèo cao, gió thổi như muốn dúi đầu người ta xuống đất và lạnh thấu xương. Đám người Tây Tạng cùng với Kintup và Jampsel xếp những hòn đá thành một ụ đá hình tháp như làm một lễ vật dâng cho các sơn thần và cao giọng hét lên những câu thần chú. “Lha Gyallo! Lha Gyallo! Vinh danh các vị thần!” Nhiều Phật tử ngoan đạo cột những lá phướn cầu nguyện nhiều màu bằng vải bóng rủ tiền lên những cao cột bạc màu cắm trên các ụ đá. Phong tục này của người Tây Tạng đã bị những du khách châu Âu đến biên giới Himalaya hiểu sai, một số người cho rằng dân bản xứ có thói quen thờ cúng núi non và các tảng đá vô tri. Trên thực tế, người Tây Tạng coi những vật vô tri vô giác như thể là thiêng liêng chỉ vì chúng là trú xứ của một vị thần hay lha vốn hiện diện như là trợ linh (animus assistentis) chứ không phải hoạt linh (animus animantis). Một số lha này có những vị tương ứng trong thần hệ của người La Mã. Sherlock Holmes cũng đặt một Khatag(1) trên nóc một ụ đá. Bất gặp cái nhìn chăm chú của tôi, ông quay sang trêu chọc tôi một cách vui vẻ: “Thôi nào, ông bạn Hurree, hãy thể hiện sự kính trọng cao nhất trước các vị thần như một babu tốt đi nào. Hiện chúng ta đang ở nơi cội nguồn của họ. Bắt đầu từ đây khoa học lô-gíc và ông Herbert Spencer(2) hoàn toàn không tồn tại nữa”. Lha Gyallo! Trước đây tôi chưa từng thấy ông vui vẻ và an nhiên như thế. Đó có thể là do không khí trên độ cao gần 5000 mét này loãng đi đáng kể. Độ cao của một vùng đất ảnh hưởng đến mỗi người theo những cách thức rất lạ lùng. Trong khi áp suất không khí ép mạnh vào thái dương, gây cho tôi những cơn đau đầu thường xuyên thì nó lại khiến ông Holmes vui sướng. Ông cũng đã dần dần bỏ được thói quen dùng những loại thuốc có hại trước đây. Đêm hôm ấy cả đoàn ngủ tạm tại một ngôi làng nhỏ dưới chân đèo. Chúng tôi dựng lều cạnh một con suối nhỏ, ngay trong một trảng rừng mơ tuyệt đẹp. Đáng tiếc lại không đúng mùa ra quả, nhưng làn hương dịu dịu ngọt ngào của những cây mơ nở trắng một vùng cũng đủ giúp cho giấc ngủ chúng tôi thật êm đềm dễ chịu. Nhưng cũng từ địa hình này trở đi, vùng đất này bắt đầu thiếu nước và trông như một hoang mạc, với những đặc điểm mà các nhà địa

chất có thể miêu tả như một Dorsum orbis(3). Hai ngày sau chúng tôi đến thành phố Tsaparang, từng có thời là thủ đô của vương triều Ciuge cổ xưa, rồi bị bỏ rơi vào khoảng năm 1650 bởi những cuộc chiến tranh liên miên và do hiện tượng mất dần các mạch nước ngầm. Thành quách của các đời vua chúa, một pháo đài bất khả xâm phạm, tọa lạc trên đỉnh một vách đá dốc đứng phía trên phế tích của thành phố. Tôi đã đọc được một tài liệu nào đó trong văn thư lưu trữ của Hội châu Á rằng hội truyền giáo Cơ đốc đầu tiên đã được phát hiện ở đây vào năm 1624. Thầy tu dòng Tên người Bồ Đào Nha, Antonio de Andrade, đã sáng lập ra một cộng đồng Cơ đốc giáo và nghe đâu còn xây dựng cả một nhà thờ. Tôi kể cho Sherlock Holmes về câu chuyện kỳ lạ này và cả hai chúng tôi tích cực tìm kiếm dấu vết của nhà thờ Cơ đốc trong đồng cỏ nát hoang tàn nhưng không phát hiện được gì cả. “Có phải đức cha tốt bụng đó đã thành công trong việc cải đạo cho nhiều người bản xứ không?”, Homes vừa hỏi vừa gõ gõ đầu thuốc lên hông một bức tường vôi để tàn thuốc. “Không nhiều lắm đâu. Tôi nghĩ thế. Người Tây Tạng nổi tiếng trong giới truyền giáo bởi sự cứng rắn và thái độ ngoan cố, nhất định bám lấy các tượng thần và tín ngưỡng từ nghìn xưa”. “Họ miệt mài trong nguyên tội của mình, có phải không nào?” Holmes cười khùng khục trong cổ “Dù sao thì Phật giáo cũng đã cắm rễ quá sâu trên mảnh đất này rồi. Tại sao mấy nhà truyền giáo kia còn muốn mang đến đây một cái đạo khác kia chứ?” Ngày hôm sau chúng tôi cưỡi ngựa đi vào Tholing, một cổ đô khác của vương quốc Guge. Thành phố này đông dân hơn và tương đối thịnh vượng. Nó có một tu viện đẹp như tranh vẽ với mái vòm và chóp bằng vàng, được xem là tu viện lâu và cổ nhất phía Tây Tây Tạng. Đáng tiếc, chúng tôi không thể đi thăm thú ngay được, vì trước đó phải gặp viên quận trưởng. Người hầu của ông ta đang đợi chúng tôi ngoài cổng ngôi nhà khách, đó một toà nhà nhỏ quét vôi trắng, xây bằng gạch đất sét phơi khô ngoài nắng. Khi khách xuống ngựa, tất cả đám người hầu nhất loạt bỏ mũ và cúi rạp người chào. Đối với tôi đó là một ví dụ tiêu biểu nhất về “sự tự nguyện từ bỏ bản thân mình trong nghi thức chào đón một cá nhân khác,” cái mà như ông Herbert Spencer đã chỉ ra, nằm ở điểm mấu chốt trong thói quen chào đón hiện đại của chúng ta. Họ trao cho chúng tôi nhiều món quà từ ông quận trưởng: cừu nguyên con, những túi bơ và pho mát, các khay trứng, và rất nhiều bao tsampa loại lương thực chủ yếu của người Tây Tạng. Sau khi nghỉ ngơi một lát và ăn uống no nê, chúng tôi đến thăm viên quận trưởng để đáp lễ đó là một ngôi biệt thự bằng đá xám nằm ở rìa thành phố. Tên ông ta là Phurbu Thondup, có nghĩa là, “ước nguyện ngày thứ Năm được thỏa”. Ông ta là người có tám vóc ngoại cỡ, thậm chí còn cao to hơn cả tôi. Ông mặc áo choàng bằng lụa màu vàng, đeo đôi hoa tai dài bằng ngọc lam và cũng búi tóc giống như Tsering. Nhưng để chứng tỏ địa vị cao quý hơn - ông thuộc phẩm hàm thứ tư còn Tsering là thứ sáu - ông có một lá bùa hộ mạng nhỏ bằng vàng gài trên búi tóc. Giai cấp quý tộc ở Tây Tạng được chia thành bảy cấp, trong đó người có địa vị tôn quý nhất chính là Đạt Lai Lạt Ma. Mặc dù tuổi tác và địa vị cao hơn, viên quận trưởng vẫn tỏ thái độ kính trọng Tsering và đối đãi với anh ta một cách rất trọng thị. Quả thật, có một cái gì đó rất đáng trọng nơi người bạn trẻ tuổi của chúng tôi, điều mà mắt thường không thấy được. Phurbu Thondup hắng giọng một cách ồn ào và kiểu cách trước khi công báo những chỉ thị mới nhất mà ông ta vừa nhận được từ Thư ký của Đạt Lai Lạt Ma. Chúng tôi phải đi hết tốc lực để tới Lhasa càng sớm càng tốt. Người ta đã chuẩn bị đón khách rất chu đáo ở tất cả các thôn làng, những chỗ cắm trại dã chiến trên đường, cũng như tại các tasam(4) biệt lập - đó là một kiểu nhà trọ nhỏ bé, ở đó người ta có thể đổi vật kéo xe và có chỗ nghỉ lưng. Mặc dầu vậy đoàn chúng tôi càng kín đáo và bí mật bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu. Quận trưởng nhấn mạnh, chúng tôi phải đặc biệt cẩn thận khi đến Shigatse và không được lai vãng gần toà lãnh sự Trung quốc đóng tại đó. Ô hô? Tôi thầm nghĩ chính trị là vậy đấy. Có thể nào chuyến đi đến Tây Tạng của chúng tôi có mối quan hệ gì đó với những vấn đề mà người Tây Tạng đang gặp phải với Amban đại diện nhà Mãn Thanh tại Lhasa? Tôi bộc bạch điều này với Sherlock Holmes trên quãng đường từ nhà viên quận trưởng về nhà nghỉ, nhưng dường như ông không lưu tâm lắm đến những băn khoăn đó. “Tôi không cho là ông sai, Hurree ạ, nhưng như trước đây tôi đã từng giúp ông hiểu rõ, sai lầm chủ yếu của việc phỏng đoán là ở chỗ ta chưa có đầy đủ dữ liệu cần thiết. Giờ ta hãy xem xét một tiên đề ngược lại. Có thể nào việc mời một người ngoại quốc đến Tây Tạng - nếu việc này bị phát giác - lại gây ra một vấn đề nghiêm trọng hơn với viên đại diện Mãn Thanh, một kẻ mà chủ trương bài ngoại, theo chỗ tôi được biết, là hết sức quá khích kể cả với những người Trung quốc trong diện đáng ngờ thông thường khác. Vì thế ông đừng nên suy luận theo lối đó đi, tôi xin ông đấy. Sáng sớm hôm sau, run rẩy và làu bàu trong cái lạnh cắt da cắt thịt buổi ban mai tôi đeo chiếc ô (cột cả hai đầu bằng một sợi dây như quai đeo súng) quay ra sau lưng và mắt nhắm mắt mở nhảy lên lưng ngựa. Trong khoảng một tuần liền, chúng tôi cưỡi ngựa đi dọc bờ sông Sutlej băng qua một vùng đất vẫn còn khoác vẻ đẹp ban sơ dù có phần hơi cằn cỗi. Nhiều loại chim chân nhỏ vụt bay qua các bụi cây kim tuyến và những ụ đá, trong khi những con sếu thông thả tìm bắt cá trong các vùng nước nông. Lần đầu tiên chúng tôi được chiêm ngưỡng kiang (tên khoa học là equus hemionus) một giống lừa hoang, sinh trưởng nhiều ở Tây Tạng. Cả một bầy

kiang với nét duyên dáng có một không hai ung dung quan sát đoàn lữ hành chúng tôi đi qua. Khi đã thoả trí tò mò, chúng lập tức quay đi ngay như theo một mệnh lệnh nào đó và phóng đi với bước chạy tuyệt vời thanh nhả. Thật may mắn cho những con chim và bầy thú nơi đây vì Sherlock Holmes không có ý tận dụng dịp may này để tiêu khiển bằng cách săn bắn thú. Lại một điều khác thường ở nơi ông so với đa số những người Anh khác mà tôi biết, tất cả bọn họ đều đặc biệt say mê trò giết hại hổ, hươu, lợn rừng, chim, cá và bao nhiêu loài khác nữa. Ác cảm tự nhiên của Sherlock Holmes với thú thể thao khát máu đó đã khiến những người Tây Tạng thêm phần kính trọng ông, kể cả những người theo đạo Phật và đạo Ky Nay(5) như Kintup và Jamspele vốn tin vào sự thiêng liêng của sự sống trong mọi dạng thức tồn tại của nó. Chúng tôi cũng đi qua một số trại của dân du mục cùng những đàn cừu và giống bò Tarta nổi tiếng (bos grunions) sau đó, trên đường đến một tasam ở Barga, thành linh hiện ra trước con mắt sững sờ của đoàn lữ hành là một chuỗi sông băng sáng rực lên, lấp lánh dưới ánh chiều tà, ngay dưới chân đỉnh Gurla Mandatha cao vòi vọi và ngọn núi Kailash tối linh thiêng. Ngọn núi này không chỉ thiêng liêng đối với người theo đạo Phật - họ quan niệm đó là nơi ở của Đức Phật và các vị Bồ tát, Demchog (Skt. Charasamvara) - mà còn cả với người theo Ấn Độ giáo nữa, họ xem nó như chiếc ngai của vị thần tối cao Shiva. Vì thế mà trong suốt hai nghìn năm qua hoặc có thể còn lâu hơn nữa, nhiều Phật tử, thầy tu khổ hạnh Ấn Độ giáo và người hành hương đã lũ lượt kéo đến khu vực này để thờ phụng Linh Sơn (Kailash), thực hành pháp tu khổ hạnh bên ngọn núi và đi quanh núi một vòng. Người Tây Tạng gọi nó là đỉnh Kailash, Kang Tise, hay Kang Rimpoche, Bảo Sơn và nó đóng một vai trò quan trọng trong đạo Bon (Bon), một tôn giáo của người Tây Tạng ra đời trước Đạo Phật (Samôn tiền Phật giáo). Ngọn núi Tuổi (Meru) - được coi là trung tâm trong vũ trụ luận Phật giáo và Ấn Độ giáo - sở dĩ có một vị trí cao như vậy có lẽ là nhờ những đặc điểm về địa hình và quần thể động thực vật độc nhất vô nhị của Linh Sơn. Chúng tôi muốn được đi quanh ngọn núi này như những người hành hương - từ lâu tôi đã nuôi một mong muốn thiết tha nhất: được quan sát và đo Linh Sơn từ nhiều điểm khác nhau - nhưng Tsering là người nhất nhất tuân thủ chỉ thị cấp trên nên nhất định không chịu lãng phí dù chỉ một ngày. Cuối cùng, hai bên cũng đi đến một sự thoả hiệp. Đoàn chúng tôi sẽ không ai quanh núi, mà sẽ hành trình vượt qua núi và hồ nước thiêng với tốc độ chậm hơn, làm thế thì ít nhất chúng tôi cũng có dịp thưởng thức cảnh đẹp có một không hai này. Trong vài ngày sau đó chúng tôi băng qua khu vực đồng bằng rộng lớn của Barga, gần những dãy núi và sông băng kéo dài cho đến khi tới được Manasarover. Đoàn người và vật dụng lều bên bờ Linh Hồ, nơi chắc chắn là cái hồ có khối lượng nước ngọt lớn nhất thế giới. Tôi đã tiến hành nhiều nghiên cứu khoa học về hồ nước thiên nhiên này, kết quả của những nghiên cứu đó đã được xuất bản trong bản miêu tả đầu tiên của tôi về chuyến đi này có bên là: Hành trình đến Lahssa qua phía Tây Tây Tạng (Nhà xuất bản Elphenstone, Calcutta, 1894) vốn được tờ tạp chí Statesman quá đề cao với nhận xét: "Đó là một tác phẩm vĩ đại về nghiên cứu khoa học và thám hiểm". Còn trong bản tường thuật này, do khuôn khổ có hạn và cũng không thật thích hợp nên tôi xin mạn phép không đưa vào các chi tiết khoa học về chuyến đi và cuộc thám hiểm của chúng tôi. Vì vậy, nếu muốn có những thông tin này bạn nên mua cuốn sách được nhắc tới ở trên, tại bất cứ hiệu sách nào trong Đế chế. Một dãy núi soi bóng mình trong nước Linh Hồ (Manasarover), cùng cả vùng đất xung quanh, có một vẻ đẹp siêu phàm và chắc chắn không có nơi nào trên thế giới này sánh kịp. Tôi cảm thấy niềm vui của mình như được nhân thêm với ý nghĩ rằng không có nhiều nhà thám hiểm trên đời này có đủ may mắn được chiêm ngưỡng cảnh đẹp như thế, ấy là chưa nói có thể nghiên cứu nó một cách khoa học như tôi. Tôi cũng đắm mình trong hồ như những người hành hương khác, mặc dù động cơ của tôi thiên về việc quan tâm đến vấn đề vệ sinh hơn là lòng mộ đạo. Dù sao thì nước hồ tuy trong vắt, nhưng lại lạnh buốt như nước đá. Điểm dừng chân tiếp theo của chúng tôi sau cái hồ thiêng là khu định cư có tên là Thokchen hay "Sấm lớn" một nơi mà ngoài cái tên rất ấn tượng ra chỉ có một ngôi nhà duy nhất. Chưa hết, trong nhà lại lổm ngổm nhưng rạn là rạn, chúng tôi đành phải ngủ đêm trong những căn lều dựng tạm. Kể từ đây chúng tôi đi theo sông Bramhaputra hay Tsangpo như dân Tây Tạng thường gọi. Được tiếp nước bởi vô vàn con suối nhỏ, con sông càng trôi đi lại càng được mở rộng hơn. Ngoài trừ một cơn mưa nhỏ và đôi ba cơn giông có kèm mưa đá, chúng tôi may mắn gặp tiết trời nói chung là đẹp. Tôi thường cưỡi ngựa với chiếc ở màu xanh pha trắng xòe rộng để che nắng; vì độ cao của dãy Himalaya và không khí loãng, ánh mặt trời ở đây rất gay gắt. Thỉnh thoảng những cơn gió mạnh bất chợt lại thổi cho chiếc ô lật ngược hoặc giật tung đi chỗ khác, khiến Kintup và đám người vui vẻ cưỡi ngựa đuổi theo chiếc ô như thể nó là một con thỏ hay con gì đó vậy. Tuy vậy, những cơn giông bão dữ dội khắc nghiệt nhất trong mùa đông đã qua đi còn những cơn bão bụi mùa hè thì chưa đến, cho nên ta có thể ung dung thoải mái ngồi đọc sách trên lưng ngựa, dưới bóng mát của chiếc dù xòe rộng, hay rơi vào tâm trạng mơ mộng suy tư về cuộc đời như trường hợp của tôi. "Tôi dám nói chắc là ông đã đúng,

Hurree ạ!” giọng nói của Holmes cắt ngang dòng suy tưởng của tôi trong một lần như thế. “Chỉ một mình khoa học thuần túy thôi thì không thể trả lời tất cả câu hỏi về cuộc sống. Số phận con người chỉ có thể được khám phá qua tôn giáo.” “Hoàn toàn đúng vậy, thưa ông,” tôi nhiệt liệt tán thành, “mặc dù nó làm phiền tôi... Trời đất ơi, ông Holmes!” tôi sực nhớ ra và kêu lên. “Làm thế nào mà ông có thể biết những suy nghĩ nội tâm của tôi?” Sherlock Holmes cười, vẫn cái kiểu cười lặng lẽ rất đặc biệt của mình, ông hơi ngả người ra phía sau, ghì dây cương điều khiển con ngựa của mình di chuyển cùng tốc độ với con ngựa của tôi. “Ông nghĩ thế nào? Thông qua ma thuật ư? Hay là khả năng giả định? Hoặc chỉ bằng một chuỗi lập luận lô-gic rõ ràng, đơn giản” “Dù có sống hết đời, ông Holmes ạ, tôi cũng không thể biết dựa trên cơ sở lập luận nào mà ông có thể lần theo quá trình tư duy của tôi. Suy nghĩ của tôi ư, tất cả đều được khoá chặt trong cái đầu chết tiệt này giống như lớp cơm dừa trong quả dừa vậy.” Không, thưa ngài! Lời giải thích duy nhất là ma thuật. Chắc chắn là ngài đã tranh thủ được sự giúp đỡ của những nhà ngoại cảm đầy phép thuật như Buktaamos hay Dulhan, hoặc Musboot - cũng có thể đó là Zulbazan, con trai của Elbis. Sherlock Holmes bật cười thành tiếng, nghe giòn tan: “Tôi thật không muốn phải làm ông tan tành ảo mộng về mối quan hệ thân thiết giữa tôi với những cư dân thần bí nhưng toàn bộ chuyện này đơn giản đến mức ngớ ngẩn. Để tôi giải thích. Tôi đã quan sát ông cách đây chừng mười phút. Ông cầm cuốn Các nguyên tắc sinh vật học của Herbert Spencer đang mở trên tay và chăm chú đọc. Sau đó ông đặt cuốn sách xuống trước lên - mở ra một trang nào đó ở giữa cuốn sách - và ông bắt đầu nghĩ ngợi. Đôi mắt ông nheo lại, khép hờ. Rõ ràng, ông đang suy nghĩ về những gì vừa đọc xong. Nếu tôi không lầm, chắc đó là đoạn Spencer thảo luận về một học thuyết nào đó của ông Darwin và những người khác, ở khúc giữa cuốn sách - về sự tiến hoá của các loài từ hình thức đơn giản đến phức tạp. Tôi thật không dám chắc về điều này, nhưng ông đã giúp củng cố giả thuyết của tôi bằng cách thay đổi kiểu mơ mộng và cách quan sát các loài động vật và chim hoang dã với dáng điệu tò mò và thận trọng. Dường như ông đi đến chỗ đồng ý với lập luận của Spencer vì thỉnh thoảng ông lại gật gù.” Sherlock Holmes đốt tẩu thuốc Tarta và sau khi thổi ra một luồng khói trắng, ông tiếp tục: “Nhưng rồi suy nghĩ của ông lại đột ngột bị cắt ngang. Có phải ông nhớ đến những gì đáng thương còn sót lại của một con linh dương gazen bị sói giết mà chúng ta vừa thấy cách đây không lâu. Dường như hình ảnh đó khiến ông hoang mang bối rối. Tất cả những điều đó đều là cơ sở tốt để nói hay viết về “Sự sinh tồn của những loài thích nghi nhất” (6) trong một phòng khách ấm áp ở London; nhưng thật may khi chạm trán với khía cạnh này của tự nhiên, dù chỉ trong cái chết không đáng kể của con linh dương tội nghiệp, đó lại chỉ là một kinh nghiệm tầm thường. Về tư lự khiến mặt ông tối sầm lại. Có học thuyết nào ngỗ hầu giải thích được những đau khổ, bạo lực và sự tàn bạo của cuộc đời, dường như ông đã đặt ra câu hỏi đó ông nhớ đến những cuộc chạm trán chớp nhoáng của mình với bạo lực và cái chết. Tôi để ý thấy ông nhìn xuống bàn chân phải bị mất ngón giữa và suốt nửa thì mất cả tính mạng, vì thế mà ông hơi rùng mình. Về mặt ông thấm đượm một nỗi buồn sâu sắc, và nỗi buồn ấy đến cùng với sự đốn ngộ về tính vĩnh cửu trong bi kịch của con người.” Sau đó ông đưa mắt chăm chú ngắm nhìn những ngọn tháp sáng lấp lánh của một tu viện xa xa, hình như suy nghĩ của ông đã được nâng lên một chút khỏi cơn ngả lòng trước đó. Ông ngược nhìn bầu trời xanh cao rộng. Về mặt của ông hơi giễu cợt nhưng không hoàn toàn sâu muộn. Có lẽ ông đang tự hỏi liệu tôn giáo có thể có câu trả lời cho không đau khổ của nhân loại mà khoa học bó tay không thể trả lời chẳng. Vì thế tôi mới đánh bạo tán đồng với ông”: “Nói đúng phước, hoan hô ông Holmes. Điều này còn đáng kinh ngạc hơn cả ma thuật nữa,” tôi thốt lên, vẫn còn ngây ngất về một khả năng kỳ diệu khác của ông vừa được phát lộ. “Ông đã lần theo lộ trình tư duy của tôi một cách chính xác không chệch một ly nào. Thật là một kỳ tích nổi bật nhất của nghệ thuật lập luận, thưa ngài!” “Ừ chà. Chỉ ở cấp độ sơ đẳng thôi, ông bạn Hurree thân mến ạ.” “Nhưng ông làm thế nào vậy, ông Holmes?” “Một mẹo nhỏ dùng trong xây dựng chuỗi suy luận từ một tiền đề ban đầu hùm... có thể gọi đó là ”duyên khởi“, hay dùng khái niệm cao thâm này của Phật giáo vậy. Phải, từ một giọt nước ông có thể có chẳng suy luận lô-gic về tiềm năng của Thái Bình Dương hay thác Niagara mà không cần phải nghe hay nhìn thấy chúng. Do đó toàn bộ sự sống là một chuỗi mắt xích vĩ đại mà bản chất của nó sẽ được khám phá bất cứ khi nào ta nhìn thấy một mối liên hệ đơn lẻ nào đó của nó” (7). Tu viện nằm trên một ngọn đồi, bên dưới là khu định cư Tradun. Nhìn chung đây là một nơi khá đông đúc nhộn nhịp gồm hơn hai mươi ngôi nhà, cùng một số lều du mục nằm rải rác trên một vùng tương đối bằng phẳng. Nơi chúng tôi dừng chân khá gần vương quốc Nepal, tôi nhìn thấy ba đỉnh núi phủ băng trắng muốt vươn cao theo hướng đó (8). Phải mất thêm ba tuần lễ nữa chúng tôi mới tới được Shitgatse. Thật may mắn khi chúng tôi có dịp đến thăm tu viện vĩ đại Tahsi Lhumpo và tham quan kho tàng của nó; nhưng chúng tôi đã cẩn thận tránh không lai vãng đến gần đại sứ quán Trung Quốc nằm ở phía Tây thành phố. Kintup và tôi đã có quá nhiều kỷ niệm không vui về nơi này trong chuyến đi lần trước. Chúng tôi nghe đủ loại tin đồn trong chợ về những âm mưu của Amban Mãn Châu ở Lhasa và

tay chân của hắn tại Shigatse cùng những điều sắp xảy đến với quân xâm lược Trung quốc. Nhưng chúng tôi không tin vào bất cứ những chuyện tầm phào nơi quán xá ấy. Từ Shigatse mất khoảng mười ngày đường nữa mới tới được Lhasa. Chú thích:

(1) Khatag: một miếng vải trắng hoặc một chiếc khăn lụa được sử dụng khắp Tây Tạng như một dấu hiệu chào mừng hay tỏ ý kính trọng. (2) Hyrbert Spencer (1820-1903), triết gia lớn có ảnh hưởng tris tuệ đặc biệt sâu đậm vào thời Victoria. (3) Dorsum orbis: bộ mặt thế giới (lưng thế giới)

(4) Tasam: nhà nghỉ.

(5) Kỳ Na giáo (Jainism): một trong những giáo phái Samôn ra đời trước Phật giáo ở Ấn Độ chủ trương không lệ thuộc vào Bà La Môn giáo và Kinh Vệ Đà có những triết lý gần với đạo Phật.

(6) Một câu nói của Spencer năm 1852 (7) Holmes đã diễn đạt một điều tương tự như thế trong bài báo “Cuốn sách của cuộc sống” mà Watson đã nhắc tới (có phần chê bai) trong truyện Một nghiên cứu về màu đỏ, tác phẩm được ấn hành lần đầu trên kể về cuộc gặp gỡ của ông với nhà thám tử vĩ đại. Điều đáng lưu ý là cả Watson lẫn những nhà nghiên cứu về Holmes đều không nhận ra những khuynh hướng tinh thần khá rõ ràng trong tính cách của Holmes (8) Đó là ba ngọn núi có tên: Annapurna, Dhaulagiri và Manaslu

17. Thành Phố Của Các Vị Thần

Chúng tôi đến Lhasa vào lúc sẩm tối ngày 17 tháng Năm năm 1892. Vừa rẽ vào khúc cua cuối cùng trên con đường hành hương từ Gyangtse, chúng tôi đã thấy sừng sững trước mắt mình là cung điện vĩ đại Potala như đang lấp lánh bởi phía trên những cánh đồng lúa mạch xanh rờn của thung lũng Kyichu (có nghĩa là Dòng sông hạnh phúc). Đầu tiên, Potala do Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm (1) xây dựng vào năm Ất Tỵ (1645), Ngài cũng là người đặt tên cho nó. Có những dấu tích cho thấy toà nhà trung tâm, “cung điện đỏ”, đã tồn tại từ thế kỷ thứ 7 vào thời của các vị vua Tây Tạng cổ xưa. Cung điện được đặt tên theo đình Potalaka ở Nam Ấn Độ, một trong những ngọn núi thần thánh của vị chúa thần của người Ấn Độ là Shiva. Tuy nhiên, các tín đồ Phật giáo tin rằng ngọn núi này là nơi nhập diệt thiêng liêng của Đức quan Thế âm Bồ tát (Avalokitesvara) đại từ đại bi mà Đạt Lai Lạt Ma là hiện thân trong hình thể thần thánh của mình. Có thể cung điện Potala không phải là một niềm tự hào về mặt kiến trúc nếu đặt nó ở bất cứ nơi nào trong các thủ đô lớn trên thế giới, nhưng với một vùng đất hoang vu, cách biệt nơi thiếu thốn mọi phương tiện giao thông cũng như xây dựng như Tây Tạng thì đó là cả một kỳ công của trí tuệ con người, xét cả về khả năng lẫn sức mạnh, trong việc tạo ra một kỳ quan có quy mô đồ sộ và vĩ đại như thế. Trước đây, chỉ duy nhất có một người da trắng tên là Thomas Manning có vinh dự chiêm ngưỡng công trình này (2) còn trong Bộ chúng tôi chỉ có K.21 là người đã nhìn thấy nó trước tôi. Tôi thành tâm cảm ơn Đấng sáng tạo vì đã ban cho tôi vinh dự này. Tôi có thể thấy rằng quang cảnh hùng vĩ trước mắt cũng có một ảnh hưởng tương tự lên những người bạn đồng hành của mình. Tsering, Kintup cùng các tín đồ Phật giáo khác xuống ngựa, nằm phủ phục xuống đất theo tư thế ngũ thể để bày tỏ lòng tôn kính. Thậm chí Gaffuru, một tín đồ Hồi giáo sùng đạo, cũng hướng mặt về phía Điện Potala, cúi chào một cách trân trọng. Đôi mắt Sherlock Holmes thì sáng lên tràn ngập niềm vui trong trẻo thanh tịnh khi đắm đắm dõi nhìn về phía Potala đang hiện dần lên ở xa xa. Vầng trán nghiêm nghị thường cau lại vì những suy tư mãnh liệt cao độ, từ từ giãn ra như những đợt sóng biển xuôi đi êm ả trong một ngày đẹp trời cho phép một nụ cười nhẹ nhàng nở ra làm sáng bừng cả khuôn mặt. Tất cả những thử thách, thiếu thốn và khó nhọc của cuộc hành trình dài đường như được nhắc khỏi vai chúng tôi như có phép màu vậy. Với trái tim thơ thới, lâng lâng, ngây ngất, chúng tôi cất bước đến Linh Thành. Theo lối đi dành cho người hành hương, chúng tôi băng qua những con đường trồng hai hàng cây, xuyên qua các khu vườn và vườn cây ăn quả xanh tốt nơi cung cấp rau xanh và trái cây cho khu chợ trung tâm Lhasa, qua các công viên, những cánh đồng và những khóm rừng nhỏ rậm rạp. Không khí mới trong lành, khoan khoái, dễ chịu và nhẹ nhõm làm sao, khác hẳn dưới Shigatse. Có được không gian lý tưởng này là nhờ hệ thống đầm lầy và sông suối nuôi dưỡng thảm thực vật sum sê. Mặc dù trong những con suối lấp lánh dòng nước bạc có thể thấy lúc nhúc lưng những con cá hồi béo mập nhưng không hề có chuyện đánh bắt cá ở đây, cũng không có con chim nào bị giết - có một niềm tin mạnh mẽ rằng vì hành động sát sinh này mà có thể một sinh linh đáng lẽ được đầu thai làm người sẽ không được làm người. Đọc theo hai bên bờ vô số những dòng suối nhỏ này là vô vàn loài hoa dại đang ganh nhau khoe sắc, thôi thì có đủ loại: hoa potentill thơm ngát, magenta và cúc xanh, mao lương hoa đằng, cây báo xuân và cây

hoa chuông lá tròn. Khi đi ngang qua thung lũng có thể thấy những cánh đồng lúa mạch chín trải dài ra hàng dặm như biển vàng. Đám thợ gặt đã bắt đầu công việc gặt hái, vừa làm họ vừa cất tiếng hát thư thái du dương, cánh phụ nữ cài trên đầu những vòng hoa ông lão vàng rộm. Đoàn chúng tôi đi ngang qua một đám tang giản dị. Xác người chết được quấn chăn đặt theo tư thế ngồi. Chắc chắn xác chết sẽ được mang đến nghĩa trang ngoài thành phố nơi nó sẽ nhận được một phần quyết khúg khiếp - nhưng vốn là truyền thống của vùng này - là bị chặt ra từng mảnh để nuôi lũ kền kền và quạ. Như Manning, khi tường thuật về chuyến đi của mình, đã viết, người không ăn chim chóc mà ngược lại để chim chóc ăn thịt mình. Chúng tôi vào thành phố theo lối cửa ở phía Tây nổi tiếng, thật ra đó là một tháp lớn chứa hài cốt các nhà sư, có một lối đi xuyên qua tầng dưới. Cùng nhập hội với chúng tôi còn có một đám hành hương ồn ào đến từ tỉnh Tsang, cũng nhờ thế mà đoàn lữ hành bé nhỏ chúng tôi tránh được cái nhìn quan tâm quá mức của người qua đường. Tsering đi ở hàng đầu dẫn chúng tôi qua những con đường đông nghẹt khách hành hương, thầy tu, đám ăn mày và các quý ông mặc đồ lụa quý. Các quý bà sang trọng đội khăn trùm đầu có hoạ tiết kỳ lạ, ngồi trên lưng ngựa lướt qua cùng đám người hầu, trong khi những chị em ít may mắn hơn thì đi bộ, một số khác đi những thùng nước nhỏ trên lưng. Dân du mục trùm kín từ đầu đến chân trắng những tấm da cừu thì đi thành từng hàng nắm tay nhau để có được cảm giác an toàn. Đám đàn bà con gái đến từ Khams hay vùng Đông Tây Tạng với những mái tóc dài được tết rất khéo thành 108 bím, thành kính xoay những hàng chuông chuyển kinh cầu bình an theo nghi thức. Cánh thương nhân đến từ các nước như Turkestan, Bhootan, Nepaul, Trung quốc và Mông Cổ bày trên quầy đủ thứ hàng hoá trên đời: trà, vải vóc, lông thú, gấm thêu kim tuyến, ngọc lam, hổ phách, san hô, rượu và trái cây khô, thậm chí những món tầm thường như kim, chỉ, xà bông, với chút bầu, gia vị và đồ trang sức rẻ tiền từ những khu chợ Ấn Độ xa xôi. Thật đáng kinh ngạc, Lhasa đúng là một thành phố quốc tế; với đông đảo thương nhân cùng du khách không chỉ đến từ những đất nước tôi vừa nhắc đến mà còn có người Armenia, Cashmere và người Nga. Cuối cùng, sau khi đi qua những con đường hẹp và những con hẻm tối, quanh co dường như bất tận, chúng tôi đến trước một bức tường cao bao quanh một toà lâu đài. Tsering đập đập vào cánh cổng gỗ đồ sộ lớn tiếng gọi cửa. Vài giây sau, cánh cửa mở rộng và chúng tôi cưỡi ngựa tiến vào một cái sân lớn bên trong. Cánh cửa nhanh chóng đóng lại sau lưng chúng tôi. Ông Holmes và tôi được dẫn vào một phòng ngủ lộng lẫy trang trí theo phong cách Tây Tạng với các bức tranh tôn giáo cùng các vật dụng dùng để tế lễ, những tấm thảm đắt tiền trải trên sàn nhà và trường kỷ. Người ta dọn lên phục vụ khách đường xa trà cùng với bánh bích quy kem sôcôla hiệu Huntley và Palmer. Tsering đến gặp thư ký thứ nhất của Đạt Lai Lạt Ma để báo cáo chuyến đi của chúng tôi. Trước khi đi, anh ta yêu cầu chúng tôi chỉ ở trong nhà cho tới khi anh quay về, tuyệt đối không được tự ý đi ra ngoài. Chẳng cần lời căn dặn ấy, cả hai chúng tôi cũng đã thấy mệt mỏi, nổi nhọc nhằn của cuộc hành trình dài đằng đẵng dường như chỉ đợi đến lúc này để chiếm lĩnh thân xác chúng tôi. Sau khi ngâm mình trong phòng tắm, gột sạch lớp bụi đường lâu ngày và thưởng thức một bữa tối ngon lành được phục vụ bởi những người hầu lặng lẽ, được huấn luyện rất tốt, chúng tôi lên giường đi ngủ. Nệm êm, khăn trải giường sạch bong, chăn thì ấm áp. Chúng tôi ngủ “say như những khúc gỗ” theo cách nói của người xưa. Sáng hôm sau, tôi đánh răng rửa mặt và làm vệ sinh buổi sáng, đọc một đoạn kinh ngắn Brahmo Somajist rồi vừa bỏ quả cau đầu tiên trong ngày vào miệng nhá, thì Sherlock Holmes đã tươi tắn đứng trên ngưỡng cửa. “Ồ, tôi thấy là ông đã sẵn sàng rồi, Hurree,” ông vui vẻ cất tiếng. “Thật may vì Tsering có tin cho chúng ta. Anh ta đứng đợi ta trong phòng ăn”. Sau bữa điểm tâm, chúng tôi bắt đầu cải trang và theo Tsering đến Nobru Lingka (Châu Viên), nơi ở mùa hè của Đạt Lai Lạt Ma. Lâu đài nằm ở ngoại ô thành phố, cách trung tâm khoảng hai dặm. Dọc hai bên con đường dài, thẳng tắp dẫn đến Châu Viên là hai hàng liễu rủ tha thướt duyên dáng. Suốt những tháng xuân và hè Đạt Lai Lạt Ma sống và xử lý công việc ở nơi ẩn cư tuyệt đẹp này nơi mà với những khu vườn râm mát, ao hồ, bày thú, mái đình và khu nhà ở tiện nghi, ông thấy thoải mái và thú vị hơn cái cung điện lạnh lẽo, có phần hơi u ám Potala. Châu Viên cũng được bao quanh bởi một bức tường cao. Chúng tôi dừng ngựa ở cổng trước, nơi được bảo vệ cẩn mật bởi một tốp lính có vũ trang. Rõ ràng chúng tôi là những vị khách được người ta ngóng đợi, vì ngay lập tức mấy viên giám mã xuất hiện, dẫn ngựa đi qua cổng. Chúng tôi đi bộ trên con đường có những lùm cây cho ra loại quả hình nón rất đẹp, trồng xen lẫn với những cây liễu dẫn đến khu vực trung tâm công viên, nơi bố trí vườn và nhà riêng của Đạt Lai Lạt Ma. Toà nhà được bao bọc bởi một bức tường cao, màu vàng; cả hai lối vào đều được những vị binh sư khổng lồ canh giữ. Chúng tôi đi qua cổng trước, vào một khu vườn kỳ diệu trồng nhiều cây ăn quả và cây bách xù lưu niên với những thân cây cong queo, xương xẩu gợi nhớ những bức tranh cuộn của Nhật Bản. Rải rác trong vườn có những con chó Tây Tạng giống tai cụp, thấy người lạ thì vươn thẳng người trong cũi với vẻ nôn nóng, toàn là những con chó tuyệt đẹp được nuôi dưỡng chu đáo. Một con suối nhỏ với dòng nước lấp lánh ánh bạc len lỏi chảy qua đám cây cối, để cuối cùng đổ

vào một hồ sen yên bình. Những giống chim lạ khoác những bộ lông rực rỡ vui mắt, chao cánh trên cành cây khi nghe tiếng động. Thậm chí tôi còn trông thấy một con vẹt Ấn Độ với bộ lông xanh đỏm dáng đang đậu trên ngọn cây đào khoan thai hát câu thần chú: “Vinh danh đáng Tối cao trên Toà sen”. Lâu đài thật ra chỉ là một toà nhà cỡ trung bình nằm lọt giữa một vùng cỏ cây hoa lá tạo nên một bức tranh tuyệt đẹp về khung cảnh điền viên thơ mộng. Các vị tùy sư dẫn chúng tôi vào một căn phòng tiếp khách rất rộng, trải thảm quý, trên các bức tường treo những bức tranh vẽ theo các chủ đề tôn giáo. Tuy nhiên đồ đạc trong phòng lại là sản phẩm của phương Tây với những chiếc ghế bành tiện nghi và những chiếc bàn nước từ thời Nhiếp chính. Một chiếc đồng hồ trang trí mạ vàng kêu tích tắc nhẹ nhàng trên chiếc tủ buyp phê thời Nữ hoàng Anne, đứng gần chiếc tủ là một người đàn ông nhỏ bé mặc áo choàng thầy tu màu vàng đỏ, đầu cạo nhẵn bóng theo giới luật của nhà Phật. Khi nhà sư tiến về phía chúng tôi để đón khách, tôi để ý thấy dưới đôi mắt đen nhỏ rõ ràng là bị cận thị, có những nếp nhăn xếp hình giẻ quạt rất đặc thù. Ông đeo một đôi kính tròn xoe của người Trung quốc, trông bằng bilaur hay pha lê rất dày. Giọng nói của ông, dù có âm vực cao, vẫn rất mạnh mẽ và rõ ràng: “Chào mừng Ngài tới Tây Tạng, thưa ngài Sherlock Holmes và cả ông nữa, Babuji”. Chú thích:

(1) Đạt Lai Lạt Ma thứ năm có tên là La Bốc Tạng Gia Mục Thổ (Losang Gyatso) (1617-1682)(2) Hurree đã nhầm. John Grueber và Albert D Oville từng đặt chân đến Lhasa và viếng thăm Potala, mặc dầu công trình kiến trúc này mãi đến năm 1695 mới được hoàn thành

18. Bữa Tiệc Trà Tại Châu Viên

Tôi giật nảy mình khi nghe thấy bí mật của Holmes bị phơi trần một cách bất ngờ như vậy, nên hầu như không nghe thấy lời chào mừng của Đạt Lai Lạt Ma dành cho tôi. “Ngài đã quá ưu ái tôi, thưa Đạt Lai Lạt Ma,” Sherlock Holmes đáp lại với vẻ nhã nhặn rất mực, “...Ồ rất nhiều phương diện chứ không chỉ là một”. Ông vui lòng tha thứ cho bản tăng. Tôi là Đạt Lai Lạt Ma Yonten, thư ký thứ nhất của Đức Đạt Lai Lạt Ma. Xin vui lòng mời ngồi”. Ông đưa tay ra hiệu mời khách ngồi vào những chiếc ghế bành bọc gấm thêu kim tuyến và ra lệnh cho mấy người phục vụ rót trà từ một bộ đồ trà Crown Derby. Sau khi những người hầu rời khỏi phòng, Đạt Lai Lạt Ma bắt đầu vào chuyện. “Không còn nghi ngờ gì nữa, hẳn ông sẽ lấy làm lạ tại sao chúng tôi biết được tên thật của ông,” Đạt Lai Lạt Ma tiếp tục. “Lời giải thích rất đơn giản, mặc dù có thể nó không thuyết phục được người khác tin vào sự thành tâm của chúng tôi. Chắc ông cũng đã tận mắt thấy những bằng chứng về sự ngu dốt và mê tín trên mảnh đất này ông Holmes ạ, nhưng trên thực tế, vẫn có những người có sức mạnh của Con mắt thứ ba. Nhà Tiên tri vĩ đại của Taklung, “Tiên tri Hổ” là một người như vậy. Nhân quang bên trong của ngài đã chọc thủng lớp sương mù của thời gian để tìm ra ông. “Tôi nhận thấy rằng danh tiếng gần đây của mình đã được tăng lên phần nào nhờ những bản tường thuật sống động của ông bạn Watson về công việc của tôi, chỉ có điều việc nó đã vượt quá những giới hạn của quy luật tự nhiên thì quả là hơi lạ - mặc dù cũng khiến tôi lấy làm hãnh diện. Tuy nhiên, ở đây có câu lập luận nổi tiếng của Tertullian, certum est quia impossibile est”(1). Sherlock Holmes nhún vai nói. Đạt Lai Lạt Ma mỉm cười, gương mặt nhăn nhúm như miếng da thuộc cũ kỹ: “Ông Holmes, tôi xin đoán chắc với ông rằng không ai ở Tây Tạng này biết đến sự hiện diện của ông trước khi Nhà tiên tri vĩ đại phát hiện ra ông trong nhận thức của ông ấy. Quả thật tôi hết sức kinh ngạc khi ông ấy lại chọn một chilingpa - một người da trắng”. “Chọn ư? Để làm gì?” “Để bảo vệ tính mạng của Đức Đạt Lai Lạt Ma thưa ông Holmes,” Đạt Lai Lạt Ma nói một cách giản dị. Ông đi đến một cửa sổ có buông rèm ở cuối phòng, nhẹ nhàng vén tấm màn sang một bên rồi gạt đầu ra hiệu với khách. Chúng tôi tiến đến gần và cùng ông ngắm nhìn bầy thú đẹp đẽ ngoài vườn. Hai con linh dương gazen tuyệt đẹp đang thỏa thích ăn cỏ cạnh một con cừu aga sừng xoắn và một vài con hươu xạ. Một con lạc đà lông bờm xồm trằm ngâm nhìn lên những hàng cây có đủ các loài chim, nào vẹt, chim chích màu xanh thắm vùng Severtzoff xinh như một nắm bông, chim sẻ ngô đủ màu, và một loài chim chìa vôi đầu đỏ mà tôi không biết xuất xứ từ đâu. Một bầy khỉ, loại không đuôi gồm nhiều con lớn nhỏ khác nhau, có lẽ đến từ Bhootan đang ngồi vắt vẻo vô tư trên các cành cây lớn mà chải lông cho nhau. Ở cuối vườn gần với bức tường bao có khá nhiều chiếc cũi với những thanh chắn có phần hơi mỏng manh, nhốt những thành viên hung dữ hơn trong cái sở thú thu nhỏ này: hai con báo đang ngủ, một con gấu trúc đỏ một con lửng và một con cọp Bengal to lớn đang đi đi lại lại trong cái cũi. Con cọp có vẻ như đã về già, nó gầm gừ như thể đang bức bối vì cảnh giam cầm(2). Một thiếu niên trạc mười bốn tuổi, tóc cắt ngắn đang chậm rãi đi xuống lối đi nhỏ dẫn đến những chiếc cũi. Thiếu niên mặc áo choàng thầy tu màu đỏ sẫm, trông cậu không có vẻ

khỏe khoắn lắm, nước đã tai tái trái ngược hẳn với màu da hồng hào, tươi mướt của phần lớn dân miền núi ở Tây Tạng. Đôi mắt sáng cực kỳ thông minh của cậu vụt trở nên long lanh đầy hứng khởi khi cậu bắt đầu trò chuyện với các loài thú. Về phần mình, những con vật tưởng chừng vô tri vô giác cũng trở nên vui vẻ trước sự xuất hiện của vị khách trẻ tuổi, đến cả con hổ đang bồn chồn nóng nảy trong chuồng cũng dịu lại, ngừng bước và nằm xuống một cách ngoan hiền như mèo con. “Đó chính là Đức Đạt Lai Lạt Ma...” Lạt Ma Yonten nói, nhẹ nhàng khép màn cửa lại, “... hiện thân của Đức Phật Từ Bi, Biển Trí huệ(3) ngọn nguồn của tất cả niềm vui và phồn vinh trong Xứ sở Tuyết vĩ đại này. Nhưng trong tình cảnh hiện nay chính độ thơ dại kia trở thành nguyên nhân xui khiến những kẻ xấu xa âm mưu làm hại Ngài.” “Xin Lạt Ma làm ơn nói một cách chi tiết hơn,” Sherlock Holmes nói. “Tất nhiên rồi, thưa ông Holmes. Xin ông miễn thứ nếu bản tăng đã diễn đạt quá vụng về, bởi đây là cả một câu chuyện lông vòng rất phức tạp và hơn nữa cũng không phải là chuyện vui vẻ gì. Tây Tạng là một nước nhỏ bé yêu hoà bình tất cả những gì mà người dân chúng tôi mong mỏi là được sống một cuộc đời thanh bình noi theo những lời dạy cao quý của Đức Phật. Nhưng bao quanh đất nước tôi là những quốc gia hiếu chiến, đầy sức mạnh và không bao giờ ngơi khuấy động cảnh binh đao như những kẻ khổng lồ nuôi mộng bá vương. Phía Nam là đế quốc của những sahib người Anh hiện đang cai trị vùng đất Shakyayumi, về phía Bắc là Sa hoàng, tuy nhiên cũng còn may mắn là ông ta ở xa. Nhưng phía Đông mới là hiểm hoạ và nguy cơ lớn nhất đối với chúng tôi, nước Trung quốc Đen, xảo quyệt và luôn nhòm ngó một cách thèm thuồng đất đai các nước láng giềng. Tuy vậy ngay trong sự tham lam của mình nó cũng tỏ ra khôn ngoan và kiên nhẫn. Nó biết rằng nếu đem quân công khai xâm lược Tây Tạng sẽ chỉ làm dấy lên nỗi căm giận chính đáng và dữ dội của nhiều bộ lạc Tarta vốn trung thành với Đạt Lai Lạt Ma và bao giờ cũng là một mối đe dọa cho an ninh của Trung quốc. Ngoài ra, hoàng đế Trung Hoa là tín đồ Phật giáo, cũng như phần lớn những người Mãn Thanh khác, vì vậy ông ta - ít nhất vì mối bang giao với các nước láng giềng - cũng phải duy trì mối quan hệ hữu hảo với Đạt Lai Lạt Ma.” Nhưng những gì không thể giành được công khai thì Hoàng đế Trung Hoa cố thực hiện qua những âm mưu đen tối, ngầm ngầm. Nhiều năm qua, với việc đút lót, hăm dọa và giết người - được thực hiện bởi người đại diện của mình tại Lhasa là Amban - Hoàng đế Trung Hoa đã từng bước tiến đến gần mục tiêu cuối cùng. Amban đương nhiệm ở Lhasa, Đề đốc O-erh-t ai, thật không may cho chúng tôi, không chỉ là kẻ thông minh, đảm lược và nguy hiểm nhất hạng mà còn có cái miệng rất trơn tru và tài ăn nói rất có sức thuyết phục. Ông ta đã thành công trong việc đầu độc tâm trí quan nhiếp chính Tây Tạng, cũng là vị Lạt Ma đứng đầu Đại Tu viện Tengyeling, bằng những quan điểm báng bổ và phản phúc...” “Nhờ mối quan hệ này quan nhiếp chính sẽ tiếp tục duy trì được quyền lực, kể cả khi vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi đủ tuổi trưởng thành để ngồi lên ngôi vị điều hành đất nước,” Sherlock Holmes ngắt lời ông. “Chính xác, thưa ông Holmes, vì lúc này Đạt Lai Lạt Ma đã đến tuổi thành niên...” “Xin thứ lỗi vì đã cắt ngang, thưa đức Lạt Ma đáng kính,” tôi nói một cách lễ phép, “nhưng chẳng phải Đức Đạt Lai Lạt Ma mới chỉ 14 tuổi thôi sao?” “Phải, thưa Babuji. Tất cả các Đạt Lai Lạt Ma tiền nhiệm gần như đều lên ngôi vào tuổi 18 hay 19. Việc này thực sự không trở thành vấn đề đối với tuổi trưởng thành của các Ngài ấy. Theo truyền thống, sự kiện trọng đại khi một Đức Đạt Lai Lạt Ma lên ngôi thường được báo trước bằng một dấu hiệu: Ngôi đền băng Shambala - bình thường vốn được chôn vùi dưới một con sông băng ở phía Bắc - lộ ra dưới một tảng băng lớn. Trong quá khứ điều này bao giờ cũng xảy ra khi các Đạt Lai Lạt Ma tròn mười tám tuổi. Nhưng chỉ cách đây một tháng, những người canh giữ Ngôi đền băng đã báo cáo lại rằng ngôi đền lại một lần nữa xuất hiện từ tảng băng lớn. Quan Nhiếp chính - với sự thông đồng đen tối của viên Amban đồng minh - đã không để mất thời gian trong việc ra tay chống lại mối đe dọa không dự tính này đối với kế hoạch xấu xa của chúng. Bọn chúng đã bắt giữ hai ngài bộ trưởng trong nội các. Bốn thành viên trong Quốc hội đã bị trục xuất một cách nhục nhã, hai trong số họ là các ngài tu viện trưởng ở Drepung và Sera. Tất cả những người này đã từng phê bình công khai thói quan liêu chuyên quyền của quan Nhiếp chính và tuyên bố rằng Đạt Lai Lạt Ma, mặc cho tuổi còn quá trẻ, sẽ lên ngôi mà không đợi đến tuổi như dấu hiệu mà Đấng Bề trên đã hiển thị.” “Các vị chẳng thể làm gì để cứu họ ra khỏi tù ư?”, tôi lịch sự hỏi. “Tất cả những gì chúng tôi có thể làm chỉ là để ngăn chặn việc họ bị hành quyết,” Lạt Ma trả lời với một cái rùng mình. “Amban đã mất rất nhiều công sức và tiền bạc trong việc tạo ra các bằng chứng và nhân chứng giả để buộc tội họ. Quan Nhiếp chính thì đã dùng sức mạnh quyền lực để làm trầm trọng thêm những lời buộc tội giả dối này và khép họ vào tội phản quốc. Bề lũ đó cũng chỉ vừa mới tạm ngồi yên, chưa tiến hành những biện pháp bắt giữ tôi và một vị bộ trưởng già quan trọng; nhưng chúng tôi không bao giờ biết rõ khi nào chúng sẽ làm điều đó. Điều quan trọng hơn cả là tính mạng vị Phật sống mà lúc này đây chúng tôi sợ rằng đang bị đe dọa một lần nữa.” “Một lần nữa ư?” “Thưa ông Holmes, ba đời Đạt Lai Lạt Ma trước, những người đã khởi hành đến cánh đồng trên thiên giới hay nói một cách thông tục hơn là đã tạ thế trước khi đến tuổi trưởng thành; tất cả đều xảy ra trong

những hoàn cảnh hết sức đáng ngờ. Ít nhất thì chúng tôi có biết một vụ, rõ ràng là do người Trung quốc chủ mưu, mặc dù, như thường lệ, không có những bằng chứng xác thực chứng minh sự can thiệp của họ. Trong bất cứ trường hợp nào thì hiện trạng rối ren và bất ổn về chính trị, hậu quả của những sự kiện bất hạnh này, đều có lợi cho người Trung quốc vốn đang từng bước gia tăng sức mạnh và ảnh hưởng lên Tây Tạng. Bây giờ thì họ mạnh đến nỗi chúng tôi có linh cảm rằng họ đang âm mưu thực hiện những nỗ lực cuối cùng để thôn tóm quyền cai trị hoàn toàn đất nước Tây Tạng và chấm dứt sự lãnh đạo huy hoàng của các Đạt Lai Lạt Ma, mãi mãi. Những lời dự đoán sai lầm và dối trá - không còn nghi ngờ gì về việc nó bắt nguồn từ toà công sứ Trung quốc - đang râm ran khắp nơi rằng Đạt Lai Lạt Ma hiện tại sẽ không trụ nổi đến tuổi trưởng thành và Ngài sẽ là người cuối cùng. Không may những lời dối trá báng bổ này đã lừa mị được một bộ phận dân chúng nào đó bởi Đức Đạt Lai Lạt Ma là một cậu bé ốm yếu và chỉ vừa hồi phục sau một cơn sốt hiểm nghèo. Người Trung Quốc cũng không hề chậm chân khi tung ra một lời đồn dốt nát và sặc mùi mê tín rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma là người thứ mười ba và cũng là người cuối cùng trong vòng hoá thân. “Và ngài cho rằng họ đang làm mọi cách để tiêu diệt Đức Đạt Lai Lạt Ma?” “Tôi tin chắc thế. Nghe đầu chính Amban đã khoắc lác rằng cuộc sống của Đạt Lai Lạt Ma cũng an toàn như cuộc sống của Con rắn ẩn trong móng tay ông ta. Người của tôi ở toà công sứ Trung Quốc đã cung cấp thông tin về những chuyện đang diễn ra ở đó. Vì vậy tôi phải thực hiện những biện pháp phòng ngừa bằng cách ném thức ăn của Ngài hai lần: một lần trong nhà bếp và thêm lần nữa ngay trước khi ăn. Lực lượng cảnh vệ được tăng cường gấp đôi. Thậm chí tôi còn phải tăng thêm một đội binh sư để bảo vệ các bức tường phía bên trong.” “Và ông nghĩ các biện pháp như thế vẫn chưa đủ phải không?” “Chưa đủ, thưa ngài,” Lạt Ma trả lời giọng mệt mỏi, trong giây phút đó dường như các nếp nhăn trên mặt ông càng khắc sâu hơn. Đôi tay ông liên tục lần chuổi tràng hạt bằng ngọc bích một cách bồn chồn. “Phần lớn cuộc đời bản tăng là dành cho việc nghiên cứu Phật học và tu thiền, còn vị bộ trưởng quan trọng mà tôi vừa nhắc tới lại là một ông già. Cả hai chúng tôi đều không thích hợp để có thể đối phó với âm mưu xảo trá, bất chấp đạo lý của Amban và quan nhiếp chính. Nhưng chúng tôi nhất định phải làm gì đó. Tính mạng của Ngài đang gặp nguy hiểm. Đó là lý do tại sao chúng tôi bí mật tìm kiếm sự hướng dẫn của Nhà tiên tri Taklung. Ông ấy không phải là một thầy bói nơi phố chợ, ông Holmes ạ, mà là một bậc thầy vĩ đại của nghệ thuật thần bí, người mà trí tuệ siêu việt phát sinh không phải từ sự phụ thuộc vào những vị thần hữu tử mà từ sự khuất phục những ảo ảnh về nhị nguyên, và sự đồn ngộ về bản chất thuần khiết của cái cội vô thủy vô chung này. Khả năng thấu thị của ngài ấy thì không ai sánh được.” “Và ông ta đã giới thiệu tôi với các ngài?” Sherlock Holmes hỏi, hơi lấy làm kinh ngạc. “Phải, thưa ông Holmes, và cứ nghĩ đến là tôi lại rùng mình về những gì quan Nhiếp chính sẽ làm khi ông ta phát hiện việc tôi đã cho phép một người Anh đặt chân lên đất nước này. Nhưng nếu Thầy của tôi được cứu, có nghĩa là lời truyền dạy của Nhà tiên tri thành hiện thực thì cho dù có thịt nát xương tan tôi cũng cam lòng”. Dù vóc người nhỏ bé và đang trong tâm trạng căng thẳng bất an, rõ ràng đối với chúng tôi, Lạt Ma Yonten vẫn là một bậc trưởng lão can đảm và cao thượng. Tôi hy vọng Sherlock Holmes có thể làm điều gì đó để giúp ông ta. Nhưng Sherlock Holmes lắc đầu buồn bã: “Thưa ngài, tôi đại diện cho công lý, trong chừng mực mà sức mạnh mỏng manh của tôi có thể thực hiện được, nhưng tôi thật sự không biết mình có thể giúp được gì trong vấn đề này. Ngài đã thực hiện tất cả những biện pháp cần thiết để bảo vệ Đức Đạt Lai Lạt Ma: thức ăn đã được kiểm tra độc chất với hai lần, bảo vệ được tăng cường gấp đôi và ngài cũng đã tăng thêm một đội... hừm... binh sư để bảo vệ Đức Đạt Lai Lạt Ma cơ mà?” “Nhưng Amban đã biết tất cả những chuyện này,” Lạt Ma Yonten phản đối. “Chắc chắn ông ta sẽ đối phó với chúng tôi bằng một âm mưu nào đó không lường trước được. Không phải ngẫu nhiên mà ông ta được người dân ở đây đặt cho biệt danh là “Cha đẻ của sự lừa gạt”, họ căm ghét ông ta, đám lâu la vênh vác của ông ta chưa bao giờ để lỡ cơ hội làm nhục người Tây Tạng.” “Có bao nhiêu người... lính Trung quốc, mà ông ta bố trí để bảo vệ mình?” “Không nhiều lắm. Không quá 200 người. Thật ra đối với chúng tôi việc tấn công toà công sứ Trung quốc và quét sạch bọn người trong đó không phải là khó. Nhưng làm như vậy sẽ tạo cho Hoàng đế Trung Hoa một lý do hoàn hảo để đưa đội quân xâm lược hùng hậu đến đè bẹp chúng tôi ngay lập tức và mãi mãi. Một điều tương tự gần như đã xảy ra khi những vị bộ trưởng trung thành, yêu nước bị bắt giữ; một đám đông dân chúng tụ tập bên ngoài toà công sứ, phản đối sự can thiệp của Trung quốc vào công việc nội bộ của Tây Tạng. Tôi lập tức cử ngay lực lượng bảo vệ cung điện đến giải tán đám đông, để đảm bảo không gây ra tổn thương nào cho Amban hay người Trung quốc. Đó là một nhiệm vụ thật khó chịu, và mặc dù bản tăng kể từ khi được ánh sáng của Đức Phật soi sáng đã tuyên thệ không bao giờ làm hại bất cứ sinh vật nào, nhưng thật không phải là một quyết định dễ dàng gì khi phải đứng ra bảo vệ những kẻ độc ác đang có kế hoạch làm hại Đức Đạt Lai Lạt Ma.” “Nhưng ngài mong đợi tôi làm được việc gì, thưa đức Lạt Ma đáng kính”, Sherlock Holmes trả lời, “Khi mà thậm chí tay của ngài cũng đã bị trói chặt? “Nếu chỉ có đủ

thời gian cho tôi...” “Ít nhất thì đó là không gì mà chúng tôi có,” Lạt Ma ngắt lời, “nếu người của tôi ở toà công sứ Trung quốc nói đúng. Cách đây hai tuần, một chiếc kiệu đóng kín mít đã đến đây vào lúc nửa đêm. Người ngồi trong kiệu được đích thân Amban đón tiếp và dẫn ông ta đến một dãy phòng sau nhà. Người của tôi không nhìn thấy vị khách bí mật này, vì đám người phục vụ đã được lệnh phải tránh xa cổng lúc vị khách bí mật kia đến. Họ cũng được cảnh báo rằng kẻ nào dám lai vãng đến gần phòng ông ta sẽ bị xử tử. Vị khách bí ẩn có mang theo một số tùy tùng, những kẻ một mực câm lặng, mặc chế phục đen, tuyệt đối không nhếch mép nói cười gì cả, người ta thuật lại với tôi như thế. Chúng tôi không biết đó là ai, nhưng xem ra thì lành ít dữ nhiều.” “Ngài có nghĩ đến khả năng nhân vật bí hiểm này là một tên sát thủ được thuê để ra tay không?” tôi hỏi. “Rất có thể. Người của tôi đã loáng thoáng nghe được đám ba câu độc thoại của Amban khi ông ta ra khỏi phòng vị khách bí mật này. Gương mặt ông ta đỏ bừng vì kích động và khi ra khỏi phòng, ông ta nắm hai tay vào nhau mà rít lên: “Chỉ vài ngày nữa nó sẽ là của chúng ta.”” “Thú vị thật đấy,” Sherlock Holmes nhận xét, “giọng lưỡi người này xem ra đầy sát khí. Chuyện này diễn ra khi nào vậy?” “Chỉ mới cách đây hai ngày.” “Như vậy cái chuyện mà Amban và vị khách đi đêm với ông ta đã bày mưu tính kế, ông nghĩ nó có thể xảy ra vào bất cứ lúc nào... Thế ông đã hỏi ý kiến... Nhà tiên tri Talkung về chuyện này chưa?” “Không có đủ thời gian, ông Holmes ạ. Phải mất năm ngày để đến ngọn núi Pha lê xanh nơi Nhà tiên tri sống, mà tôi thì không thể bỏ mặc Ngài một mình trong lúc nước sôi lửa bỏng như thế này. Dù sao đi nữa, điều đó cũng không cần thiết. Nhà tiên tri đã khẳng định Sherlock Holmes chắc chắn sẽ chiến thắng kẻ thù ghê gớm nhất của chúng tôi. Theo những gì tôi biết thì Nhà tiên tri chưa bao giờ dự báo sai lầm cả” “Bao giờ cũng có lần đầu tiên lầm lẫn,” Holmes thở dài ngao ngán rồi chìm vào im lặng trầm tư một lúc lâu. Cuối cùng ông hơi nghiêng người về phía Lạt Ma và nói với ông ta bằng giọng khoan hoà, lịch lãm. “Xin lỗi, thưa Lạt Ma đáng kính. Thật tình tôi không muốn phụ lòng tin cậy của ngài, nhưng toàn bộ sự nghiệp của tôi, hay đúng hơn cuộc đời tôi là dựa vào lô-gíc và phương pháp suy luận. Vì vậy vào lúc này tôi không thấy có cơ sở đảm bảo với ngài rằng tôi không thể phạm sai lầm. Công việc mà ngài muốn tôi đảm nhiệm quá lớn, quá phức tạp và không có liên quan gì đến phạm vi kinh nghiệm của tôi, để tôi có thể chấp nhận với một hy vọng nhỏ nhoi rằng có thể thành công. Quả thực vấn đề vượt ra ngoài khả năng của tôi. Ngài cần đến sự tận trung của một đội quân, chứ không phải sự cố vấn của một thám tử. Tôi rất tiếc phải từ chối nhiệm vụ này” Lạt Ma Yoten có vẻ quá sững sờ trước lời từ chối lịch thiệp của Sherlock Holmes. Tôi cũng phải thừa nhận mình có phần thất vọng với bạn mình. Tôi đã quen với việc chứng kiến tài năng trác tuyệt của ông và sức mạnh tinh thần phi thường trong quan sát và tập trung giải quyết vấn đề, nên đã tưởng đâu khối óc vĩ đại của ông sẽ có giải pháp thần kỳ cho bất cứ vấn đề nào mà quên rằng ông cũng chỉ là người trần mắt thịt, cũng không thể vượt qua những giới hạn nhất định. Suy cho cùng, dẫu bạn có là thám tử vĩ đại nhất thế giới thì cũng khó lòng đơn thương độc mã chống lại tham vọng bành trướng của Đế quốc Trung Hoa hùng mạnh. Lạt Ma đứng lên, cả người lão đảo, hai tay giơ lên với một cử chỉ cam chịu. Đôi mắt ông, qua cặp kính dày cộp, buồn bã và mệt mỏi, mặc dù ông cố không để lộ ra nỗi thất vọng nào nề hằn đang tràn ngập trong lòng ông. “Thôi được, ông Holmes. Tôi có thể thấy rằng sự từ chối của ông là không gì thay đổi được. Tôi biết ông là người dũng cảm, đáng kính trọng và ông sẽ không từ chối giúp chúng tôi nếu ông nghĩ mình có thể làm gì đó. Vì vậy tôi sẽ không làm một việc quá khiếm nhã như đề nghị một món tiền để đổi lấy sự phục vụ của ông hai làm lãng phí thời gian của ông với những lời cầu xin của một ông già bất lực. Tạm biệt cả hai vị. Cầu xin Tam Bảo bảo vệ các ông trên đường về nhà. Bây giờ xin các ông thứ lỗi, tôi còn có những trách nhiệm phải thực hiện”. Ông rung một cái chuông nhỏ. “Tsering sẽ đưa các ông về chỗ nghỉ”. Chúng tôi chào tạm biệt Lạt Ma. Khi cái dáng người nhỏ bé, thất vọng tràn trề, lúp xúp bước sang căn phòng bên cạnh, tôi không sao ngăn được cảm giác chán nản và bức bối với người bạn quyết định bỏ cuộc dù chưa cố thử lấy một lần. Hẳn Holmes cũng hiểu được cảm nhận của tôi, vì trong lúc chúng tôi bước xuống những bậc thềm trước toà nhà ông quay sang tôi mà nhận xét: “Ông thất vọng vì cho rằng tôi đã không mẫn mà trong vấn đề này, đúng không nào?” “Ồ không ông Holmes ạ,” tôi chống chế. “tôi biết rằng ex facto(4), quyết định của ông luôn đúng tới một trăm phần trăm. Tôi chỉ nghĩ rằng với tài năng phi thường của ông... và cái tên vô lại Amban và còn nữa, việc thiếu chút nữa chúng đã cắt bég cái đầu tôi...” Đúng lúc đó Tsering chạy xuống bậc thềm nhập hội cùng chúng tôi. anh ta vừa mới gặp Lạt Ma Yonten, ngài đã chỉ thị anh ta thông báo cho chúng tôi biết công việc chuẩn bị cho cuộc khởi hành quay về Ấn Độ của chúng tôi đang được thực hiện và phải mất vài ngày để hoàn thành. Trong những ngày ấy, chúng tôi sẽ lưu lại trong nhà nghỉ và tránh đi ra ngoài. Chuyến quay về thành phố thật là buồn thảm. Holmes cười ngửa vượt lên trước một chút, vừa đi vừa rít tẩu, hoàn toàn đắm mình trong những suy nghĩ riêng tư. Tôi cười ngửa đi bên cạnh Tsering, cố tỏ ra vui vẻ, nhưng hoặc là chàng trai cũng cảm thấy có gì không ổn, hoặc là Yonten đã nói cho anh ta biết lời từ chối của Holmes, vì thế anh ta cũng không có lòng

nào chuyện phiếm với ai. Bữa ăn tối cũng vậy, không thể là một sự kiện vui vẻ. Thịt thăn bò yak Tây Tạng và cải bắp Trung quốc rưới nước sốt pho mát rất ngon, nhưng Sherlock Holmes hầu như không động đũa. Ông nói còn ít hơn nữa. Sau bữa ăn, tôi rút lui vào phòng riêng và để ra một giờ đồng hồ thảo bản báo cáo về tình hình chính trị tại Lhasa cho Đại tá Creighton, sau đó tôi sẽ tìm cách chuyển cho một thương nhân Newari tại chợ Barkhor nằm ở trung tâm thành phố. Ông ta sẽ mang thư đến Darjeeling và giao cho nhân viên của Bộ chốt ở đó. Trong báo cáo tôi không nhắc gì đến cuộc gặp Lạt Ma Yonten. Xong việc, tôi chui vào giường cố dỗ giấc ngủ. Tôi nghe tiếng chân Sherlock Holmes đi đi lại lại trong phòng bên cạnh. Ông đi đúng sáu bước, ngừng lại, xoay vòng (ta nghe tiếng một bước chân lê nhẹ), rồi đi tiếp đúng sáu bước, xoay vòng (ta nghe bước chân lê nhẹ lần nữa) và lại bắt đầu chu kỳ đó. Hình như đến vòng thứ mười một thì tôi rơi vào giấc ngủ. Chú thích:

(1) certum est quia impossibile est: (tiếng Latinh, của nhà ngữ pháp học vĩ đại La Mã Tertullian): Điều đó chắc chắn bởi vì nó là không thể. (2) Là tín đồ đạo Phật, tất nhiên Đạt Lai Lạt Ma không nuôi giữ thú với mục đích tiên khiển. Những con thú trong vườn là những con vậy bị thương hay bị lạc khỏi môi trường sinh sống tự nhiên, được những du khách dừng cảm cứu thoát và tặng cho Đạt Lai Lạt Ma để chúng được bảo vệ an toàn. Khi số lượng thú vượt quá sức chứa của khu vườn, Đạt Lai Lạt Ma sẽ tặng thú cho các cơ sở của nhà nước, với điều kiện họ phải tạo cho chúng một môi trường sống tốt.

(3) Biển Trí huệ: là nghĩa đen của chữ Đạt Lai.

(4) ex facto (tiếng Latinh): trên thực tế

19. Những Thanh Gươm Bay

Một bàn tay cứng cáp lắc lắc vai tôi, lôi tôi khỏi giấc ngủ mê mệt. “Cái... ai đấy?” Tôi há há mở mắt cay xè, cố thoát khỏi trạng thái lơ mơ ngái ngủ và nhận thấy bên ngoài trời vẫn còn tối. Vầng sáng của một ngọn nến ngay trên đầu tôi soi tỏ gương mặt lo lắng của Sherlock Holmes, mách cho tôi biết có chuyện gì không ổn đã xảy ra. “Dậy đi, Hurree,” ông kêu lên, “trò chơi bắt đầu rồi đấy. Đừng nói gì cả? Thay quần áo ngay rồi theo tôi!” “Sao chứ, ông Holmes? Có chuyện gì vậy?” tôi lắp bắp hỏi, nhưng ông đã rời khỏi phòng. Tôi vội vã làm theo chỉ thị và sẵn sàng lên đường trong nháy mắt. Cột chặt vật nỏ bằng da thỏ xuống dưới cằm, tôi chạy qua phòng khách vào sân trong, nơi đám người hầu đang rối rít thẳng yền ngựa cho chúng tôi. Chỉ trong nháy mắt, ông Holmes, Tsering và tôi đã ở trên lưng ngựa và phóng ra khỏi cổng, Tsering dẫn đường, vượt qua những con đường tối om, vắng vẻ. Lấy cả cuộc đời khổ khổ của mình ra mà thề, tôi thật lòng sao hiểu nổi chuyện gì đang diễn ra nữa. Tôi cố hỏi dò ông bạn, nhưng thật khó mà tìm ra được điều gì khi phải cưỡi ngựa hàng một, phóng qua những con đường hẹp trong đêm tối. Gào to lên giữa đêm hôm cũng không được nốt, nên tôi đành làm thinh, lắng lẽ phóng ngựa theo mọi người. Khi ra đến khu ngoại ô thành phố, đường đi đủ chỗ cho hai con ngựa có thể sóng bước bên nhau, tôi nghĩ mình sẽ nhân cơ hội để hỏi ông Holmes về nguyên do chuyến du ngoạn lúc nửa đêm này. Nhưng tôi vừa toan thúc ngựa vượt lên chạy cạnh Sherlock Holmes thì đoàn người đã đến Cửa Tây thành phố và chẳng bao lâu sau, các kỵ sĩ đã thúc ngựa phi nước đại trên con đường tối mờ mờ dẫn đến Châu Viên. Trong trường hợp này cũng không thể nào nói chuyện được. Vầng trăng sáng vàng vạc của đêm hè chốc chốc lại soi đường qua những đám mây cho những vị khách lữ hành bất đắc dĩ như chúng tôi. Sau hai mươi phút cưỡi ngựa phóng như điên, chúng tôi đến trước cổng chính dẫn vào Châu Viên. Hai người lính, súng ống kè kè, chạy ra khỏi chòi gác và hô to, bảo chúng tôi đứng lại. Tsering nhanh chóng nhảy xuống ngựa, chạy lại cho đám lính canh. Anh ta nói với họ vài câu, nhưng tôi không nghe rõ lắm vì anh ta nói rất khẽ. “Nhưng giờ đã khuya quá rồi,” một trong hai người lính trả lời. “Hắn ông ấy đã đi ngủ được vài giờ rồi!”... và chúng tôi không thể làm phiền ông ấy lúc này được”, người kia tiếp lời. Sherlock Holmes nhảy xuống ngựa, đi về phía họ. “Kể cả khi tôi bảo rằng...” ông nói, giọng nghiêm nghị, “Tính mạng của Đạt Lai Lạt Ma đang bị đe dọa bởi một mối nguy hiểm khủng khiếp sao? Nhất định chúng tôi phải được gặp Lạt Ma Yonten, ngay lập tức!” “Nhưng chúng tôi đã có lệnh,” một người lính đáp, có phần hơi run vì tuyên bố nghiêm trọng của Sherlock Holmes. Chúng tôi không rời vị trí được.” Khá khen cho tính tôn trọng kỷ luật của một quân nhân như anh,” Holmes nói, hơi chế giễu, những chắc chắn là một trong hai anh có thể canh cổng trong khi người kia đi báo cho Lạt Ma Yonten chứ.” “Và tôi cũng không biết nữa, thưa ngài,” người lính trẻ đáp, gai gai đầu, vẻ mặt hoang mang. “Nếu có chuyện gì xảy ra với Đạt Lai Lạt Ma, chính tôi sẽ buộc hai anh phải chịu trách nhiệm,” Sherlock Holmes nói với giọng cứng rắn đầy uy lực, điều đó chắc hẳn khiến hai anh lính trơn kia có phần sợ hãi. “Đi đi nào,

các chàng trai,” ông thúc giục. Hoang mang không biết phải làm gì, họ miễn cưỡng mở một cánh cửa nhỏ bên cạnh cổng chính. Một trong hai người lính đi qua và biến mất trong bóng tối. Chúng tôi đứng lại đợi. Sherlock Holmes rút một chiếc đèn lồng đen đen từ cái túi treo bên yên ngựa và bắt đầu thắp sáng. Sau đó, ông đóng cái nắp dây rồi đưa cho tôi. Không một tia sáng nào thoát ra ngoài, chỉ có mùi kim loại nóng và mùi dầu báo cho tôi biết nó sẵn sàng để sử dụng ngay. “Hãy luôn giữ bên mình. Chúng ta có thể sẽ cần đến nó vào lúc khẩn cấp đấy!” Sherlock Holmes bước tới bước lui trong tâm trạng bồn chồn, cố kìm nén sự thất vọng, thỉnh thoảng lại vung tay như thể đang cầu tiết vì tình trạng không hoạt động này. Cuối cùng khoảng mười lăm phút sau, cánh cổng mở ra và cái dáng người nhỏ bé trùm kín áo choàng của Lạt Ma Yonten xuất hiện cùng tên lính ban nãy và một binh sư khổng lồ. “Ông Holmes, thật ngạc nhiên...” Lạt Ma Yonten lên tiếng. “Thưa ngài Lạt Ma,” Holmes ngắt lời, “Chúng ta không được để mất thời gian. Tôi sợ rằng sẽ có một cuộc tấn công nhắm vào Đức Đạt Lai Lạt Ma”. Lạt Ma ngược nhìn lên Sherlock Holmes, với một vẻ mặt kỳ quặc, không hề bối rối hay hoang mang như ta tưởng, mặc dù có hơi sững sốt, mà tin tưởng và hài lòng. “Nếu vậy chúng ta phải làm một cái gì đó,” ông nói cương quyết “Ông ra lệnh làm gì, ông Holmes?” “Đi theo tôi nhanh lên,” Sherlock Holmes kêu lên, vượt qua mặt họ và chạy vào Châu Viên. Với những sải chân dài, Sherlock Holmes rõ ràng là một nhà điền kinh vô địch và tất cả chúng tôi phải dồn sức mà đuổi theo. Chúng tôi có cơ hội dừng lại thở được một chút khi đến bức tường phía trong, giữa lúc Lạt Ma Yonten ra lệnh mở cổng. Sau đó tất cả lại hòa nhau chạy qua khu vườn tối om với những hàng cây đen sẫm. Tôi phải thú nhận là đã vấp ngã ít nhất vài lần, nhưng rồi lại lồm cồm bò dậy ráng sức hơn để đuổi theo sát Sherlock Holmes. Hẳn ông phải có cặp mắt của loài báo vì ông chạy thoăn thoắt trong bóng tối, đến gần toà nhà mà không hề vấp một lần nào khi đến nơi, ông ngừng lại một lúc ở cửa, đợi những người còn lại. Ngay khi tôi chạy đến, ông giật ngọn đèn lồng từ tay tôi và đi vào toà nhà. Chúng tôi chạy ngang qua gian đại sảnh tiếp khách, đến một hành lang dài với vô số cửa mở ra ở hai bên. “Đây là phòng ngủ của Đức Ngài,” Lạt Ma Yonten thì thầm chỉ vào cánh cửa thứ hai bên phải. Nhưng Holmes dường như không nghe ông nói, vì ông đã vội vã sải bước đến cánh cửa thứ năm bên trái rồi dừng lại, mở cái nắp bằng kim loại trên chiếc đèn lồng, đồng thời lôi ra một khẩu súng lục nhỏ từ túi chiếc áo choàng của người Ladakh. Ông ra hiệu cho tôi đẩy cánh cửa. Tôi tỳ người lên cánh cửa, không khỏi có phần e sợ. Cánh cửa gỗ giật lên một cái rồi bật ra sau trên cái bản lề bằng sắt được gia công khá vụng. Văng sáng từ ngọn đèn xua tan bóng tối trong căn phòng cho thấy một khuôn mặt đỏ như gấc, răng nanh trắng nhớn nhe ra từ một cái miệng há to gớm ghiếc. Tôi giật nảy cả mình. Suýt nữa thì tôi hét toáng lên vì hoảng hồn nhưng đã kịp thời lấy lại bình tĩnh để nhận ra rằng cái hình dung đáng sợ không phải ai khác chính là vương thần yidam(1), vị thần phần nộ trong hệ thống các thần của Lạt Ma giáo. Rõ ràng chúng tôi đang ở trong một gian thờ. Sherlock Holmes không để lộ dấu hiệu kinh ngạc nào mà chăm chú soi đèn lên tượng thần. Sau đó, ông chậm rãi soi đèn qua khắp gian phòng, chúng tôi thấy thêm nhiều tượng các vị Kim Cương - vốn là phần nộ thân của các vị Bồ tát - cùng Đức Bồ sư Thích Ca Mâu Ni và các vị Bồ tát, tất cả đều sống động như người thật trong không khí im lặng và trang nghiêm của điện thờ. Mùi hương nặng nề của cây bách xù làm tăng thêm phần bí ẩn cho không gian linh thiêng này. Văng sáng rực rỡ của chiếc đèn lồng dừng lại ở bức tượng của một vị thần (hay ác quỷ?) trong bộ trang phục đen tuyền, mang hai thanh gươm ngắn, mỗi tay cầm một thanh. Toàn bộ đầu tượng được quấn khăn vàng đen chỉ để lộ đôi mắt đen xì độc ác, lấp lánh như đá mặt trăng. Rồi tượng thần chớp mắt một cái. “Trời đất ơi!”, tôi kêu lên. “Cẩn thận đấy! Hẳn có vũ khí!”, Holmes hét lên giờ khẩu súng lục lên trong khi tượng thần nhảy xổ vào tấn công chúng tôi. Đúng lúc đó một nhân vật khác xuất hiện - một vị binh sư của Lạt Ma - lao vào đương đầu với kẻ đột nhập. Vị binh sư cũng rút vũ khí - một thanh sắt nặng có hình dạng một chiếc chìa khoá lớn, ở phía đuôi có cột một chiếc roi da dài - mà anh ta xoay vù vù và vụt nhẹ quanh mình với sự thuần thục vô cùng khéo léo, làm thành một vòng vây khép kín, chết chóc. Hét lên những tiếng kêu giận dữ điên cuồng, hai đối thủ bắt đầu lao vào trận đánh. Cuộc đấu - rồi tung lên không sao phân biệt được ai là ai với những cánh tay và vũ khí tóe lửa - diễn ra trong vài phút. Chỉ với ánh sáng của một ngọn đèn duy nhất thì thật khó cho những người chứng kiến có thể theo dõi diễn biến đầy đủ của trận đánh. Bị đánh thức bởi tiếng ồn, nhiều lính bảo vệ và người hầu vừa la hét vừa chạy dọc theo hành lang, mang theo cả nến và đèn. Dưới ánh sáng rực rỡ của nhiều ngọn đèn, đường kiếm của kẻ đeo mặt nạ có phần nào hoang mang, chuech choạc. Rồi đột nhiên hắn bắt đầu tung ra những đường kiếm hiểm hóc chỉ muốn lấy mạng đối thủ khiến vị binh sư phải lùi một bước. Đó cũng chính là điều hắn muốn. Hắn từ từ di chuyển đến đầu kia điện thờ rồi phóng mình qua một cánh cửa sổ để mở, chắc cũng là lối hắn đột nhập vào. “Đuổi theo!” Holmes hét lên. Vị binh sư không lưỡng lự nhảy ra khỏi cửa sổ, theo sau là Sherlock Holmes và sau rốt là kẻ hầu chuyện này. Tôi phải thú nhận rằng tôi không thuộc loại người nhanh nhẹn khéo léo, lóng ngóng thế nào tôi lại vấp ngã vào một bụi hoa hồng đầy gai. Tuy nhiên tôi ráng sức bật dậy đủ nhanh

và gồng người lên đuổi theo ông Holmes. Thật khó lòng nhìn rõ mọi thứ trong đêm tối quái quỷ nhưng tôi cố gắng bắt kịp cái vóc dáng mờ mờ cao cao đang chạy thục mạng phía trước của Sherlock Holmes, nhờ vậy tôi có thể chạy theo ông trong cái mớ hỗn độn của những hàng cây và lùm cây rậm rạp. Rồi cái bóng đen sừng sững của bức tường bao quanh khu vườn hiện lên trước mặt, tôi thấy cái bóng cao cao của Sherlock Holmes chạy thẳng đến đó, rồi biến mất. Khi đến gần hơn, đúng cái chỗ mà Sherlock Holmes biến mất, tôi phát hiện một cánh cửa gỗ nhỏ nhưng chắc chắn, được xây ẩn trong tường. Cửa để ngỏ, vì thế tôi nhanh chóng vọt qua. Tôi vừa vượt ra ngoài bức tường thì trăng hiện ra sau một đám mây đen, cho thấy rõ chúng tôi đã lọt ra bên ngoài khuôn viên toà nhà và đang đứng trên một vùng đất trống trải, hình như ở phía sau Châu Viên. Ánh trăng trắng ngà khắc lên cái khoảng đen đen của cây cỏ, bóng người binh sư cùng ông Holmes, họ đang chạy thục mạng theo sát gót kẻ hành thích trong trang phục đen sì, lúc này hắn đang tiến đến đầu một chiếc cầu đá nhỏ bắc qua một dòng suối chảy quanh co. Ngay trước đầu cầu là một chiếc kiệu có hơn nửa tá người mặc đồng phục khiêng. Kẻ đột nhập chạy rất nhanh. Hắn đã chuyển hai thanh gươm sang tay trái, trong khi tay phải nhanh nhẹn thọc vào trong mớ áo quần lôi ra một vật gì đó màu trắng có hình ống và chìa ra phía trước như thể định giao cho một ai đó trong tốp người đang đứng đợi. “Ngăn hắn lại?”, Holmes hét lên, giơ súng lên định bắn. Nhưng một lần nữa, vị binh sư lại ra tay trước. Anh ta xoay tít vũ khí trên đầu và ném mạnh về phía kẻ đột nhập đang chạy phía trước. Thanh đoản đao lúc phóng đi rít lên trong không khí và cắm phập vào gáy kẻ thù, mạnh đến nỗi từ chỗ tôi đứng cũng có thể nghe thấy tiếng xương cổ vỡ vụn. Hắn đổ ụp xuống dường như một bãi phân bò nhão nhột. Hai thanh gươm rơi loang xoang trên mặt đất, cái ống hình trụ màu trắng lăn khỏi bàn tay bất động. Đó là một tờ giấy đã cuộn tròn, hay một thứ gì trông giống như vậy. Sherlock Holmes lao lên trước, toan chụp lấy vật đó. Đúng lúc ấy tấm màn dày che kiệu nhẹ nhàng vén lên, một bàn tay trắng bệch bệnh hoạn thò ra. Bàn tay gầy, có nhiều máu, làm vài cử chỉ kỳ lạ, một nhà ảo thuật đang biểu diễn, và - nếu dám nói láo thì kiếp sau tôi nguyện làm con rận sống trong bộ râu của một người Baluchi - cuộn giấy đã bay lên khỏi mặt đất, lơ lửng trong không trung một vài giây như lưỡng lự định hướng rồi bay thẳng đến bàn tay đang chờ đợi bên ngoài kiệu. Bàn tay cùng với cuộn giấy đã ngay sau đó thụt nhanh vào trong kiệu, tấm màn tự động buông xuống. Một giọng eo lá đờn dót từ trong kiệu vang lên, ban ra một mệnh lệnh gì đó chắc là “khởi kiệu” vì bọn đàn ông mặc đồng phục nhanh chóng nâng kiệu lên vai và bước đi. Vị binh sư của chúng tôi rõ ràng là một người có ý thức trách nhiệm rất cao, anh ta không lưỡng lự một giây xông tới trước, chặn đường đám người đang định khởi hành. Bàn tay gầy gò lại thò ra giữa các tám màn che kiệu lần nữa, làm một động tác quơ quơ kỳ lạ. Như thể tuân lệnh nó, hai thanh gươm của tên vận đồ đen đang nằm trên mặt đất liền bay bổng lên không, vút nhẹ và đung đưa xung quanh như cái kim của một chiếc la bàn khổng lồ đang tìm kiếm Bắc Cực, rồi đột nhiên chỉ về phía chúng tôi, dừng lại trong một tích tắc. Ngay tích tắc tiếp theo, chúng nhẹ nhàng lao về phía trước như hai mũi tên. Thanh đầu tiên phóng về phía vị binh sư. Thanh thứ hai nhắm thẳng về phía Holmes. Ông giơ tay phải lên để đỡ. Vào một phần trăm giây cuối cùng, hình như nó đi chệch hướng một chút, sượt qua vai Sherlock Holmes, cắm phập vào thân cây phía sau. Sherlock Holmes buông khẩu súng và kêu lên một tiếng. Tôi chạy đến giúp đỡ, mong làm bạn mình hồi tỉnh, đúng lúc nhận chất rằng thanh gươm đầu tiên đã cắm vào giữa ngực vị thầy tu, xuyên qua anh ta gọn gàng như con bướm bị ghim chặt vào bìa mẫu vật của một nhà nghiên cứu về loài bướm. Trong một khoảnh khắc tôi đứng chết trân vì sợ, không biết phải làm gì, nhưng khi nhận thấy chiếc kiệu và những kẻ khuân vác đang nhanh chóng biến vào bóng tối bên kia cầu, tôi vội vã nhặt khẩu súng của Sherlock Holmes lên, bắn hú hoạ vài phát vào bọn địch đang bỏ đi. Tất nhiên đó là một hành động hoàn toàn vô ích, như tôi đã một lần nhắc đến sự kém cỏi của mình trong những chuyện liên quan đến súng ống. Tuy vậy tiếng súng nổ đã chỉ đường cho Tsering và những người khác, những người đã lạc mất dấu trong công viên, nhanh chóng đến tiếp ứng cho chúng tôi. “Chuyện gì đã xảy ra...” Tsering kêu lên nhìn xung quanh. “Ông Holmes, ông bị thương rồi!” “Chỉ là vết xước, anh bạn thân mến ạ,” Sherlock Holmes nói, vẫn giữ chặt cánh tay phải bị thương, nhưng dưới ánh trăng cũng có thể thấy rõ ông không khỏe như ông nói. “Nhưng anh ta thế nào người binh sư oai dũng ấy?” “Phải, vị binh sư - một người thật dũng cảm - đã chết thật rồi. Thanh gươm đã xuyên đúng trái tim. Nhưng cái chết đó được đền mạng phần nào vì tên đột nhập bịt mắt kia - như chúng tôi phát hiện trong cuộc điều tra sau đó - thì cũng đã ngoan từ lâu. Mãng đầu phía sau của hắn bị vỡ vụn bởi cú ném rất mạnh của vị tu sĩ. Tsering giật chiếc khăn choàng đen che mặt tên sát thủ đã chết. “Hãy nhìn những dấu bóng nhỏ trên cái đầu trọc của hắn, thưa ông Sherlock Holmes,” Tsering soi đèn nhìn kỹ và nói. “Hắn là thầy tu nốt, ở Trung quốc?” “Hừm... phải. Tôi cũng nghe nói có những nhà chùa ở Trung quốc nổi tiếng với tư cách là lò đào tạo những tay sát thủ hơn là những nhà tu hành”. Sherlock Holmes nói, nhưng về mặt có phần lơ đãng. Rồi ông đột nhiên nắm chặt lấy cánh tay trong một cơn đau bất thần và vừa nói vừa sụt khế. “Nhưng chúng ta đã để mất

thời gian quý giá. Phải đuổi theo chiếc kiệu ngay!”, ông Holmes giải thích ngắn gọn cho Tsering biết về cái vật hình trụ đã bị con người bí ẩn trong kiệu lấy đi và bảo Tsering đem theo một số vệ sĩ đuổi theo. “Nó chỉ mới rời khỏi đầu ít phút, vì thế đuổi kịp không quá khó đâu. Hãy giữ khoảng cách an toàn. Mà không, nếu anh biết quý tính mạng mình thì đừng cố ngăn cản hay bắt giữ cái kiệu. Tôi chỉ muốn biết nó đi đâu mà thôi”. Tsering cùng hai người lính vội vã đuổi theo, trong khi đám cảnh vệ còn lại khênh hai cái xác đi. Vết thương của Sherlock Holmes chảy máu rất nhiều, gương mặt ông nhăn nhó và nhợt nhạt đến khiếp, vì thế tôi giúp ông quay trở lại lâu đài. Chú thích:

(1) yidam: hoá thân tức là hoá thân của một vị thật trong Kim Cương thừa. Ví dụ, Đức Quan âm có nhiều hoá thân. Các hoá thân có loại hiền lành, có loại dữ tợn để đối trị với tâm bệnh của hành giả

20. Mandala Bị Mất

Lạt Ma Yonten vội ra lệnh cho một tăng sĩ làm sạch vết thương cho Sherlock Holmes và đắp lên đó một số loại thuốc bằng cây cỏ toả mùi thơm thơm. Mấy người hầu đem trà nóng vào phục vụ cùng những món ăn ngon lành khác và được chúng tôi nhiệt tình chào đón sau một đêm đầy biến cố. Sau khi băng bó xong, Sherlock Holmes thuật lại cho Lạt Ma nghe sự việc kỳ quái bên cầu. Lạt Ma dường như quá lo lắng sau khi nghe chuyện. “Điều này thật khủng khiếp, khủng khiếp,” Lạt Ma vừa nói, vừa lắc đầu quầy quậy. “Nhưng ít nhất thì các ông - cho đến lúc này - cũng đã ngăn cản được một tội ác không thể hình dung được và nếu nó xảy ra thì quả là một thảm kịch quốc gia.” Trời ơi lạt Lai Lạt Ma vẫn ổn chứ? Holmes hỏi. “Vâng. Tôi chỉ vừa ra khỏi phòng Ngài. Ngài không hề hấn gì cả. May mắn làm sao, tên sát thủ hấn đã phạm sai lầm mà chui vào điện thờ của Ngài chứ không vào phòng ngủ.” “Hừm... có lẽ là vậy,” Sherlock Holmes nói, giọng cân nhắc. “Mặc dù có lẽ chuyện này nằm trong dự liệu của hấn.” “Ý ông là gì?” Lạt Ma hoang mang hỏi. “Khi tôi đuổi theo kẻ đột nhập bất hợp pháp, tôi để ý thấy hấn cầm một cái gì đó trong tay rồi cố trao cho một kẻ nào đó ngồi trong cái kiệu buồng rèm kín mít.” “Tôi cũng nhìn thấy nữa, thưa ngài,” tôi đánh bạo lên tiếng. “trông nó giống như một bức tranh cuộn hoặc một cuộn giấy da.” “Đúng thế. Có cơ sở hợp lý để cho rằng cái vật đó đã bị lấy ra từ điện thờ. Và bởi kẻ đột nhập không tấn công tôi theo kiểu một tên trộm thuần tuý, ta có thể đi đến kết luận rằng hấn chỉ định vào điện thờ lấy trộm cuộn giấy ngay từ đầu.” “Như vậy ông nghĩ hấn không hề có ý định giết người ư?” Lạt Ma thắc mắc. “Thật ra tôi không thể khẳng định thế,” Holmes nhún vai nói. “Tất nhiên tôi phải công nhận rằng với một kẻ đột nhập được vũ trang bằng hai thanh gươm đáng sợ như vậy thì không thể ngay lập tức mà rút ra kết luận là hấn đến với mục đích hoà bình. Nhưng cần cứ vào các dữ kiện thực tế thì dường như nhiệm vụ hàng đầu của hấn không phải là giết người, mà là ăn trộm bất gì đó từ điện thờ.” “Nếu vậy, xác minh lại sẽ không có gì quá khó khăn,” Lạt Ma Yonten nói. “Vị trưởng bối tôi trông coi gian thờ hiện đang dọn dẹp đồng lộn xộn ở đó. Chắc chắn, nếu có bất cứ thứ gì bị mất thì ông ấy sẽ biết. Tôi sẽ cho mời ông ấy đến.” Ông định lắc cái chuông nhỏ thì Sherlock Holmes đã giơ tay ngăn lại. “Có lẽ chúng ta đến đó và đích thân xem xét thì tốt hơn!” “Nhưng ông Holmes ạ, ông đang bị thương mà?” “Chỉ là một vết trầy ngoài da. Nó không cản trở tôi đi lại.” “Vậy thì được,” Lạt Ma gật đầu nói. Sherlock Holmes đứng lên khỏi ghế, nét mặt hơi nhăn lại vì đau đớn. Tôi toan bước đến gần để dìu ông nhưng ông đã phẩy tay bảo tôi đi theo. Gian điện thờ đã được thắp sáng bởi vô số ngọn đèn dầu, mọi thứ ở đây vẫn còn lộn xộn, mặc dù có một vài tuý sư đang dọn dẹp và sắp đặt mọi thứ vào chỗ cũ. Một người trong số họ là một ông già - da mặt nhăn nhúm như qua tảo khô, miệng móm không còn răng, đôi mắt nhỏ hơi bị lé rúm lại vì vô số nếp nhăn, trên đôi má hõm sâu đậm ra vài cọng râu bạc lơ thơ - đang trong trạng thái bán loạn. “Ồi trời đất... thiên địa ơi!” ông ta meo mào, trên tay ông là những gì còn sót lại của một chiếc bình cổ tinh xảo từ đời nhà Minh. “Làm sao tôi có thể sắp đặt mọi thứ sẵn sàng cho buổi lễ sáng mai đây?” “Đừng quá lo lắng kusho!(1)” Lạt Ma Yonten an ủi. “Đức ngài tin tưởng rằng trong bàn tay ông, mọi thứ sẽ lại đầu vào đấy thôi. Nào, ông thử coi xem có thứ gì bị mất không?” “Mất ư?” ông lão râu bạc lại giơ tay lên, than khóc và kể lể lần nữa. “Ồi! Tôi đâu có nhiều mất như quý Za, làm sao mà biết được có những gì trong cái đồng lộn xộn này?” “Có vật gì đó vừa bị lấy ra khỏi chỗ kia không?” Sherlock Holmes hỏi, chỉ tay về góc xa ở bức tường phía sau. “Ông bảo ở đâu kia?” ông già nheo mắt nhìn chăm chú, trên khuôn mặt nhăn nhúm lộ rõ vẻ bối rối. Holmes đi ngang qua căn phòng và chỉ vào vị trí đó: “Tôi nghĩ chúng ta có một... tên nó là gì ấy nhỉ ồ, phải, có một thangka(2) treo ở đây.” “Có phải nó dài khoảng sáu tấc và rộng gần năm tấc?” Holmes hỏi tiếp. “Làm thế nào ông biết..?” Lạt Ma Yonten mở miệng hỏi tỏ vẻ kinh ngạc, rồi ông bật cười. “Ồ, thưa ông Sherlock Holmes, ông vừa nhận thấy mảng tường bạc

màu nơi từng treo bức tranh cuộn.” Phải, quan sát kỹ và rõ ràng là cơ sở trong mọi cuộc điều tra.” “Đó là thangka nào vậy?” Lạt Ma Yonten hỏi ông bỏ gác điện thờ. “Để tôi nghĩ xem nào. Phải, đó là một trong những mandala về Đại pháp thời luân. Một mandala rất cổ.” “Nó có bất kỳ giá trị nào quan trọng không?” Holmes hỏi. “Nói về của cải vật chất thì nó thật sự không có giá trị gì,” Lạt Ma trả lời. “Có nhiều bức vẽ giống như nó. Trên thực tế, người ta chỉ cần bỏ ra một món tiền rất nhỏ là có thể thuê một họa sĩ đồ lại với độ chính xác tuyệt đối. Nhưng bức này là của Đức Đạt Lai Lạt Ma đầu tiên - như tôi được biết - vì vậy mà nó có giá trị lớn về mặt tinh thần. Nhưng dấu vậy tôi thật sự không hiểu nổi tại sao lại có kẻ mạo hiểm cả tính mạng mình để lấy trộm nó?” Trong khi tất cả chúng tôi rời khỏi điện thờ, Lạt Ma Yonten quay lại chỗ ông già phục vụ để nói đôi lời an ủi và động viên. “Đừng lo. Ông có thể lấy mấy cái bình và dụng cụ tế lễ ở phía sau phòng họp để thay thế những cái đã vỡ. Mọi chuyện rồi sẽ ổn thôi mà.” Khi chúng tôi ngồi yên vị trong phòng tiếp khách, một lần nữa, Sherlock Holmes đốt tẩu thuốc và lại tiếp tục câu chuyện với Lạt Ma Yonten: “Ngài có thể vui lòng mở rộng tầm nhìn của tôi về chủ đề của cuộn tranh vẽ không? Hiểu biết của tôi về hệ phong biểu tượng trong tôn giáo của ngài hết sức hạn chế.” “Được thôi, ông Holmes, đầu tiên, hay để tôi giải thích cho ông rõ đại thể mandala là gì, trước khi thảo luận về chủ đề đặc biệt đó.” “Xin ông vui lòng.” Lạt Ma lấy một dùm thuốc hít từ chiếc hộp thuốc hít bằng ngọc bích và lén lau mũi một cách lịch sự bằng chiếc khăn tay lụa màu vàng. Sau khi hấp háy hai con mắt nhỏ vài lần theo kiểu một người già, ông bắt đầu giải thích chi tiết về khía cạnh vũ trụ luận và thần luận của Lạt Ma giáo. Cách giải thích của Lạt Ma Yonten rất trù tượng, khó hiểu và chắc chắn những người không quen thuộc với giáo lý của đạo Lạt Ma sẽ hiểu lầm. Do đó tôi xin thuật lại một cách đơn giản hơn (và khoa học hơn). Mandala(2) là một cấu trúc hình tròn có nhiều màu và nhiều hình phức tạp. Về căn bản, nó là một bản đồ tượng trưng cho một thế giới - thế giới tâm và thức của con người. Các hình tròn và hình vuông trong đó đại diện cho những giai đoạn phát triển tâm, thức khác nhau trong cuộc hành trình dài đi từ vô minh đến giác ngộ. Cảnh giới cao nhất mà con người đạt tới được biểu thị tại tam điểm vòng tròn, nơi thể hiện hình ảnh Đức Phật hay một vị Bồ tát đại diện cho mục đích cuối cùng của cuộc tìm kiếm tâm linh. Mandala được đề cập tới trong chuyện này là mandala về đại pháp thời luân(3) (Skt. Sri Kala Chakla) và cũng là mandala phức tạp nhất trong những hệ thống như thế, nghe nói cơn thịnh nộ này đã được mang đến Tây Tạng từ vương quốc thần thoại “Shambala Bắc Ấn” vào thế kỷ 11. Shambala - tương truyền ở Bắc Ấn - trong hệ thống thế giới của Phật giáo Tây Tạng được xem như một xứ sở huyền bí, tương tự như xứ Utopia của Thomas Moore, New Atlantis của Francis Bacon hay Thành phố mặt trời của Campanella(5) nơi đức hạnh và sự thông tuệ là cơ sở để tạo nên một cộng đồng lý tưởng. Vùng đất hoang đường này được xem là ngọn nguồn của tất cả các ngành khoa học phức tạp cao siêu, vượt trên mọi tiến bộ trong khoa học và hiểu biết về kỹ thuật của thế giới con người. Các văn bản thiêng liêng của Tây Tạng tiên báo rằng khi nhân loại cuối cùng bị một thế lực ác ma bắt làm nô lệ, các vị chúa tể của Shambala sẽ đem đội quân vĩ đại của nước này đến tiêu diệt thế lực ác ma này vào thế kỷ 24, năm Ất Dậu(6) (2425). Sau đó, đạo Phật sẽ hưng thịnh một lần nữa và một Kỷ nguyên toàn thịnh sẽ bắt đầu. Tất nhiên, Lạt Ma Yonten toàn tâm toàn ý tin vào huyền thoại đầy sức mê hoặc này cũng như tất cả dân Tây Tạng và Mông Cổ khác. Nghe xong câu chuyện của Lạt Ma, Sherlock Holmes tựa lưng vào ghế nhắm nghiền mắt nhìn lên trần nhà. Sau đó, hơi nghiêng người về phía trước, ông hỏi: “Có phải hôm qua ngài nói, Đạt Lai Lạt Ma sẽ nhập thất trong một ngôi đền xa xôi nào đó?” “Đúng như vậy. Tại Ngôi đền băng Shambala. Ngài dự định sẽ nhập thất ở đó trong một tuần.” “Ngôi đền này có mối liên hệ gì với “Shambala Bắc Ấn” mà ngài vừa miêu tả cho chúng tôi không?” “Chắc chắn là có, thưa ông Holmes. Ngôi đền này lúc bình thường được chôn vùi dưới một tảng băng khổng lồ, cũng chính là nơi sứ giả đến từ Shambala, lần đầu tiên giải thích về khoa học huyền bí của Bánh xe pháp cho Đức Đạt Lai Lạt Ma đầu tiên. Từ đó về sau, theo truyền thống, tất cả Đạt Lai Lạt Ma được yêu cầu phải nhập thất tại đây trước khi lên ngôi. Tại đây, thông qua cầu nguyện và thiền định, họ sẽ thiết lập được mối dây đồng cảm vũ trụ với các lực lượng huyền bí ở Shambala, nhờ thế sức mạnh và trí tuệ tiềm ẩn của họ được đánh thức, nhờ vậy họ mới có đủ năng lực điều hành đất nước này một cách khôn ngoan và bảo vệ nó khỏi sự đe dọa của những thế lực đen tối.” “Như vậy có ba Đức Đạt Lai Lạt Ma qua đời trước khi đến tuổi trưởng thành ư? Có lẽ họ chưa đến ngôi đền này.” “Than ôi, chưa. Mười ma chúc quỷ của các thành viên xấu xa trong hội đồng phối hợp với áp lực của người Trung quốc đã ngăn cản các ngài ấy làm điều đó. Lúc này, điều quan trọng hơn cả là không được để bất cứ chuyện gì xảy ra ngăn cản Đức Đạt Lai Lạt Ma đến Ngôi đền băng và nhập thất ở đó.” “Còn sau đó...” “Sứ mệnh của chúng ta sẽ hoàn tất, ông Holmes ạ - nhiệm vụ của ông và tôi... sau đó tất cả sẽ nằm ngoài tầm tay chúng ta.” Ánh mắt của Lạt Ma Yonten hướng về phía cái cửa ra vào phía sau chiếc ghế lưng thấp tôi đang ngồi. “Phải cháu không, Tsering?” “Vâng, thưa Cậu.” “Vào đây, vào nhà đi,

ngồi xuống đây nào."Tôi quay lại, thấy Tsering đang đứng bên cạnh cửa. Thì ra anh ta là cháu của Lạt Ma Yonten. Điều đó giải thích tại sao viên quận trưởng ở Tholing lại dành cho anh chàng trẻ tuổi này một sự biệt đãi như vậy. Vị Lạt Ma đã rất thận trọng cử người đi tháp tùng hai vị khách ngoại quốc có tầm quan trọng với vận mệnh quốc gia; đó phải là người vừa là chỗ họ hoàng thân thích, vừa đáng cho ta tin cậy. Tsering ngồi xuống một chiếc đi văng thấp cạnh Lạt Ma và nhấp một tách trà nóng do một tùy sư rót cho anh."Thế nào?", Holmes hỏi khi Tsering đặc tách trà xuống."Bám theo chúng thì chẳng có vấn đề gì cả, thưa ngài!" Tsering đáp sau khi lau miệng bằng mu bàn tay. "Chúng tôi rất cẩn thận không để chúng phát hiện như ngài đã chỉ dạy. Chúng tôi bám theo chúng đến tận thành phố nơi chúng rẽ vào đường Lingkor(7) nằm ở phía Nam Đồi Sắt. Kiệu tiếp tục đi về hướng Đông, bọn người đi theo luôn nhòm lại phía sau trông chừng cho tới khi chúng đến gần khách sạn lớn Kashgar, ngay cả đến đấy rồi nó vẫn tiếp tục vòng vo đi mãi, cuối cùng mới vào khu vực hàng rào bao quanh yamen - toà công sứ Trung Quốc."Cháu chắc chứ?" - Lạt Ma lo lắng hỏi."Hoàn toàn chắc chắn. Cổng chính toà công sứ mở sẵn, đích thân Amban cùng đoàn tùy tùng và đám lính gác đứng đợi. Tất cả đều cúi đầu thật thấp khi chiếc kiệu đi qua cổng"."Thế thì đích thị là hắc rồi!" Khuôn mặt với những nếp nhăn hình gợn sóng của Lạt Ma Yonten tái nhợt đi. Đôi tay già nua run lên từng hồi."Là ai thế?" - Holmes hỏi."Vị khách bí ẩn đã đến toà công sứ Trung quốc, người ngồi trong kiệu đã khiến cho gương bay lên, kẻ có sức mạnh mà đến Amban cũng phải cúi đầu. Đó là hắc ta. Tên ác ma"."Tên ác ma ư?" - Holmes nhắc lại một cách hoài nghi một bên lông mày phướn lên."Phải. Tên ác ma hoặc người bóng tối. Bởi vì hắc đã từ bóng tối bên ngoài trở về để tiêu diệt Đức Đạt Lai Lạt Ma một lần nữa, như hắc đã thề cách đây mười tám năm"."Thưa Lạt Ma," Holmes nói, không giấu được vẻ sửng sốt, "từ trước tới nay tôi chỉ giới hạn điều tra trong phạm vi công việc của thế giới đang hiện hữu này. Như tôi đã có dịp nhắc tới một lần, những gì thuộc về thế giới siêu nhiên rõ ràng là nằm ngoài tầm hiểu biết của tôi."Ồ, không, ông Holmes. Ác ma là một người sống hắc hoi, kẻ tu hành này dám thề với ông như vậy. Sở dĩ hắc có cái tên đó là vì hắc đã tránh xa ánh sáng của Chánh Pháp và sử dụng những kiến thức thiêng liêng để phục vụ cho lòng tham và dục vọng dâm dục của hắc. Đó là một câu chuyện thật ghê tởm xấu xa, nhưng điều quan trọng là ông cần nghe lại từ đầu."Viện Khoa học Thần bí của Lhasa là học viện tối cao tại Tây Tạng, truyền bá kiến thức và đào tạo thực hành về các khoa học huyền bí. Chỉ một số ít học gia xuất sắc nhất từ những viện Phật học lớn mới được thu nhận vào; nhưng mỗi ứng viên phải qua một cuộc kiểm tra đầu vào nghiêm ngặt về mọi mặt. Cứ mười hai năm một lần theo tuần hoàn của mười hai con giáp, Viện lại tổ chức một cuộc tổng kiểm tra. Vào năm Ất Dậu(8) (1873), trường đại học này đã đào tạo ra hai người con vĩ đại nhất của khoa học huyền bí mà đất nước này có thể sản sinh được trong vòng hơn một thế kỷ - kể từ thời vị Đạo sĩ Yoga Cười của Đỉnh Kền Kền Xám gơ đôi tay trên những cánh đồng lúa mạch Tsetang và cứu chúng sinh thoát khỏi một trận mưa đá"."Những vinh dự cao quý nhất đã được ban tặng cho họ. Chính Đạt Lai Lạt Ma đời thứ mười hai - hiện thân của quan Thế âm Bồ tát thiêng liêng - đã tham dự kỳ kiểm tra cuối cùng và ban cho họ (bằng đôi tay chân phúc của ngài) chiếc áo choàng trắng tượng trưng cho việc chinh phục đỉnh cao của khoa học huyền bí. Danh tiếng của hai nhân vật này bắn ra khỏi biên giới của Xứ sở tuyết vĩ đại, thậm chí đến tận triều đình Hoàng đế Trung Hoa. Thế là họ nhận được lời mời đến Bắc Bình phục vụ cho sự thịnh trị của triều đình, cuộc sống yên ả no đủ của lê dân và bảo vệ non sông gấm vóc của hoàng đế Mãn Thanh."Chính tại kinh đô Trung quốc, ông Holmes ạ, một vài tên quan đại thần xấu xa nào đó của Hoàng đế đã cố công mua chuộc một trong hai đại sư rơi vào con đường tội lỗi. Vô cùng tình vi xảo quyệt họ đã lấp đầy tâm trí ông ta đủ thứ ô trọc và đồi bại sần si, kể cả tham vọng không thể hình dung nổi là tiềm ngai Đức Đạt Lai Lạt Ma và thống trị Tây Tạng. Khi trở lại Lhasa, cả hai đều được trọng dụng và bổ nhiệm vào những vị trí xứng đáng thích hợp trong triều đình của Đạt Lai Lạt Ma. Với sự gian manh quỷ quyệt của một con rắn, Tên ác ma cố che giấu những âm mưu xấu xa của mình không để cho ai biết, nhưng tình cờ đã làm dấy lên một vài ngờ vực nho nhỏ trong đầu người bạn đồng môn là Gangsar trulku(9) nguyên trưởng tu viện của một tu viện nhỏ phía Nam Tây Tạng. Vị Lạt Ma sắc sảo, tinh tường này đã không bỏ qua một số chuyển biến, dù rất nhỏ nhưng đáng ngại trong cách cư xử của Tên ác ma trong thời gian ở Trung quốc."Vào đêm giao thừa tết nguyên đán năm ấy, trong lúc mọi người bận rộn chuẩn bị cho lễ mừng năm mới sắp đến, Gangsar trulku thấy Tên ác ma đi vào điện thờ của Đạt Lai Lạt Ma - cũng giống điện thờ mà tên sát thủ đã đột nhập tới nay - và tấn công Đức Ngài với một thanh gươm. Gangsar trulku trung thành lao vào cứu chủ, nhưng đã quá trễ. Trong cuộc vật lộn dừng cảm với Tên ác ma, ông đã mất mạng. Nhưng không may cho kẻ hiện thân của quỷ dữ này sự phụ của hắc ở Viện khoa học Thần bí đột ngột xuất hiện tại hiện trường. Trước khi Tên ác ma có thể ra đòn lần nữa, Đại sư đã phóng một luồng nội khí chứa đựng năng lượng tâm linh kỳ diệu và gần như đã tiêu diệt được hắc. Tâm trí của hắc bị đập tan thành từng mảnh, những mối liên hệ trong ký ức bị cắt đứt và hắc mất

đi phần lớn sức mạnh trước đây. Sau đó, hắn bị nhốt ở một trong những hầm ngục thâm u nhất tại Potala. Nhưng Amban, theo chỉ thị từ triều đình Bắc Kinh - với nỗ lực thông qua những cuộc vận động ngầm, mua chuộc và gây sức ép nặng nề - đã bí mật giải cứu hắn khỏi hầm ngục và đưa về Trung quốc. Từ đấy về sau chúng tôi không biết rốt cuộc chuyện gì đã xảy ra với hắn, vì khoảng cách quá xa khiến sóng ngoại cảm yếu đi. Cũng có thể hắn đã khôi phục được một phần sức mạnh và đã dựng lên một loại màn che tâm linh nào đó.” “Làm thế nào ngài biết chắc đó là hắn?” “Tôi không thể đoán chắc, ông Holmes ạ, dù sao đi nữa cũng không ai có thể chắc chắn trong những chuyện như thế này. Nhưng tôi có thể cảm nhận sự hiện diện của hắn với những thay đổi vi tế trong từng đốt xương trong người tôi. Miêu tả của ông về những thanh gươm bay nghe ra rất giống với cách hành sự của hắn.” “Ông có thể giải thích rõ hơn không?” “Gangsar trulku đã bị một thanh gươm bay xuyên qua người trong khi đương đầu với Tên ác ma”. Mặc dù đã tận mắt chứng kiến những chuyện như thế tôi nay, nhưng khối óc được đào tạo bao nhiêu năm về khoa học của tôi nổi loạn, chống lại việc chấp nhận những ma thuật siêu hình như vậy mà không ít nhất viện dẫn một số nguyên nhân tự nhiên lý giải sự kiện đó. “Gươm kiếm không thể nào tự bay lên được, thưa ngài,” tôi phản đối. Hắn phải có lời giải thích khoa học nào đó cho hiện tượng những thanh gươm bay phi tự nhiên này.” “Năng lượng tâm linh của con người là không giới hạn, thưa ông,” Lạt Ma cố giải thích. “Chướng ngại duy nhất ngăn chặn con người làm được những việc mà ông cho là phi thường là sự ngu dốt và lòng biếng của chúng ta. Ở đây, trên mảnh đất Tây Tạng, thông qua thiền định và những phương pháp tu tập yoga khác nhau, nhiều người đã thành công trong việc tập trung tâm thức, khai mở đến vô hạn năng lực của tâm thức hầu tiêu diệt con quỷ của cái tôi - ngọn nguồn của mọi bất hạnh và đau khổ của chúng ta.” “.... Và cũng đồng thời làm cho không thanh gươm bay xuyên qua không khí?” - Holmes nói, giọng lạnh lùng. “Sức mạnh tâm linh là nguồn năng lượng thuần khiết như không khí và do đó, về bản chất là trung tính - không tốt mà cũng chẳng xấu. Ngoài ra, trước khi cho phép bất cứ ai bước chân vào lĩnh hội và thực tập về khoa học thần bí, chúng tôi đều có trách nhiệm làm thấm nhuần trong anh ta - thông qua học tập giáo lý và thiền định - mục đích sống vì tha nhân trong những cuộc tìm kiếm sức mạnh kỳ bí như vậy. Rất hiếm khi chúng tôi thất bại trong việc giáo hoá về những động cơ cao đẹp này.” “Những nó đã thất bại trong trường hợp Tên ác ma?” - Holmes nói. “Không may lại đúng là như vậy”. Sherlock Holmes rút tẩu thuốc ra khỏi miệng và nhìn chăm chăm vào khoảng không xa xăm nào đó trong vài phút đoạn quay lại với thực tế lần nữa. “Nếu chúng ta giả định rằng người bạn bí ẩn trong kiệu tối nay với Tên ác ma đã giết vị Đạt Lai Lạt Ma đời thứ mười hai là một, vậy thì cái tên lấy trộm bức tranh cuộn kia đã thực hiện một nhiệm vụ độc ác và ghê gớm hơn nhiều”. Holmes nhìn Lạt Ma Yonten vẻ trang nghiêm. “Có lẽ ngài đã nhầm lẫn, thưa đức ngài đáng kính. Chắc chắn phải có một cái gì đó không bình thường trong cuộn giấy kỳ lạ đó.” “Có lẽ việc đánh cắp bức tranh chỉ là một đòn tung hỏa mù hoặc đánh động để bằng cách này hay cách khác phá hỏng chương trình nhập thất tại ngôi đền băng của Đức Đạt Lai Lạt Ma chăng?” - tôi dành bạo nêu ra một giả thuyết khác. “Rất có thể Ngài cần một bức vẽ mandala trong khi thiền định ở đó?” “Đúng thế, Babuji,” Lạt Ma trả lời. “Nhưng không nhất thiết phải là một bức tranh gốc. Bất cứ phiên bản chính xác nào của nó cũng có thể dùng trong trường hợp này. Mandala đơn giản là một bản sơ đồ đối với người tọa thiền như một bản hướng dẫn giúp cho năng lượng tâm linh đi vào đúng kênh trong suốt thời gian thiền định. Bởi vì, Ngôi đền băng ấy là một mandala lớn bằng đá - với kích cỡ lớn gấp ba lần - về Đại pháp thời luân. Chỉ có vậy mới đủ giúp cho Đức Ngài sớm đạt được chính niệm và tỉnh giác.” “Như vậy chỉ còn một lý do duy nhất đứng vững, ấy là hắn phải có một cái gì đó rất đặc biệt ở mandala bị trộm tối nay,” giọng Holmes hơi sáng. “Đúng vậy, thưa ngài”. Cậu bé mà chúng tôi thấy ngày hôm trước giữa bày thú lên tiếng, cậu đang đứng một mình, nhỏ bé và cô độc nơi hành lang. Cả thân hình cậu quần trong chiếc áo choàng dày màu đỏ sẫm giống như chiếc áo mà Lạt Ma Yonten đang mặc. Lạt Ma Yonten và Tsering vội vã đứng dậy. Tôi và Sherlock Holmes cũng làm theo cho phải phép. “Thưa Đức Ngài vào giờ này Ngài nên ở trên giường rồi mới phải,” Lạt Ma Yonten nói, giọng lo lắng. “Nhưng làm sao ta có thể ngủ trong khi diễn ra những chuyện như thế này cơ chứ? Dù sao thì ta cũng muốn được gặp người ngoại quốc”. Cậu bé tiến tới gần, chăm chú nhìn chúng tôi với vẻ tò mò cao độ, nhưng cũng rất thân thiện. “Có phải ông đến từ Vùng đất cao quý (Arya-Varta hay còn gọi là Ấn Độ?)” Cậu lịch sự hỏi tôi bằng chột giọng kim trong vạt của trẻ con. “Phải, thưa Đức Ngài. Tôi đến từ tỉnh Vangala, nước Bengal, nơi Atisha(10) uyên bác vĩ đại được sinh ra.” “Ta hy vọng một ngày nào đó sẽ làm một cuộc hành hương đến tất cả những nơi thiêng liêng trong Vùng đất cao quý ấy dĩ nhiên sau khi tất cả những vấn đề hiện tại đã được dẹp yên”. Rồi cậu quay sang phía Sherlock Holmes cúi đầu chào. “Ta muốn cảm ơn ngài. Thưa quý ông đáng kính, vì đã cứu mạng ta tối nay”. Lạt Ma Yonten đã sớm nói cho ta biết, nếu không có sự đề phòng và lòng dửng dưng của ngài thì tên sát nhân có thể đã... làm hại ta”. Giọng cậu hơi run rất một chút, nhưng sau đó bản tính của một thiếu niên trong cậu lại trỗi dậy với tất cả sự hiếu kỳ và cậu lại đặt ra

nhều câu hỏi. "Nhưng trông ông không giống người phương Tây." "Thưa Ngài, là vì tôi đang đóng giả người Ladakh mà," Holmes nói, hơi mỉm cười. "Ông nên giả vờ mang một nửa dòng máu Kazakh thì có lẽ tốt hơn. Như vậy mới giải thích được việc mắt ông có màu sáng." "Đức Ngài thật là người tinh mắt," Holmes nói. "Có lẽ, đó là lý do tại sao ngài thấy cái gì đó đặc biệt về thangka bị lấy trộm." "Từ lúc ta có thể nhớ được thì nó đã được treo ở đó và ta chưa bao giờ đặc biệt chú ý tới nó. Cho đến một hôm, một con khỉ từ ngoài vườn tìm cách trèo vào điện thờ, không chỉ làm vỡ một vài món, nó còn cố giật bức tranh ra khỏi tường. Sau khi đã xua được nó đi, ta nhặt cuộn giấy lên treo vào chỗ cũ thì nhìn thấy có những dòng chữ ghi ở phía sau bức tranh." "Chữ viết ư?" Sherlock Holmes hỏi dồn dập với giọng kích động. "Chính xác nó viết cái gì?" "À, chỉ có một vài dòng giải thích rằng thangka này đã được ủy thác cho hiện thân đầu tiên của ta sau chuyến trở về từ vương quốc Shambala Bắc Ấn. Ta nghĩ chỉ có vậy thôi. À mà không. Chờ một phút, có một vài dòng thơ lạ lùng, được chính Đạt Lai Lạt Ma thứ nhất chấp bút." "Ngài có thể nhớ lại không?" "Không. Ta chỉ nhìn thoáng qua một lần. Ngôn từ rất rối rắm và ta không thể nào hiểu được. Đó là tất cả những gì ta nhớ". Cậu bé hẳn phải nhận ra chúng tôi thất vọng như thế nào với câu trả lời đó, vì cậu nhìn Holmes lo lắng. "Nó quan trọng đến vậy ư? Ước gì ta có thể nhớ. Ước gì ta có thể giúp được." "Đức Đạt Lai Lạt Ma đừng lo," Holmes ân cần. "Ngài đã giúp chúng tôi bằng cách cho chúng tôi biết có sự tồn tại của những dòng thơ đó, thế là đủ rồi." "Vâng, và ông Holmes đây sẽ đánh bại kẻ thù của chúng ta bằng năng lực phi thường của mình, thưa Ngài". Lạt Ma cố làm cho cậu bé ỉu xìu vui vẻ lên. "Giờ thì Ngài phải đi nghỉ thôi. Tu viện trưởng đáng kính kiêm quan ngự y đã có khuyến cáo rất rõ rằng Ngài cần nghỉ ngơi nhiều nếu muốn hồi phục sức khỏe hoàn toàn sau cơn bệnh". Lạt Ma Yonten ngược nhìn vị tu sĩ cao lớn để râu đang đứng ở ngưỡng cửa. "Thưa Ngài, quan Thị thần đang đợi Ngài ạ." Tất cả chúng tôi cùng cúi đầu thi lễ khi Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi lịch sự tạm biệt và rời khỏi phòng cùng với thị thần. Tôi không thể ngăn được ý nghĩ rằng làm thế nào mà cậu thiếu niên bất chấp vẻ ngoài ốm yếu thì vẫn là một cậu bé thông minh đỉnh ngộ - lại không bị làm hư hỏng bởi vị trí độc tôn cao hơn hẳn mọi người để có được cốt cách hoà ái, cao thượng, bất chấp cả sự phản bội và bạo lực bủa vây xung quanh. Tôi cảm thấy lòng mình se lại, e sợ cho những gì mà cậu bé mới ngần ấy tuổi đầu lại sớm phải đối phó. Sherlock Holmes dường như cũng chia sẻ những cảm nghĩ âm ảm của tôi, bởi vì ông im lặng, nhìn sững về phía trước, nét mặt nghiêm nghị buồn buồn, đôi lông mi dày rủ xuống càng làm thành một quầng tối dưới hai mắt. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ mạ càng vang lên rõ mồn một trong căn phòng lặng như tờ. "Chúng ta phải lấy nó lại!" Sherlock Holmes đột ngột lên tiếng, tay nọ dấm vào lòng bàn tay kia rất mạnh. "Gì cơ?" tôi ngạc nhiên, hỏi. "Ông muốn nói đến thangka ư, ông Holmes?" Lạt Ma Yonten hỏi. "Đúng. Tôi tin rằng đó chính là mối chỉ tuột ra mà nếu lần theo ta sẽ tháo gỡ được điều bí ẩn này." "Nhưng, thưa ngài, quả là mọi thứ trong vụ này thật quá kỳ lạ và phức tạp," tôi nói. "Như một quy luật," Holmes đáp, "phạm một việc bề ngoài càng kỳ lạ bao nhiêu thì nó càng chứng tỏ điều ngược lại rằng mọi việc đơn giản hơn ta tưởng rất nhiều. Loại tội ác tầm thường không có gì đặc biệt mới là cái thật sự khiến người ta bối rối, cũng vậy, một gương mặt tầm thường là cái khó nhớ hoặc khó nhận dạng nhất." "Nhưng làm thế nào cuộn giấy da lại là giải pháp cho vấn đề phức tạp này?" "Điều quan trọng nhất trong nghệ thuật điều tra là khả năng nhận diện, giữa vô số sự việc, cái gì chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên và cái gì là quan trọng. Nếu không thì công sức và sự chú tâm của ông sẽ chẳng dẫn đến đâu hết, bất chấp mọi nỗ lực của người trong cuộc. Nào, nếu chúng ta dẹp sang một bên, trong giây lát, tất cả những chuyện có vẻ kỳ quặc xảy ra trong đêm nay - kể cả cái chết bất hạnh của vị binh sư dũng cảm - thì những gì chúng ta còn lại là vụ lấy trộm thangka. Đó là nguyên nhân đơn giản hơn mọi nguyên nhân khác, dù nó có kỳ lạ đến mấy đi chăng nữa." "Nhưng làm cách ông lấy lại nó được?" "Rất đơn giản. Đến lượt mình, tôi cũng muốn thử làm một tên trộm đến thăm toà công sứ Trung quốc một phen" - Holmes nói, giọng bình tĩnh. Tôi hơi giật mình trước câu trả lời, mặc dù rất kính nể tài xoay sở và sự táo bạo vô song của người bạn đồng hành. "Nhưng ông không thể làm điều đó," Lạt Ma Yonten kêu lên. "Tôi không thấy rõ lý do tại sao lại không được làm điều đó. Hãy lật lại vấn đề một cách khách quan. Họ đã đột nhập vào điện thờ của Đạt Lai Lạt Ma ăn trộm một vật, vì thế dường như cũng là công bằng và hợp lý nếu chúng ta đến lấy lại cái vật thuộc về mình." "Có thể nói là ăn miếng trả miếng, ông Holmes ạ," tôi nói. "Chính xác." "Sẽ là một vụ xì căng đan đáng xấu hổ về mặt ngoại giao, nếu như ông bị bắt," Lạt Ma lo lắng nói. "Phải, chúng ta không thể xem nhẹ khả năng đó, đúng không nào? Nhưng xin hãy cân nhắc nó theo một hướng khác. Biện pháp duy nhất giúp chúng ta khám phá âm mưu của kẻ thù là qua cái thangka đó. Vì vậy hoặc là chúng ta tránh những rắc rối và ngồi yên đợi cho tới khi chúng đến tấn công, hoặc chúng ta chấp nhận rủi ro, đồng thời có thể nhiều cơ hội đập tan những mưu ma chước quỷ của chúng!" "Một khi ông đã nêu vấn đề theo cách đó, tôi không thấy chúng ta còn có thể làm gì khác nữa" - Lạt Ma Yonten rầu rĩ nói. "Tuyệt lắm!" - Holmes thốt lên, xoa hai bàn tay vào nhau. "Giờ hãy vạch ra từng đường đi nước bước cho kế hoạch của chúng ta. Việc

ông nhắc đến một vụ xì căng đan về ngoại giao đã gọi cho tôi một ý tưởng nhỏ. Mọi việc sẽ như thế nào nếu tin tức về vụ việc đêm nay bằng một cách nào đó, lại đến tai bàn dân thiên hạ nhỉ?” “Sẽ có vô số vụ náo loạn trước toà công sứ Trung Quốc, thưa ngài,” Lạt Ma kêu to, giơ hai tay lên vì kinh hoàng. “Chính xác. Và một chuyện như thế chắc chắn sẽ khiến cho lính gác cùng đám người bên trong đổ xô đến trấn giữ chúng trước cửa toà công sứ.” “Tạo điều kiện cho chúng ta đột nhập qua cổng sau,” tôi thốt lên, bị kích động không kém. “Một tiểu xảo tài tình nhất, thưa ngài.” “Ông quá khen, Hurree ạ,” Holmes trả lời. “Ông sắp trở thành một người biết đọc suy nghĩ của người khác cũng giỏi như tôi rồi. Nhưng ông đã mắc một sai lầm nhỏ trong những nhận định của mình. Ông sẽ không đi cùng với tôi.” “Nhưng, thưa ngài,” tôi phản đối, “Chắc chắn ngài sẽ cần sự hỗ trợ.” “Hai mũi tên trong ống tên bao giờ cũng tốt hơn một,” Tsering trang nghiêm, “và ba mũi tên sẽ còn tốt hơn nữa.” “Không, Tsering ạ,” Sherlock Holmes cương quyết. “Nhiệm vụ của anh sẽ là ”châm ngòi” cho một cuộc đại náo loạn diễn ra ngay trước chúng toà công sứ, vào đúng thời điểm mà tôi yêu cầu.” “Nhưng cơn giận dữ của đám đông cũng có thể vượt khỏi tầm kiểm soát,” Lạt Ma Yonten gãi gãi cái đầu trọc một cách lo âu. “Hoàn toàn chính xác,” Holmes nói giọng ngọt như không. “Đó là lý do tại sao Tsering phải có mặt ở đó. Nhiệm vụ của anh ta là trông chừng sao cho đám đông, dù ồn ào và kích động đến mấy cũng không có hành vi bạo động mà phá huỷ toà công sứ hay ném vào đấy một mồi lửa.” “Nếu vậy thì chỉ tạo ra cái cớ cho Hoàng đế Trung Hoa phái đại quân đến, dè bẹp Tây Tạng ngay lập tức,” Lạt Ma lẩm bẩm giọng rầu rĩ. “Cần tăng cường thêm quân thiện chiến, mặc thường phục để bảo vệ nơi này” Holmes tiếp tục hướng dẫn Tsering, lời đi lời than van của Lạt Ma Yonten, “và để họ trà trộn trong đám đông. Cần phải đưa ra cho họ những chỉ thị cương quyết, chính xác tuyệt đối không được để đám đông vượt khỏi tầm kiểm soát.” “Vâng, tôi nghĩ mình có thể kham nổi việc đó” - Tsering tự tin nói. “Ngài muốn vụ bạo động xảy ra lúc nào?” “Ngày mai cũng tốt như bất cứ ngày nào. Tôi cần bóng tối làm đồng minh, vì thế nó phải diễn ra vào buổi tối. Để tôi xem...” quay sang Lạt Ma Yonten, ông hỏi: “Nhân đây xin hỏi, có phải ngày hôm qua ngài đã nói rằng ngài có một ”Chân gỗ” ở toà công sứ, trong vai một người hầu cận phải không ạ?” “Đúng vậy.” “Ngài có thể triệu anh cả đến đây ngày mai không? Tôi cần một số thông tin về sơ đồ, đường đi bên trong khu vực hàng rào phía sau toà công sứ và chỗ ở chính xác của Tên ác ma.” “Tôi có thể mời anh ta đến đây vào trưa ngày mai. Sớm hơn ư?... Không. Tôi nghĩ điều này khó thực hiện lắm.” “Tôi nghĩ từ lúc mặt trời lặn cho đến khoảng sáu giờ sáng hôm sau sẽ là thời điểm thuận lợi cho một cuộc bạo động theo ý của chúng ta. Tôi sẽ đột nhập vào phủ trong khi nổ ra một cuộc biểu tình diễn ra trong tầm kiểm soát.” “Được rồi, thưa ngài Holmes.” Tsering đứng lên khỏi đi văng. “Tôi sẽ đi khắp thành phố và loan truyền tin tức tại các quán rượu chang(1). Các ngài cũng sẽ quay lại thành phố chứ?” “Tôi nghĩ rằng sẽ khôn ngoan hơn nếu ông Holmes và người đồng hành ở lại bên trong những bức tường của Châu Viên” Lạt Ma góp ý “Hiện họ đã bị Tên ác ma trông thấy. Hãy cư ai đó đến thành phố lấy đồ đạc của họ mang về đây.” Ít phút sau tôi và Holmes được dẫn vào một dãy phòng tiện nghi nằm ở phía đông toà nhà chính. Cuối cùng, lúc chúng tôi có thể nghỉ ngơi thì đã ba giờ sáng, nhưng chẳng thấy Holmes chuẩn bị ngủ nghỉ gì cả. Than vào đó ông tự rót cho mình một ly whisky từ cái chai bệt du lịch màu bạc và nhồi đầy tẩu thuốc lấy từ cái túi da màu xám. Ông quay sang nhìn tôi. Ông không định đi ngủ ư, Hurree? “Không ông Holmes ạ,” tôi trả lời bằng một giọng tổn thương. “Tôi hy vọng mình không phải là kẻ vô tích sự, vì vậy tôi muốn hỏi xem ông có bất kỳ lý do gì để không hài lòng về sự phục vụ của tôi không?” “Dĩ nhiên là không, Hurree. Ngược lại...” “Vậy thì chuyện quái quỷ nào đang diễn ra thế này, sao ông không muốn tôi đi cùng với ông trong cuộc phiêu lưu ngày mai?” “Ông bạn thân mến. Nó sẽ vô cùng nguy hiểm.” “Nguy hiểm ư, ông Holmes?” tôi giận dữ nói. “Tôi đã ở trong hoàn cảnh nguy hiểm chết người từ lâu rồi, từ khi tôi bám theo ông trên chiếc tàu thủy đó: ở khách sạn Taj Mahal với con đĩa khổng lồ kinh tởm; trên xe lửa với Những kẻ sát nhân xấu xa; và trong suốt cuộc hành trình dài với những tên cướp gớm ghiếc cùng tất cả những chuyện đại loại thế. Vậy thì với tôi, liệu còn có điều gì nguy hiểm hơn trong cuộc chơi này chứ?” “Ông có thể có ích ở đây.” “Và tôi thật sự là một sự giúp đỡ vô giá, thưa ngài,” tôi vội vã nói, cố khai thác chỗ núng dằng đầu tiên trong thái độ cương quyết của Holmes. “Tôi có nhiều kinh nghiệm trong việc đột nhập phi pháp vào các toà nhà được bảo vệ nghiêm ngặt, trong những lần ăn trộm tài liệu mật.” “Được thôi, Hurree,” Sherlock Holmes nhún vai nói “xét cho cùng thì chúng ta đã luôn ở cùng nhau trong suốt cuộc hành trình dài này, có lẽ sẽ là một niềm an ủi với cả hai - trong trường hợp xấu nhất - nếu được tiếp tục đồng hành với nhau trong những cuộc hành trình xa xôi hơn nữa”. Chú thích:

(1) Kusho: từ tôn xưng với những người được tôn trọng vì địa vị hoặc tuổi tác (2) thangka: tranh vẽ trong Phật giáo Tây Tạng, thường là vải lụa cuộn tròn, đa số thể hiện nội dung và giáo pháp hay cuộc đời Đức Phật.

(3) Mandala là một khái niệm quan trọng của Phật giáo Tây Tạng và Kim cương thừa. Đó là biểu tượng của vũ trụ và lực lượng trong vũ trụ, diễn tả bằng những tranh vẽ. Người ta sử dụng mandala để tập trung thiền định, nó là xuất phát điểm của nhiều phương pháp quán định (một nghi thức tôn giáo trong những buổi lễ quan trọng. Tại Tây Tạng người ta hiểu mandala là “Trung tâm và ngoại vi”, là cơ sở để hiện tượng hợp nhất với bản chất. Vì vậy, trong mandala, người ta thường thấy vô số cảnh vật, hình tượng khác nhau, nhưng chúng vẫn nằm trong một tranh vẽ duy nhất với thứ tự trên dưới rõ rệt. (Từ điển Phật học, NXB Thuận Hoá, Huế, 1999)

(4) Thời luân (Wheel of time): Tiếng Phạn là Khacakra hay Kalachakra: một trong các khái niệm nằm trong hệ thống vũ trụ luận phức tạp của Phật giáo Tây Tạng. Không nên nhầm với Pháp luân hay Bánh xe pháp (dharma-cakra (trong Phạn), dhammacakka (tiếng Pali). Phật pháp tương ứng với ba cấp độ: Tiểu thừa (Hinayana), Đại thừa (Mahayana) và Kim cương thừa (Vajrayana) mỗi cấp độ là một lần chuyển pháp luân

(5) Utopia là tên một cuốn sách của Thomas More (1478-1535), một luật sư, nhà chính trị, nhà tư tưởng người Anh. Nhà thờ Thiên Chúa giáo phong thánh 400 năm sau khi qua đời. Đó là một cuốn sách mang tên một đảo quốc giả tưởng trong đó một nhà tu hành tưởng tượng đã miêu tả về thể chế chính trị lý tưởng của nó. Francis Bacon và Campanella là tác giả của các tác phẩm nổi tiếng thuộc dòng Utopia. Utopia đã được Trịnh Lữ dịch ra tiếng Việt, Nhã Nam ấn hành năm 2006

(6) Trong nguyên tác viết Water-Sheep Year of Twenty-four cycle (2425) tức là năm Mùi, có lẽ là nhầm, vì năm đó phải là năm Ất Dậu.(7) Hệ thống giao thông của người Tây Tạng xoay tròn trong thành phố thần thánh. Con đường xoay quanh thánh đường chính tên là Jokang - tuy ngắn hơn nhưng cũng thiêng liêng và nổi tiếng như đường Barkor.(8) Nguyên văn: Water Monkey (1873).(9) trulku Trulku: hiện thân của một Lạt Ma(10) Atisha (Skt Dipankarajan, Tib Jowo-je) 982-1055, là một người thầy lớn trong việc truyền giảng những giáo lý của đức Phật. Ông là người Bengal đến Tây Tạng vào thế kỷ 11, có công làm sống lại đạo Phật đã bị suy tàn và thoái trào từ sau sự sụp đổ của đế quốc Tây Tạng.(11) chang: một loại thức uống có cồn, nồng độ khá nhẹ làm bằng lúa mạch lên men

21. Tên Ác Ma

“Đã gần sáu giờ rồi”, tôi thì thầm, sau khi liếc nhìn chiếc đồng hồ đeo tay hình củ cải, “Tại sao cái đám đông chết tiệt đó không xuất hiện chứ?” “Người ta không thể chờ đợi một cuộc nổi loạn công cộng diễn ra đúng giờ như trong một cuộc hẹn ăn tối được,” Holmes nhăm nhẩn nhận xét, giọng châm biếm. Ông đứng tựa lưng thoải mái vào một đồng bao ngũ cốc ở góc phòng mà hút tẩu. “Tsering là người đáng tin cậy. Hãy cho anh ta thêm ít thời gian. Anh ta sẽ có tin thôi mà”. Tôi nhìn qua khung cửa sổ nhỏ, thô kệch. Qua con đường hẹp, tôi có thể thấy những bức tường sẫm màu của Tòa công sứ Trung quốc đang hiện ra lơ mơ trong ánh sáng nhạt nhòa. Sherlock Holmes và tôi đang ở trong một phòng chứa nhỏ phía sau một nhà trọ gần khách sạn lớn Kashgar, phía Nam Lhasa, nơi từng đoàn lạc đà đến từ Turkestan - những con lạc đà hai bướu, bộ lông dày bờm xờm - kết thúc hành trình. Kintup đã cố gắng thu xếp được chỗ ẩn nấu tiện lợi này chỉ cách bức tường sau tòa công sứ một tầm ném đá. Chủ quán trọ người Tugan đã được thông báo rằng ông Holmes và tôi là những thương nhân Ladakh đang đợi một đoàn buôn đến Yarkand. Mặc dù phòng trọ này không đạt tiêu chuẩn cho một nơi kinh doanh lưu trú - phòng ốc rất bẩn, đầy chầy rạn, lại bốc lên một cái mùi khẳn khẳn rất khó ngửi - nó vẫn là một địa điểm lý tưởng cho cuộc phiêu lưu của chúng tôi. Nhưng điều may mắn này lại kèm theo một cái tin xấu: “Chân gỗ” của Lạt Ma Yonten không thể đến để nói cho chúng tôi biết về sơ đồ bố trí của tòa công sứ. Nhiệm vụ của đám gia nhân trong tòa công sứ đã tăng lên gấp đôi do sự xuất hiện của Tên ác ma và “nhân viên nằm vùng” của Lạt Ma sợ rằng sự vắng mặt của mình sẽ gây sự chú ý. Tuy nhiên, anh ta cũng đồng ý gặp chúng tôi ở bên ngoài bức tường sau Phủ công sứ ngay khi cuộc biểu tình bắt đầu rồi dẫn chúng tôi vào theo lối đi dành cho người phục vụ, thường có rào chắn và khoá chắc chắn. Không còn biết làm gì khác, chúng tôi đành khoanh tay đợi. Tôi ngồi bó gối, nhìn chằm chằm vào nhôi lóe lên từ tẩu thuốc của ông Holmes trong bóng tối căn phòng hôi hám. Trong lúc ngoài trời mỗi lúc một tối hơn, ánh sáng le lói này xuất hiện như một vì sao nhợt nhạt, đơn độc trong khoảng không trống rỗng vô tận. Đột nhiên, không vì một nguyên nhân rõ ràng nào, tôi chợt cảm thấy hoàn toàn đơn độc và một cảm giác sợ hãi tràn ngập trong lòng. Và như thế cái nửa kia trong tôi, cái phần thận trọng, lý tính lúc nào

cũng hành động vì sự bình an, ổn định và lương tri trước đến giờ nó vẫn bị áp đảo bởi cái nữa bao giờ cũng lôi cuốn, xúi bẩy tôi xông vào những tình huống nguy hiểm, tỏ ra lẩn át hơn. Thế có Herbert Spencer vĩ đại tôi không biết cái gì đã khiến tôi, một nhà khoa học đáng kính, lại chuẩn bị lao vào điệp vụ mạo hiểm, tội lỗi và điên rồ này - và vì thế mà có lẽ đang nhảy vào “miệng Thần chết”, nơi tôi cố gắng hét lên trong lần cuối cùng ở Tây Tạng. Tất nhiên tôi hiểu và thông cảm với tình thế khó khăn của Đạt Lai Lạt Ma, nhưng nói gì thì nói, Đế chế Trung Hoa vẫn là một đế quốc hùng mạnh và một con người đơn lẻ không thể đi khắp thế giới thách thức một thể chế xấu xa và hận thù như thế mà không bị trừng phạt - nhất là khi nó được giúp đỡ bởi những tên thích khách xuất quỷ nhập thần có thể ném xuyên tảo một người lương thiện bằng những lưỡi gươm chỉ với một cái búng tay. Và dù sao đi nữa, làm thế nào mà tôi - một viên chức thấp kém của một cái bộ không mấy quan trọng của Chính phủ Ấn Độ (GOI) - lại được trông mong là có đủ sức giúp người Tây Tạng khốn khổ kia, khi mà đến cả Sherlock Holmes, vị thám tử tài ba nhất thế giới, người chiến sĩ ưu việt nhất của công lý vừa mới trưa hôm qua còn từ chối nhiệm vụ này. Tuy nhiên hãy chờ cho một phút vậy thì điều quái quỷ nào đã khiến ông ta thay đổi quyết định, quay lại giúp bảo vệ Đạt Lai Lạt Ma. Chắc là chỉ có Dickens mới biết cái điều chết tiệt nào đã khiến ông biết được Đạt Lai Lạt Ma cần giúp đỡ tối hôm qua - đúng ngay vào giây phút mà cậu bé cần nhất. Ôi, quái quỷ! Trong vài phút, quả là tôi có bị choáng váng với quá nhiều câu hỏi khác nhau dồn dập kéo tới. Nhưng rồi, tôi nhận ra rằng, rõ ràng tôi không có khả năng trả lời được một câu hỏi nào cả. Vì vậy tôi bắt đầu hỏi ông, tất nhiên là *ex tacito*(1). Ông không trả lời ngay mà rít một hơi dài khiến đầu tẩu thuốc cháy lên thành một vì sao sáng rực của ánh sáng của nó, tôi nhắc thấy những đường nét mờ mờ đăm chiêu trên khuôn mặt ông. “Ông sẽ không gọi tôi là một người thiếu lý trí chứ, phải không Hurree?” Dĩ nhiên là không, thưa ngài. Nếu có thể, tôi xin nói rằng ngài là người lý trí nhất, khoa học nhất mà tôi từng có vinh hạnh gặp mặt.” Tuy vậy, cá khoa học lẫn lý trí đều chẳng có vai trò gì trong những việc tôi đã làm tối hôm qua.” Sao cơ? Chỉ đơn giản là tôi biết mà thôi. Chỉ một khoảnh khắc trước đó, tôi đang rít tẩu thuốc cuối cùng trong đêm và nghĩ tới cuộc gặp với Lạt Ma Yonten, vậy mà chỉ một tích tắc sau tôi đã biết chắc chắn rằng có một tên giết người cực kỳ nguy hiểm đang đột nhập vào cung điện Mùa hè của Đạt Lai Lạt Ma.” Giống như một trực cảm ư, thưa ngài? Không hề có gì mơ hồ cả. Điều kỳ lạ chính là sự xác tín mà tôi cảm thấy về cái phát hiện bất ngờ này. Tuy vậy, vẫn chưa thể giải thích nó bằng những suy luận hợp lô-gíc. Đây là kinh nghiệm kỳ lạ nhất.” Những sự kiện sau đó đã chứng minh là ông đúng ông Holmes ạ.” Phải, và điều đó khiến cho mọi chuyện càng trở nên đáng ngại hơn.” Nhưng nó đã làm ông thay đổi quyết định về việc giúp đỡ Đạt Lai Lạt Ma, phải không? À lòng kiêu hãnh của tôi sẽ bị tổn thương nếu để lại nhiều việc chưa được giải quyết ở quanh đây, Hurree ạ. Không nghi ngờ gì nữa, đó là một cảm xúc thoáng qua, nhưng nó động chạm đến lòng kiêu hãnh của tôi. Ừ chà! Ừ chà? Cái gì thế nhỉ? Ông đứng dậy khỏi đồng bao ngũ cốc và nhanh chóng đến bên cửa sổ. Đã có thể nghe thấy từ đằng xa, tiếng la hét ồn ào của một đám đông.” Từ những gì vang đến tận đây, hình như Tsering tập hợp được một đám đông kha khá ở đằng kia. Cái đèn lồng đã được che lại chưa? Rồi, thưa ông Holmes.” Tốt. À, mà ông Hurree này, trước khi bắt đầu tôi chỉ muốn nói rằng tôi rất vui gì sự có mặt của ông tối nay. Trong đời cũng có những tình huống mà ta sẽ làm tốt hơn, nếu được đối mặt với nó cùng với một người bạn chân thật.” Tôi thấy nghẹn ngào trong cổ trước lối biểu đạt tình cảm và lòng tin của ông Holmes. Ông nắm chặt tay tôi trong giây lát, những ngón tay mảnh dẻ nhưng kiên quyết. Sau đó ông nhanh chóng buông ra và rời khỏi phòng. Tôi bám theo sau. Cả hành lang lẫn phòng ăn của quán trọ đều vắng tanh, nhà bếp cũng vậy. Người ta đã đổ ra đường để xem cuộc bạo loạn kiểu gì mà tiếng ồn và những lời đe dọa mỗi lúc một thêm dữ dội. Từ nhà bếp dơ bẩn, tối om, chúng tôi lặn mò qua cánh cửa hậu, lén vào con hẻm phía sau toà công sứ Trung quốc. Mùi phân và nước tiểu lác đà từ bãi đất trống trước nhà trọ nồng nặc trong không khí. Ở đoạn cuối con hẻm nối sang phố những người làm yên ngựa, chúng tôi thấy một đám người Tây Tạng huyền ảo mang theo những bó đuốc sáng rực đang lớn tiếng la hét, đe dọa và lăng mạ. Họ tràn vào con đường phía trước toà công sứ Trung quốc. Chúng tôi nép vào bức tường phía sau, lợi dụng bóng tối cho tới khi đám đông đi qua. Khi người Tây Tạng cuối cùng khuất dạng, ông Holmes và tôi rón rén đi dọc theo bức tường đến phía kia con hẻm và quan sát xung quanh. Không thấy có dấu hiệu nào của đầu mối liên lạc. Chúng tôi kiên nhẫn chờ đợi. Căn cứ vào những tiếng ồn đang vọng lại, có thể thấy cuộc biểu tình đang nóng dần lên. Đám đông giận dữ đồng thanh gào to những khẩu hiệu đả đảo và vấp phi sự phản ứng hung hăng của một con chó của Amban. Tuy đám đông chỉ la to khẩu hiệu. Nhưng trên tay họ còn có những ngọn đuốc sáng và cả những vật dụng khác có thể biến thành vũ khí và tôi chỉ còn biết hy vọng Tsering có thể kiểm soát được tình hình. Đột nhiên, nghe tiếng Sherlock Holmes khê thì thào: “Im lặng nhé. Có người đứng ở góc kia. Có thể là người của chúng ta.” Có sống suốt cả đời tôi cũng chẳng thể nào nhìn thấy bất cứ cái gì trong bóng tối như bưng lầy mắt này nhưng trước đó tôi đã có dịp chứng kiến, Sherlock

Holmes có khả năng nhìn xuyên qua màn đêm như mắt cú mèo. Tôi lẳng lặng nhón chân đi theo, trong lúc ông di chuyển nhẹ nhàng và lướt về phía trước như một cái bóng. Một giọng nói thì thầm ngăn chúng tôi lại. “Ồ đây. Theo lối này!” Một bóng đen không rõ hình thù bước ra khỏi bóng tối bức tường và vội vã ra hiệu cho chúng tôi. Bước gần đến nơi, tôi nhận thấy một cánh cửa thấp được xây gắn vào bức tường toà công sứ. Cánh cửa mở. Đứng bên cạnh là một người nhỏ thó mặc chế phục bằng vải màu xanh thâm theo trang phục của người Trung Quốc, trên đầu đội chiếc mũ chòm màu đen. Anh ta căng thẳng dòm quanh như một con thỏ đang hoảng sợ, hàm răng mọc lộn xộn trong bóng tối mờ mờ càng thêm lờm chờm. “Các ông đến từ chỗ Lạt Ma Yonten phải không?” anh ta thốt lên với giọng thì thầm nghe như tiếng rên. “Phải” “Đi theo lối này, nhanh lên nào. Tôi phải đóng cửa trước khi có ai đó nhận ra”. Chúng tôi đi vào một sân lớn chất đầy những chiếc rương bọc da, giống như những chiếc hòm dùng để vận chuyển bánh chè từ Trung quốc đến Tây Tạng. Rõ ràng Amban biết cách tăng thêm thu nhập bằng cách buôn bán loại chè đen mà dân Tây Tạng xem như của quý. Trong màn đêm nổi lên màu đen đen hình dáng của một số ngôi nhà; cao cao phía sau là toà nhà chính hai tầng, trụ sở của toà công sứ Trung quốc. Có thể nhìn thấy đường nét lờ mờ của những tên lính có vũ trang đang di chuyển trên mái toà nhà này và trên bức tường ngoài ở phía trước. Người dẫn đường bé nhỏ của chúng tôi núp vào phía sau một đồng thùng hàng và ra hiệu cho chúng tôi làm theo. “Xin quý vị hãy nghe cho kỹ! Tôi có rất ít thời gian. Tất cả binh lính của Amban đã ở phía trước để ngăn không cho đám đông phá cổng. Những người còn lại đã đến toà nhà chính gì đó là điểm phòng thủ tốt nhất”. “Khu nhà của vị khách đặc biệt của Amban ở đâu? Cái người đã đến cách đây một tuần ấy?” “Nam mô quan Thế âm Bồ tát?” người đàn ông thì thào giọng liến thoắng vì kích động. “Hãy tránh xa ông ta ra”. “Ồ đâu?” - Sherlock Holmes cương quyết, giữ chặt vai anh ta. “Cái căn nhà lớn đó... ở bên trái... gần bức tường nhất. Tôi phải đi, những người hầu khác có thể chú ý đến sự vắng mặt của tôi”. “Anh đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều” Sherlock Holmes nói, buông vai người đàn ông đang run như cây sậy ra. “Xin hãy cẩn thận. Đừng bén mảng đến gần ông ta” Anh ta nói, giọng rên rĩ trước khi lén lút băng ngang qua sân và tan biến trong khoảng tối giữa các ngôi nhà. Tôi cũng run nữa, thật sự là thế, trước những lời cảnh báo khủng khiếp và nỗi kinh hoàng không che giấu của người này. Riêng Holmes thì dường như chẳng may may bị tác động bởi bất cứ nỗi sợ hãi nào của con người. Im lặng nhưng cả quyết, ông hướng thẳng về phía ngôi nhà được cho biết là nơi ẩn náu của Tên ác ma. Như thường lệ, tôi bám sát theo ông như hình với bóng. Ngôi nhà dường như không có người, vì không thấy có ánh đèn hắt ra qua khe cửa, cũng chẳng có tiếng động nào. Ngay khi tiếp cận với ngôi nhà, Sherlock Holmes tìm cách mở một cánh cửa sổ. Với một con dao găm đàn hồi (mà ông đã mượn từ Kintup) và một cuộn dây thép cứng, ông nhanh nhẹn tháo then cài và nhẹ nhàng mở cửa. Tất cả những động tác này đều được thực hiện với sự thành thực tuyệt vời không thừa không thiếu một động tác, khiến bất cứ ai chứng kiến cũng sẽ có đủ lý do để mà sửng sốt. Khi chúng tôi đã lọt vào trong phòng, ông kéo bức màn len dày lại, che kín cửa sổ. “Bây giờ cho tôi xin một ít ánh sáng, Hurree!” Tôi nhẹ nhàng mở nắp ngọn đèn lồng. Chúng tôi đang ở trong một phòng chờ nhỏ khá trống trải, trừ một vài chiếc ghế để rải rác cạnh tường. Một cánh cửa mở ra phía hành lang ngắn dẫn đến cửa trước. Tôi đẩy một cánh cửa khác và phát hiện một thư phòng rộng rãi, sang trọng. Căn phòng được chiếu sáng bởi hai chiếc đèn chai đốt dầu với kiểu dáng thiết kế của Imperial Dragon; một cái được treo trên nhưng sợi dây đồng từ trên trần rủ xuống, cái còn lại đặt trên mặt bàn. Những bức màn dày bằng gấm Damascus ngăn không cho ánh sáng lọt ra ngoài. Thư phòng được bài trí với sự pha trộn kỳ lạ giữa phong cách phương Đông và phương Tây. Các bức tường được phủ những bức gấm thêu đắt tiền, trên có treo những khung ảnh nặng nề mạ vàng với chân dung các nhân vật quyền cao chức trọng của triều đình Mãn Thanh, tất cả đều mặc triều phục. Từ quần áo, kệ sách, ghế, bàn đều được làm bằng loại gỗ mun đen thượng hạng dưới bàn tay tinh xảo của các nghệ nhân. Trong đó, đồ vật quý nhất là chiếc bàn giấy đại tướng với bốn chân tạc theo hình móng vuốt sư tử, cùng một bộ ngăn kéo phù hợp có tay nắm bằng ngọc bích. “Tôi không thích nơi này,” Holmes ghé sát tai tôi, thì thào. “Ồ đây có điều gì đó không bình thường chút nào. Dù sao đi nữa, chúng ta cũng không có thời gian để phí phạm. Hãy bắt đầu với cái đó,” ông chỉ về phía chiếc bàn giấy. Chúng tôi vừa mới mở tới ngăn kéo thứ ba, thì tôi cảm thấy có cái gì đó chạm nhẹ vào lưng, bèn quay lại. Đứng ngay tại ngưỡng cửa trong cảnh tranh tối tranh sáng là bóng một người đàn ông lưng gù đang cầm một vật gì đó trong tay. “Có lẽ đây là thứ mà các ông đang tìm kiếm,” ông ta nói, với những âm rít nhẹ nhàng mà tôi có cảm giác như đã từng nghe thấy ở đâu đó. Hai tên lính Trung quốc mặc đồng phục đen, đầu đội khăn xếp hiện ra phía sau ông ta, lừng lững bước vào phòng, súng trường của chúng ở tư thế sẵn sàng nhả đạn. Người lưng gù tập tễnh rề chân phải bước vào phòng. Ánh đèn soi rõ một kẻ trông khủng khiếp như xác chết, tấm thân hom hem, cong gập xuống cùng cái chân phải bị què; cái hình thù méo mó dị dạng ấy lại được bọc một cách không tương xứng trong chiếc áo chùng bằng loại lụa đắt tiền của một viên quan cao cấp. Khuôn mặt người này trông còn khó coi hơn,

cái mặt méo mó, đặc biệt là miệng như bị xoắn lại, nước dãi nhều ra từng giọt. Làn da bủng beo trông rất bệnh hoạn, đôi mắt lõm sâu trong hố mắt dường như hừng hực một ngọn lửa thù hận. Nhưng điều làm tôi chú ý nhất về con người này là một cục phình ra trên trán, to bằng quả mận, thỉnh thoảng lại di chuyển và co giật những lúc ông ta dường như xúc động mạnh. “Moriarty!” - Holmes hét lên. Trên làn da tôi lướt đi một luồng khí buốt lạnh khi nghe cái tên này. “Phải, chính là tôi đây Holmes,” đôi môi hắn xoắn lại thành một nụ cười ghê tởm. “Sao thế, sao ông không chào đón kẻ thù cũ một cách nồng nhiệt hơn nhỉ? Phải chăng ông quá kinh ngạc khi thấy hắn ta còn sống?” Dù bị sốc trước sự hồi sinh hoàn toàn không được chờ đón của nữ thần báo ứng, phản ứng của Sherlock Holmes không chệch vào đâu được; trước đôi mắt ngỡ ngàng của tôi, ông vẫn là Sherlock Holmes với một vẻ điềm tĩnh không bao giờ thay đổi. “Tôi phải thừa nhận điều đó,” Holmes nói, giọng lạnh lùng. “Dù sao chẳng nữa, nếu ông không phiền vì nhận xét của tôi, thì dường như ông đã không có bước cải thiện rõ rệt nào sau cái kinh nghiệm vừa rồi.” “A, mi đang nhạo báng ta, Holmes. Nhưng mi sẽ phải trả giá... Thật xấu xa độc ác khi ném ta ra khỏi vách đá sừng sững. rợn người... thật độc ác vô cùng. Nhưng mi còn chưa biết sự giúp đỡ to lớn mà mi đã làm cho ta ngày hôm đó. Chà, mi đang hoang mang ư? Mi nghĩ ta đang nói nhảm... vậy thì hãy nghe đây! Khi ta rơi xuống khoảng không... và nhìn xuống cái chết, ký ức đột nhiên quay lại với ta. Ta nhớ ra bản ngã thực sự của mình... và ta nhớ đến sức mạnh của mình... phải, cái sức mạnh giúp ta vượt lên trên tất cả. Nhưng hình như đã quá trễ. Ta va vào vách đá... và bị vỡ hông, gãy chân... dập mặt... nhưng rồi... a a a... sức mạnh trào dâng trong ta. Vì vậy mà bây giờ ta vẫn sống... tuy bị gù và đau đớn vô cùng... nhưng vẫn sống. Người... tên Holmes kia...” “không nghi ngờ gì nữa, sẽ chết,” bạn tôi nói giọng từng từng như không và tiến lên phía trước một bước. Ngay lập tức hai tên sát thủ nâng vũ khí lên. “Không, không đâu Holmes, người cứ đứng yên chỗ đó. Người quá thông minh mà, chính vì thế mới khiến cho Đại tá Moran phạm sai lầm trong những lần ra tay trước đây. Nhưng lần này thì khác, vì người đang “chơi” với ta, ông chủ của hắn, ta nhất định sẽ an bài cho người một kết cục khác hẳn. Bây giờ, cả hai đứa bay, lấy vũ khí ra... chậm chậm thôi. Đặt xuống đất... giờ thì hãy di chuyển từ từ qua phía bên kia phòng. Được lắm. Chen Yi, nhắm súng lên. Trong khi một tên lính chìa súng vào chúng tôi, tên kia bước lên một bước, nhắm súng giắt vào thắt lưng. Moriarty vặn vẹo thân hình dị dạng một cách khổ sở trong lúc băng ngang qua căn phòng đến bên chiếc bàn làm việc bằng gỗ mun và ngồi vào phía sau. Rồi hắn tung cuốn giấy da mà hắn mang theo lên mặt bàn. “Vậy là mi đi tìm mandala vĩ đại. Nó thì đem lại lợi ích gì cho mi, dù mi có nó trong ta đi nữa? Đồ ngốc. Làm sao mi có thể biết được bí mật vĩ đại của nó khi mà thậm chí, đến bí mật của ta mi còn không biết nữa là. Mi nghĩ ta là một thiên tài khi trên thực tế, ta chỉ là kẻ mà trí não đã bị đánh cho tơi tả... ký ức bị thất lạc, năng lượng tâm linh thì giảm sút xuống chỉ còn thực hiện được những chức năng suy nghĩ thông thường. Nhưng chỉ với cái phần không đáng kể đó trong sức mạnh của ta - cùng với sự giúp đỡ nho nhỏ từ những người bạn Trung quốc, những người giúp ta trở lại châu Âu để thực hiện một cuộc báo thù ghê gớm với những quốc gia đã làm nhục Trung quốc - thế thôi cũng đã đủ để tạo ra đế chế tội ác lớn nhất thế giới. Giờ thì mi có thể làm gì để chống lại ta nào? Hiện giờ, sức mạnh của ta đã được phục hồi. “Hắn ngừng lại, như để thăm dò tác động của bài diễn văn đối với Sherlock Holmes. Nhưng, vẫn với vẻ điềm tĩnh như bao giờ cũng vậy ông nhìn thẳng vào mặt kẻ thù. “Mi không tin ta sao? Có lẽ, mi cần một sự chứng minh chứng ít nhất thì ta cũng nợ mi điều đó. Người đã ném ta qua cái vực thẳm đó... và, được lắm, ta là người tin vào luật quả báo. “Hắn giơ tay lên, những ngón tay gầy guộc thực hiện những động tác mudra hay những cử chỉ của khoa học thần bí. Về phía mình, cũng có thể đó chỉ là những tưởng tượng thuần túy sau những giờ phút cân não, nhưng tôi cảm nhận rõ ràng có luồng năng lượng phóng ngang qua căn phòng. Ánh lửa từ các ngọn đèn nhòe đi, một cảm giác lạ lùng thốc ngược lên trong dạ dày tôi như thể có một bàn tay thò vào trong bụng tôi, bóp chặt. Hai tên lính có lẽ cũng cảm thấy điều gì đó, vì rõ ràng tôi nghe thấy tiếng cả hai mở miệng hổn hển, hóp hóp không khí như những con cá mắc cạn. Những tác động của nó lên Sherlock Holmes mới thật đáng sợ. Đôi mắt ông mở to, tràn ngập nỗi kinh hoàng. Miệng ông hé mở phát ra một tiếng kêu thất thanh, kết thúc bằng một âm rin rít, trầm trầm điên dại trong cổ. Thân hình ông đột ngột đổ ập về phía trước như bị đẩy mạnh từ phía sau, hai tay giơ ra, vẩy loạn lên như thể ông phải giữ thăng bằng để không trượt khỏi gờ một vách đá cao khủng khiếp. Tôi đồ rằng ông đang trở thành mục tiêu tấn công của một loại sức mạnh thôi miên kỳ bí nào đó, đã khiến ông như đang nhìn thấy và trải qua kinh nghiệm bị rơi xuống một vực thẳm sâu hút. Baen thân tôi cũng đã từng có kinh nghiệm với cái sức mạnh kỳ bí này, chẳng là đã có lần tôi trở thành mục tiêu chẳng vui vẻ gì trong một cuộc thí nghiệm của Lurgan(2) hồi ở Simla, điều mà lúc này tôi không muốn đi vào chi tiết. Còn lúc này sức mạnh đột ngột và bạo lực của năng lượng kỳ lạ này đã vượt ra ngoài giới hạn của bất cứ sức tưởng tượng nào. Dường như Holmes đang dần đánh mất sự cân bằng, và với một tiếng thét khủng khiếp, ông đổ sập cá người xuống sàn. Bất chấp những họng súng của hai tên lính kia đang chĩa vào mình, tôi lao

tới trước để giúp đỡ người bạn khốn khổ. Đúng lúc đó, tiếng nổ giòn giã đột ngột của một loạt súng trường vọng vào phòng. Lạy trời Phật, không biết chuyện gì đang diễn ra ngoài kia thế? Có phải quân đội Trung quốc bắt đầu bắn vào đám đông? Giáo sư Moriarty buông tay và quay đầu nhìn về phía có tiếng súng. Hắn sửa vào mặt một tên lính: "Người! Hãy mau mau ra ngoài hỏi Ngài Amban xem có chuyện gì thế? Rồi quay lại báo cáo ngay!" "Tôi đang vực Holmes lên và cố gắng một cách liều lĩnh để làm ông tỉnh lại. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi nhận thấy ông không chết, thậm chí trên người cũng không có thương tích gì trầm trọng. Ông chỉ đang thở dốc, thỉnh thoảng lại hực lên một tiếng, nhưng khi cảm nhận được tay tôi đang nâng người mình lên, ông mở mắt ra. Trong một tích tắc ngắn ngủi, khuôn mặt ông lộ vẻ hoang mang - một biểu hiện mà tôi chưa bao giờ thấy ở ông - nhưng bản chất mạnh mẽ, cương cường, không chịu khuất phục đã nhanh chóng lấy lại thế tự chủ và cặp mắt ông lại có cái ánh sáng của một trí tuệ sắc sảo như lúc bình thường. Tôi dìu ông đến một chiếc ghế." Người đã hồi phục rồi ư, Holmes?" Moriarty, nói, giọng hả hê. "Tốt. Rất tốt. Sức mạnh tinh thần của mi thật đáng nể khi đem so sánh với ta, phải công nhận chúng chưa bao giờ hết làm ta kinh ngạc. Bất cứ người nào khác cũng sẽ chỉ biến thành một miếng giẻ rách thảm hại sau những chuyện vừa trải qua. Nhưng ta biết không nên chờ đợi bất cứ điều gì khác từ Sherlock Holmes vĩ đại". Một vài loạt súng ngắn từ bên ngoài vọng vào phòng. Moriarty kéo tấm màn cửa sang một bên và nhìn ra. "Đừng hy vọng bọn người Tây Tạng bắn thủ môn muội đó sẽ cứu thoát mi," Hấn nói, quay đầu lại đối mặt với chúng tôi một lần nữa. "Chỉ sau vài loạt súng trường của bọn lính canh nữa thôi là tất cả lũ mọi rợ ấy sẽ vất chân lên cổ mà chạy. Một chùm đại bác. Ờ. một chùm đại bác. Bonaparte biết cách giải quyết đám tiện dân ấy như thế nào". Tên giáo sư ma quỷ cúi người qua chiếc bàn giấy nhìn Sherlock Holmes chăm chăm với cặp mắt kích động đến tột độ. "... Và ông ta biết sức mạnh là gì; tuy có thể quan điểm của ông ta về nó còn thô thiển ấu trĩ nhưng ông ta biết sức mạnh phải được sử dụng như thế nào - bằng sức mạnh và sự bạo tàn". "Đồ ba hoa phét lác," tôi nghĩ thầm. Tính tự phụ của tên này thật không thể chịu nổi. Tôi không thể nhận được một lời phản kháng, mặc dù vừa nói ra tôi đã phải hối tiếc vì điều đó. "Điều đó không đúng, nếu tôi được phép nhắc lại đôi chút về lịch sử," tôi nói một cách thận trọng, con quỷ đảo Corse đã kết thúc cuộc đời như một tù nhân khốn khổ của Đức vua George Đệ tam". "Phải, đồ ngu," hấn quay về phía tôi, gầm gừ. "Napoleon thất bại bởi vì sức mạnh của ông ta chỉ là sức mạnh trí tuệ, tài điều binh khiển tướng và những âm mưu chính trị. Một khả năng trí tuệ như vậy có thể quá ư vĩ đại với một kẻ dấn dõn như mi, nhưng sẽ chỉ là số không tròn trĩnh nếu đem so với sức mạnh của tâm thức nguyên sơ của con người. Nhưng chỉ đứng nhìn ta biểu diễn sức mạnh đối với tên Holmes kia có lẽ chưa đủ để thuyết phục mi chăng? Hay mi muốn thử qua?" "Tôi chưa kịp đưa ra câu từ chối lịch sự, thì hấn đã giơ bàn tay phải lên, ngón trỏ và ngón cái móc lại với nhau. Mặc dù đang đứng cách con người đáng sợ này hơn ba mét, tôi vẫn cảm nhận rõ ràng có thứ gì đó đang xoắn mũi tôi, đau đớn vô cùng. Suýt chút nữa thì tôi nhảy lên la hét vì đau đớn. "Có phải bây giờ thì người đã hoàn toàn bị thuyết phục rồi không, hử anh bạn Hindu béo ị? Hay có lẽ một chút áp lực nữa sẽ cũng cố thêm hiệu quả bổ ích của bài học này?" "Ồi đau?Ồi đau!" Tôi chỉ còn cách hét toáng lên. "Ttrời đất ơi! Tôi nghĩ là tôi đã bị thuyết phục rồi. Ồi...". Hấn ta không thả mũi của tôi ra ngay, thậm chí còn ấn mạnh thêm vài giây nữa trước khi thả ra sau một cú xoắn khủng khiếp. "Ồi da!" Trong lúc tôi xoa cái mũi khốn khổ của mình với những tiếng xuyết xoa, Moriarty dựa người vào lưng ghế và lại bắt đầu khoác lác. "Sức mạnh mà ta vừa chứng minh dường như có thể khiến người phải kinh hoàng tuy nhiên nó là đối tượng của những quy luật tự nhiên và vũ trụ, vì thế mà đã bị hạn chế ít nhiều. Những người khác, dù chỉ đếm trên đầu ngón tay, cũng sở hữu một sức mạnh như ta. Nhưng có một cách để tăng sức mạnh lên - một trăm lần một nghìn lần - và ta đã tìm ra sau một thời gian dài". Hấn giơ một ngón tay lên. Như thể theo mệnh lệnh, cuộn giấy da trên bàn tự mở ra và nằm phẳng phiu trên mặt bàn. "Và cái này sẽ là thứ dẫn ta đến đó". Hấn chỉ vào bức vẽ với những vòng tròn, màu sắc của nó sáng lên lấp lánh như những chiếc cầu vồng sống động dưới ngón tay trắng bệch chết chóc. "Chỉ có ta mới trở thành chủ nhân của nó. Và lần này sẽ không một tên Lạt Ma dấn dõn yếu kém nào, kẻ khư khư một lòng mộ đạo phiền toái lại được phép chen vào giữa ta và số mệnh". Khi Moriarty kết thúc bài công kích vừa gay gắt vừa điên loạn đó, tiếng la hét của đám đông bên ngoài tỏ ra dữ dội hơn, đột nhiên cánh cửa sổ bên hông hấn, ngay phía sau tên bảo vệ, bị giật tung, một tảng đá lớn ném vào cánh cửa và bay thẳng vào phòng. Trời đất ơi? Những người biểu tình đang ném đá để đáp trả lại loạt súng bắn. Tên lính bảo vệ xoay người lại trợn tròn mắt kinh ngạc. Sherlock Holmes không để lỡ mất một giây, ông vội chộp lấy cơ hội trời cho này ông lao tới trước, tung một quả đấm vào bên thái dương tên vô lại. Đó là một cú đấm chuẩn xác và đầy sức mạnh - rõ ràng Sherlock Holmes hoàn toàn làm chủ được nghệ thuật quyền Anh - bằng chứng là tên lính gác quay lơ ra, bất tỉnh nhân sự chỉ với một cú đấm thôi sơn duy nhất đó. Phản xạ của tôi cũng không chậm lắm so với người bạn trác tuyệt Sherlock Holmes. Kinh nghiệm của một người từng phải trải qua nhiều tình huống khó khăn khác nhau đã mài giũa

phản xạ của tôi đến một mức nhanh nhẹn thích hợp; và dù sao đi nữa sự sợ hãi bao giờ cũng là một liều thuốc kích thích đầy sức mạnh khiến người ta phải hành động mau lẹ. Với phản ứng nhanh như điện của một người được huấn luyện trong nghịch cảnh, thậm chí trước khi trong đầu nảy ra ý nghĩ tấn công kẻ thù, bàn tay tôi đã đưa ra chớp lấy để chiếc đèn chai đang cháy sáng trên chiếc bàn nhỏ bên cạnh. Và trước khi Moriarty có thể có bất cứ ý nghĩ nào về việc tôi định làm, thì tôi đã cầm nó lên, dùng hết sức ném mạnh về phía hắn ta. Không may, tôi là một vận động viên tồi, tôi đã ném trượt mục tiêu đến cả mét. Chiếc đèn bay vèo qua đầu đối tượng và đập vào bức tường đằng sau, rơi xuống vỡ tan thành từng mảnh. Tên giáo sư người không ra người, ngợm không ra ngợm, không hề nao núng, chỉ chiếu thẳng về phía tôi một cái nhìn khủng khiếp. Quả là tôi có rung mình kinh hãi trước tình thế xoay chuyển làn này. “Tôi cho rằng cái vật bị hỏng kia không có giá trị gì đặc biệt cho lắm,” tôi chống chế, không khỏi ngượng ngùng. “Câm mồm, đồ ngu!” hắn gầm lên, những mạch máu trên cái trán phồng lên thành một cục, xoắn lại và co giật một cách đáng sợ. “Mi nghĩ sẽ cứu được lớp da khốn khổ của mình bằng thủ đoạn đáng khinh như thế này ư?” Hắn giơ bàn tay lên như thể sắp phóng ra một ma thuật khủng khiếp khác, trong khi tôi đứng ngây ra bất lực như một con ếch bị thôi miên trước một con rắn hổ mang. Nhưng rồi tôi chợt chú ý đến một làn ánh sáng rực rỡ lóe lên phía sau lưng hắn ta; đột nhiên giáo sư nhảy dựng lên, miệng la oai oái như một thằng điên. Luồng ánh sáng trở nên rực rỡ hơn, lộ ra những lưỡi lửa tham lam ngấu nghiến mép áo chùng của hắn và tấm thảm trải dưới sàn nhà, nơi mà dầu trong đèn tràn ra đã bén lửa và bốc cháy. “Nhanh lên nào!” Holmes hét lên. “Chạy” Không hề lưỡng lự, tôi chạy thẳng ra cửa, theo sau là Holmes. Tôi cứ đâm đầu mà chạy đến phòng đợi và sẽ tiếp tục chạy qua cửa trước, xông vào một chỗ nguy hiểm nào đó, nếu không may mắn được đôi tay mạnh mẽ của Holmes nắm lấy vai đẩy tới cái cửa sổ mà chúng tôi đã cố chui qua lúc nãy, rồi nhanh chóng nhảy ra ngoài. Không hề dừng lại để suy nghĩ hay cân nhắc, tôi lao qua sân trong, vấp ngã vào một đồng hồ cho tới khi đến được bức tường phía sau, nơi tôi cuống cuồng tìm cánh cửa nhỏ. “Ồ đây Hurree,” Holmes thì thầm, mở cánh cửa nhỏ có thanh chắn. Ôi, một sự trợ giúp phúc đức vô cùng. Chúng tôi băng qua phía bên kia sân mà không gặp rắc rối nào nữa. Cả hai hối hả chạy ngang con hẻm, đến trước quán trọ nơi Kintup đang đợi sẵn cùng mấy con ngựa. Chúng tôi vội vã nhảy lên mình ngựa thoát khỏi nơi đáng sợ này tiếng vó ngựa lộp cộp chìm đi trong tiếng la hét dữ dội của đám đông. Chú thích:

(1) ex tacito (tiếng Latinh): bằng sự im lặng, trong cái im lặng. (2) Khả năng thôi miên của Lurgan đã được miêu tả trong tiểu thuyết Kim của Kiplin. Lurgan đã thôi miên nhân vật này đã khiến ông ta nhìn thấy một bình nước bị vỡ lại lành lặn như mới.

22. Đến Vùng Trans-himalaya

Một bữa ăn nóng sốt gồm xúp yak-tail và momos(1) đang đợi sẵn khi chúng tôi trở lại Châu Viên. Tôi lập tức ăn ngấu nghiến. Thức ăn bao giờ cũng là nguồn an ủi lớn đối với tôi sau những giây phút cam go và căng thẳng, nhưng với Sherlock Holmes thì khác, ông vẫy tay ra hiệu dọn những đĩa thức ăn bốc hơi nghi ngút ra chỗ khác. Một trong những điều khác thường ở Holmes là khi cần phải tập trung suy nghĩ rất ráo một vấn đề gì, ông sẽ không ăn - đôi khi ông còn nhịn đói nhiều ngày trong một cuộc điều tra(2). “Hiện tôi không có dư năng lượng và nơron thần kinh cho việc tiêu hoá,” ông nói với Lạt Ma Yonten, người dường như có khả năng hiểu và cũng tán thành với quyết định của Holmes, vì ngay lập tức, ông ra lệnh cho những người phục vụ lui ra ngoài, không làm phiền khách nữa. Có một điều chắc chắn, cả giáo lý nhà Phật lẫn Ấn Độ giáo đều xem tục ăn kiêng là một biện pháp công hiệu đối với trí năng. Mặc dầu vậy Sherlock Holmes là người phương Tây đầu tiên mà tôi gặp, thực hành phương pháp này. “Thay cho một bữa ăn ngon lành, ông rút một điều thuốc ra khỏi hộp và mời lửa, sau đó thuật lại cuộc phiêu lưu của chúng tôi cho vị Lạt Ma đang lo lắng nghe. Lạt Ma Yonten, như có thể dự đoán trước, tỏ ra hoảng sợ khi thấy mọi chuyện diễn ra một cách sai lầm như thế, nhất là cái việc chúng tôi may mắn thoát khỏi đôi tay ghê tởm của Tên ác ma trong đường tơ kẻ tóc như vậy.” Nam mô Quan Thế âm Bồ tát. Thật khủng khiếp! Tôi không thể nào tha thứ cho mình, vì đã đẩy các ông vào một chốn nguy hiểm như thế. “Ngài không nên bấn loạn vì chuyện đó mới phải, thưa Đức Lạt Ma đáng kính,” Holmes an ủi. “Dù sao thì chúng tôi cũng đã thoát khỏi chốn đó mà chẳng hề hấn gì.” “Không hoàn toàn thế đâu, thưa ông Holmes. Tôi chỉ mới nhận được tin từ Tsering, nói có hai người đã bị thương vì hỏa lực từ toà công sứ Trung quốc - mặc dù không nghiêm trọng lắm, đội ơn Đức Bổn sư. Nhưng nguy hiểm hơn cả là việc ông đã phơi mình ra trước Tên ác ma, hay là Moriarty như ông đã từng biết. Amban chắc chắn sẽ đưa ra những lời xúc phạm nghiêm trọng với quan Nhiếp chính

về những người ngoại quốc cư trú trái phép trong thành phố.” “Thân phận của chúng tôi trên đất nước này đang nhanh chóng trở thành điều gây nghi vấn,” Holmes nói, “Điều quan trọng là chúng ta phải hành động thật nhanh.” “Quan Nhiếp chính cũng sẽ chẳng mất nhiều thời gian để khép tôi vào tội phản quốc đâu”, Lạt Ma Yonten ủ rũ nói. Sự phiền muộn của Lạt Ma rất dễ lây lan và thậm chí còn làm nguội bết niềm vui sướng lớn lao mà tôi vừa trải qua từ việc sống sót trở về sau vụ chạm trán khủng khiếp với Moriarty. Nỗi thất vọng và lo lắng của Lạt Ma cũng nhắc tôi nhớ tới mục đích quan trọng của việc đột nhập vừa qua - và sự thất bại hiển nhiên của nó. “Ồi! Mẹ kiếp!” tôi kêu lên, phần nộ với chính mình. “Trời đất ạ, sau bao nhiêu lo lắng, phiền toái và nguy hiểm, vậy mà tôi cũng chẳng nghĩ ra việc phải chộp lấy cuộn giấy da chết tiệt ấy trước khi chạy trốn khỏi chỗ đó nữa.” “Đừng quá nghiêm khắc với bản thân như thế, ông bạn già,” Holmes nói, tôi cũng suýt quên băng đi mất trong lúc kích động. “Ông đã có nó ư?” - Tôi thốt lên sung sướng. Sherlock Holmes lôi cuộn giấy ra khỏi túi chiếc áo choàng dày. “Phải. Cho tới nay chúng ta vẫn chưa có trận Waterloo của riêng mình, Hurree ạ - nếu tôi có thể tiếp tục nói về những điểm tương đồng giữa Moriarty và Napoleon - còn đây là Marengo(3) của chúng ta, vì đã tưởng như cầm chắc thất bại vậy mà giờ ta lại có khúc khải hoàn”. Ông đẩy những đĩa thức ăn mà tôi vừa vét sạch qua một bên, rồi cẩn thận mở cuộn giấy ra, trải nó phẳng phiu trên mặt bàn. Sau đó ông thận trọng nghiên cứu bức vẽ bằng chiếc kính lúp, một vật bất ly thân của ông. Nếu tính kích thước bức vẽ bằng khổ vải thì nó dài khoảng từ 50 cm đến 100 cm, nhưng nếu tính cả đường diềm - bằng một loại gấm thêu kim tuyến đắt tiền - thì kích thước của nó bằng những gì mà ông Holmes đã nhắc đến trước đây. Hoạ tiết trong mandala này cũng giống như những mandala khác về Thần chú Kalachakra(4) mà tôi từng được thấy trước đó, mặc dù bản vẽ này có màu sẫm hơn, vì một lý do gần như chắc chắn là nó quá lâu đời. “Rõ ràng nó đã được treo trên tường trong một khoảng thời gian dài,” Holmes nói mà không hề ngẩng mặt lên khỏi chiếc kính lúp. “Phải, nó đã nằm ở đó trên bức tường gian điện thờ,” Lạt Ma nói với giọng tự lự, “Từ lúc tôi có thể nhớ được. Mà tôi thì đã vào phục vụ cho Đạt Lai Lạt Ma đời trước từ khi còn bé.” “Những đường thêu trên gấm,” Holmes nhận xét, “đã bị biến dạng do sự co giãn của những thớ dọc trên vải - tác động tích lũy của thời gian và trọng lực. Giờ hãy xem chúng ta có những gì ở mặt bên kia nào”. Ông lật bức vẽ một cách cẩn thận. Ở mặt sau là mấy dòng chữ viết theo mẫu tự của người Tây Tạng. Dòng chữ nêu ra những thông tin ngắn gọn như vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi đã nói cho chúng tôi biết, rằng bức mandala này được uỷ thác cho vị Đạt Lai Lạt Ma thứ nhất sau cuộc gặp của ngài với “Sứ giả” trong cuộc hành trình đến Shambala; sau đó là dòng chữ ghi rõ ngày tháng và có cả ấn của Đạt Lai Lạt Ma. Phía dưới cùng là mười bảy câu thơ. Bảy câu đầu tiên là một loại kinh tạ ơn, trong khi những câu còn lại làm thành một bài thơ hoàn chỉnh có vẻ như là một bản miêu tả những phần khác nhau trong cấu trúc của mandala, nhưng xen lẫn với nhiều chỉ dẫn kỳ lạ khác. Một câu chuyện dòng dài không đầu không cuối, có một cái gì đó phẳng phất âm hưởng của một bài hát ru. Mười bảy dòng thơ được viết theo lối chữ thảo rất khoáng đạt của người Tây Tạng, nét viết rõ ràng bằng một ngòi bút tre vót nhọn mà những người chuyên về thư pháp Tây Tạng quen dùng. Như tôi đã nhắc tới lúc đầu, Sherlock Holmes không quen kiểu chữ này nên ông yêu cầu Lạt Ma Yonten đọc to lên cho mình nghe. Lạt Ma sửa cặp kính trên mũi và hơi cúi người về phía trước để nhìn rõ những dòng trên bản rồi đọc rõ với chất giọng cao hơi ngân nga như đang hát: Om Svasti!

Xin dâng lòng tôn kính lên Người, Chư Phật ba đời và là Người bảo vệ tất cả chúng sinh.

Ồi, các Đại sư và Chiến binh Shambala.

Lòng đại từ đại bi của Người đã soi sáng chúng ta về với Bát chánh.

Trong khi lang thang qua ảo tưởng của các néo luân hồi đã dẫn dắt chúng con đi trên đường Trung đạo.

Hãy hướng mặt về hướng linh thiêng

Bao giờ cũng quay về con đường của Pháp luân

Xoay ba lần quanh ngọn Hoả Sơn

Hai lần núi Kim Cương Tường Thành

Tiếp tục đi xung quanh một lần qua Tám Nghĩa trang

Và một lần nơi Toà Sen,

Đứng trước bức tường của thành phố Thiên đường.

Rời từ Cổng Nam quay về Đông

Vào cung điện sâu kín nhất từ cổng Bắc

Va ngồi khải hoàn trên ngai Vajra. EE- TI!

“Văn về gì mà câu ý khó hiểu,” tôi nói khi Lạt Ma đã đọc xong. “Không, không hẳn thế đâu, Babuji ạ” Lạt Ma phản đối. Khoa học thần bí bao giờ cũng sử dụng ngôn ngữ biểu tượng và bí ẩn để báo mật những kiến thức bí truyền và ngăn không cho những kẻ ngoại đạo hiểu được. “Vậy ngài nghĩ những câu thơ có ẩn chứa ý nghĩa nào đó sao?” tôi hỏi. “Đúng vậy, mặc dù tôi cũng không hiểu.” “Và cả những người khác nữa, tôi nghĩ thế!” tôi nói, gãi gãi đầu hoang mang. Sherlock Holmes lơ đãng nhấp một ngụm trà Trung quốc - thức uống duy nhất mà ông dùng ngày hôm đó - và lại đốt cái tẩu có mùi khó chịu, một vật luôn đồng hành với ông trong những lúc ưu tư nhất. “Tôi lấy làm lạ...” ông ngả người vào lưng ghế, mắt nhìn đăm đăm lên trần nhà, “Có lẽ có nhiều điểm nằm ngoài khả năng hiểu biết của một người theo học thuyết Spencer như ông. Chúng ta hãy xem xét vấn đề dưới ánh sáng của lý trí thuần túy. Những mẫu thức thông thường trong những mảnh ghép khác nhau của câu đố bao gồm: kế hoạch nhập thất của Đạt Lai Lạt Ma, Ngôi đền Băng, bức vẽ mandala và bài thơ khó hiểu này - tất cả đều có mối liên hệ nào đó với Shambala. Đó là điểm khởi đầu của chúng ta.” “Nó có phần quá rộng, thưa ngài,” tôi nói với vẻ nghi hoặc. “Tốt lắm, để xem nào, vậy thì chúng ta cần thu hẹp vấn đề lại. Khi tôi tập trung tâm trí vào bài thơ, dường như nó có phần bớt rối rắm đi một chút. Bất chấp những lời lẽ bí ẩn cầu kỳ của nó, kể cũng không khó khăn lắm để nhận ra rằng những gì chúng ta có trong ta là những lời chỉ dẫn.” “Nó là kim chỉ nam dẫn đường đến Shambala.” Tôi thốt lên giọng hân hoan chiến thắng. “Kim chỉ nam ư?” Ý tôi là một bản miêu tả lộ trình đến nơi đó. Chúng ta từng nghe huyền thoại kể rằng Đức Đạt Lai Lạt Ma đầu tiên có thể đã đến xứ đó. Vậy thì rất có thể Ngài kể lại lộ trình của chuyến đi đó chẳng? “Hừm. Còn có lý do nào khác để nghĩ theo hướng đó không?” “À, trong bài thơ có một số từ có thể là dấu hiệu cho thấy đây là một kiểu nhật ký đi đường nào đó. Chúng ta có từ... Hừm “tiếp tục đi!” ở dòng thứ 12, rồi... để tôi xem nào... a... “hướng”... ở dòng 8 và 9. Nó cũng nhắc đến nhiều lần những từ như “núi” “Tường” và “thành phố”. “Giỏi lắm, Hurree, giỏi lắm. Nhưng chưa đủ, tôi có thể nói như vậy. Có nhiều vấn đề chưa thoả đáng trong giả thuyết của ông. Hay xem dòng thứ 10 và 11. “Ba lần đi quanh Hoả Sơn, Hai lần nơi Kim cương Tường Thành”... và nhiều câu khác như thế. Dù có đặt giả thuyết rằng những nơi như vậy có thực đi nữa thì việc đi xung quanh chúng cũng chẳng dẫn chúng ta tới đâu cả.” “Phải, chúng ta sẽ chỉ đi vòng thúng mà chẳng được việc gì,” tôi thú nhận, hơi thất vọng. “Chính xác. Có quá nhiều từ nhắc đến vòng tròn trong bài thơ này khiến ta khó có thể giả định rằng nó là một bản miêu tả theo nghĩa đen về lộ trình đến một địa chỉ có thật nào đó.” “Ông nói đúng, ông Holmes ạ,” Lạt Ma Yonten tán thành. “Cả bài kệ này chứa đựng một thông điệp được mã hoá bằng ký hiệu. Vòng tròn, hay bánh xe là biểu tượng toàn trí về những nguyên lý then chốt trong tín ngưỡng của chúng tôi; đó là thuyết nhân duyên, nhân quả, về sinh và tử, trong thực tế là về toàn bộ vòng luân hồi của bản thân hiện hữu. Có lẽ thông điệp của nó không nằm ngoài những điều đó - chỉ là một bài thuyết pháp được ngụy trang bằng những thuật ngữ siêu hình khó hiểu mà thôi.” “Rất có thể sự thật không phải như thế, thưa đức Lạt Ma,” Holmes lắc đầu. “Tôi không thấy có lý do gì thúc đẩy một kẻ về bản chất thoắt nát đến mức không thể cải tạo được như Moriarty lại chịu mất công đến vậy chỉ để ăn trộm một văn bản tôn giáo ngăn ngừa. Không. Chắc chắn là bài kệ này chứa đựng một điều gì đó vô cùng hữu ích cho mưu đồ trực lợi của giáo sư Moriarty. Lời lẽ của hắn dường như đã tiết lộ rằng hắn đang tìm kiếm nguồn sức mạnh vô biên nào đó.” “Nhưng chính xác là gì chứ, ông Holmes?” tôi hỏi. “Có một sự thẳng thắn đáng sợ trong những câu hỏi của ông, Hurree ạ,” Holmes lắc lắc đầu. “Chúng lao đến tôi như những viên đạn vậy.” “Tôi rất tiếc thưa ngài, tôi không có ý...”. Holmes khoát tay: “Câu trả lời cho câu hỏi của ông nằm ở Ngôi đền băng. Thật sự tôi không cho rằng chúng ta có thể đạt tới một kết luận nào nếu không đến đó một chuyến.” “Tốt lắm ông Holmes?” Lạt Ma đáp “Chúng ta sẽ ở đó trong một tuần khi giáo chủ đến đó nhập thất. Tất nhiên, chỉ với một điều kiện, quan Nhiếp chính không bắt tôi trước và tìm cách huỷ bỏ chuyến đi.” “Vậy thì chúng ta hay đến ngôi đền kia càng sớm càng tốt,” Holmes cả quyết. “Có thể nào đẩy nhanh kế hoạch nhập thất của Đạt Lai Lạt Ma được không?” “Đó là việc đi ngược lại truyền thống” Lạt Ma phản đối. “Ngày giờ lên đường của Đức Ngài đã được chọn lựa một cách đặc biệt bởi Nhà chiêm tinh.” “Được thôi, thưa ngài,” Holmes trả lời, có phần hơi tàn nhẫn, “Ngài sẽ phải chọn lựa giữa việc đi ngược lại với quy định truyền thống hay ngồi đây mà chứng kiến tất cả những gì mà ngài dày công xây đắp đổ ụp xuống, mà quan trọng nhất là tính mạng vị Thầy của ngài” Lạt Ma Yonten im lặng một lúc, cái đầu cạo trọc cúi thấp, hai tay liên tục lần tràng hạt với

những tiếng lách cách khe khe, đều đặn. Cuối cùng, ông ngẩng mặt lên nói với Sherlock Holmes, giọng nhấn nhạ: “Tất nhiên là ông có lý, ông Holmes ạ. Khi nào chúng ta sẽ đi?” “Càng sớm càng tốt. Chúng ta không được phép quên rằng Moriarty có thể cũng tự mình tìm đến ngôi đền, nếu như hẳn ta không bị tác động quá mạnh vì tai nạn tối nay. Ngài Đấng Tôn chủ có thể khởi hành vào ngày mai được không?” “Ngày mai ư?” Lạt Ma Yonten rên rỉ. “Không thể được”. Nhưng tất nhiên, mọi chuyện vẫn diễn ra như Holmes mong muốn. Ngày hôm sau, vào lúc nhá nhem tối, một tốp nhỏ kỵ sĩ bí mật rời khỏi cổng hậu của Châu Viên, gần bờ sông Kyichu vắng ver. Chỉ có vài con gà nước Tây Tạng là nhìn rõ hình dáng đoàn người và ngựa. Tôi cưỡi ngựa đi cạnh Sherlock Holmes, ngay sau Đức Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi và Lạt Ma Yonten. Tsering, Kintup và mười lính Tây Tạng khác cưỡi ngựa đi phía trước. Chúng tôi làm thành một tốp nhỏ theo sự chỉ đạo cương quyết của Holmes, ông đã có dự cảm chính xác rằng nếu đông người hơn thì sẽ di chuyển chậm hơn và nhất là rất nguy hiểm vì dễ gây chú ý và dễ bị lộ. Vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi không hề phản đối quyết định cứng rắn của Holmes, trái lại còn nhiệt tình ủng hộ và không chú ý đến thái độ do dự của Thư ký thứ nhất của mình. Lạt Ma Yonten, công bằng mà nói, chẳng mấy chốc lại tươi tỉnh và phấn chấn sau những lo lắng ban đầu và nhanh chóng bắt tay chuẩn bị tất cả những thứ cần thiết cho chuyến đi - sự đóng góp của ông vốn dĩ rất đáng kể. Chúng tôi không thể sống cảnh “ăn xối ở thì” khi có Đạt Lai Lạt Ma cùng đi, nên lều chông, lương thực và đồ đạc cần phải được chuẩn bị ở mức độ chu đáo nhất. Nhưng rồi, tất cả cũng đã được hoàn tất trước giờ khởi hành. Ngôi đền băng Shambala nằm cách Lhasa khoảng 100 dặm về hướng Bắc - mất khoảng ba ngày đường cưỡi ngựa nhọc nhằn. Nó tọa lạc - theo cách có một không hai - dưới một tảng băng khổng lồ rắn như đá nằm giữa một khe nứt sâu trong vùng Trans-Himalaya(5). Người Tây Tạng gọi dãy núi này là Nyenchen-thang-lha sau khi vị thần núi cổ xưa (trước thời Phật giáo) tổ chức thiết triều ở đó. Thông thường, ngôi đền này bị chôn sâu dưới dòng sông băng, thậm chí lối vào cũng bị che khuất hoàn toàn bởi một bức tường băng khổng lồ. Nhưng vì một lý do cho tới nay vẫn chưa được khám phá, phần vách băng phía trước này cứ khoảng năm mươi năm một lần lại tan và mở ra cho phép người ta đi vào ngôi đền. Dân Tây Tạng thì tin rằng bức tường đá mở ra, vào đúng thời điểm các thần thánh của Tây Tạng cho rằng đã đến lúc thích hợp để một Đạt Lai Lạt Ma đảm nhiệm vai trò lãnh đạo đất nước, và trên thực tế, nó bao giờ cũng mở ra (mặc dù không có những bằng chứng khoa học về hiện tượng này cho mỗi hoá thân của Đạt Lai Lạt Ma, tuy ba đời Đạt Lai Lạt Ma tiền nhiệm đã bị ngăn cản không đến được ngôi đền trong thời gian ấn định. Cũng vì thế mà các vị đều yếu mệnh một cách bi thảm, còn đất nước rơi vào những thời kỳ điêu đứng vì cái ác. Tuy vậy người ta cũng chỉ vào được Ngôi đền băng trong một khoảng thời gian nhất định. Khoảng từ ba đến bốn tuần lễ sau khi bức tường đá mở ra sông băng bắt đầu dịch chuyển một lần nữa và dần dần lấp kín lối đi vào Đền, biến nó trở thành nơi bất khả xâm phạm cho tới lúc một hoá thân khác của Đạt Lai Lạt Ma lại sẵn sàng ngồi vào Ngai sư tử của Tây Tạng. Không có những căn cứ khoa học mang tính thuyết phục đưa ra giải thích cho trò chơi của thiên nhiên(6) này, mặc dù sự tồn tại của nó đã được thừa nhận bởi một số nhà thám hiểm người Nga. Tôi tin rằng quan điểm của mình về đề tài này là khá độc đáo - xin bạn đọc rộng lòng tha thứ cho cách nói đó - mặc dù tôi không khẳng định, đó là quan điểm duy nhất “Đúng”. Độc giả có thể coi nó hoàn toàn là một giả thuyết, nhưng là một giả thuyết được trình bày bằng một người quan sát thông minh và có kinh nghiệm. Ở đây có hai điểm nổi bật cần được chú ý thích đáng. 1. Dòng sông băng buộc phải di chuyển vào một hẻm núi sâu. 2. Mặt đá phía trước hẻm núi - dọc theo bức tường băng - được tạo thành từ loại đá granit có kết cấu rất cứng, trong khi những bức vách của hẻm núi lại được tạo thành bởi loại đá vôi mềm hơn. Vì vậy cứ sau một chu kỳ nhất định, mặt trong hẻm núi lại bị bào mòn nhiều hơn so với ngoài miệng hẻm núi, tạo ra một điểm cực mỏng và có sức nén khủng khiếp ở đằng trước sông băng. Giả thuyết của tôi là, áp lực lớn do toàn bộ khối băng dồn lên khe hở nhỏ này đã làm giảm đáng kể nhiệt độ của băng tại điểm này khiến cho băng rắn hẳn lại (một hiện tượng tự nhiên có thể quan sát được khá rõ khi tuyết được nén lại tạo thành những cục tuyết) Cứ như vậy một bức tường băng lạnh và cứng bất thường đã được tạo ra ở phía trước, có khả năng ngăn chặn hữu hiệu sự tan chảy và dịch chuyển dần dần của toàn bộ khối băng, một điều vẫn xảy ra trong tất cả hoạt động sông băng khác. Tuy rằng theo lẽ thường, một quá trình như vậy có thể bị ngăn trở, nhưng nó không bao giờ có thể ngừng lại hoàn toàn. Năm này qua năm khác, áp lực được tích tụ lại phía sau bức tường băng, cho tới khi đạt đến một điểm tới hạn ở mặt trước, khi nhiệt độ không thể giảm thêm được nữa hoặc băng cứng lại. Áp lực được tích lũy một cách tiệm tiến như thế có thể diễn ra trong năm mươi năm, vì vậy mà trùng hợp với sự xuất hiện của một Đạt Lai Lạt Ma mới. Một khi thời điểm quan trọng này đến gần, toàn bộ mặt trước của bức tường băng hẹp sẽ vỡ ra để lộ lối vào ngôi đền được che giấu bên trong. Sự sụt giảm đột ngột của áp lực và nhiệt độ ở mặt ngoài khiến toàn bộ hiện tượng này khởi động lại một chu kỳ mới cũng từ từ như vậy sau khoảng vài tuần, lối đi vào đền một lần nữa lại bị đóng kín bởi một bức tường

băng vững chắc. Ngày thứ hai, vào lúc sâm sẩm tối, chúng tôi hạ trại tại chân ngọn đèo dẫn đến một dãy núi cao sừng sững. Đám trắng lên bầu trời u ám đầy mây trên đầu đoàn lữ hành là những đỉnh núi hình răng cưa phủ trắng tuyết của một dãy núi dài chạy mãi đến tận chân trời. Ngay liền dưới những chỏm núi phủ tuyết, các dốc núi khoác một màu xám xịt bởi các tảng đá trơ trọi, chỉ thỉnh thoảng mới mọc lên một cây thông còi cọc xác xơ và những bụi kim tước bất khuất đơn độc mà sự xuất hiện của chúng làm dịu đi cái khung cảnh dữ dội có phần nghiệt ngã này. Vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi dường như không hề bị tác động bởi cuộc hành trình gian khổ hay khung cảnh tiêu điều xung quanh. Thật ra cậu còn tỏ vẻ hào hứng nữa là khác. Xét cho cùng cậu cũng chỉ là một đứa trẻ, mà lại là một đứa trẻ bị thiệt thòi khi suốt cả đời bị đóng khung một cách phi tự nhiên trong mối quan hệ buồn tẻ chán ngắt với những ông thầy mô phạm, bọn tùy tùng lớn tuổi và những tên lính gác, không có cơ hội thưởng thức sự tự do của một chuyến đi như thế này - dẫu nó có nhọc nhằn đi chăng nữa. Cậu chạy nhảy tung tăng quanh khu vực cắm trại, dùng những hòn đá nhỏ chơi trò ném thia lia vào các bụi cây như một chú bé nông thôn hoặc chạy đến chỗ Holmes đặt ra vô số câu hỏi về cuộc đời ông, về nước Anh và thế giới. Tôi thật kinh ngạc khi thấy Sherlock Holmes chăm chú lắng nghe và trả lời một cách kiên nhẫn tất cả những thắc mắc của cậu bé. Như tôi đã có lần lưu ý, mặc dù luôn phô ra ngoài vẻ mặt khô khan lý trí và tự cao tự đại khiến nhiều người mới gặp cảm thấy khó chịu, ông lại đặc biệt dịu dàng, nhẫn nại và lịch sự khi tiếp xúc với phụ nữ và trẻ con. Ngày hôm sau chúng tôi tìm đường vượt qua những ngọn núi cao chông chênh và nhọc nhằn kinh khủng. Con đường mòn toàn những đá và băng tuyết, lên cao hơn nữa thì chỉ có tuyết mà thôi. Những con ngựa lùn nặng nhọc và cần mẫn cất bước suốt buổi sáng, len lỏi tìm đường đi qua những mê lộ hoang vu trên các chỏm núi dòng băng, trong khi chúng tôi ra sức bám lấy lên ngựa cố chống chọi với cơn thịnh nộ của thiên nhiên. Tôi có mưu toan che chở mình trước những cơn mưa đá bất ngờ bằng chiếc dù đáng tin cậy, nhưng nó đã bị cuốn đi ngay sau khi tôi có ý định, trước những lạng gió lạnh cóng thổi rất rát trên một địa hình vừa cao vừa trống trải. Sau một cuộc vật lộn dữ dội, cuối cùng tôi đành bỏ cuộc, cố gắng xếp dù lại cất đi. Tsering và đám lính Tây Tạng đều để tóc dài, vì vậy họ gặp rắc rối với những ngọn gió tai quái, họ phải tìm cách “giải quyết” những lọn tóc rủ trước mặt nếu không tuyết sẽ bám vào tóc, che mắt tầm nhìn. Những người còn lại trong chúng tôi thì giải quyết rắc rối này bằng những mảnh sa nhiều màu. Vào khoảng hai giờ chiều hôm sau, chúng tôi đi qua một thung lũng gió thổi rất rát, nằm giữa hai quả núi lớn, sau khi vượt qua đoạn đường này, cuối cùng chúng tôi lần đầu tiên có thể nhìn thấy mục tiêu ở trước mắt. Rặng núi đột ngột mở ra trước mặt đoàn lữ hành một cánh đồng tuyết trắng lấp lánh, kéo dài khoảng một dặm và kết thúc cũng đột ngột như vậy trong một hẻm núi rộng từ bên phải cắt ngang qua một cách đầy kịch tính như ở vùng Grand Canyon ở Bắc Mỹ. Một chiếc cầu băng thiên nhiên bắc qua hẻm núi này, dường như đó là con đường duy nhất để vượt qua nó. Ở phía bên kia cầu, cánh đồng tuyết trắng tinh khôi lại tiếp tục trải dài (nằm vương vãi khắp cánh đồng là những tảng băng lớn) rồi từ từ bị quây lại giữa những vách đá thẳng đứng, xòe ra ngoài theo hình ghe quạt từ bức tường băng cao và hẹp phía trước. Bức tường băng này cao ít nhất cũng 100 mét, rộng khoảng 30 mét, trơn bóng và thẳng đứng như một tấm kính khổng lồ. Ngay dưới chân bức tường là một lỗ hổng cân đối, tối om và tôi nhận ra, đó là lối vào Ngôi đền băng Shambala. Khu vực phía trước bức tường lớn nhồn hàng nghìn tảng băng vỡ, gây ra ấn tượng về một mặt biển nổi sóng cồn dữ dội thành linh bị đóng băng ngay lập tức. Đứng run rẩy phía sau mấy con ngựa, chúng tôi quan sát khung cảnh uy linh đáng sợ này. Tôi cũng thận trọng kiểm tra những chi tiết khác nhau của vùng địa hình xung quanh bằng chiếc ống nhòm nhỏ. “Tốt lắm, ông Holmes,” tôi vui vẻ nói sau khi bỏ ống nhòm xuống “dường như chủ trương kiên quyết của ông, bằng mọi giá phải đảm bảo tốc độ cao nhất, đã được đền đáp. Chắc chắn chúng ta đã đến trước giáo sư Moriarty và những người bạn Trung quốc của hắn ta. Tôi không thấy dấu hiệu nào cho thấy sự hiện diện của con người xung quanh đây cả.” “Nhưng điều đó không thể xảy ra” Lạt Ma Yonten lo lắng, nói. “Ý ngài là gì, thưa ngài?” Sherlock Holmes hỏi. “Có hai cao tăng làm nhiệm vụ canh giữ Ngôi đền băng, họ sống ở đây, tại một hang động ở bên hông ngọn núi kia”. Lạt Ma chỉ về phía ngọn núi bên phải. “Ngoài nhiệm vụ chính là theo dõi thường trực lối đi vào đền, họ còn có trách nhiệm ngăn không cho các du khách vượt qua cây cầu băng mà vô tình làm ô uế vùng đất thánh. Nhưng sao không thấy họ nhỉ?” “Có lẽ họ ở trong hang động nên không nghe thấy tiếng chúng ta đang đến chẳng?” “Không thể có chuyện đó. Địa hình khu vực này có cấu tạo hình phễu nên mọi âm thanh đều được truyền đến hang động. Đó là lý do tại sao nó được chọn. Đáng lẽ họ phải nghe được tiếng vó ngựa của chúng ta cách đây ít nhất một giờ đồng hồ và chuẩn bị nghênh đón chúng ta mới phải.” “Hừm. Chúng ta cần thận đề phòng thì tốt hơn,” Holmes nói giọng nghiêm nghị, đôi lông mày chau lại với vẻ quan tâm “Vui lòng cho tôi mượn cái kính thiên văn nhỏ của ông một phút Hurree.” “Sẵn sàng, thưa ngài.” Sherlock Holmes đưa ống nhòm lên mắt và tiến hành một trong những cuộc điều tra có phương pháp quanh khu vực lân cận. Tất cả chúng tôi im lặng chờ đợi. Một

cảm giác ớn lạnh đầy sợ hãi lướt trên da khi tôi nhận ra có lẽ mình đã quá vội nói ra những nhận định lạc quan. “Cánh cửa gỗ nhỏ trong hang động nơi các cao tăng trấn giữ ngôi đền đang mở toang, bị ngọn gió núi quạt qua quạt lại,” Sherlock Holmes nói, giọng lo âu. “Trên đỉnh núi đối diện, một đàn bò câu tuyết đang lượn những vòng tròn gấp gáp, đầy bồn chồn ngay phía trên tổ của chúng. Dù họ ở đâu đi nữa, họ cũng đã ẩn mình khá kỹ đấy.” Chúng ta phải đi giữa hai ngọn núi này để đến chiếc cầu băng thôi” Tsering cương quyết. “Tôi nghĩ chắc họ đang nấp đợi bên kia cầu.” “Anh nghĩ khi nào họ sẽ tấn công?” “Chắc là khi chúng ta đến gần chiếc cầu băng và xuống ngựa để qua cầu. Đó sẽ là thời khắc nguy hiểm nhất. Chúng ta sẽ bị lọt vào bẫy giống như lũ rệp giữa cái càn bô cạp vậy.” “Thôi được, chúng ta hay nghiên cứu xem sao,” Holmes điềm nhiên nói. Quay sang chung tôi, ông nói bằng một giọng cương quyết, thận trọng. “Chúng ta sẽ cưỡi ngựa đi hàng một, Đạt Lai Lạt Ma và Lạt Ma Yonten đi giữa. Tsering và tôi sẽ đi trước cùng với năm người lính. Kintup và năm người còn lại sẽ đi ngay sau các Lạt Ma. Ông Hurree thì đi tập hậu. Khi có dấu hiệu đầu tiên của cuộc tấn công chúng ta sẽ chạy thẳng tới chiếc cầu và cưỡi ngựa vượt qua cầu. Có vẻ như đó là một việc làm khá liều lĩnh, nhưng lại là cơ hội duy nhất mà chúng ta có trước một đối thủ mạnh hơn về quân số và lợi thế. Chúng ta đang ở một địa hình quá bằng phẳng và trống trải. Một khi chúng ta băng qua cầu, anh - Tsering ạ - hãy cắt cử lính trấn giữ phía sau những tảng đá kia và cầm chân những kẻ đuổi theo đoàn. Cũng không phải là việc quá khó, vì chúng chỉ có thể băng qua cầu theo hàng một. Lạt Ma Yonten và tôi sẽ đưa Đạt Lai Lạt Ma vào trong đền. Nào, hãy nhớ rằng tuyết đối không được lưỡng lự ở khu vực cây cầu. Hãy phóng ngựa vượt qua. Bọn chúng sẽ không ngờ là chúng ta làm vậy, vì thế chính yếu tố bất ngờ gây sốc với đối phương lại là cái cần thiết cho một kế hoạch thành công. Chúc may mắn.” Đó là cách tính toán đo lường trong khi vạch kế hoạch của một nhân cách lớn, kết hợp với sự tự tin minh triết và một sức mạnh tiềm ẩn nên không ai trong chúng tôi nảy ra ý phản đối hai đặt câu hỏi mà chỉ răm rắp làm theo mệnh lệnh của ông. Chúng tôi đi thành hàng một băng qua thung lũng. Tôi cưỡi ngựa đi cuối, chẳng vui vẻ gì với vị trí này nhưng tôi đã chuẩn bị sẵn tinh thần chấp nhận điều tồi tệ nhất. Tôi rút từ bên trong áo choàng ra một khẩu súng lục nhận được từ kho vũ khí ở Châu Viên, và sau khi mở chốt an toàn, tôi giắt nó vào thắt lưng ngay gần bụng. Khi đi ngang qua giữa khúc quanh cuối cùng giữa hai chỏm núi, tôi trông thấy một đám bò câu tuyết dáo dác bay lượn phía trên tổ, đúng như Sherlock Holmes đã miêu tả; nhưng tôi không thấy bất cứ dấu hiệu nào của kẻ thù. Có lẽ chỉ là một con báo tuyết vừa khuấy động không gian yên bình của bầu chim, tôi nghĩ vậy. Cũng có thể rốt cuộc chẳng có kẻ tấn công nào cả. Ý nghĩ bất chợt khá vui vẻ này làm cho tinh thần tôi phần chần lén một chút, bởi vì tôi đã không nhìn về phía trước trong lúc phóng ngựa vượt qua cây cầu băng, rộng lắm cũng chỉ khoảng hai mét và chắc chắn là trơn như bôi mỡ. Vừa khi cảm thấy có thể thở phào được thì tôi nghe Holmes hét lên một tiếng báo động: “Chúng ta đến đây! Chạy đi nào!” Tôi không dám nhìn quanh mà vùng vọt lên mình ngựa, buộc nó chuyển sang phi nước kiệu thật nhanh. Tôi chỉ vừa phóng đi được khoảng 30 mét, thì thấy một toán lính kẻ nào kẻ nấy đen thui từ đầu đến chân đang phóng ngựa lao nhanh về phía chúng tôi, từ phía sau chỏm núi nơi những con bò câu tuyết vừa bay dáo dác. Tôi ngẩng đầu nhìn lên chỏm núi đối diện, lòng khấp khởi hy vọng sẽ không thấy cái cảnh mà tôi vừa nhìn thấy. Nhưng ngược lại với mong muốn của tôi, một toán kỵ sĩ khác lao ra từ phía sau sườn núi, phi thẳng về phía chúng tôi. Trong một giây, cả hai nhóm tấn công ghì cương ngựa và nhìn quanh bối rối. Rõ ràng chúng rất sốc vì cách hành sự của chúng tôi, không hề lưỡng lự cứ thế phi thẳng lên cầu. Nhưng bọn chúng lập tức trấn tĩnh lại, đồng thanh hò lên những tiếng hét xung trận khật máu bằng tiếng Trung quốc: “Sát! Sát!” (7). Đoàn người ngựa chúng tôi bùng lên, phóng hết tốc lực về phía trước, nhưng đám người đằng đằng sát khí kia cũng phi nhanh không kém và mỗi lúc một thu hẹp khoảng cách. Tệ hơn nữa chúng đuổi sát theo chúng tôi, mà người cuối cùng lại là tôi. Tôi thúc mạnh vào hông ngựa buộc nó phi tăng tốc hơn nữa. Trong khi con vật phi nhanh hơn về phía trước, tôi quay lại trông chừng những kẻ truy đuổi. Cái đám đông ấy ít nhất có sáu mươi người. Chúng đều mặc trang phục màu đen và đội kiểu khăn của người Trung Quốc: băng đạn quấn quanh ngực, trên lưng lưng lửng những khẩu súng tự động hiện đại và những thanh gươm đao phủ lớn - hay đại đao như người Trung quốc thường gọi - cũng những đặc điểm nổi bật của đám người thiểu số đã chặn đầu tôi ở Shigatse, trong cái lần tôi đến Tây Tạng trước đây. Trời đất ơi. Rõ ràng, bọn này là những tên lính thiện chiến của quân đội Mãn Thanh, chứ không phải bọn vệ sĩ của Amban. Phóng tầm mắt về phía trước, tôi thấy Tsering đã đến cây cầu đá. Anh ta không hề do dự - thật là một chàng trai dũng cảm - thúc ngựa phóng qua. Cây cầu băng cong cong như hình chiếc cầu vồng, vì thế tôi có thể thấy rõ kỵ sĩ cùng con ngựa lao qua cầu. Con ngựa cào móng điên cuồng để bám lên mặt băng cho khỏi trượt, bằng cách nào đó nó cố gắng trụ vững và nhanh chóng vượt qua được bờ bên kia. Năm người lính trong đoàn đi theo sau mà không gặp vấn đề gì, sau đó là Sherlock Holmes, Đạt Lai Lạt Ma và Lạt Ma Yonten. Những người còn lại cũng đi qua trượt lợt cho tới khi người

lính Tây Tạng cuối cùng phóng đến cây cầu. Con ngựa xấu số của người này chạy đến giữa cầu mà không có chuyện gì, nhưng đúng lúc nó bắt đầu phi xuống phía bên kia cầu vó sau của nó trượt dài trên băng và cả thân hình nó nặng nề đổ xuống một bên. Bốn vó của nó ngửa lên quơ quơ dữ dội trong cố gắng tuyệt vọng để đứng thẳng lên, nhưng nỗ lực điên cuồng đó chỉ làm con vật trượt dài rồi mép cầu. Rồi với một tiếng hí thảm thiết, nó rơi xuống vực thẳm bên dưới. Người kỵ sĩ cố gắng giải thoát mình khỏi con ngựa bị ngã, nhưng bàn chân lại mắc vào bàn đạp, thế là anh cũng bị kéo theo. Anh lính thét lên không kém phần ai oán so với con vật trong khi bị hút vào cái hẻm núi băng không đáy và tiếng kêu đồng thanh khủng khiếp của cả người lẫn ngựa dội ngược qua những ngọn núi như một lời phán quyết của định mệnh. Tôi liếc nhìn thúc ngựa tiến lên, nhưng chỉ vừa mới đến được đầu cầu đã nghe những tiếng thét điên cuồng phía sau nên bèn quay đầu lại. Sát ngay sau tôi là đội quân áo đen của Hoàng đế Mãn Thanh đang vung vẩy những thanh đại đao dễ sợ với một thái độ cực kỳ hung hăng, khát máu. Một tên lính mặt đỏ, da vàng ệch đã ở sát ngay sau lưng tôi. Hắn giơ thanh đại đao lên. Tôi thì ngậy người nao núng. Bỗng “đoàng, đoàng, đoành”. Một vết màu đỏ giống như một bông cẩm chướng xòe cánh mỗi lúc một to xuất hiện ngay giữa trán hắn; và với một vẻ đỏ dần như được dán lên mặt, hắn ngã vật về phía sau. Người của chúng tôi đã chiếm cứ các vị trí phòng thủ phía sau những lối băng, đang nã súng về phía kẻ thù và dù với số lượng áp đảo bọn chúng rơi vào một tình huống bất lợi hơn. Tôi vội vã băng qua cầu trong lúc kẻ địch còn đang bối rối chưa kịp trở tay. Vượt qua cây cầu tôi thúc ngựa chạy đến bức tường băng và nhanh chóng nhảy xuống ngựa, tìm một chỗ nấp phía sau những tảng băng lớn nằm rải rác khắp thung lũng. Tsering, Kintup và những người lính thiện chiến đã trấn giữ vị trí của họ một cách an toàn, hiểu qua và rõ ràng không cần tới sự giúp đỡ kém cỏi của tôi, vì vậy tôi tìm cách vượt qua những ụ băng theo Sherlock Holmes và các Lạt Ma vào ngôi đền. Tại chân bức tường băng khổng lồ là một lối vào, hơi giống miệng của một cái động lớn, nhưng được cắt xẻ một cách cân đối tạo thành hình chữ nhật vuông vức và cao ít nhất là mười ba mét. Ở bên kia lối vào, bên trên những chiếc cột đá bazan khổng lồ sẫm màu là các bức tượng hùng vĩ của những con sư tử có cánh đang ở tư thế nằm, khoảng cách từ chân cột tính đến vương miện trên đầu chúng vào khoảng tám mét. Không hề giống một bức tượng sư tử nào mà tôi từng thấy trước đó. Chắc chắn, đó không phải là cách tái hiện sư tử của người Ấn Độ. Thấp thoáng có dấu vết ảnh hưởng của người Babilon trên đôi cánh sư tử, ngoài ra tất cả các chi tiết khác: cái đầu, nét mặt vốc dáng và tư thế rõ ràng không phải của người vùng Lương Hà, thậm chí cũng chẳng có nguồn gốc châu Á hay Trung quốc. Có thể nào, đó là tác phẩm của một nền văn minh đã biến mất sau khi đã tồn tại hàng nghìn năm trước khi những người Tây Tạng hiện đại cư ngụ trên vùng đất này? Những bức tượng gần như còn mới nguyên, hầu như không có một vết xước hay dấu vết hư hại nào, hiện tượng này cũng không có gì là phức tạp có thể được giải thích bởi thực tế chúng hầu như được chôn vùi dưới băng đá và chỉ phơi ra trong không khí hai lần trong vòng một thế kỷ, mà cũng chỉ trong một khoảng thời gian ngắn. Có lẽ cũng giống như Herr Schelieman, người đã phát hiện ra tàn tích của thành Troy cách đây vài năm, tôi đã khám phá ra một nền văn minh cổ xưa chưa được bất kỳ ai trên thế giới biết tới. Tôi quyết định gọi nó là nền văn minh Tethys bởi vì vùng biển tiền sử của Tethys - mà từ đó cao nguyên Tây Tạng và dãy Himalaya mọc lên - đã xuất hiện cách đây hàng triệu năm. Tiếng rít của một viên đạn bay sượt qua đầu tôi chấm dứt những suy tư khoa học và sau khi chớp vội lấy cây dù, tôi nhanh chóng chạm qua cánh cửa ngôi đền rộng mênh mông. Chú thích:

(1) xúp yak-tail: món xúp của người Tây Tạng nấu với đuôi bò yak là loại động vật “biểu tượng” của Tây Tạng. Momos: bánh bao nhân thịt được hấp chín bằng hơi nước. (2) Watson cũng đã nhắc tới thói quen này của Holmes. Xin đọc Hòn đá Mazarin.

(3) Trận Marengo diễn ra gần thành phố Alessandria vùng Tây Bắc nước Italia vào ngày 14 tháng 7 năm 1800, thắng lợi thuộc về quân Pháp dưới sự lãnh đạo của Napoleon Bonaparte, cho dù lúc đầu thế trận nghiêng hẳn về phía quân Áo

(4) Kalachakra: Bánh xe thời gian

(5) Trans-Himalaya: tên gọi khu vực nằm xa hơn về phía bắc của dãy Himalaya nói cụ thể hơn về mặt địa chất là khối đá lớn Ladakh.

(6) Nguyên văn: Iusus naturae (7) Nguyên văn: Sha. (sát) có nghĩa là giết, giết!

23. Ngôi Đèn Bể Shambala

Khi mắt đã quen với cái cảnh mờ mờ tranh tối tranh sáng bên trong, tôi nhận thấy với đôi chút thất vọng, rằng ngôi đèn thật ra chỉ là một căn phòng vuông vức nhưng khá nhỏ, mỗi chiều khoảng mười ba hoặc mười bốn mét. Những bức tường được chạm khắc nhiều hình ảnh và các mẫu tự, gợi nhớ chữ tượng hình của người Ai cập, nhưng trừu tượng và kỳ dị hơn. Căn phòng lạnh thấu xương với nhiều dải băng rủ xuống từ góc nhà che lấp từng mảng tường. Một tấm thảm tuyết hơi mịn như bột rải trên sàn, kêu lạo xạo mỗi khi có bước chân ai đạp lên. Lạt Ma Yonten đang giúp Đạt Lai Lạt Ma ngồi nghỉ ở một góc đèn và nhanh nhẹn trải áo choàng của ông ra cho cậu nằm. Cậu bé, nên nhớ chỉ vừa hồi phục sau một cơn bệnh thập cử nhất sinh, và cuộc chạy đua liều mạng vượt qua cầu khi nãy đã vượt quá sức chịu đựng của thân hình gầy gò yếu đuối tuổi thiếu niên. Tôi rút ra một chai Brandy nhỏ (mà tôi mang theo chỉ để dành cho những trường hợp cấp cứu, vì tôi là một người chủ trương bài rượu), mở nút, đổ một ít chất lỏng vào miệng cậu bé. Cậu ho lên vài tiếng và thở gấp, tuy vậy màu hồng đã bắt đầu ửng lên trên đôi má tái nhợt. Sherlock Holmes cố dành diêm thắp lửa cho ngọn đèn lồng đặc biệt của chúng tôi, nhưng mãi không được. Chẳng là diêm của ông bị ẩm không bắt lửa, vì thế tôi lại gần, chìa cho ông một hộp diêm khô mà tôi may mắn mang theo người. Ông vội vã thắp đèn. Sau khi ông thận trọng điều chỉnh một chút, ngọn đèn phóng ra một chùm tia sáng rực rỡ về phía bức tường đối diện. Ông giơ cao đèn lên, lia ánh sáng ra khắp nơi trong phòng, soi rõ những bức tường hoàn toàn trơn trợt trừ những hình khắc nhỏ trên tường, nhưng khi đi đến giữa phòng, ánh sáng rực rỡ chiếu lên một cấu trúc nhiều tầng, lạ kỳ, nằm trên một bệ đá. Những lớp bột tuyết trắng ngần che phủ lên toàn bộ vật này làm cho nó giống như một cái bánh cưới cực lớn. “Đó là mandala vĩ đại,” Lạt Ma Yonten giải thích. “Chính là cái đã qua bàn tay sử dụng của Sứ giả Shambala khi ông ta làm lễ nhập môn đầu tiên cho Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ nhất.” Sherlock Holmes đi quanh mandala và bắt đầu phỉa tuyết khỏi bề mặt của nó bằng một chiếc găng tay. Tôi cũng phỉa một tay và chẳng mấy chốc chúng tôi đã phỉa sạch lớp tuyết. Mandala cao khoảng hai mét, trong khi chân đế của nó, một phiến đá hình đĩa, dày khoảng 30 phân, lại có đường kính tới gần 2,5 mét. Những chiếc đĩa đá nhỏ hơn, hình vuông và tam giác, được sắp xếp một cách thứ tự trên bề mặt, cái này chồng lên trên cái kia, tạo nên một thể trung gian kỳ lạ giữa hình nón thấp tẹt và hình kim tự tháp. Nằm ở vị trí trên cùng là mô hình một ngôi chùa nhỏ bé tinh xảo với cái mái cong cong thanh nhã. Mặc dù những đường thẳng và các vòng tròn cơ bản của mandala này gần như tương tự với mandala trong bức tranh cuộn, nhưng mandala bằng đá thiếu những gam màu và họa tiết trang trí của bức tranh. Nó như bị mất đi cái hồn, trông khá ảm đạm và trần trụi. Giống một biểu đồ hiển thị hoá một công thức toán học phức tạp hơn là một vật biểu trưng tôn giáo. Trong khi tôi giơ ngọn đèn lên cao, chiếu luồng ánh sáng vào bất cứ nơi nào được yêu cầu, Sherlock Holmes cúi xuống kiểm tra mẫu vật lạ lùng này với chiếc kính lúp phóng đại. Năm phút là đủ làm ông thỏa mãn trí tò mò, vì ông đã đứng dậy cất kính lúp đi. Sau đó, đặt hai tay một cách cả quyết vào hai bên cạnh chiếc đĩa đá dày ông bắt đầu người hơi nghiêng về một phía, vận hết sức bình sinh - đẩy vào cái vật nặng đó. Tôi không phát hiện có gì khác, nhưng hẳn có một điều gì đó đã xảy ra với Holmes, vì ông dừng lại và lâu lâu một cách thỏa mãn. “Nó dịch chuyển,” ông nói, giọng đắc thắng. “Điều đó có ý nghĩa gì chứ?” tôi hỏi. “Nó có nghĩa là bí mật nhỏ của chúng ta - câu đố trong bài thơ với những lời lẽ kỳ bí kia - gần như đã được giải quyết xong.” “Tôi không hiểu, ông Holmes à.” “Ông còn nhớ chúng ta đã đồng ý với nhau rằng bài thơ là một kiểu chỉ dẫn, chắc chắn là để khai quật cái gì đó đã được giấu kín - mà phải là một cái gì thật quý báu. Vì tính tượng trưng của cấu trúc mandala đã được dùng trong bài thơ, sẽ lô-gíc hơn nếu ta đi tới kết luận rằng lời chỉ dẫn ám chỉ về một mandala thật sự - nhưng là một cái mà ta có thể sờ mó được và theo chiều thẳng đứng.” “Nhờ vậy mà chúng ta có thể đi quanh nó theo những vòng tròn nhất định, giống như lời chỉ dẫn đã nói sao tôi hỏi không khỏi hoang mang.” “Nhưng...” “Không, không, Hurree thân mến. Không phải đi quanh nó mà là di chuyển nó. Cuộc kiểm tra sơ bộ của tôi cho biết mẫu vật này không phải được đeo từ một tảng đá duy nhất mà đã được lắp ráp lại - theo từng tầng bậc - từ những mảnh được gia công riêng biệt, có thể di chuyển được, hay đúng hơn là xoay quanh một trục trung tâm.” “Giống như cái lẫy trong ổ khoá.” “Chính xác. Ông đã đưa ra một so sánh rất khéo về sự giống nhau giữa hai vật, vì mandala này - nếu lý giải của tôi là đúng - là một ổ khoá, mặc dù đó là một ổ khoá không bình thường và đáng quan tâm.” “Nhưng như vậy thì chìa khoá đâu, ông Holmes? Chúng ta đâu có chìa khoá.” “Ồ, chắc chắn, ông bạn. Không nên hiểu theo nghĩa đen như vậy. Có thể nói bài thơ kia chính là chìa khoá.” “Tôi thật là kẻ chậm hiểu...” tôi lúng túng, nhưng Holmes không dành thời gian để tôi có thể tự trách mình mà sốt sắng bắt tay ngay vào việc kiểm tra giả thuyết vừa nêu. “Nào, Hurree, nếu ông có thể giúp một tay ở đây, và... xin lỗi, thưa Lạt Ma đáng kính,” ông quay sang Lạt Ma Yonten, “ngài vui lòng đọc lại bài thơ cho chúng tôi nghe, được không?” Đạt Lai Lạt Ma

lúc này đã khỏe lại, muốn tự tay cầm chiếc đèn chiếu sáng cho chúng tôi, trong khi Lạt Ma Yonten mở bức vẽ mandala và đọc những dòng chữ ghi phía sau: “Om Svasti. Xin dâng lòng tôn kính lên người...” “Chúng ta có thể bỏ qua những dòng chúc tụng,” Holmes ngắt lời, “mà bắt đầu với những lời chỉ dẫn thực sự.” “Sẽ làm theo ý ông, ông Holmes,” Lạt Ma trả lời, nhanh chóng lướt qua những dòng thơ và gạch dưới những từ ngữ quan trọng bằng ngón tay trở xương xẩu. “Để tôi xem nào. Hừm... A, đúng... nhưng lời chỉ dẫn nằm ở đây. ” “Hãy hướng mặt về hướng thiêng liêng...” “Tức là hướng nào?” “Hướng Bắc, ông Holmes. Shambala được nói tới như là Shambala ở Bắc Ấn.” “Như vậy, chúng ta cần phải quay lưng lại lối vào và nhìn thẳng vào mandala từ hướng đó. Để tôi xem nào...” “Tôi biết rồi, ông Holmes?” tôi hớn hờ kêu lên, phải đi lớp tuyết tại chân để mandala hướng thẳng về lối đi vào. “Có một vajra hình chữ thập được khắc trên chân đế ở đây. Cái này chắc chắn là để đánh dấu hướng mà chúng ta phải bắt đầu.” Đó cũng chính là nơi mà Đạt Lai Lạt Ma phải ngồi khi nhập định trên mandala” Lạt Ma Yonten giải thích. “Như vậy chúng ta có thể lấy nó làm mốc khởi đầu,” Holmes nói giọng cả quyết. “Này, xin hãy đọc câu thơ thứ hai” “Bao giờ cũng rẽ vào con đường của Pháp luân...” “Cần phải biết, Hurree, rằng tất cả hành động của chúng ta đều phải thực hiện theo chiều kim đồng hồ. Làm ơn tiếp tục đi, thưa ngài.” “Xoay ba lần quanh Hoả Sơn.” “Đó là chân đế của mandala. Hãy nhìn dấu hiệu những ngọn lửa được khắc vào đá. Nào Hurree, chúng ta hãy quan tâm đến nó một chút nào.” Đó không phải là một nhiệm vụ dễ dàng. Cả hai chúng tôi đều rên ừ ừ vì cổ quá sức, nhưng cuối cùng cái đĩa đá khổng lồ cũng từ từ di chuyển. Theo lời hướng dẫn, chúng tôi đã xoay cái cục đá nặng như cùm đó ba lần quanh cái trục, trả nó đúng vào nơi khởi đầu, cạnh dấu hiệu vajra hình chữ thập trên sàn. Tôi gục xuống vì kiệt sức. “Hai lần nơi Kim Cương trung thành”. Lạt Ma Yonten đọc tiếp. “Tiếp tục nào, Hurree,” Holmes động viên tôi. “Lần này sẽ dễ dàng hơn. Nó nhỏ hơn nhiều.” Sherlock Holmes nói đúng. Cái đĩa “Kim Cương trung thành” không nặng như cái đĩa “Hoả Sơn”, và chúng tôi chỉ phải xoay hai lần. Đĩa “Tám nghĩa trang” thậm chí còn dễ dàng hơn, trong khi cái cuối cùng, “Toà Sen”, tôi chỉ cần làm một mình. Đến tầng thứ năm, mandala đã thay đổi hình dạng; từ những chiếc đĩa hình tròn về núi, tường và hàng rào, nó chuyển thành một cột hình vuông với những chỗ phòng lên ở mỗi cạnh - bốn bức tường của Linh Thành và bốn cánh cổng của nó. “Rời từ hướng Nam rẽ sang Đông...” Theo chỉ dẫn chúng tôi quay chiếc cột vuông ba phần tư vòng. Giờ đến vật cuối cùng trong bài thơ. “Cung điện sâu kín nhất” chính là ngôi chùa có mái cong nằm trên đỉnh mandala. “Thật là một khoảnh khắc cực kỳ hồi hộp. Trong khi Holmes xoay ngôi chùa nhỏ nửa vòng từ Nam sang Bắc - như lời hướng dẫn đã ghi rõ - chúng tôi nín thở chờ kết quả. Chẳng có gì xảy ra cả. Một cảm giác thất vọng lạnh lùng chạy suốt châu thân. Đối với tôi hình như ở phương diện này hay phương diện khác, Sherlock Holmes hẳn đã phạm phải một sai lầm cơ bản nào đó trong chuỗi lập luận của mình.” Chúng ta chưa làm được, Hurree ạ,” ông nói, với nét mặt đau đớn. Ông quay đi, vừa cắn mạnh vào tẩu thuốc, vừa bồn chồn đi lại khắp phòng, làm tung lên một cơn bụi tuyết dưới mỗi bước chân. Ông cứ đi đi lại lại trong tâm trạng cáu kỉnh như thế khoảng mười phút thì đột nhiên dừng lại như thể đã có giải pháp. Về mặt vật trở nên tươi tỉnh, ông vừa nhìn chúng tôi vừa búng những ngón tay tanh tách. “Ngai vajra” ông kêu lên. “Chúng ta đã quên một điểm... và ngồi khải hoàn trên ngai vajra...” “Nhưng dường như đó chỉ là một kết luận có tính chất tượng trưng thuần túy mà thôi, ông Holmes ạ,” Lạt Ma Yonten góp ý. “Chúng ta đã dịch chuyển tất cả những thứ có thể chuyển động được ở mandala” tôi chán nản. “Chẳng còn lại gì để mà xoay chuyển nữa.” “Cứ thử xem, cứ thử xem,” Holmes trả lời và đi vòng quanh mandala, ông cẩn thận quan sát ngôi chùa bằng kính lúp sau đó dùng cái lưỡi mảnh của con dao nhíp nhẹ nhàng bẩy cánh cửa bé tí tẹo của ngôi chùa nhỏ. Bên trong ngôi chùa là một chiếc ngai bằng pha lê bé xíu có khắc một vajra chữ thập. Đó là một vật xinh tuyệt. Trong khi Đạt Lai Lạt Ma chiếu đèn soi rõ vật đó, thì thám tử Sherlock Holmes thận trọng nghiên cứu món đồ mỹ nghệ bé xíu này một cách kỹ lưỡng bằng chiếc kính lúp. “Nhưng chúng ta biết làm gì bây giờ đây, ông Holmes?” Tôi hỏi. “chẳng hề có hướng dẫn về việc phải làm gì với nó.” “À, nhưng chúng ta sẽ làm, Hurree ạ!” Ông vui vẻ nói, rồi dừng lại. “Chúng ta sẽ ”ngồi” lên nó.” Ông đặt đầu ngón tay trở lên chiếc ngai pha lê và khẽ ấn xuống. Nghe cách một tiếng rất rõ ràng - như thể một loại đòn bẩy nào đó đã hoạt động. Chiếc ngai pha lê bắt đầu hắt ra một làn ánh sáng xanh kỳ lạ rực rỡ. Mỗi lúc luồng sáng đó càng trở nên sáng hơn mạnh hơn, cho tới khi vầng hào quang của nó trùm lên bức tường phía Bắc với một thứ ánh sáng lạnh lạnh lấp lánh như ánh trăng rằm vào một đêm hè. Cùng lúc đó, mandala bắt đầu rung lên từng đợt, những đợt rung động của nó tăng dần cường độ cho tới khi cả ngôi đền rung lên bần bật một cách thật đáng sợ. Trước đôi mắt kinh hoàng của chúng tôi, một số nhũ băng trên trần gẫy khúc, lan canh rơi xuống sàn, hắt tung lên một đám bụi tuyết. Sherlock Holmes nhanh nhẹn ôm lấy Đạt Lai Lạt Ma, như người mẹ ôm con, cố dùng tấm thân cao lớn của mình che chở cho cậu bé và khéo léo di chuyển để rút vào một góc phòng. Lạt Ma Yonten và tôi cũng vội vã tránh xa mandala hình như nó chính là mạch nguồn của tất cả sức mạnh khủng khiếp này. Trong khi rút về bức tường phía sau, tôi vấp

phải một miếng băng vớ và loạng quạng ngã dúi về phía sau. Tưởng đầu mình sẽ ngã người vào bức tường tôi bèn choãi tay ra đằng sau chống đỡ, nhưng thật ngạc nhiên, cơ thể tôi chẳng đụng vào vật gì cả mà từ từ rơi xuống. Điều này thậm chí còn đáng báo động hơn: tôi không ngã phịch xuống sàn hang mà tiếp tục lao xuống, theo một cách nào đó rất khó hiểu, cho tới lúc rơi oạch đau điếng xuống một mặt phẳng trong một vùng tối như bưng."Ồ, này, Hurreel ông có nghe thấy tôi nói không?" Giọng nói của Holmes, vang lên từ một nơi rất xa, bằng cách nào đó cũng len được vào tâm trí tôi. Tôi lắc lắc đầu để nghe cho rõ hơn."Tôi ở đây, ông Holmes?" Tôi hét lên đáp lại."Ông ổn chứ?"Trong bóng tối dày đặc, tôi đưa tay sờ soạng khắp người."Tôi nghĩ vậy, thưa ngài. Dù sao thì cũng chẳng bị gãy cái xương nào cả."Tốt lắm. Vậy chính xác là ông đang ở đâu?"Dường như tôi đang ở dưới đáy một vực thẳm đáng sợ, thưa ngài. Tôi nghĩ rằng lối vào nằm ở đâu đó giữa bức tường đối diện với lối đi vào đền"."Tốt lắm. Chờ một phút. Tôi sẽ đưa đèn xuống đó ngay thôi".Ít giây sau, một luồng ánh sáng rực rỡ xiết bao mong đợi xuất hiện phía trên đầu tôi. Dần dần, trong lúc nguồn ánh sáng đi xuống thấp và mỗi lúc một sáng hơn, tôi có thể phân biệt được hình dáng cao cao quèn thuộc của Sherlock Holmes - ông đang cầm chiếc đèn lồng sẫm màu và bước xuống từng bậc của cái cầu thang dài bằng đá - hẳn là cái cầu thang mà tôi đã lần xuống lúc này. Đi sau là hai vị Lạt Ma."Xin được chúc mừng ông, Huree ạ," Holmes vui vẻ tiến đến gần tôi. "Vinh dự khám phá ra bí mật của mandala thuộc về ông"."Chỉ thế này thôi ư, ông Holmes?" Tôi thất vọng nãy nê. "Tất cả những điều bí ẩn, những vụ ồn ào và lộn xộn xung quanh nó chỉ là để che giấu một lối đi ư?" "Hãy kiên nhẫn. Chúng ta sẽ biết khi đến chỗ tận cùng của nó". Ông rọi đèn về phía đối diện, chúng tôi thấy một chiếc cầu thang. "Hãy xem kìa nó không kết thúc ở đây mà tiếp tục kéo dài hơn nữa". "Lạt Ma Yonten và Đạt Lai Lạt Ma ân cần hỏi thăm tình trạng sức khỏe của tôi sau cú ngã đột ngột đó, rồi lớn tiếng cảm ơn "Tam Bảo Ba Ngôi" của Đạo Phật vì đã phù hộ độ trì cho tôi.Chúng tôi thận trọng đi dọc lối đi, Sherlock Holmes cầm đèn đi trước, những người còn lại bám sát đằng sau. Mặc dù lối đi rất dài nhưng nó thẳng tắp và bằng phẳng thậm chí không có lấy một chỗ rẽ, một chỗ lồi lõm mấp mô trong suốt quãng đường.Các bức tường được xây dựng với một độ chuẩn xác chắc chắn sẽ khiến một kỹ sư hiện đại phải ganh tị. Trong khi chúng tôi tiếp tục đi tới, ánh sáng từ chiếc đèn lồng phản chiếu lung linh như hồ quang trên bề mặt bức tường. Tôi tiến đến gần chạm thử tay vào bức tường và vô cùng kinh ngạc khi phát hiện nó nhẵn nhụi và bằng phẳng như thế nào - phẳng hơn cả cẩm thạch, thậm chí hơn cả thủy tinh. Không hề có một vết nổi hay khe nứt, không có một sự đứt quãng nào trên bề mặt đều đặn một cách rất không bình thường của nó. Rõ ràng đó là tác phẩm của một người có kiến thức uyên thâm về kỹ thuật. Tôi bắt đầu nhẩm tính trong đầu tất cả những thông tin cho tới nay tôi đã thu được về nền văn minh Tethyia, và cố sắp xếp lại theo một trật tự có tính hệ thống.Đột nhiên Sherlock Holmes dừng lại và ra hiệu cho chúng tôi giữ im lặng. Rồi ông chiếu ánh sáng xuống sàn, cũng như ngôi đền bên trên, nó được phủ một tấm mền tuyết mịn và mỏng. Chắc chắn là chúng tôi đang ở một nơi mà những đồng tuyết bị cuốn đi, rồi bằng cách nào đó lại tìm đường ủa vào hành lang bí mật này."Ông nghĩ gì về điều này?" Holmes hỏi, chỉ vào những dấu chân khác nhau in trên lớp tuyết mỏng."Chắc chắn có ai đó đã đi trước chúng ta rồi," tôi lo lắng."Tôi e là không chỉ một người. Có ba loại dấu chân khác nhau. Tôi cũng chỉ nhìn thấy chúng cách đây một lúc thôi. Một trong số này rõ ràng là một người què. Xem này dấu chân phải bị lệch và cũng mờ hơn bởi vì hấn kéo lê cái chân đó"."Moriarty?" tôi thốt lên, kinh hoàng."Chính thế. Như tôi đã đoán trước, Tên ác ma đã nhanh hơn chúng ta. Một trong những kẻ đồng hành đi trước dẫn đường, hấn theo sau, còn kẻ thứ ba tập hậu. Không hề có dấu chân nào khác"."Ông có nghĩ Amban đi cùng hấn không?" Lạt Ma Yonten hỏi."Có thể nói chắc là không. Hai dấu chân kia mang cùng loại giày - loại giày ống đế vải rẻ tiền của Trung quốc, tôi nghĩ thế; mà lại mòn vẹt cả. Tôi đã thấy binh lính Trung quốc mang loại này rồi".Tôi chẳng còn hồn vía gì khi nghĩ tới mối nguy hiểm đáng sợ đang rình rập phía trước, nhất là khi những kẻ bắt lương đã chuẩn bị tất cả những phương tiện để ra tay độc ác chống lại chúng tôi lại đang luẩn quất đâu đây trong đường hầm."Liệu có hay hơn không nếu chúng ta..." tôi bắt đầu đưa ra đề nghị."Chúng ta đang làm thế đấy," Holmes ngắt lời có phần cộc cằn. Ông rút súng lục từ trong áo choàng ra rồi lên đạn. "Tốt nhất chúng ta cứ tiến lên một cách thận trọng. Hurree à, ông có vũ khí chưa?" "Rồi, thưa ngài," tôi nhần nhục đáp, lôi khẩu súng lố bịch ra khỏi thắt lưng và bắt đầu kiểm tra máy móc để chuẩn bị cho cuộc chạm trán sắp tới."Hurree, ông hãy bảo vệ phía sau. Nếu có chuyện gì đó xảy ra với tôi, ông phải ngay lập tức đưa Đức Đạt Lai Lạt Ma và Lạt Ma Yonten rời khỏi nơi này. Nào hãy đóng nắp đèn lại. Chúng ta sẽ phải mò mẫm đi trong bóng tối thôi".Chúng tôi thận trọng di chuyển dọc theo cái hành lang đang dần dần - hầu như không thể nhận thấy được - trở nên rộng rãi hơn và sáng hơn một cách khó hiểu hoặc chỉ là do tôi tưởng tượng ra. Chúng tôi càng tiến về trước, cảm nhận này càng rõ rệt hơn. Không tin vào thị giác của mình, tôi ngập ngừng nói cho ông Holmes biết nhận xét của mình về ánh sáng trong đường hầm. Ông cũng đã chú ý đến điều đó."Ông nói đúng, Hurree ạ, và nó đang dần sáng hơn

ở hành lang phía trước. Chúng ta phải đề phòng gấp đôi. Ánh sáng sẽ khiến chúng ta dễ để lộ mình hơn và dễ bị tấn công hơn” Chúng tôi dò dẫm tiến lên trong khoảng nửa giờ. Đến đây hành lang trở nên rộng đến nỗi có kích thước của một thánh đường lớn. Vào lúc này, việc xác định nguồn sáng từ đâu tới thật dễ dàng. Cao đến trăm mét trên đầu chúng tôi là một mái vòm bằng băng khổng lồ, trong suốt; ánh nắng mặt trời xa xăm trên trần xuyên qua nó, tạo ra một thứ ánh sáng nhạt nhòa trong cái hang động khoét sâu trong lòng đất này. Chúng tôi rón rén tiến dọc bức tường bên trái của hành lang khổng lồ, ánh mắt căng thẳng chốc chốc lại nhìn lên tạo tác tự nhiên dị thường này, cái ý nghĩ rằng có hàng triệu tấn băng đá dễ vỡ đang treo lơ lửng trên đầu, bất cứ lúc nào cũng có thể đổ xuống khiến tôi đâm ra nghi ngờ về tính hợp lý trong việc chúng tôi đang làm. Lối đi dẫn đến một lỗ hổng hẹp trở vào bức tường - có vẻ như đó là một khe nứt trên đá - nhưng với những nét cắt đều đặn của một kiểu cửa ra vào nào đó. Có lẽ nó là điểm bắt đầu của một lối rẽ, hoặc là cửa dẫn đến một căn phòng. Sherlock Holmes dừng lại ở lối đi nhỏ trước lỗ hổng rồi quỳ một chân xuống, cẩn thận kiểm tra lớp tuyết trên sàn nhà. “Tôi không thích điều này chút nào. Đến đây các dấu chân không còn tiến thẳng về phía trước như trước nữa mà nối theo nhau theo một vòng tròn. Rõ ràng bọn chúng dừng lại ở đâu để hội ý”. Trong khi ấy, tôi mon men tiến đến gần lối đi trở ở bên hông, thử nhìn vào bên trong. Tôi chỉ vừa toan bước qua cái cửa trở thì Sherlock Holmes đã hét lên cảnh báo: “Dừng lại, Hurree! Đó là một cái bẫy!” Theo bản năng tôi giật lùi về phía sau, thật vô cùng may mắn. Vì có hai phát súng vang đĩnh tai nhức óc, những viên đạn rít lên xèo xèo, sượt qua tấm thân bồ tượng của tôi. Tôi nặng nề ngã lưng vào tường, cổ điều hoà hơi thở và nhịp tim đang đập như phát rồ. Nép sát người vào bức tường, Holmes rón rén đến cạnh tôi. “Moriarty và người của hắn ta đã hội ý ở đây để đặt bẫy chúng ta,” ông thì thầm. “Nhưng khi đặt miếng pho mát vào cái bẫy chuột thì cũng chừa lại chỗ cho con chuột. Lối vào kia có dụng ý ”nhử” quá rõ ràng. Các dấu chân cũng cung cấp thêm một bằng chứng hữu ích nữa.” Nhưng lúc này chúng ta còn có thể làm gì được, thưa ông Holmes?” tôi hỏi. “Chỉ là chui đầu vào rọ và dẫn xác đến chỗ nguy hiểm chết người mà thôi.” “Đừng dễ dàng chịu thua với những dữ liệu tiêu cực như thế trước khi cạn kiệt hết sức lực” Holmes nghiêm nghị nói. “Trước tiên chúng ta phải xác định vị trí chính xác của kẻ thù. Hurree à, nếu có thể cúi rạp người xuống đất, ông hãy nhanh chóng ló ra từ một góc và bắn vài phát theo hướng của chúng, việc này sẽ tạo cho tôi cơ hội thực hiện một cuộc khảo sát nhanh. Sẵn sàng chưa? Nào!” Tôi nổ liên tiếp ba phát súng vào một góc phòng và lùi về phía sau cho an toàn, chỉ vừa kịp, một loạt đạn súng trường sượt qua tôi, rền vang trong cái hang trống trải kéo dài đến hàng dặm trong lòng băng tuyết. Sherlock Holmes cũng kịp cúi xuống một cách an toàn và hiện ông đứng ép lưng vào tường, đôi mắt tràn ngập nỗi thất vọng. “Quý tha ma bắt nó đi!” ông kêu lên giận dữ. Không thể tấn công chúng được! “Có chuyện gì thế, chính xác là chuyện gì? Tôi chưa kịp nhìn thấy gì cả.” Nhưng khối băng lớn mà hai tên lính kia đang núp đã bảo vệ chúng an toàn trước những loạt đạn của chúng ta. Không có cách nào tấn công vào bên sườn chúng được, trong khi bọn chúng lại có lợi thế nhằm thẳng mà bắn về phía lối vào. Chúng ta đã bị kẹt cứng ở đâu rồi!” Nhưng chúng ta cũng có thể rút lui vào bất cứ lúc nào, chưa ngại,” tôi thốt lên điều nực cười này bất giác giơ tay lên phản đối trong một phản ứng xốc nổi. Tôi phải thừa nhận với bạn rằng chỉ một kẻ thiếu kinh nghiệm như tôi mới có một hành động bất cẩn và ngu ngốc đến thế. Một tiếng nổ rất đanh vang lên, cùng một lúc với cảm giác nóng rát, như thể mu bàn tay trái của tôi bị một thanh sắt nung đỏ dùi vào. Tôi đã bị trúng đạn. Trời đất ơi! Tôi nhanh chóng rút cánh tay bị thương về, cái tay còn lại - đang giữ khẩu súng lục, trong một phản ứng cấp kỳ - vội chớp lấy tay kia. Không may trong lúc đau đớn và bắn loạn tôi đánh rơi khẩu súng xuống sàn. Còn không may hơn nữa, món đồ chơi chết tiệt đó đã lên cò và sẵn sàng nhả đạn, vì thế mà không gian khép kín trong hang rung chuyển dữ dội vì một tràng súng nữa. “Chuyện quái gì.” Ông Holmes giạt mình, nép sát vào tường khi loạt đạn rít qua mũi ông và bay vào không trung. Vô cùng bối rối và khổ sở gì sự cố không may này tôi cúi đầu thật thấp, giả bộ chú mục vào việc kiểm tra vết thương. Nhưng trước sự tuyệt vọng của tôi, phản ứng của Sherlock Holmes đối với sai lầm hậu đậu và hoàn toàn vô tình này của tôi có phần hơi gay gắt, khiến tôi phải ngỡ ngàng. Ông chớp lấy cổ áo sênh xệch lôi tôi một cách dữ tợn qua một bên. Khi đã trấn tĩnh lại vì lối cư xử thô bạo cả về mặt thể chất lẫn tinh thần của bạn, tôi lên tiếng trách móc. “Ồ, thưa ngài Sherlock Holmes. Cách cư xử của ông thật không đúng với tính cách của một quý ông người Anh...” Tôi còn chưa kịp nói xong thì một tảng băng lớn với hình thù đáng sợ đã đổ ụp xuống ngay tại chỗ tôi vừa đứng. Loạt đạn vô tình kia đã bắn trúng vào mái băng và làm rớt xuống một mảng lớn. Holmes hẳn đã thấy trước điều này và cố cứu mạng bạn đồng hành. Tôi chỉ còn biết tự trách bản thân vì thiếu niềm tin vào bạn bè. Làm sao mà tôi có thể, dù trong chốc lát, đem lòng nghi ngờ nhân cách chính trực và đứng đắn của người bạn cao thượng và dững cảm này “Tôi... tôi...” tôi khổ sở lắp bắp một lời xin lỗi. Nhưng Holmes chỉ cười ha hả và xoa xoa bàn tay vào nhau. “Ha! Ha! Thật xuất sắc! Tôi chưa bao giờ biết đến giới hạn của ông, Hurree à.” “Nhưng...” Tôi ấp úng một câu hỏi. Ông chìa

tay ra. “Lại một lần nữa, Hurree a,” bằng cung cách không ai bắt chước được của mình, ông đã đưa ra một giải pháp, le mot de l'énigme(2). “Nhưng...” “Vết thương của ông thế nào, Babuji?” Lạt Ma Yonten ân cần hỏi, cầm lấy cánh tay bị thương của tôi. “Nếu tôi có thể...” May mắn thay đó chỉ là một vết thương ngoài da. Lốp da ở mu bàn tay bị xây xát nhưng không chảy nhiều máu. Lạt Ma Yonten bôi lên đó một chút thuốc thảo mộc rồi băng lại bằng chiếc khăn tay của tôi. “Nào Hurree,” Holmes nạp lại đạn vào khẩu súng cho tôi, “Khi tôi hô lên, cả hai chúng ta sẽ chĩa vũ khí về phía lối ra vào và bắn vài loạt đạn - không phải về phía bọn lính mà lên mái bằng trên đầu chúng - sau đó rút lui ngay lập tức”. Ông đưa cho tôi khẩu súng lục. Tôi quỳ trên sàn ngay gần lối vào. Sherlock Holmes lom khom phía trên tôi, vũ khí nâng sát cằm. “Sẵn sàng chưa? Nào!” Cả hai chúng tôi thình lình thò đầu ra, mau chóng xả hết nửa băng đạn và vội thụt vào, đúng lúc hai tên lính Trung quốc khạc một tràng đáp trả. Dựa lưng vào bức tường đá lạnh cóng, chúng tôi nín thở chờ đợi. Ít giây sau, một tiếng gầm như sấm rền dội qua lối vào, kéo theo sau cả một trận bão tuyết thực sự, bụi tuyết bay lên mờ mịt không trung và trong khoảng một phút chúng tôi không thể thấy gì trước mắt. Khi bụi tuyết đã lắng xuống hết, Holmes và tôi, súng lăm lăm trên tay thận trọng đi qua lối vào. Kế hoạch của Holmes đã thành công vượt quá sức mong đợi, hai tay súng người Trung quốc xấu số đã bị chôn vùi trong ngôi mộ bằng khổng lồ. Hiệu quả còn lớn hơn nhiều trong căn phòng này, không chỉ vì chúng tôi bắn đi một lượng đạn lớn hơn nhiều mà còn bởi trần hang ở chỗ này cũng thấp hơn nhiều, với những nhũ băng lớn lờm chờm treo lung lẳng bên trên. Chúng tôi đi vòng qua năm mồ băng. Lạt Ma Yonten lăm lăm vài lời cầu nguyện, hình như dành cho hai linh hồn đáng thương bị chôn sống trong đó. Ở đầu phía bên kia, cách chỗ chúng tôi khoảng 13 mét là một cái cửa khác, như vậy cái mà chúng tôi tưởng là một căn phòng thật ra chỉ là một kiểu tiền sảnh. Chúng tôi vượt qua tiền sảnh bước vào lối đi mới. Lúc này thì chúng tôi đứng trong một vùng không gian kín khổng lồ hình tròn kiểu như đại sảnh, đường kính dễ đến vài nghìn mét, phủ một mái vòm bằng băng vĩ đại, mà ở trung tâm có thể cao đến cả nghìn mét. Đó đây trong căn phòng hình vòm rộng mênh mông này là những bức tượng vĩ đại - có khoảng hai mươi cái - tạc hình những chiến binh dữ tợn trong bộ giáp phục lạ lùng. Những bức tượng khổng lồ này có đường nét rất cân đối ngang tầm với những tượng Phật vĩ đại mà tôi đã thấy ở thung lũng Bamiyan tại Afghanistan. Trong khi chúng tôi ngẩng người quan sát cảnh tượng kỳ vĩ mà vẻ hoành tráng của nó có thể khiến cho mái vòm xinh đẹp và trắng lè của Hốt Tất Liệt trông như một cái bánh pudding úp ngược thì Lạt Ma Yonten phát hiện ra một cái gì đó. “Có một ngọn đèn đang cháy sáng ở chính giữa”. Tôi áp cái ống nhòm lên mắt nhưng không thể nhìn mọi vật cho rõ ràng. Không khí lạnh và ẩm ướt trong hang đã tạo ra một lớp băng đông cứng nơi thấu kính. Vả lại, nó cũng không phải là loại kính có công dụng mạnh cho lắm. “Rõ ràng có một luồng phát sáng lấp lánh rất bất thường ở quanh đây” tôi lên tiếng. “Nhưng tôi không thể xác định rõ cái gì gây ra hiện tượng đó”. “Chúng ta sẽ sớm biết thôi” Holmes nói vắn tắt, “bằng cách cứ việc thẳng tiến”. Sau thoáng hai mươi phút đi bộ, chúng tôi đến trước một cột băng lớn - một mảng đá bị cụt, cao khoảng hai mét - nằm trên một bục đá vuông vức cách mặt đất chừng 60 cm. Chiếc cột dường như được tạo ra từ một loại băng không bình thường nào đó, có vẻ ngoài rất giống kim loại và có màu tối, nhưng lại hơi có ánh bạc giống như bầu trời sáng ánh trắng. Cái ánh lấp lánh lạ lùng trên bề mặt cột gây ra ảo giác rằng nó không hẳn là chất rắn mà chỉ là một lối đi dẫn đến một không gian sâu thẳm nào đó. Những đốm sáng nhỏ lấp lánh như sao từ vòm băng phản chiếu lên bề mặt của nó càng củng cố thêm ảo giác đó. Nhưng có một thứ thậm chí còn tuyệt vời hơn đó là cái vật tựa vào nó - hoặc nói chính xác hơn - vật gì đó treo lơ lửng cách đỉnh cột vài phân. Một khối pha lê toàn bích có kích thước bằng một trái dưa lê đang phát ra luồng sáng rực rỡ từ một ngọn lửa bên trong, cùng với vô số mặt cắt hoàn hảo trên bề mặt, nó phân bố ánh sáng thành vô vàn những dạng hình huyền ảo. “Đó chính là Nobru Rimpoche (Skt. Chintamani)” Lạt Ma Yonten thì thào, giọng như nghẹn lại vì một xúc cảm thiêng liêng. “Hòn đá quyền năng vĩ đại của Shambala” “Nhưng đó chỉ là một truyền thuyết mà thôi,” tôi nói, giọng hoài nghi, bởi đó là một câu chuyện hoang đường tôi thường được nghe trong thời gian lưu lại ở dãy Himalaya và vùng Trung Á “(3)” “Không, Babuji a.” Lạt Ma Yonten ngắt lời. “Tôi nhận ra hòn đá này từ bản miêu tả trong cuốn Đại pháp thời luân. Nó miêu tả việc sứ giả từ Shambala đã đặt hai Hòn đá như thế này mỗi hòn ở mỗi cực siêu linh trong hành tinh chúng ta. Hòn thứ nhất đã bị mất khi lục địa linh thiêng Ata-Ling bị những ngọn sóng thần nuốt chửng. Hòn thứ hai được mang đến Tây Tạng nhưng người ta tin rằng nó đã được đưa trở lại Shambala khi thế lực ác ma giành được quyền lực trên mảnh đất của chúng tôi.” “Từ trước đến nay bao giờ nó cũng ở đây cả,” Holmes trầm ngâm đáp. “Giấu kín mình trong hang động mênh mông này và đây mới là Ngôi Đèn Băng xứ Shambala đích thực. Hầu như có thể đoán chắc rằng vị trí và sự bí mật về ngôi đền đã bị mất đi cùng với cái chết của Đạt Lai Lạt Ma thứ chín; và từ đó về sau, căn phòng bên ngoài đã bị hiểu sai là ngôi đền thật”. “Có quả nhiều thứ đã mất đi cùng với sự băng hà của Đức Đạt Lai Lạt Ma thiêng liêng đời thứ chín” Lạt Ma Yonten lắc đầu buồn bã. “Nhưng hiện

giờ việc phát hiện ra Ngôi đền Thật và Hòn đá quyền năng là một bảo đảm bằng vàng cho quyền lực của Đức Đạt Lai Lạt Ma và hạnh phúc tương lai của đất nước chúng tôi. Đó là nhờ công của ông, ông Holmes ạ, Ông và người bạn đồng hành dũng cảm của ông.” “Vây không có lời cảm ơn nào dành cho ta sao?” - Một tiếng cười khàn khàn, giễu cợt cất lên, phá vỡ không khí thiêng liêng của ngôi đền. “Cho ta, người đầu tiên phát hiện Hòn đá quyền năng Vĩ đại” Chú thích:

(1) Vajra ban đầu là vũ khí ám sát của Indra, vị chúa thần của người Ấn Độ tương tự như thần Zeus trong thần thoại Hy Lạp. Các tín đồ Phật giáo đã biến đổi nó thành biểu tượng về sức mạnh tâm linh cao nhất “Quyền trượng kim cương” vũ khí vô địch không gì có thể chống lại được. Vajra gấp đôi hay chữ thập (tiếng Phạn: visva-vajra) là biểu trưng cho tính bất biến, vì vậy thường được dùng trong các thiết kế ngai vàng và ghế ngồi được chạm khắc trên đế tượng, cột, nền nhà, bất cứ nơi nào mà người ta muốn nó tồn tại vĩnh viễn với thời gian (2) le mot de l'énigme (tiếng Pháp): lời giải câu đố

(3) Những huyền thoại về hòn đá Chintamani thịnh hành, thậm chí vượt ra ngoài bờ cõi những nơi này. Người ta tin rằng Tamerlane và Akbar sở hữu những mảnh vỡ của một hòn đá như thế, cả hòn đá gắn trên chiếc nhẫn pháp thuật của Salomon cũng là một mảnh của Chintamani. Nicholas Roerich, một nhà du hành đồng thời là họa sĩ và nhà thần bí nổi tiếng vùng Bạch Nga đã tin rằng Chintamani là Lapis Exilis “Hòn đá lang thang của những danh ca thời xưa.

24. Khai Tuệ Nhân

Cả Sherlock Holmes và tôi đều nâng súng lên khi cái dáng cồng queo, nhợt nhạt của Giáo sư Moriarty - một Napoleon của Tội ác hay Tên ác ma - từ sau chỗ cột đá mà hắn ta đang nấp tập tễnh lê bước ra giữa như một diễn viên tiến ra sân khấu. “Các cuộc hành trình thường kết thúc trong cuộc gặp gỡ giữa những người yêu nhau” Moriarty nói, với một niềm vui giả tạo. “Tuyệt lắm. Một cuộc họp mặt hoàn hảo như thế này hiếm ai có thể mong đợi, kể cả khi ta có gửi lời mời đến mọi người đi chăng nữa. Thành phần ư, trước tiên phải kể đến Sherlock Holmes, hiệp sĩ Don Quixote - lúc nào cũng lằng xằng hỏi hả trong sứ mệnh cứu rỗi nhân loại và tên giám ma Sancho Panza người Hindu béo phịch phịch của hắn - một kẻ mà ta có nợ một món nợ nhỏ nhỏ nào đó - và a... phải ngoài ra còn Lạt Ma Yonten, con khỉ khéo bày trò của thằng nhóc hỗn xược kia... chắc chắn. Đạt Lai Lạt Ma cuối cùng của Tây Tạng” “Hurree, nếu thấy hắn nhúc nhích một ngón tay thì cứ nổ súng nhé,” Sherlock Holmes nói dứt khoát, nâng khẩu súng lên và dùng thân mình che chở cho Đạt Lai Lạt Ma. “Rất vui lòng, thưa ngài,” tôi đáp giọng cương quyết, chìa khẩu súng thẳng về phía Moriarty. Nhưng hắn nhìn chúng tôi, khinh bỉ. Dưới ánh sáng của Hòn đá quyền năng, trông hắn thậm chí còn xấu xí kinh tởm hơn so với lần chạm trán mới rồi với chúng tôi ở toà công sứ, cả thân hình méo mó của hắn đầy những vết thương và vết cháy rộp. “Bọn bay nghĩ ta cần phải thực hiện những hành động ngu ngốc và ấu trĩ như thế ư? Không tin ta à. Hay xem đây!” Nghe có tiếng rì rầm chuyển động trong khoảng không giữa cặp mắt hắn và Hòn đá quyền năng; và rồi từ Hòn đá một làn sóng mãnh liệt của một loại năng lượng nào đó bắn ra, giáng thẳng vào tay chúng tôi. Súng ống của chúng tôi biến mất trong nháy mắt. “Ta đảm bảo, thưa quý ông,” Moriarty nói với vẻ lịch sự giả tạo “Các nguyên tử tạo thành kim loại trong vũ khí sơ đẳng của các người đã bị cắt vụn và phát tán đến những chỗ xa xôi nhất của vũ trụ. Nếu nói đây là một kiểu biểu dương lực lượng thì hơi quá. Các người phải tha thứ cho ta vì sự phô diễn trẻ con này. Không phải ngày nào người ta cũng phát hiện được luồng năng lượng quyền lực nhất thế giới đâu.” Mặc dù thiên hạ thường cho rằng Hòn đá quyền năng Vĩ đại của Shambala đã mất tích hoặc đã trở lại Shambala, nhưng ta, sau một thời gian dài nghiên cứu gian khổ, đã biết rõ nó vẫn đang tồn tại. Trong những nghiên cứu độc đáo của mình, ta cũng phát hiện ra rằng mấu chốt để biết được vị trí của nó nằm ở trong cuộn giấy vẽ treo trong điện thờ của Đạt Lai Lạt Ma tại Chầu Viên. Trong nỗ lực giành lấy mandala, ta bắt buộc phải loại bỏ Đạt Lai Lạt Ma - tiền bối của thằng nhóc con này - kẻ xấu số mà lúc ấy đang ở trong gian điện thờ, cầu nguyện cho tất cả những sinh linh trong cái cõi ta bà đau khổ này. Ta cũng ra tay hạ độc thủ cái tên xuẩn ngốc - Gangsar trulku - bạn đồng môn của ta, kẻ đã đại dột đi vào điện thờ và vì ông chủ đáng thương của hắn mà không quản tài hèn sức mọn xả thân cứu chúa. “Thật không may, vào phút cuối, ta vẫn bị ngăn cản không đoạt được bức tranh cuốn, chỉ tại tên Đại pháp sư của Viện Khoa học Thần bí - quý tha ma bất lão đi! Lão già nhân lúc ta sơ ý đã huỷ đi ký ức và sức mạnh của ta. Thật may cho lão già lắm cẩm vì lao đã ngủm rồi, bởi vì ta còn nhiều ân oán với lão lắm. Nhưng cho dù một phần ký ức của ta bị phân tán khắp nơi, ý niệm mơ hồ về cuộc tìm kiếm trước đây vẫn như ánh hào quang yếu ớt trong trí nhớ của ta. Sau đó

ta đào thoát đến Trung quốc và ổn định dần cuộc sống ở Anh, nhưng như một ám ảnh, ta phải chịu một sức hút không sao cưỡng được buộc ta dần thân vào nghiên cứu một cách khoa học về pha lê và những hòn đá kỳ lạ - thậm chí cả những mẫu đá ngoài trái đất(1) - nó đã mang lại cho ta chút thú vui nho nhỏ. Rồi người, Sherlock Holmes a, người đã phục hồi quyền lực cho ta, giúp ta một lần nữa lại có thể bắt tay vào cuộc tìm kiếm thật sự - và đi đến hồi chung cuộc".Moriarty cà nhấc lét đến chỗ cột đá nguyên khối, vươn tay nhấc khối pha lê lên."Dừng lại! Nó thuộc về Shambala" Lạt Ma Yonten kêu to. "Người không được mạo phạm nó bằng đôi bàn tay ô uế của mình". "Lão già ngu ngốc!" Moriarty hét lên, giọng ngiệt ngã, mặt hằn méo xệch đi trong cơn cuồng nộ cùng với sự đề phòng độc địa, bộ mặt lịch sự giả tạo đang tróc ra từng lớp. "Chính người và lòng mộ đạo chó chết của người đã ngồi chồm hổm trên một sức mạnh lớn nhất địa cầu và lãng phí nó. Lòng từ bi ư! Niết bàn cho cội thế ư. Ủi chà! Toàn những điều nhảm nhí. Với tài năng và nỗ lực của riêng mình, ta đã phát hiện Hòn đá quyền năng và chỉ mình ta có quyền sở hữu nó. Nó sẽ được sử dụng như nó ra đời để phục vụ cho mục đích đó - vì quyền lực tối thượng".Nâng Hòn đá bằng cả hai tay, Moriarty giơ cao nó trên đầu, cho tới khi toàn bộ thân hình hắt hắt trong luồng sáng huyền ảo rực rỡ của nó. Trước mắt tôi dường như cái thân hình méo mó dị dạng đó đang bốc cháy trên một giàn thiêu dữ dội, nhưng những ngọn lửa này không phá huỷ - mà chữa lành, chúng hồi phục lại những gì méo mó, bất toàn, không trọn vẹn. Tôi không thể tin vào mắt mình nữa, nhưng những gì đang diễn ra trước những cặp mắt sưng sốt của chúng tôi là thật. Từng giây từng giây trôi qua, cái lưng gù gập của Moriarty dần dần vươn thẳng ra cho đến khi thân hình hắt đứng đó, cao, thẳng tắp. Những thớ thịt mềm nhũn, tái nhợt của hắn nở đều, căng ra với những bắp thịt săn chắc và lần đã ứng lên một màu hồng thanh tân; vai và bắp tay nở rộng, bộ ngực hom hem của một tên nghiện căng lên như một cánh buồm no gió. Nhưng nếp nhăn, vết sẹo và đường nét dị dạng khác biến mất trên khuôn mặt hắn, và giờ đây nó đã trở thành một khuôn mặt trẻ trung, đẹp đẽ và bừng sáng.Duy chỉ có đôi mắt là vẫn lưu lại cái vẻ tối tăm và hiểm độc như cũ, giọng nói y vẫn cay nghiệt và nhạo báng:"Này, trước khi ta khuất phục lũ các người bằng sức mạnh khủng khiếp của Hòn đá - mặc dù phải nói hiệu quả của nó sẽ hơi khác trong trường hợp của các người đấy - có lẽ khai hoá cho các người cũng là chuyện nên làm. Biết đâu, đó sẽ là một niềm an ủi cho các người khi biết được tác dụng cụ thể của cái sức mạnh kia nó sẽ tính sổ tất cả những món nợ của các người với Tự nhiên. Ta sẽ không làm các người phải buồn chán đâu, vì thế hay giống tai lên mà nghe..."Sau đó hắn bắt đầu một bài thuyết giảng dài lê thê, trên thực tế là một mớ hổ lốn nhưng ý tưởng quái dị với những giàn thuyết man rợ, mà hán ta - với cái vẻ xem mình là chúa tể thế giới - là coi khoa học hơn các quy luật khoa học được phát minh bởi những nhà tư tưởng lớn của nhân loại như ông Dalton(2) hay thậm chí cả Newton. Dĩ nhiên, toàn những chuyện nhảm nhí chúng tôi. Và tôi đi tới một kết luận thuyết phục rằng mảnh lối và tiểu xảo của hắn là kết quả của những kiến thức về tà thuật và thể lực của những ma vương, yêu quỷ trong môn phái của hắn. Chẳng có may mắn luận cứ khoa học gì trong mớ lý thuyết rắm rối ấy. Tôi muốn nói, thậm chí hắn còn mạnh miệng nói rằng sóng ánh sáng là những dao động từ tính và điện tính, trong khi cả bàn dân thiên hạ đều biết ánh sáng chỉ là các màu (VIBGYOR) như một sự thật hiển nhiên đã được chứng minh bởi Isaac Newton trong cuộc thí nghiệm lăng kính nổi tiếng của ông. Nhưng chưa hết, điên rồ hơn nữa là ý tưởng cho rằng suy nghĩ của con người chỉ đơn thuần là sự phóng điện trong các tế bào não. Thử hỏi làm sao một nhà khoa học như tôi lại có thể chịu nổi những ý tưởng điên rồ phản khoa học đến vậy."Nếu Moriarty đúng thì tất cả những gì chúng ta phải làm để có được cảm hứng tinh thần chỉ là ấn ngón tay ta vào một trong những cột pin của Signor Galvani(3) Dù thế sao đi nữa, tôi cũng xin chép lại toàn bộ bài thuyết giọng điên loạn của hắn, ngõ hầu đem lại cho độc giả tiếng cười tiêu khiển. Nhưng điều này được hắn thuyết trình với dáng điệu hạ cổ nhất của một học giả rởm đời, làm ra vẻ như mình nắm được toàn bộ kho tàng kiến thức của nhân loại nhưng lại chẳng khiến ai ngạc nhiên."Hòn đá quyền năng về cơ bản là một khối pha lê" Moriarty bắt đầu nói với chúng tôi với giọng điệu mà người ta chỉ có thể dùng khi nói với những thằng ngốc chốn quê mùa. "Về mặt cấu trúc, thật ra nó là một khối hình thoi có mười hai mặt. Mặc dù, một số thành tố nhất định trong thành phần cấu tạo nên nó không thuộc về thế giới này những thuộc tính độc nhất vô nhị của nó xuất phát từ bản chất tự nhiên với tư cách là một khối pha lê chứ không phải từ gì khác. Nói đến những kiến thức về pha lê, khoa học của chúng ta cho tới nay vẫn còn trong thời kỳ trứng nước, mặc dù cấu trúc hình học đặc biệt của pha lê đã kích thích sự quan tâm của nhiều nhà tư tưởng. Chẳng phải năm thế rần lý thuyết mà Plato đã nói đến rất nhiều chỉ là những dạng tinh thể khác nhau hay sao? Và chúng ta không được quên kim cương. Nó chỉ là tinh thể các-bon, nhưng cho tới nay vẫn là loại đá quý giá nhất trên trái đất. Pha lê có được những thuộc tính độc nhất vô nhị từ cấu trúc lưới đối xứng của phân tử. Những nguyên tử của cấu trúc lưới càng được nén chặt với nhau hơn thì những đặc tính của pha lê càng bộc lộ rõ ràng hơn.... và... à... sức mạnh đặc biệt của nó càng mãnh liệt. Ví dụ, nếu cấu trúc các phân tử các-bon lỏng lẻo, chính

là vì nó thiếu một cấu trúc lưới và kết quả nó chỉ là than đá hay nhọ nôi. Với một áp lực lớn hơn, kết cấu dạng lưới xuất hiện trong cấu trúc phân tử các-bon và kết quả là cho ra than chì. Khi phân tử các-bon chịu áp lực cực lớn và cấu trúc lưới được nén chặt lại, kim cương sẽ được hình thành. Nhưng nếu các phân tử và nguyên tử trong kết cấu dạng lưới nén chặt với nhau vượt quá một cái ngưỡng nào đó thì một số tinh thể sẽ phát triển những đặc tính siêu việt. Chẳng hạn, tinh thể của khoáng chất Spar ở Iceland chỉ cho phép một mức ánh sáng nào đó đi qua nó. Các người có thể sẽ hứng thú khi biết rằng, mặc cho tất cả những quan điểm ngu xuẩn cho là ngược lại mới đúng, sóng ánh sáng gồm có những dao động từ tính và điện tính xảy ra trong tất cả mặt phẳng khả dĩ chứa các tia. Do đó tinh thể của Spar sắp đặt những dao động từ và điện ngẫu nhiên theo trật tự khi ánh sáng xuyên qua nó(4). Những loại tinh thể khác, như thạch anh chẳng hạn, cũng chứng tỏ khả năng sắp xếp những dao động điện. Hòn đá quyền năng là tinh thể tối hậu có khả năng sắp xếp, khuếch đại và tập trung các dao động điện có một tính chất đặc biệt, vượt ngoài mọi giới hạn có thể hiểu được. Ta đã nói là những dao động điện cần cho Hòn đá quyền năng là một loại bước sóng đặc biệt. Đúng thế, về cơ bản, năng lượng tinh thần chứa đựng hàng triệu triệu những sự phóng điện cực nhỏ xảy ra mỗi giây trong não chúng ta, và những bước sóng đặc biệt cần thiết để kích hoạt Hòn đá quyền năng. Với đại đa số bọn người phàm phu tục tử không hề có năng lực điều khiển những hoạt động tâm linh, lợi ích của Hòn đá này đối với bọn chúng có khác nào một bài toán mẹo đối với một con bò. Nhưng với một bậc thầy được đào tạo bài bản về khoa học thần bí, người không chỉ có khả năng phóng những xung lực nao ra khỏi não bộ mà còn hướng chúng đến nơi ông ta muốn, khối pha lê này trở thành Hòn đá của quyền lực tối thượng. Và nó là của ta". Trong lúc Moriarty say sưa như kẻ lên đồng trong bài thuyết giảng toàn những lời khoát lác phô trương, tôi đã đi tới một kết luận không thể khác được rằng tất cả chúng tôi đều đáng bị dày xướng hoả ngục nếu không cố làm một điều gì đó, mà phải làm ngay cấp kỳ. Nhưng chúng tôi còn có thể làm gì chứ? Tôi nhìn Holmes về cầu cứu, xem ông có kế hoạch gì không. Nhưng rõ ràng là ông chẳng thể làm gì qua mặt Moriarty, vì tên giáo sư điên loạn tập trung toàn bộ sự chú ý vào khắc tinh của hắn. Trên thực tế đối tượng của sự tự tôn quá đáng và những lời ba hoa xịch đế của hắn chính là nhằm vào thám tử vĩ đại Sherlock Holmes. Những người còn lại - trong đó có cả tôi - về mặt trí tuệ mà nói chỉ là con sâu cái kiến trong mắt hắn. Đó là một nhận thức nhục nhã, nhưng nó lại có tác dụng kích thích cho một ý tưởng nổi loạn trong tôi. Một lần nữa chính là tôi chứ không phải ai khác, Hurree Chunder Mookerjee (M.A) này sẽ dạy cho Giáo sư Moriarty ngạo mạn một bài học nhỏ về sự khiêm nhường của người Cơ đốc giáo và phép lịch sự thông thường. Sherlock Holmes đang đứng đối diện với Moriarty, cách hắn chừng sáu mét. Ngay sau Holmes là hai Lạt Ma, mà tôi tự hào tuyên bố rằng cả hai đều đứng thẳng một cách dũng cảm không hề để lộ ra ngoài một dấu vết mảy may nào của nỗi kinh hoàng ắt hẳn đang tràn ngập trong lòng họ. Tôi đứng bên phải hai người, cách khoảng vài mét, một khoảng cách mà tôi đã cố kéo dài ra một cách chậm rãi bằng cách khéo léo nhích đi từng chút một hầu như không ai nhận thấy. Khi nhận định rằng mình không thể di chuyển thêm một bước nào nữa mà không lọt vào sự chú ý không có gì là thiện cảm của Moriarty thì cũng là lúc tôi đã vượt ra khỏi tầm nhìn thẳng trước mặt hắn, thế là tôi nín thở và "đẩy loạn binh đao". Tôi đang giữ chặt chiếc đèn sẫm màu bên tay trái. Nhanh chóng chuyển nó sang tay phải, tôi ném mạnh về phía giáo sư. Như đọc giả có thể đoán được, tôi đang cố lặp lại vụ cháy thành công trước đó tại Tòa công sứ Trung quốc. Nhưng chao ôi mọi việc không xảy ra như ý muốn. Một lần nữa, tôi lại ném trượt mục tiêu. Chiếc đèn dụng vào chiếc cột nẩy lên, kêu leng keng một cách vô dụng trên mặt đá. Chẳng hề có một đám lửa dữ dội hay một tia lửa yếu đi bùng lên từ ngọn đèn quái quỷ đó. Tôi đã quên mất rằng những ngọn đèn xách tay hiện đại này được thiết kế vững chắc an toàn như thế nào. Moriarty - thật đáng nguyên rủa - không hề cúi xuống hoặc tỏ ra nao núng lấy một giây trước cuộc tấn công của tôi, mà chỉ cười ha hả theo cái kiểu rất hiểm độc của hắn. "Mi thật tử tế làm sao, khi nhắc ta nhớ tới món nợ chưa được thanh toán giữa hai chúng ta. Suýt nữa thì ta quên mất. Nào..." "Cẩn thận đấy Hurree!" Holmes hét lớn. Nhưng đã quá trễ, quá trễ mất rồi. Một luồng sáng mãnh liệt phát ra từ đôi mắt của Moriarty hướng đến Hòn đá quyền năng. Bất thình lình, một quả cầu lửa thoát ra từ Hòn đá. Nó đánh trúng ngực tôi và hất mạnh tôi về phía sau. Hình như tôi đã bất tỉnh mất một lúc, rồi tôi cảm thấy đau rát trong lục phủ ngũ tạng. Cơ đau chạy khắp người tôi như chất cháy do súng phun lửa phóng ra. Sherlock Holmes cúi xuống, tôi vẫn đang trong tư thế nằm ngửa tởm, trên khuôn mặt cương nghị của ông hiện lên vẻ bất lực và đau đớn vô cùng. "Hurree, bạn của tôi. Ông có nghe thấy tôi nói không?" Tôi ngửi thấy mùi thịt cháy khét lẹt trên lồng ngực bị rách toạc của mình và biết rằng thế là hết; rằng tôi đang bắt đầu cuộc hành trình cuối cùng của cuộc đời. "Tôi sắp chết rồi, ông Holmes," tôi nói giản dị. Nhưng mọi việc dường như không đơn giản như vậy vì tôi đã nghe tiếng Moriarty the the phản đối rằng chung cục của tôi không thể chóng vánh như vậy: "Không không, anh bạn thùng phi của ta. Đâu có nhanh đến thế được. Người sẽ bị đốt cháy một lúc lâu trước khi đi đời nhà ma. Lửa than

đá. Ôi! Lửa than đá. Ha! Ha! Ha”. Ngay cả trong những giây phút cuối cùng, sự bình an hay một niềm an ủi nhỏ cũng khước từ tôi nốt. Tiếng cười điên cuồng xé toạc bầu không khí, dội đến tất cả mọi điểm trong khối băng khổng lồ này, lấp đầy không gian với những tiếng vọng được phóng đại đến mức khủng khiếp. “Ai sẽ là người tiếp theo đây?” Moriarty cười khùng khục một cách gớm ghiếc. “Không. Không phải người đâu. Holmes. Người sẽ là người phải chứng kiến cảnh này cho đến tận phút chót. Người cũng phải cảm nhận nỗi đau đớn khủng khiếp mà người đã gây ra cho bạn bè bởi sự can thiệp láo xược của người vào công việc của ta. Nhưng chúng ta sẽ bắt đầu từ đâu nhỉ? Thử nghĩ coi nào. Giờ chúng ta sẽ mục sở thị cảnh Đức Đạt Lai Lạt Ma bắt đầu cuộc hành trình đến những cánh đồng hoa trên thiên giới, điều mà người ta đã dày công rao truyền trên đất nước này với những mỹ từ cực kỳ hấp dẫn chứ nhỉ?” “Ông Holmes?” Lạt Ma Yonten kêu lên, tuyệt vọng. Ông phải cứu Đức Ngài! “Lão già ngu độn!” Moriarty cười khanh khách. “Người có thể chờ đợi gã người Anh này làm được gì để chống lại sức mạnh của ta - và sức mạnh của Hòn đá quyền năng chứ?” “Hãy nghe tôi” Lạt Ma Yonten kêu lên với Sherlock Holmes vừa mãnh liệt vừa tuyệt vọng. “Ông không phải là người Anh. Ông là một người trong chúng tôi. Ông cũng có sức mạnh.” “Mi nói gì thế, con khi già kia?” Moriarty rống lên, nhưng toàn bộ tâm trí của Lạt Ma Yonten chỉ tập trung vào Sherlock Holmes, người mà ông đang điên cuồng nắm lấy vạt áo choàng Ladakh giật mạnh. Đây là lần đầu tiên và duy nhất tôi chứng kiến cảnh Sherlock Holmes bị sốc. Miệng ông hé mở, đôi mắt mở to đờ đẫn, ngây dại, trong khi Lạt Ma Yonten kiên nhẫn một cách tuyệt vọng, cố nói với Sherlock Holmes về niềm tin xác tín nhưng có phần hơi điên dại của ông. “Ông Holmes, Sherlock Holmes. Hãy nghe tôi nói đây! Ông không phải là Sherlock Holmes. Ông chính là Gangsar truklu danh tiếng, cựu tu viện trưởng của Tu viện Bạch Phượng Hoàng một trong số ít nhưng pháp sư vĩ đại nhất của khoa học huyền bí. Tên ác ma đã giết ông cách đây mười tám năm, nhưng ngay trước khi sức mạnh rời khỏi cơ thể ông, chúng tôi đã kịp thời di chuyển nó - bằng phương pháp pho-wa của yoga(5) - đến một thần xác khác ở rất xa.” “Tôi không thể nhớ... tôi chẳng nhớ gì hết...” Sherlock Holmes lẩm bẩm và lùi lại vài bước như thể bị chuốc rượu say. “Ông không thể nhớ được bởi ông đã mất đi ý thức và đã chết khi quá trình pho-wa(6) được thực hiện và Khe hở của Bhramay được khai mở để giải thoát con chim thiêng. Đó là lý do tại sao chúng tôi không thể điều khiển tâm thức sau khi nó được giải thoát mà phải tuyệt đối trông cậy vào sức mạnh của Tam bảo trong việc dẫn nó đến một hình tướng nơi nó có thể cư ngụ được(7). Nhưng đó là điều tốt nhất mà chúng tôi có thể làm vào lúc đó” “Không biết có phải do cận kề cái chết hay do nỗi đau đớn khủng khiếp mà tôi đang phải chịu đựng khi nằm trên mặt sàn lạnh lẽo đã khiến tôi tiếp nhận câu chuyện kỳ lạ này mà không hề kinh ngạc hay nghi ngờ chút nào. Thật vậy, trong trạng thái nửa mê nửa tỉnh, thậm chí tôi thấy mình bình tĩnh chấp nhận sự thực này. Thế ra, Sherlock Holmes từng là một Lạt Ma ư? Sao lại không chứ? Ông sống độc thân, nét mặt cao quý, nhân cách thánh thiện và trí tuệ vĩ đại. Đúng với lời giáo huấn của Đức Phật về lòng từ bi và yêu thương mọi chúng sinh, ông đã dành cả đời để giúp người yếu đuối, người nghèo và kẻ thế cô để chống lại thế lực của cái ác. Ông bao giờ cũng có ý thức tìm hiểu và làm sáng tỏ đến ngọn nguồn của những vấn đề quan trọng và đem đến cho mọi sự vật ánh sáng của tuệ giác, khả năng tập trung cao độ của ông khiến cho nhiều người suốt đời thực hành luyện tập yoga tự nhận ra rằng so với ông mình cũng chỉ là kẻ mới tập tọng vào nghề. Trên đời này chưa từng có vị Lạt Ma nào thực sự xứng đáng với bộ áo choàng tu sĩ và địa vị của mình hơn người bạn thân thiết của tôi. Nhưng ngọn lửa ma quái thiêu đốt cơ thể từ bên trong khiến tôi rơi vào trạng thái mê man mất một lúc. Tỉnh lại, tôi thấy mình được chào đón bởi tiếng cười khà ố khó chịu của Moriarty. “Thế đấy, Gangsar, người bạn đồng môn thuần thành, năng nổ của ta. Rút cuộc thì người cũng sống sót. Con đường của nghiệp chương mới thật lạ lùng phải không. Hai kẻ thù lớn nhất của ta rốt cuộc lại là cùng một người. Chẳng phải là quá tiện lợi cho ta thực hiện cuộc trả thù ngoạn mục này hay sao. Người ta không nhất thiết phải đạt đến độ khát máu của hoàng đế Caligula khi ông ta mong muốn cả thành Rome chỉ có một cái cổ để phù hợp với nhu cầu tiết kiệm động tác trong những cuộc trả thù như thế này. Nhưng chúng ta sẽ ưu tiên Đạt Lai Lạt Ma trước đã. Người sẽ phải đợi đến lượt mình, Holmes ạ, hay là Gangsar, hoặc bất cứ tên gọi quái quỷ nào mà người muốn.” “Holmes sẽ hành động cho những gì trong hiện tại,” bạn tôi nói với một giọng mạnh mẽ, rõ ràng; ông đứng thẳng người lên, đưa tay chống nạnh “và mi sẽ không thể hại cậu bé được đâu”. Mặc dù đã chết đến mấy phần, chút tàn lực còn lại trong tôi cũng hân hoan vui sướng trước việc hồi phục sức mạnh của Sherlock Holmes. Xem kìa, đôi mắt chim ưng của ông lóe sáng như ngọc quý và tất cả đường nét trên gương mặt đều nổi bật: chiếc mũi hơi khoằm như mũi điều hâu, cái cằm cương nghị cả quyết đôi lông mày cao quý tất cả những đường nét này thậm chí còn hơn nổi bật hơn bộc lộ tâm hồn cao cả trượng nghĩa của người anh hùng. Cứ như thế về phần mình ông cũng trải qua một phép biến hình kỳ diệu vậy. “Ha, ha! Có phải ta đã nhận được một dấu hiệu thách thức không? Đồ ngốc. Đồ ngốc!” Moriarty chế nhạo, lắc lắc ngón tay trở dài như thể đang khiển trách một đứa trẻ. “Người tưởng

chỉ vì người đã phục hồi ký ức và một số sức mạnh bí ẩn xưa kia mà người có thể chống lại ta ư? Người đã quên Hòn đá quyền năng Vĩ đại ư? Cho dù có sự tổng hợp sức mạnh giữa Viện Khoa học huyền bí với tất tật các Đại pháp sư - còn sống hay đã chết - thì tất cả cũng không thể nào đối chọi được với sức mạnh vô biên của nó. Như vậy thì làm cách nào mi có thể ngăn chặn được ta. Chống lại sức mạnh của nó, dù chỉ một tí ti cũng vượt ngoài khả năng của người. Hãy thử đi này!” Một luồng nhiều động tuôn ra từ mắt hắn, đập vào hòn đá thì chuyển thành một dạng sóng vô hình có năng lượng huỷ diệt hướng về phía Holmes và hai Lạt Ma. Sherlock Holmes giơ tay lên và - như thể ông đã quen làm việc này cả đời (việc mà ông chắc chắn đã làm, có thể nói như vậy) - di chuyển các ngón tay tạo thành ấn(6) như một mật sư đang hành lễ. Ngay lập tức, một chướng ngại vật, hầu như có thể cảm nhận được, giống như kiểu một tấm màn năng lượng lung linh xuất hiện trước mặt họ. Sóng năng lượng chạm vào tấm khiên tâm linh gây nên một tiếng nổ như sấm. Holmes và hai Lạt Ma té nhào xuống đất, nhưng họ từ từ đứng lên được và rõ ràng không bị tổn thương nhiều, mặc dù nó có làm cho họ hơi run rẩy. “Khá khen cho người, Holmes,” Moriarty kêu lên, “nhưng cũng chưa được giỏi giang lắm đâu, nếu người bỏ qua cho nhận xét của ta. Rõ ràng là người chưa thật chuyên tâm thực hành những bài học của Lão đại mật sư. Ngón tay út phải mở ra như những cánh hoa Utpala (Bông sen xanh) sau cơn mưa đầu mùa chứ không phải củ rũ như con giống(9) sau khi bị thiến của một tên thái giám thế gia. Thế nào, chúng ta sẽ thử lại lần nữa chứ!” Moriarty liên tiếp vận công kết hợp với sức mạnh vô địch của Hòn đá, Sherlock Holmes lại tiếp tục tung tấm khiên tâm linh để bảo vệ bản thân và các Lạt Ma khỏi sự huỷ diệt. Nhưng sự thật đáng buồn là Moriarty chỉ đang đùa giỡn với Holmes và - như chính hắn đã tuyên bố từ đầu - chỉ sử dụng một phần nhỏ sức mạnh mà thôi. Cả thân hình vươn thẳng với sức mạnh rạng ngời, thỉnh thoảng hắn lại tung ra những đợt sóng năng lượng chết người, nhanh như tia chớp, về phía Sherlock Holmes. Nước mắt ràn rụa trên mặt, tôi nhận ra rằng người bạn cao quý của mình đã đến ngày tận số, cùng với ông là Đạt Lai Lạt Ma và Lạt Ma Yonten và tất nhiên sau đó là Tây Tạng, cái đất nước tuyệt vời mà tôi đã dành cho bao nhiêu thời gian và tâm sức của đời mình. Tất cả sẽ chấm dứt theo cách này ư? Bản thân tôi thì nằm vô dụng chờ chết trên mặt sàn lạnh lẽo của hang động này trong khi Moriarty vênh vênh vào vào, như con gà trống choài đậu trên đồng phân của nó, cất tiếng ò ó o ketch cớm mừng chiến thắng. Thật đáng ghét - thật không thể nào chịu nổi. Nhưng tôi còn có thể làm gì chứ? Đến nhúc nhích một ngón tay tôi cũng còn không làm nổi nữa là. Hay là tôi cũng có thể làm được điều gì đó chúng tôi nghiêng hai hàm răng lại thử nhúc nhích, chỉ để phát hiện ra rằng cả tấm thân to béo của mình chỉ còn là một đồng thịt vô dụng, không còn cảm giác hay thực hiện được chức năng gì nữa, trừ cánh tay phải vẫn còn một chút sức lực - ít nhất là trong lúc này. Cào cào trên sàn bằng bằng cánh tay phải, tôi cố nhích từng chút về phía trước một cách đau đớn. Moriarty hiện đang quay lưng về phía tôi, chậm rãi tiến về phía Holmes và hai Lạt Ma, hai người này đã bị ném về phía sau mỗi người một góc sau mỗi cú dành của Hòn Đá quyền Năng. Ôi, khẩu súng lục của tôi! Một vũ khí - hay bất cứ thứ gì đó. Tôi nhìn quanh sàn nhà nhưng chẳng thấy gì có thể thay thế cho vũ khí. Chỉ có chiếc ô cũ kỹ đáng tin cậy của tôi nằm chổng chơ trên mặt bằng, cách tôi một quãng, hẳn nó đã bị rớt xuống đây sau khi chủ nhân của nó bị quá cầu lửa đánh trúng. Lúc này, Moriarty đã ngừng ra đòn, tranh thủ ném vào mặt kẻ thù những lời chế nhạo, những nhận xét xách mé, báng bổ mà hắn xem như một trò đùa thú vị hay hóm hỉnh. “Ê hê hê, người đã thực hành đủ với bài tập ngón tay chưa, Holmes? Ta thật sự hy vọng như thế, vì ta muốn bài học tiếp theo của chúng ta phải khó hơn một chút. Nào, nó sẽ là gì nhỉ? À ta nghĩ ra rồi. Người sẽ thích món này đây Holmes ạ. Chắc chắn nó sẽ làm cho người hào hứng hơn. Ha ha ha”. Trong khi cái mái vòm bằng băng cao vợi vợi trên đầu nhại lại và phóng đại âm thanh tiếng cười của hắn một lần nữa thì một chùm tia lửa nhiều màu như pháo hoa từ Hòn đá bắn về phía trước. “Lửa địa ngục, Holmes! Lửa địa ngục đấy! Ha, ha”. Sherlock Holmes ra tay rất đúng lúc, ông thực hiện một số động tác trì chú huyền bí rồi nâng chiếc khiên tâm linh lên phía trước đúng vào lúc ngọn lửa đánh tới - ngọn lửa bùng to trùm lên tất cả. Trong một tích tắc tuyệt vọng đánh mất cả thiên đường, tôi tưởng đâu họ đã bị thiêu cháy trong ngọn lửa. Nhưng rồi, qua ánh lửa đang cháy dữ dội, tôi thấy Sherlock Holmes và Đạt Lai Lạt Ma đang ngồi gọn bên trong vòm năng lượng, bình an vô sự ít nhất là vào lúc này - trong khi xung quanh họ đám cháy ma thuật này đang bùng lên mãnh liệt. Nghiến chặt hai hàm răng, tôi cố lết thân hình không còn là của mình nữa đến chỗ chiếc ô - và nắm chặt cái cán. Tôi chẳng biết mình sẽ làm gì với nó, nhưng tôi cương quyết lết đến chỗ Moriarty. Giờ đây ngấm lại, tôi thật sự không thể nào giải thích được có làm sao cái thân xác bầm dập, gần như bỏ đi của tôi đã không đầu hàng cái chết mà còn dịch chuyển được về phía hắn, theo cách ấy. Có thể đó là do lòng căm thù vô hạn đối với con quỷ xấu xa cùng cực đang dương dương tự đắc kia, hoặc cũng có thể là do tình cảm và sự gắn bó dành cho không người bạn chí thiết, chỉ biết là trong thể xác dập nát của tôi vẫn có một khát khao cháy bỏng và một sức mạnh cần thiết để tiếp tục. Bây giờ, khi tôi đến gần kẻ thù không đội trời chung, ngọn lửa yêu ma

đang tiếp tục nhân lên nữa sức mạnh huỷ diệt và bắt đầu sự sống điên cuồng của nó. Những sinh vật quái đản của địa ngục như tiểu yêu, quỷ sứ, ngạ quỷ, phù thủy bay là là và nhảy nhót quanh ngọn lửa, cười rú, gào thét, trêu chọc những người bạn của tôi đang ngồi trong một vòng bảo vệ thiêng liêng nhưng cũng rất dễ bị tổn thương. Tôi ráng hết sức bò tới, nhích lên cho tới khi tiến đến sau Moriarty. Nhưng rồi tôi nhận ra rằng có lẽ từ đầu đến giờ tôi chỉ lừa gạt chính mình thôi. Trên thực tế, tôi không có cách nào đứng thẳng lên, dùng chiếc dù đánh mạnh vào đầu tên ác quỷ như cái kế hoạch mà tôi lơ mơ định tiến hành. Nhưng riêng cái việc tôi dùng một tay mà nhích đến vị trí này đã là một điều kỳ diệu. Nhưng giọt nước mắt giận dữ, bất lực và thất vọng lăn xuống gò má, nhỏ từng giọt xuống sàn băng. Qua làn nước mắt cay đắng, tôi nhìn bạn bè mình trong cuộc vật lộn cuối cùng với cái chết. Ngọn lửa địa ngục càng lúc càng gia tăng sức mạnh. Sherlock Holmes, kiệt sức và hơi tả, hiện đang quỳ trên hai gối, bàn tay trái chống xuống sàn làm trụ nâng đỡ cho tấm thân mệt mỏi. Nhưng con người bất khuất, can đảm này vẫn cứng cỏi giờ bàn tay phải lên cao, những ngón tay vẫn mãi miết thực hiện những cái ấn che chắn và chống đỡ thần bí. Đám ngạ quỷ ghê rợn xúm quanh họ trong cơn thịnh nộ và khoái trá đón chờ chiến thắng cuối cùng mà chúng đã dự liệu. Ba tên tiểu quỷ xấu xí nhảy cẫng lên như chơi trò bật bông trên vòm năng lượng. Một con quỷ khác đen như than, cực kỳ xấu xí với đôi mắt tóe lửa, tấn công bề mặt vòm năng lượng bằng một cây đinh ba bốc lửa, cố đục nó ra như cách ta mở hộp thịt bò muối. Một đám phù thủy cố gắng cào xé bên hông vòm bằng những móng vuốt sắc nhọn, chúng gào rú và rống lên những tiếng cười xóc óc trong sự chờ đợi chiến thắng - vì khối vòm rõ ràng đã bị suy yếu dưới cuộc tấn công tổng lực của chúng. Ngoài ra, còn có nhiều sinh vật đáng tửm khác hòa vào cuộc tấn công khốc liệt này, nhưng tôi không thể có một cái nhìn rõ ràng trong cái khung cảnh hỗn loạn ghê gớm cùng với những ngọn lửa đang bốc cháy dữ dội kia. Cái bóng đen của Moriarty dường như trở nên cao hơn, hiểm độc hơn và xấu xa hơn bao giờ hết khi hắn chuẩn bị tung ra ngón đòn chết chóc. “Tốt lắm, Holmes,” hắn thét lên hân hoan, giọng át cả tiếng gầm của ngọn lửa và tiếng la hét của đám thuộc hạ xấu xa. “Ta tin rằng tuổi tác cũng không làm khô héo hay giảm bớt tính sáng tạo trong khả năng vô hạn của ta. Chỉ là một chút cho các người ném trước về cái nơi mà ta đang định sẽ đưa người và bạn bè của người đến - mãi mãi!” Hắn lùi lại một bước trong tư thế chuẩn bị ra đòn - và đập trúng vào bàn tay đang xò ra của tôi. Chỉ muốn thét lên vì đau đớn, nhưng may mắn làm sao tôi đã cố gắng kìm được và vẫn để yên bàn tay chỗ cũ. Rồi một cảm giác lạ lùng choán lấy tôi, quả thật tôi đã khai thị được ngón tay của Thượng đế trong sự cố nhỏ nhoi này: “Tạm biệt, Holmes, bọn bay. Mãi mãi!” Moriarty bước lên phía trước. Tôi nắm chặt cái ô, chìa ra phía trước và móc cái tay cầm cong cong quanh mắt cá chân phải của hắn. Rồi, dõn vào đấy chút tàn lực cuối cùng, tôi giật mạnh. Trong một giây, thân hình Moriarty lao đảo lùi ra sau, nhưng rồi sức mạnh tuyệt vọng trong tôi đã làm cho đôi chân hắn quơ lên trong không khí và nửa mình trên của hắn đổ ụp về phía trước. Cánh tay hắn - theo bản năng sinh tồn choãi ra trước đỡ lấy thân hình - vô tình đánh rơi Hòn đá quyền năng xuống. Hòn đá quyền năng Vĩ đại bị đẩy tới trước do cú ngã của Moriarty, bay là là trong không trung, toàn thân lóe sáng, lấp lánh như ánh trắng rằm phản chiếu trên mặt nước nhấp nhô của một khúc sông đang gợn sóng - bay xuyên qua đám ngạ quỷ xấu xí và ngọn lửa địa ngục, xuyên qua cả bức tường đang suy yếu của khối vòm tâm linh - và sà vào bàn tay của Sherlock Holmes. Khi Moriarty lồm cồm bò dậy, thân hình hắn bỗng đứng teo dần lại, méo mó đi trông thấy và chẳng bao lâu sau hắn đã trở thành một lão khom già, xấu xí, còng lưng, thọt chân với cái mặt nhăn nhoe đầy sẹo - một Moriarty như chúng ta từng biết trước đó. Hắn nhìn xuống thân hình mình với vẻ hoang mang, sửng sốt, nhưng khi thấy Sherlock Holmes đang điềm điềm cầm trên tay Hòn đá quyền năng thì cặp mắt hắn mở to, sợ hãi đến tột cùng. Điều đó có thể giải thích được, vì ngọn lửa địa ngục và những quái vật đáng sợ bao quanh Holmes hiện đã chuyển mục tiêu sang Moriarty và đột nhiên ủa cả về phía hắn. “Ồi! Không! Không...” Hắn rên rỉ kêu lên, giọng kinh hoàng, nhưng chúng đã đồng loạt lao vào hắn. Chỉ trong một tích tắc ngắn ngủi, toàn thân Moriarty bùng cháy - và đến lần thứ hai thì chỉ còn trơ lại bộ xương. Rồi cả đến bộ xương cũng bị phân ra, chỉ còn lại một luồng khói và lửa bị bắn ra xa cùng với những ngọn lửa khác và đám ngạ quỷ ghê rợn, rồi thì chẳng còn gì hết. “Không... ông... ông... ông...” tiếng vọng thê thiết, dữ dội cuối cùng của Moriarty yếu dần và sau đó là sự im lặng sâu thẳm. Sherlock Holmes chậm rãi đến chỗ cột đá nguyên khối và đặt Hòn đá quyền năng lên trên. Rồi ông nhanh nhẹn đến chỗ tôi đang nằm trên sàn với tắc lờng thanh thản vì đã làm hoà với số phận, an tâm bước vào giai đoạn khác trong bánh xe luân chuyển của cuộc đời. Quỷ gối bên cạnh tôi Holmes kiểm tra vết thương một cách lo lắng. Lạt Ma Yonten và Đạt Lai Lạt Ma cũng cúi xuống cạnh ông, đôi mắt họ tràn ngập vẻ quan tâm, lo lắng. “Tôi tin... nỗ lực phục vụ của mình đã khiến ngài hai lòng, thưa ngài...” tôi cố gắng lắm mới thều thào được thế, môi tôi giờ đây cũng lạnh cứng như luồng khí lạnh đang chạy khắp châu thân. “Rất nhiều, nhiều hơn cả sự hài lòng mãn nguyện nữa, bạn ơi!” Đôi mắt trong sáng, nghiêm trang của Holmes như mở lệ, đôi môi ông run run. “Đừng bao

giờ từ bỏ hy vọng. Vẫn còn có một cơ hội.” “Không, ông Holmes,” tôi khó nhọc ngắt lời. “Không còn thời gian nữa đâu... chỉ yêu cầu ông viết một báo cáo... đầy đủ về việc thực hiện nhiệm vụ của tôi... gửi cho Đại tá Creighton. Ngoài ra, nếu không... quá phiền phức, xin ông rắc tro cốt của tôi xuống sông Hằng. Tôi... tôi là nhà khoa học nhưng... nhưng người ta không ai biết quá rõ về mọi chuyện. Giờ thì xin vĩnh biệt, các đức ngài cao quý” “Chắc chắn chúng ta phải làm một cái gì đó,” Holmes nói với giọng tuyệt vọng, khiến trái tim mệt mỏi của tôi như bị bóp nghẹt lại vì cảm động. “Có lẽ điều đó...” Lạt Ma Yonten nói, giọng ngập ngừng, “... vượt ra ngoài những cánh cổng của mandala. Nhưng làm thế nào...” “Tất nhiên” Holmes thốt lên, bắt các ngón tay vào nhau. “Tôi nhớ đến một huyền thoại. Chúng ta có thể thử. Đi này Đức Đạt Lai Lạt Ma. Bây giờ chỉ có Ngài mới cứu được người bạn của chúng ta”. Ông nắm tay dẫn Đạt Lai Lạt Ma đến thềm đá. Cậu bé ngồi xuống trong tư thế kiết già, đúng vị trí doá sen đang xòe cánh ngay trước Hòn đá quyền năng và nhắm mắt đi vào trạng thái thiền định. Sherlock Holmes cúi xuống bên cạnh thì thầm điều gì đó vào tai cậu bé. Dù cho Holmes đang cố làm điều gì đi nữa, tôi vẫn biết tất cả đã quá trễ, chẳng bao lâu sau ý thức cũng rời bỏ tôi, tôi nhanh chóng lịm đi trong vô thức. Người và vật trước mắt mờ đi, trở nên mờ lung mơ hồ cho tới khi mọi thứ trông vừa xa xôi vừa không thật, như trong một giấc mơ. Tất cả những gì diễn ra trước mắt tôi đều có cái gì đó không thật, không chắc chắn và hầu như đi ngược lại kinh nghiệm nghiên cứu của tôi với tư cách người quan sát và nhà khoa học thực chứng. Bây giờ, kể lại tất cả những chuyện này, tôi phải đoán rất nhiều, và chỉ ghi lên giấy những gì tôi đã thấy - hoặc tưởng tượng là mình đã thấy - vào lúc ấy Tôi không khẳng định đó là sự thật. Đúng có thể chỉ là một ảo giác trong cơn mê sảng. Cứ để bạn đọc tự hiểu thôi. Tuy khung cảnh xung quanh mờ dần đi trước đôi mắt đỡ dẫn của tôi, nhưng có gì đó buộc tôi vẫn nhìn Hòn đá quyền năng ánh sáng lạ lùng của nó dường như trở thành thực thể duy nhất hay là thực tại duy nhất quanh tôi. Ánh sáng của Hòn đá dần thay đổi, chuyển sang những gam màu tối hơn, nhưng vẫn không kém phần rực rỡ. Hiện tượng kỳ tuyệt này càng lúc càng mãnh liệt, cho tới khi tôi nhận thấy mình đang nhìn vào một cái cửa vừa tối đen, vừa như toả sáng. Cái khoảng trống đen đen đó từ từ lớn dần lên cho tới khi nó lấp đầy cả cái động mệnh môn này - rồi vượt ra ngoài nó nữa. Nằm ngửa trên sàn nhà và đưa mắt nhìn lên, thay cho cái mái vòm bằng, cái mà tôi thấy là bầu trời đêm vô tận và kỳ diệu, không bị ngăn lại bởi bất cứ chân trời nào hay bởi sự hạn chế thông thường do thị lực rất giới hạn của con người. Không gian bao la này không thay đổi, nhưng vẫn bị xáo trộn, không phải, bị sôi lên với những năng lượng và chuyển động, giống như những xoáy nước và vòi rồng khổng lồ trong biển cả khi bão tố dập vùi. Trung tâm của cái khoảng không mệnh môn vô tận như đại dương này dường như đã bị xé toạc, tạo ra một cơn lốc khác, dần dần lấp đầy khoảng không gian trước đây. Sự việc này diễn ra cá thấy bảy lần, cho tới khi bảy cơn lốc vô tận, cơn lốc này trỗi dậy từ trong lòng cơn lốc khác, trải dài hàng triệu triệu dặm phủ lên vô số vật thể trong hệ thiên hà bao la do Thượng đế sáng tạo ra này. Sau đó, từ con mắt của cơn bão cuối cùng xuất hiện một đốm sáng nhỏ di chuyển về phía trước, từ từ gia tăng kích thước cho tới khi nó mang một hình vốc rõ ràng. Hình như nó là một ngọn núi xa mờ, đang lơ lửng giữa tầng không - giống như đỉnh Kinchenjoonga khi bạn đứng ở Darjeeling nhìn lên - tương truyền thường trôi bồng bềnh thơ thới bên trên một biển mây vào những đợt gió mùa, hay như ”Hòn đảo bay xứ Lupata(10) của Jonathan Swift. Các mép của vật có hình dáng như ngọn núi này chói sáng một vòng lửa, trong khi bề mặt của nó lấp lánh vô số điểm sáng nhấp nháy muôn màu. Khi nó bay xuống thấp hơn, tôi có thể thấy hình dáng thật sự của nó, đó là một thành phố nào đó - một thành phố trên thiên giới với những toà tháp chọc trời và những cung điện nguy nga, cái này chồng lên cái kia, thành bậc thang như một tu viện của người Tây Tạng - thật ra nó rất giống Potala - nhưng cao hơn và lớn hơn bội bội lần. Có hàng triệu triệu những điểm sáng lấp lánh ở mọi khu vực trong thành phố, trong khi những mái đền hình chóp và mái chùa cong cong thì lấp lánh như vàng mười nấu chảy. Thành phố nằm trên một cái đế tròn khổng lồ có đường kính trải dài hết dặm này đến dặm khác bao quanh bởi những vòng lửa nhiều màu, hình như là nguồn cung cấp năng lượng để nó bay lên và hoạt động. Tất nhiên. Đó là một mandala.

Một tiếng gầm dữ dội như được cộng hưởng của hàng nghìn chiếc kèn trumpet khổng lồ Tây Tạng cất lên, vang vọng qua không trung khi nó chậm rãi hạ xuống, bùng cháy xiết bao rực rỡ với vô số luồng ánh sáng nhấp nháy đi động khiến tôi hoa cả mắt trong giây lát. Sau đó tôi cảm thấy mình đang bị hút về phía luồng sáng, và kỳ lạ thay không hề có cảm giác lo lắng e ngại, bất chấp độ sáng và nguồn năng lượng khủng khiếp của nó. Rồi nguồn sáng thay đổi trở thành một luồng sáng dễ chịu, giống như ánh sáng vừa phải trong một căn phòng có hệ thống chiếu sáng tốt, thế rồi tôi mơ hồ nghĩ rằng có nhiều hình dáng đang di chuyển quanh tôi. Cũng có thể tôi đang mơ vì những hình dáng đó, mặc dù rất giống con người - nhưng lại rất to lớn - cao ít nhất đến ba mét trong những bộ giáp phục lông lánh kỳ lạ, những chiếc mũ sắt uy nghiêm được trang

trí với chùm lửa phía trên. Thì ra đó là những hức tượng trong hang! Đó là lý do tại sao tôi mơ về tất cả những thứ đó. Một trong những dáng người đó nhẹ nhàng đi đến bên tôi và cúi xuống. Đó là khuôn mặt của một chiến binh oai phong, đẹp đẽ và cương nghị, trên gương mặt tuần tú xuất hiện một nụ cười thật ân cần, người ấy dịu dàng đặt tay lên mắt tôi. Tôi thiếp đi. Tôi mơ thấy mình đang nằm trên một bệ thờ cao, vây xung quanh là những tu sĩ nhìn không rõ mặt, họ mặc áo choàng trắng, mỗi cơ thể tôi ra bằng những con dao ánh sáng chói loà rồi rót một ngọn lửa dịu dàng vào trong thân thể tôi. Chẳng hề đau đớn gì và tôi lại chìm vào giấc ngủ một lần nữa. Chú thích:

(1) Trong Thung lũng khủng khiếp Holmes kể cho Watson biết rằng Moriarty là tác giả trứ danh của cuốn Động lực của một hành tinh nhỏ - một cuốn sách đạt đến đỉnh cao hiểm có về toán học cao cấp đến nỗi người ta nói không một nhà khoa học vào có khả năng phê bình nổi. (2) Có lẽ Hurre muốn nói đến John Dalton (1766-1844) nhà hoá học và vật lý vĩ đại người Anh, có đóng góp to lớn trong lý thuyết nguyên tử và những nghiên cứu về bệnh mù màu.

(3) Luigi Galvani (1737-1798) nh vật lý học người Ý được biết đến với những khám phá về điện sinh học Những nghiên cứu của ông đã dẫn đến phát minh ra pin, nhưng ông lại không nhận thức được rằng điện là một hiện tượng tách biệt với sinh học.

(4) Ngày nay, chúng ta gọi hiện tượng này là sự phân cực ánh sáng.

(5) Pho-wa: là một trong những phương pháp luyện tập được bảo vệ bí mật nhất và gây nên nhiều đổ kỵ nhất của yoga Tây Tạng. Loại hình yoga này truyền tâm thức từ một hoá thân này đến một hoá thân kế tiếp mà không bị gián đoạn trong dòng chảy liên tục của ý thức

(6) Tâm thức (hay linh hồn) rời khỏi thể xác qua “khe hở của Brahma” ở một điểm gọi là luân xa nằm trên đỉnh đầu tại đường nối đối xứng dọc nơi hai xương đỉnh khớp với nhau, được khai mở bởi phương pháp pho-wa của người theo thuyết yoga Con chim bay ra ngoài chính là tâm thức; chính là của khe hở này mà tâm thức rời khỏi thân xác, rời vĩnh viễn khi người ta chết hoặc chỉ rời tạm thời trong quá trình thực hiện pho-wa. Tiến trình này là một phần của Kundalini Yoga. (7) Đánh giá lại những lời nói của Lạt Ma Yonten thì dường như trong trường hợp này quá trình đó không phải là sự tái sinh với tâm thức tương tục mà là sự chuyển hẳn tâm thức vào cơ thể một người đang ông khác. Vì vậy, dường như đó là thuật yoga. Trong-jug đã được thực hiện trong trường hợp này chứ không phải là Pho-wa. Babuji hẳn lý không có lỗi trong sai lầm này. Có lẽ Lạt Ma Yonten đã lầm khi chọn thuật ngữ, một lỗi hoàn toàn có thể hiểu được nếu xét đến hoàn cảnh tuyệt vọng của họ lúc đó. (8) Ấn: (mudra) Mật báo hoặc Kim Cương thừa quan niệm thân tâm con người là một tiểu vũ trụ tương tự với đại vũ trụ bên ngoài, ấn là những cách thế, xếp đặt thân thể (nhất là năm ngón tay tượng trưng cho năm đại) để có một sự điều hoà dẫn đến một trạng thái tâm thức nào đó hoặc tạo ra một sự bùng nổ năng lực rất cao. (9) Nguyên văn: linga có nghĩa là dương vật. (10) Laputa là tên một địa danh hư cấu trong tiểu thuyết Gulliver du ký của nhà và nhà thơ, nhà chính trị và đồng thời là tu sĩ người Ireland Jonathan Swift (1667-1745)

25. Lời Chào Cuối Của Sherlock Holmes

Lúc mở mắt tôi thấy những con chim chiến chiến đang nhón nhơ bay liệng trên bầu trời trong sáng, xanh thắm giữa mùa hè. “Hurree. Ông dậy rồi đấy” giọng nói có sức an ủi lớn lao của Sherlock Holmes vang lên bên tôi. Ông đang ngồi cạnh chỗ tôi nằm, trên một thảm cỏ nơi sườn đồi tràn ngập nắng sớm mà hút tẩu thuốc với vẻ đầy mãn nguyện. Đầu óc tôi vẫn còn hơi mông lung, nhưng thật lạ lùng, tôi chẳng thấy trong lòng có chút vướng bận nào. Chỉ cảm nhận rõ một điều: thật là kỳ diệu khi ta vẫn còn được sống. Tôi sờ tay lên ngực, chẳng hề có vết thương nào, cả đến vết tích của nó cũng không. Có thể nào đây chỉ là một giấc mơ Nhưng khi ấn bàn tay phải lên ngực, tôi cảm thấy đau nhói ở bàn tay - nơi một bàn chân đã đạp lên nó. “Moriarty!” Tôi kêu lên. “Hắn đã chuyển tiếp sang một sự tồn tại khác rồi, Hurree ạ. Ông không nhớ là mình đã ngăn chân hắn khi hắn chuẩn bị tung ra phát súng kết liễu hay sao? Nếu người ta cần một thứ gì đó như là viện bảo tàng công cộng ở đất nước này thì cái dù của ông cần phải nằm ở đó”. Nghe tiếng trò chuyện của chúng tôi, Đạt Lai Lạt Ma, Lạt Ma Yonten, Tsering và Kintup từ địa điểm cắm trại nhỏ bên dưới bước tới gần. Đạt Lai Lạt Ma đến, quàng chiếc khăn màu trắng quanh cổ tôi để cảm ơn tôi vì đã cứu mạng cậu. Lạt Ma Yonten, trông như không bị hề hấn gì bởi cuộc thử thách vừa rồi, triu mến

nắm tay tôi mà lắc mãi. Tsering và Kintup rất vui khi thấy tôi tỉnh dậy và lành lặn, đồng thời biểu lộ lòng kính sợ tôi vô kể, chắc là bởi họ đã nghe Lạt Ma Yonten tán dương về công trạng của tôi trong hang động một cách cường điệu, thổi phồng câu chuyện lên quá mức. Tất cả nỗ lực của tôi hòng đánh chính lại sự hiểu lầm không những chẳng dẫn đến đâu mà thậm chí còn bất lợi, vì hai chàng trai lại xem sự phản đối của tôi chứng tỏ đức khiêm tốn tự nhiên của một nhân cách lớn và cộng nó vào danh sách những ưu điểm khác của tôi. Chúng tôi cắm trại trên một sườn đồi cách sông băng vài dặm, đứng từ đây có thể nhìn thấy nó từ hướng Bắc. Lối vào ngôi đền một lần nữa lại bị chôn vùi dưới băng, cho tôi khi Đạt Lai Lạt Ma đòi tiếp theo lên ngôi. Ở một bên khu trại của chúng tôi là một đám tù binh - chừng ba mươi tên lính Trung Quốc ăn mặc kỳ cục đang rúm lại với nhau một cách thảm hại. Những người lính của Đạt Lai Lạt Ma, dưới sự chỉ huy sáng suốt của Tsering dũng cảm, không chỉ đã đẩy lùi được đám lính Trung Quốc tại cây cầu băng mà sau đó, khi đang nắm thế chủ động đã bất ngờ đột kích và đánh cho chúng thất bại hoàn toàn. Ngày hôm sau, chúng tôi lên đường quay lại Lhasa. Trên đường đi tôi đã hỏi Sherlock Holmes về những sự kiện phi thường trong hang và cố moi ra một số lời giải thích có cơ sở khoa học về chúng. Ông không trả lời ngay mà chỉ im lặng cưỡi ngựa đi cạnh tôi. Sau khi chầm tẩu và rít vài hơi, ông quay sang nói với tôi: “Tôi đánh giá rất cao tình bạn của ông, Hurree a, và không muốn ông nghĩ rằng tôi không đáp lại tấm chân tình của ông. Tôi đã có một lời thề trang trọng rằng sẽ không bao giờ tiết lộ những bí mật này cho bất cứ ai không phải là chúng ta - dù đó là người bạn đáng tin cậy nhất và là đại ân nhân. Tôi đã thảo luận vấn đề này với Lạt Ma Yonten và ông ấy cũng nhất trí rằng có thể cho ông một lời giải thích chung chung mà không để lộ những thông tin đặc biệt, vì như vậy sẽ bị coi như là vi phạm lời thề giữ bí mật”. Dù đang trên mình ngựa, Sherlock Holmes vẫn mang dáng điệu mô phạm mà bao giờ ông cũng có khi giảng giải về một vấn đề nào đó: “Đức Phật từng có lần nói rằng có nhiều thế giới và hệ thống vũ trụ trong vũ trụ hiện hữu, cũng nhiều như cát bên bờ sông Hằng. Giáo lý nhà Phật tin rằng ”thời luân ưu việt nhất” được vận hành trong nhiều thế giới này bởi những Đức Phật khác nhau của quá khứ, hiện tại, tương lai và thậm chí bởi chính Thích Ca Mâu Ni. Nhiều trong số những thế giới này đi trước chúng ta, đặc biệt có một thế giới - cai quản một nghìn thế giới khác trong hệ thống của nó - tiên tiến hơn quá nhiều so với cái hành tinh nguyên thủy tầm thường của chúng ta trong những vấn đề về khoa học và tâm linh, vì thế không thể giải thích tính ưu việt của nó cho một người hiện đại hiểu được, cũng như không thể nào giải thích cách vận hành của động cơ hơi nước cho những thổ dân mông muội đảo Andaman hiểu. Đối với người trần mắt thịt chúng ta, những sinh thể của thế giới ấy cũng tựa như thần thánh vậy, không chỉ vì những khả năng siêu phàm mà họ sở hữu mà còn vì tuổi thọ phi thường. Nhưng dầu tài trí và sống lâu đến mấy một ngày nào đó họ cũng phải chết. Đúng như Đức Phật đã dạy phạm những gì được sinh ra tất có ngày chết đi - cả các vị thần trong Thiên đường của Indra cũng không tránh khỏi vòng sinh tử”. “Người ta tin rằng cách đây nhiều niên kỷ trong cuộc tìm kiếm chân lý phổ biến, những người của thế giới này đã đón ngộ được “Chánh Pháp” và từ đó về sau, họ cũng cố tìm cách bảo vệ Chánh Pháp, ở bất cứ nơi nào nó có thể bị đe dọa. Bao giờ họ cũng để mắt canh chừng thế giới chúng ta và, thông qua cộng đồng nhỏ của những hành giả tinh tấn ở nóc nhà thế giới, trên cao nguyên Tây Tạng xa xôi này họ đã duy trì một mối quan hệ với con người. “Ông đã biết lời tiên tri của các Lạt Ma rồi đấy, khi con người còn làm nô lệ cho lòng tham ái chìm trong vô minh mà gây nên hoang tàn, huỷ diệt ở khắp nơi trên mặt đất, trên biển cả và trong không trung; khi các thế lực đen tối xấu xa với những dụng cụ chết chóc và huỷ diệt cuối cùng đã nô dịch được con người, thì các vị vua của Shambala sẽ cử những đạo quân vĩ đại bằng ngang vũ trụ tới đây và trong một trận quyết chiến vĩ đại sẽ đánh bại quý dữ, đem lại cho hành tinh này một thời đại minh triết và an bình mới”. “Ông có tin vào câu chuyện đó không, thưa ông?” “Không nhất thiết phải ủng hộ một niềm tin như thế mới chất sự thờ phụng - một cách mù quáng, u mê - tiền bạc và quyền lực rốt cuộc sẽ dẫn con người đến đâu. Khi vùng đất xanh tươi màu mỡ bị huỷ hoại để xây nên những nhà máy tối tăm độc địa, nơi trẻ em bị lạm dụng, thiếu ăn còn phụ nữ ho lao thì bị bắt làm nô lệ; khi những bộ tộc nguyên thủy, chân chất chỉ được trang bị bằng cung tên giáo mác đã bị chúng ta cái đạo bằng những ý tưởng kinh doanh dối trá và cái gọi là nền văn minh thông qua hàng thùng súng đạn; và thậm chí khi tinh thần thượng võ trở nên nghèo nàn, nông cạn còn tất cả các quốc gia châu Âu đang nhanh chóng trở thành những trại lính luôn trong trạng thái sẵn sàng tấn công nước khác - vậy thì điều mà một con người biết phân biệt đúng sai có thể làm được chỉ là run lên trước tương lai đáng sợ của nhân loại.” Không, ông bạn thân mến, tôi không nghĩ sẽ là quá ngày thơ khi quan tâm nhiều đến lời tiên tri cổ xưa này và cũng là để nhận được chút an ủi từ kết luận đầy hy vọng ấy. Phải, Hurree a, vào một đêm đẹp trời nào đó, khi bầu trời trên đầu ông trong vắt và sáng rực ánh sao, thậm chí một nhà khoa học như ông cũng có thể ngược mắt lên dò tìm một đám sáng nhỏ màu xanh lá mạ nằm bất động ở xa xa cuối chân trời phương Bắc mà hy vọng rằng vị cứu tinh của chúng ta sẽ có thể từ đó đến!” Lê đăng quang của Đạt Lai Lạt

Ma, hoặc nói cho chính xác hơn là "sự đảm nhận quyền lực thế tục và tâm linh" diễn ra đúng một tháng sau khi chúng tôi quay về kinh đô. Cái chết của Moriarty rõ ràng là đã vô hiệu hoá mọi âm mưu của Trung quốc đối với Tây Tạng. Ngoài ra, bằng chứng sống là đám lính Trung quốc bị bắt làm tù binh đã khiến cả Hoàng đế(1) cũng khó xử, đành phải nhanh chóng triệu hồi Amban O-erh-t ai về Bắc Kinh và ngay lập tức ra lệnh chém đầu ông ta như một lời cảnh báo nghiêm khắc đối với bất cứ kẻ nào dám manh động gây ra mối hiểu lầm giữa Hoàng đế Trung Hoa "chính trực" và Đức Đạt Lai Lạt Ma đáng kính của Tây Tạng. Mất đi sự ủng hộ của Amban, quyền lực của quan Nhiếp chính cũng suy sụp dần, sau đó ông ta bị bắt, bị đem ra xét xử trước quốc hội và giam giữ suốt đời. Thủ đô Lhasa, trên thực tế là cả đất nước Tây Tạng đã tổ chức ăn mừng sự kiện vui này. Trong Đại sảnh đường của cung điện Potala, trước một đám đông cử tọa gồm các bộ trưởng, quan chức cao cấp, các vị Lạt Ma, tu viện trưởng của nhiều trường đại học tôn giáo lớn và các vị đại sứ đến từ các nước láng giềng như Nepaul, Sikh, Ladakh, Bhootan, Trung quốc, Turkestan, Mông Cổ cùng một số tiểu quốc khác của Ấn Độ... vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi đã ngồi lên Ngai sư tử, được trao tặng bảy Báu vật Hoàng tộc và tám Biểu tượng Chiến thắng, chứng thực ngài là Ngawang Lobsang Thupten Gyatso(2), Bậc Toàn tri, phù hợp với lời giáo huấn của Phật tổ Đại dương thông tuệ, Bất biến, Người nắm giữ sấm sét, quốc trưởng Vinh quang Thứ Mười ba thuộc Dòng dõi Vinh quang Chiến thắng và quyền lực và là Người cai trị về mặt Tinh thần và Thế tục của đất nước Tây Tạng. Sau buổi đại lễ, nơi Sherlock Holmes và tôi được dành cho vị trí trang trọng nhất, hai chúng tôi lại được tặng những phần thưởng đặc biệt trong một buổi lễ ít thủ tục phức tạp hơn nhưng không kém phần trang trọng. Một bộ áo choàng tu sĩ được ban tặng cho Sherlock Holmes, cùng một chiếc mũ công nhận ông thuộc đẳng cấp Huthoktu, hàng cao quý thứ ba sau Đạt Lai Lạt Ma trong hệ thống cấp bậc của Phật giáo Tây Tạng. Dích thân Đạt Lai Lạt Ma trao cho tôi một bức tượng Atisha bằng đồng thiếc rất quý hiếm từ thế kỷ 15, đó là tượng vị đại sư cao quý của đạo Phật đến từ Bengal. Tôi sẽ ghi nhớ suốt đời, với lòng kính trọng và xúc động, những lời nói đi kèm theo món quà vinh dự này. "Lần thứ hai trong lịch sử của đất nước," vị Đạt Lai Lạt Ma trẻ tuổi nói, "Tây Tạng cần cảm ơn một người đến từ vùng đất thánh Vangala". Đạt Lai Lạt Ma không còn là một cậu bé ốm yếu mà chúng tôi đã gặp lần đầu nữa, mà là một nhà lãnh đạo mạnh mẽ và khôn ngoan của cả dân tộc Tây Tạng. Rõ ràng, dù gặp bất cứ chướng ngại và nguy hiểm nào trong suốt thời gian cầm quyền, ngài cũng sẽ chiến thắng bằng cách này hay cách khác(3). Sau lễ hội mừng đăng quang, Sherlock Holmes lên đường đi đến Thung lũng Trắng Rằm (Dawa Rong) ở Nam Tây Tạng. Tu viện nhỏ của ông, lâu đài pháp sư có tên Bạch Phượng Hoàng tọa lạc ở vùng này. Một đoàn tùy tùng đông đảo gồm các nhà sư và tùy sư cùng đi với ông. Tại đó, trong một buổi lễ khác, ông trở về với vị trí của mình như một Lạt Ma tái sinh và tu viện trưởng. Trong vòng nhiều tháng, ông trải qua các buổi thiền định, puas và các buổi hành trì với các vị sư phụ. Được cấp một giấy thông hành đi khắp Tây Tạng, Kintup và tôi, cùng Gaffuru và Jamspele, đã đi du lịch đến vùng biển nội địa ở Chang Nam-so, nơi nước biển có hàm lượng muối cao nhất thế giới để nghiên cứu về hiện tượng thủy triều bất thường của nó và để tìm hiểu các khu vực lân cận. (Xin đọc bài báo, Ghi chép về hoạt động thủy triều của biển Tây Tạng, Vol.xxv No. 1 Jan/Feb, Tạp chí địa lý xã hội Bengal). Chúng tôi cũng đã đến nhiều hồ khác nhau và tiến hành vô số nghiên cứu về địa lý và dân tộc học mà không cần thiết phải nêu ra ở đây. Cuối cùng, sau khi nhận được công văn giao nhiệm vụ với lời lẽ khó chịu của Đại tá Creighton, ra lệnh tôi phải quay về, tôi miễn cưỡng đi đến quyết định rằng không thể nào ở lại và duy trì công việc nghiên cứu ở vùng đất bị cấm đoán này lâu hơn nữa. Sau cuộc chia tay buồn bã đầy bịn rịn với Đạt Lai Lạt Ma, Lạt Ma Yonten và Tsering, tôi rời khỏi Lhasa vào ngày 10 tháng Mười một năm 1892. Tôi đi về hướng Nam, men theo tuyến đường sông Bramhaputra vốn chảy qua Thung lũng trắng rằm xinh đẹp, tranh thủ ghé thăm tu viện của Sherlock Holmes nằm trên một sườn đồi đẹp như tranh vẽ giữa rừng cây bách xù thơm ngát. Tôi ở lại với ông một tuần, học được rất nhiều điều về... ồ, có thể là rất nhiều thứ. Ông quyết định ở lại Tây Tạng thêm một năm nữa để hoàn thiện việc nghiên cứu và thực hành. Sau đó, ông sẽ quay lại Anh(4) hoàn tất nhiệm vụ tiêu diệt để chế tội ác của Moriarty và xoá bỏ ảnh hưởng xấu xa của hắn ở các thành phố châu Âu. Chỉ khi nào nhiệm vụ này được hoàn thành, ông mới quay lại Tây Tạng. "Tôi đã nhận được lệnh," Holmes nói, "Và tôi phải tuân theo" Ông không nói thêm gì về người đã ra cái lệnh này mà tôi cũng chẳng hỏi. Hình ảnh cuối cùng về người bạn thân thiết và cao quý ấy sẽ sống mãi trong ký ức tôi. Trong bộ áo choàng màu vàng đỏ, cao lớn và oai nghiêm, ông đứng trước một bãi thông nhỏ gần cổng tu viện, cùng với các môn đệ, tất cả bọn họ cúi đầu chào rất thấp khi tôi nhảy lên mình ngựa phóng đi. Sherlock Holmes gơ bàn tay phải lên chào tạm biệt và chúc phúc cho tôi. Từ đấy tôi không bao giờ gặp lại ông nữa. Đối với tôi, bao giờ cũng là một nỗi buồn khó mà chịu nổi khi phải rời xa vùng núi yên bình, cô quạnh và trong lành này để quay lại thế giới thực của mình, mặc dù lần này, những phát hiện độc nhất vô nhị của tôi đảm bảo rằng thế giới sẽ chào đón tôi với những mề đay phần thưởng, sự bổ nhiệm và

tất cả những lễ phục khác trong sự tôn vinh và vinh quang. Thậm chí cho tới nay trong cuộc sống thành công và được nhiều người biết đến, tôi chưa bao giờ quên những lời thông tuệ của Sherlock Holmes - chắc chắn chúng đã khắc sâu trong tâm khảm tôi như bạn khắc chữ trên đá granite - nhắc tôi nhớ đến những nỗi bất hạnh và sự vô minh của thế giới này, cả sự tàn nhẫn giữa người với người. Và mới tối hôm qua thôi, vì không muốn dùng xe ngựa của mình mà tôi đi bộ về nhà từ khách sạn Lớn Phương Đông, sau bữa ăn tối thường lệ của Hội Hoàng gia châu Á, nơi tôi đã được mời đến để nói chuyện về cuộc thám hiểm Himalaya cho một nhóm các quý ông bệ vệ, phương phi cùng những bà vợ diện ngất trời nhưng đáng chán của họ. Ra khỏi khách sạn, tôi gặp một lũ trẻ con đói khát đang tranh giành thức ăn thừa từ trong thùng rác của khách sạn. Tôi dốc hết tiền trong túi phân phát cho chúng. Sau đó tôi bỏ đi, lầm lũi qua những con đường tối tăm phía sau khách sạn. Đó là một đêm trời không trăng, nhưng không có một gợn mây. Một lần nữa tôi thấy mình đang dõi mắt về phương Bắc, hướng về dãy Himalaya xa xa, bầu trời đêm lấp lánh những vì sao... sic itur amons ad astra(5) trích lời của Virgil...Nhưng vậy là đủ. Có lẽ tôi sẽ chỉ khiến bạn chán ngán với vôi vùi những lời đàm luận dông dài của mình. Hãy kết thúc câu chuyện ở đây. Chú thích:

(1) Quyền lực chính trị tối cao ở Trung Hoa vào lúc này nằm trong tay Từ Hy Thái hậu, bà di tàn nhẫn, khao khát quyền lực, xảo quyệt và bất trung của hoàng đế Quang Tự, người bị bà hoàng này ra lệnh giam lỏng suốt đời tại Trung Nam Hải. (2) Ngawang Lobsang Thupten Gyatso: tên đầy đủ của Đạt Lai Lạt Ma thứ 13

(3) Ở đây, Hurree đã tỏ ra rất có tài tiên đoán. Đạt Lai Lạt Ma không chỉ đứng vững sau nhiều mưu đồ chính trị xảy ra sau đó, mà thậm chí sau một lần lưu vong đến Mông Cổ và lần khác ở Ấn Độ, ông đã dần dần thành công trong việc thoát khỏi ảnh hưởng và quyền lực của Trung quốc đối với Tây Tạng. Ông đã tuyên bố nền độc lập của quốc gia này vào ngày mùa 8 tháng Giêng năm Quý sửu 1913. Bên cạnh những cải cách quan trọng trong chính quyền và trong tôn giáo, ông còn xây dựng được một đội quân hiện đại, một thời gian sau đã lập thành tích đánh bại quân đội Trung quốc ở biên giới phía Đông Tây Tạng, và dần dần khôi phục lại những khu vực lãnh thổ bị mất của Đế quốc Tây Tạng xưa. Đặc biệt đầy đủ hơn về cuộc đời của ông, xin xem Chân dung của Đạt Lai Lạt Ma, London, 1946, được viết bởi một người bạn của ông là nam tước Charles Bell.

(4) Sherlock Holmes quay lại Anh vào cuối xuân năm 1894 Chẳng bao lâu sau khi quay về ông đã thanh công trong việc bắt được tên Đại tá Moran giảo hoạt bằng một chiếc bẫy tinh vi, cùng lúc đó ông giải quyết vụ án mạng kỳ lạ Hon. Ronald Adair, một kẻ rời bỏ thế giới hào nhoáng của London và hoàn toàn mất tinh thần (Xem Bí mật trong ngôi nhà trống).

(5) sic itur amons ad astra (tiếng Latinh) đi từ đỉnh núi tới vì tinh tú (thơ của thi sĩ La Mã vĩ đại Virgil)

26. Lời Kết

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 13 người trong câu chuyện của Hurree, tạ thế vào ngày thứ 13 tháng thứ mười năm Quý Dậu (17 tháng Mười hai năm 1933). Một năm trước khi mất, ông đã công bố di chúc chính trị và những lời cảnh tỉnh cuối cùng: “Một điều có thể xảy ra,” ông tiên đoán “ở tại đây, tại Tây Tạng này là tôn giáo cũng như chính phủ sẽ lâm vào cảnh thù trong giặc ngoài. Trừ phi chúng ta có thể bảo vệ đất nước, nếu không Đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiền Lạt Ma, Cha và Con, cùng tất cả những người nắm giữ Niềm tin đáng kính khác sẽ biến mất mà không ai biết đến. Giới tăng lữ và các tu viện của họ sẽ bị huỷ diệt. Luật pháp sẽ bị suy yếu. Đất đai và tài sản của các văn phòng chính phủ sẽ bị chiếm giữ. Chính họ cũng sẽ buộc phải phục vụ cho ngoại bang hoặc phiêu bạt như những kẻ vô gia cư, vô sản nghiệp. Tất cả sẽ bị đắm chìm trong vô vàn khó khăn và nỗi sợ hãi triền miên, ngày và đêm sẽ kéo dài vĩnh viễn trong nỗi đau khổ”. Nhưng những lời cảnh báo của Đức Đạt Lai vĩ đại thứ 13 đã bị bỏ qua bởi giới tăng lữ mù quáng bạc nhược và tầng lớp quý tộc yếu đuối, họ đã khiến cho các tác phẩm bất hủ của ông bị xếp xó, phong trào cải cách của ông lụi tàn và trở nên vô dụng, tình hình đất nước tệ hại đến mức khi Hồng quân Trung quốc tràn vào Tây Tạng tháng Mười năm 1950, họ chỉ gặp phải sự kháng cự tự phát vô tổ chức của một bộ phận dân chúng. Sau đó, những đêm trường vô tận bắt đầu. Sau khi đập tan mọi ý thức phản kháng, chính quyền Trung quốc bắt đầu thực hiện các chiến dịch có tính hệ thống để nô dịch và đồng hoá người Tây Tạng và cách sống của họ. Các phong trào đàn áp đạt đến đỉnh điểm trong suốt thời kỳ Cách mạng Văn hoá và vẫn tiếp tục cho đến ngày nay với những mức độ bạo lực và tàn ác khác nhau. Hiện nay, thực hiện chủ trương nhỏ trừ

tận gốc không gì thuộc về nét văn hoá và đặc tính dân tộc của người Tây Tạng - những gì vẫn còn sót lại sau những chiến dịch diệt chủng trước đó - Bắc Kinh có động thái “mở cửa Tây Tạng” cho làn sóng nhập cư người Trung quốc; lớp người này đông đến mức người Tạng mau chóng trở thành một tộc người thiểu số tại chính quê hương mình. Tại Lhassa người Tạng là một dóm người dị tộc không đáng kể trong biển người Trung quốc. Thậm chí, lực lượng cảnh sát và binh sĩ Trung quốc trong và ngoài thành phố còn đông hơn cả dân Tây Tạng chính gốc. Họ có mặt ở đó để ngăn chặn và đàn áp.Những cuộc điều tra mới nhất cho biết hơn sáu nghìn tu viện, đền đài và các di tích lịch sử đã bị phá huỷ, cùng với cơ man những tác phẩm nghệ thuật, tôn giáo quý giá - và vô số sách quý ban thảo về nền học thuật cổ xưa, có một không hai của Tây Tạng. Hơn một triệu người Tạng đã bị chết do án tử hình, tra tấn và bị bỏ đói, trong khi hàng trăm nghìn người khác bị cưỡng bách làm nô lệ trong một trại tập trung ở những nơi xa xôi và hoang vu nhất vùng Đông Bắc Tây Tạng, nơi rõ ràng là một trại tập trung thuộc loại lớn nhất thế giới.Những người tị nạn may mắn thoát khỏi cơn ác mộng này đã cố làm sống lại một phần cách sống truyền thống của tổ tiên ở nơi đất khách quê người. Các chùa chiền, thiền viện, trường học và viện âm nhạc, nhà hát, cơ sở y tế, tác phẩm hội hoạ, các vật phẩm kim khí, nhiều ngành nghệ thuật và thu công khác bắt đầu phát triển trong và ngoài Dharamsala - thủ phủ của dân Tây Tạng lưu vong - và nhiều nơi khác ở Ấn Độ, cùng các quốc gia khác trên khắp thế giới, nơi người dân Tây Tạng tha phương tìm được một mái nhà mới cho mình.Trong thời gian ở Dharamsala, nơi tôi có một chân trong Bộ giáo dục của chính phủ lưu vong, một hôm tôi nghe nói có một số tu sĩ từ tu viện Bạch Phượng Hoàng (trong Thung lũng Trắng Rám) vừa trốn thoát đến Ấn Độ. Thậm chí họ còn cố gắng gây dựng một cộng đồng nhỏ trong một ngôi nhà gỗ một tầng kiểu Anh đồ nát, nằm ngay bên ngoài thành phố Dharamsala. Sau một giờ đồng hồ lặn lội trên con đường mòn vùng núi, tôi cũng đến được căn nhà gỗ ọp ẹp này. Một vài nhà sư già đang đọc kinh, họ ngồi trong tư thế kiết già trên một thảm cỏ bị giẫm nát trước nhà. Tôi hỏi một trong số họ xem tôi có thể gặp người đứng đầu nơi này không.Vài phút sau, một nhà sư có tấm thân hộ pháp, tính tình vui vẻ, có nét gì đó giống giống diễn viên hài người Pháp Fernandel, bước ra khỏi căn nhà gỗ lịch sự hỏi xem tôi đến có việc gì. Tôi đưa cho ông một túi trái cây, rau quả mà tôi mang theo để cúng dường chư tăng và thấy vui vẻ trong lòng khi họ vui mừng nhận lấy. Tôi được mời ngồi lên một chiếc ghế lung lay như rằng ông lão trong phòng cầu nguyện vắng vẻ vì vào lúc này, phần lớn các chú tiểu đã đi nhặt củi ở khu rừng gần đó. Một ngọn đèn nhỏ bằng bơ bò yak đang cháy sáng trên một cái bàn thờ tạm thời, đặt trên bệ lò sưởi cũ kiểu Anh. Một tấm lịch có chân dung Đạt Lai Lạt Ma lồng trong khung mạ vàng rẻ tiền được đặt chính giữa bàn thờ. Bên cạnh đó là hai chiếc lọ rẻ tiền cắm nhưng bông hoa đỗ quyên thắm đỏ, thường nở đầu trên các sườn núi vào mùa này trong năm.Tôi bắt đầu bằng cách trao đổi những câu thăm hỏi thông thường với nhà sư đáng vạm vỡ ngồi đối diện với tôi trên một chiếc thùng gỗ dùng để đựng hàng. Nước uống mời khách được bưng ra, và tôi đoán rằng đó là thứ được pha bằng loại sữa bột hiệu CARE nghe rất rõ mùi của những hoá chất bảo quản không tên nào đó. Sau khi hớp một vài ngụm cho phải phép, tôi đi vào việc chính.Tôi hỏi sư trụ trì xem không biết có nhà tu hành nào ở đây còn nhớ đến một người da trắng, một quý ông người Anh, thực chất là hoá thân của một Lạt Ma từng ở trong thiền viện của họ không. Thật lòng, tôi hỏi cầu âu vậy thôi chứ không nuôi hy vọng gặp được ai đó còn nhớ được ít nhiều chuyện này, nhất là đã hơn mười chín năm trôi qua kể từ thời điểm Sherlock Holmes có mặt trong tu viện, và chẳng cũng có rất ít những bậc trưởng lão còn sống sót sau khi tu viện bốc cháy rồi chạy đến tá túc ở khu nhà gỗ phía Bắc Ấn Độ này Vì thế thật là một ngạc nhiên kỳ thú khi nhà sư phương phi gật đầu xác nhận chuyện đó.Phải, ông nhớ đã được nghe kể nhiều về quý ông người Anh từng là tu viện trưởng của họ. Một hay hai vị sư già hơn cũng nhớ chuyện này, trong khi những người trẻ hơn, những chú tiểu thì không biết rõ lắm. Tôi đặt ra nhiều câu hỏi, quan tâm đặc biệt đến thời điểm Sherlock Holmes đến tu viện và khoảng thời gian ông ở lại lần đầu tiên và nhận được từ nhà sư những câu trả lời rất chính xác.“Thưa ông...” ông nói giọng từ tốn ân cần, “nếu quả ông có lòng quan tâm đến trulku của chúng tôi, tôi có thể mời ông xem một vật có thể khiến ông chú ý”. Ông quay sang nói với một nhà sư khác và cử vị này đi lấy vật gì đó. Người này sớm quay lại từ một căn phòng bên trong với một chiếc hộp hình chữ nhật gói trong một vuông vải lụa cũ kỹ, rồi trao cho nhà sư đang tiếp chuyện tôi.Vị chủ nhà cung kính tháo lớp vải bọc ngoài để lộ ra một cái hộp đựng công văn bằng thiếc còn cũ kỹ hơn nữa khiến trái tim trong lồng ngực tôi giật thót lên một cái. Ông mở chiếc hộp. Bên trong, nằm giữa một vài vật dụng của những người tu hành là một chiếc kính lúp sứ mẻ và một tẩu thuốc bằng gỗ anh đào xưa cũ mòn vẹt.Thoạt đầu tôi ghen ngào không thể nói nên lời, và sau khi trấn tĩnh lại, tôi thật xấu hổ phải thú nhận rằng trong cơn kích động trước những phát hiện vô giá này, tôi đã bộp chộp nêu ra một yêu cầu thô lỗ và thiếu cân nhắc:“Thầy có thể nhượng lại cho tôi hai vật này không tôi chỉ vào chiếc kính lúp và tẩu thuốc”“Tôi e điều

này thì không thể được,” nhà sư mỉm cười đôn hậu, không lấy làm điều về đề nghị bất nhã của tôi. “Ông cũng biết đấy, những vật này hết sức quan trọng đối với tu viện chúng tôi. Mặt khác, chúng còn có những giá trị về phương diện tình cảm đối với tôi.” “Thầy nói vậy là có ý gì, thưa thầy” tôi bối rối hỏi lại. “À, đây là những món tôi đã chọn khi còn là một đứa trẻ vào lúc chúng tìm đến tôi.” “Gì cơ?” tôi kêu lên “Ý thầy là...” “Phải,” ông trả lời với một cái nháy mắt tinh nghịch. “Ngài không nên quá kinh ngạc như thế.” “Nhưng đó là điều không thể!” “Không thể ư, thưa ông! Hãy cân nhắc sự thật một cách cẩn trọng” ông nói với dáng vẻ của một ông thầy đang lên lớp cho học trò, “rồi hãy áp dụng câu châm ngôn cũ này của tôi, một khi bạn đã loại trừ điều không thể bất cứ thứ gì còn lại, dù không thể xảy ra, ắt hẳn là sự thật”. Trong lúc tôi ngồi nhìn ông trong căn phòng tối chỉ được thắp sáng bằng một ngọn đèn duy nhất thắp bằng bơ yak, ông bắt đầu cười khe khẽ theo một kiểu lặng lẽ rất riêng. J.N.Nalanda Cottage Dharamsala 5 tháng Sáu năm 1989.

27. Lời Kết (2)

Mọi cuộc hành trình đều kết thúc ở màn thanh toán tiền nong: trả tiền cho phu khuân vác, người dắt la hoặc điều khiển lạc đà và thưởng cho nhân viên, đặc biệt là những người dẫn đường đáng tin cậy và tất nhiên là sirdar(1) người lãnh đạo vô giá và là nhà tổ chức của đoàn hành hương. Đó cũng là lúc bạn phải tìm ra những lời thích hợp để cảm ơn và đền đáp cho sự đóng góp của mỗi người bạn đồng hành trung thành, ít nhất cũng là vì vô số những nghĩa cử đẹp đẽ và tình thương yêu mà bạn đã nhận được trên mỗi chặng đường. Đầu tiên và trên tất cả, tôi ý thức được món nợ lớn lao đối với hai nhà văn nổi tiếng nhất nước Anh thời Victoria là Arthur Conan Doyle và Rudyard Kipling, chính là nhờ những tác phẩm vĩ đại của họ mà cuốn sách cộp nhặt nhỏ nhoi của tôi mới được tượng hình thai nghén và nuôi dưỡng - cũng như cái cách mà một loài động vật được nhắc đến trong truyện đã làm. Sáu mươi cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes được ghi chép lại dưới ngòi bút John H. Watson được hậu thế biết đến như là “bậc thầy” của “Các tác phẩm thiêng liêng”. Những tác phẩm viết về Sherlock Holmes cũng tương đương với “Kangyur” trong Phật giáo Tây Tạng, là cội nguồn quan trọng cho cảm hứng và cuộc tìm kiếm tri thức; không chỉ trên cơ sở lập luận mà còn cho văn phong và thậm chí bối cảnh cho tác phẩm của tôi. Nhìn chúng bạn đọc đồng đẳng thường không nhận biết được giá trị tham khảo của những bài phê bình về Holmes vốn được xem như là “Tác phẩm thứ hai”, mà trong Lạt Ma giáo có một từ tương đương rất hay là “Tengyur” - hoặc những lời phê bình. Rất nhiều những “Tác phẩm thứ hai” đã thảo luận về đề tài này, có giá trị nhất trong số đó là tác phẩm kinh điển của Vincent Starrett, Cuộc sống riêng tư của Sherlock Holmes và tất nhiên là tác phẩm của William S. Baring-Gould, Sherlock Holmes ở đường Baker, ngoài ra còn có bộ sưu tập lớn có chú thích toàn bộ các câu chuyện về Sherlock Holmes. Tôi cũng nên nhắc đến hai nỗ lực từ rất sớm trong việc xây dựng lại khoảng thời gian Sherlock Holmes ở Tây Tạng, đó là cuốn Sherlock Holmes ở Tây Tạng của tác giả Richard Wincor và tác phẩm The Adamantine Sherlock Holmes của Hapi. Hạt giống ý tưởng đầu tiên về tác phẩm mandala of Sherlock Holmes được gieo trong đầu tôi là của John Ball tiên sinh (một học giả Oxford đầy tham vọng) tác giả nổi tiếng của tiểu thuyết (Trong cái nóng nực ban đêm, v.v..., chủ tịch Hội đoàn Los Angeles Scion Society (về Sherlock Holmes) và Master Copper-Beech-Smith of the song of the Copper Beeches, ở Philadelphia, người trong một đêm đông lạnh lẽo tại Dharamsata năm 1970 đã kiểm tra một cách cẩn thận kiến thức của tôi về “Những tác phẩm thiêng liêng”, để đi đến kết luận mà ông đã long trọng tuyên bố khi chào mừng tôi gia nhập vào Baker Street Irregulars. (John Ball, “Con đường của một Master”, Tạp chí Baker street, tháng 3 1971, Vol. 21, No.1, New York) Kim - cuốn tiểu thuyết vĩ đại của Rudyard Kipling về Ấn Độ thuộc Anh, được Nirad Choudhari xem là câu chuyện đẹp nhất về Ấn Độ thuộc Anh là nguồn cung cấp những thông tin địa lý cho bối cảnh của câu chuyện, nhất là hoàn cảnh ra đời của “Cuộc chơi vĩ đại” cùng một số nhân vật của nó - những nhân vật không thể thiếu từ Bengali Boswell cho đến Giáo sư. Những truyện ngắn khác của Kipling, đặc biệt trong những tuyển chọn này: Chiếc xe kéo ma quái và tác câu chuyện kỳ quái khác, Câu chuyện của núi đồi, và Dưới những cây thông tuyết đã cung cấp thêm nhiều chi tiết thú vị khác. Tôi không cho phép mình quên những kiến thức thu lượm được trong các tác phẩm của Sarat Chandra Das, một học giả đồng thời là điệp viên người Bengal nổi tiếng, đó là nguồn cảm hứng thật sự cho nhân vật Hurree Chunder Mookerjee của Kipling. Tác phẩm quan trọng của Das đã tạo thêm sinh khí cho cuốn cách này là Hành trình đến Lhasa và Trung tâm Tây Tạng. Tôi cũng phải nhắc đến tác phẩm Xuyên qua Himalaya của Sven Hedin, nó đã cung cấp chất liệu trong việc chuẩn bị cho hành trình của Holmes đến Lhasa. Về bối cảnh của Ấn Độ và sự cai trị của Anh ở Ấn Độ: tác phẩm Hướng dẫn đến Simla và vùng lân cận của tác giả Sood, cuốn Những câu chuyện rút được từ sự cai trị của Anh ở Ấn Độ

của tác giả Charles Allen, cùng tác phẩm sự cai trị của Anh ở Ấn Độ, một cuốn ghép hình về Anh-Ấn, Ấn Độ thuộc Anh của Geofrey Moorhouse; Phong tục và đặc điểm của Ấn Độ thuộc Anh của Evelyn Battye, tất cả đều là những nguồn mà tôi đã vay mượn ít nhiều để dựng lại đoạn miêu tả về cảnh sát giao thông ở Bombay. Còn về tôn giáo, tôi có tham khảo những tác phẩm của Kazi Dawa Samdup và Evans Wentz liên quan đến “phowa và Trongiug”, cuốn Shambala: ốc đảo ánh sáng của Andrew Tomas; những tác phẩm của Carl cũng liên quan đến những vật thể bay lạ trong không gian và mandala trong bộ sưu tập đồ sộ của ông. Nền văn minh trong buổi giao thời. Những học giả và nhà văn khác có những tác phẩm được nhắc đến và ghi lại trong phần chú thích và trích dẫn. Xin được cảm ơn Gyamtso vì hai tấm bản đồ, cảm ơn Pierre Stilli, Lindsey và đặc biệt là Christopher Beauchet vì những đóng góp cho những hình ảnh minh họa ban đầu. Tôi cũng xin cảm ơn Esther vì đã đánh máy toàn bộ bản thảo này. Tôi mang ơn Shell và Roger Larsen vì lòng mến khách nhiệt tình, không có giới hạn mà họ dành cho tôi trong giai đoạn tôi bắt đầu viết sách và sự ủng hộ của Tamsin. Tôi cũng biết ơn những người bạn Tashi Tsering và Lhasang Tsering vì đã hiệu đính, đề nghị và đôn đốc thường xuyên để “mandala” được xuất bản; tôi cũng xin cảm ơn Patrick French vì những lời khuyên đáng giá và sự động viên hào phóng. Tôi phải cảm ơn người biên tập đầu tiên - Aradhana Bisht - với những lời nhận xét hữu ích về nhân vật Hurree. Tôi đặc biệt cảm ơn Jan Smith, Anthony Sheil, Elenora Tevis, Susan Schulman, Jenny Manriquez và các cựu đại sứ Mỹ ở Ấn Độ là Frank Wisner, Tenzin Sonam, Riều Sarin, giáo sư Sondhi và bà Madhuri Santanam Sondhi vì sự động viên quý giá và sự giúp đỡ trong việc cho ra đời cuốn sách này. Xin cảm ơn Amalay Regzin và nhất là Tenzing và Nam kha vì tình yêu và sự ủng hộ vô bờ bến. Chú thích:

(1) Sirdar: người đứng đầu, ng trưởng nhóm hoặc người tổ chức một đoàn buôn hoặc một cuộc thám hiểm (tiếng Hindu)

Bảng chú giải ngắn về từ và câu Hindu, tiếng Anh-Ấn, tiếng Phạn, Tây Tạng và Trung quốc. Amban: người đại diện cho triều đình Mãn Thanh ở Lhasa. Angrezi: Người Anh (tiếng Hindi-Urdu) (Hindustani là từ trong tiếng Anh để chỉ cả hai thứ tiếng Hindi (ngôn ngữ chính thức của Ấn Độ) và tiếng Urdu (ngôn ngữ chính thức của Pakistan), mà theo giới ngôn ngữ học là hai phương ngữ của cùng một thứ tiếng). Tiếng “Hindustani” cũng được viết là tiếng Hindi-Urdu. Anna: đơn vị tiền tệ Ấn Độ bằng 1/16 đồng rupi. Argon: con của một cuộc hôn nhân giữa người Yarkandi và Ladakh hay người bản xứ Spiti. Arre! diễn tả sự kinh ngạc (tiếng Hindi-Urdu). Arya- arta: cùng đất cao quý, Ấn Độ (tiếng Phạn). Babu: người bản xứ có học thức làm công chức nhà nước (tiếng Hindi-Urdu). Bahadur: anh hùng, dũng cảm (tiếng Mông Cổ, Hindi-Urdu). Baksheesh: tiền boa, tiền trà thuốc (tiếng Hindi-Urdu). Bakwas: vô lý, nhảm nhí (tiếng Hindi-Urdu). Baapre-baap: cha ơi (tiếng Hindi-Urdu). Baraat: đám rước dâu (tiếng Hindi-Urdu). Bảy Báu vật (Seven Articles): Bảy Báu vật hoàng tộc gồm Nữ hoàng cao quý, Bộ trưởng cao quý Trưởng tu viện cao quý, Ngọc ước quý giá, Bánh xe quý Voi quý và Ngựa quý. Bearer: người hầu, người phục dịch trong nhà (tiếng Anh-Ấn). Benaras: thành phố thánh của người Hindu, ở bên bờ sông Hằng. Betel nut: quả cau. Bewakoof. đồ ngốc (tiếng Hindi-Urdu). Bhangi: người ở, người giúp việc (tiếng Hindi-Urdu). Bhisti: những người mang nước (tiếng Hindi-Urdu). Bhocia: dân Tây Tạng, hay dân tộc Tây Tạng ở Himalaya Ấn Độ (tiếng Hindi-Urdu). Bi đi: điều xì gà nhỏ của người bản xứ (tiếng Hindi-Urdu). Bikaner: một tiểu vương quốc và thành phố tráng lệ trước đây ở Rajastan. Bilaur: pha lê (tiếng Tây Tạng). Bistra: túi ngủ tiếng Tây Tạng). Bodhistat~a: dịch âm Hán ~lệ là Bồ-đề T-á~doa hay còn gọi là “Ồ Tá(. Trong Phật giáo Đại thừa, Bồ tát là hành gia sau khi hành trì đã đạt thành tựu (Phật quả) nhưng nguyện không nhập Niết bàn khi chúng sanh chưa giác ngộ (tiếng Phạn).” rahmo Somay ~Xã hội thần thánh là khái niệm được nêu ra của Rajam Ram Mohan Roy: nhà cải cách vĩ đại Ấn Độ và vị lão thành nhất của Thời phục hưng Bengal. Budmaash: một người không tốt, một kẻ xấu (tiếng Tây Tạng). Bukoo: một kiểu áo choàng Tây Tạng (tiếng Hindi-Urdu). Bundobust: một tổ chức tài năng (tiếng Hindi-Urdu). Bundook: một khẩu súng trường tiếng Hindi-Urdu). Burra: lớn, quan trọng tiếng Hindi-Urdu). Burra mèm: quý bà quan trọng (tiếng Hindi-Urdu). Cahuli: đến từ Kabul ở Afghanistan (tiếng Hindi-Urdu). Chatter Munzil: những cung điện ở Lucknow được xây dựng cho những bà vợ của một nhà cầm quyền Hồi giáo. Chale cao: đi đi (tiếng Hindi-Urdu). Chao.: đi, chạy đi (tiếng Hindi-Urdu). Chang: một loại bia màu trắng nhạt làm từ lúa mạch lên men (tiếng Tây Tạng). Chaprasi: người đưa tin, người phục vụ cho cho nhà nước, có đeo ~loá ở thắt lưng (tiếng Hindi-Urdu). Chilipa: người ngoại quốc, người Châu Âu (tiếng Tây Tạng). Chini: ngôi làng diên đồi ở biên giới Kinnaur, giờ là Kalpa. Chintamani: vật quý thực hiện được điều ước trong các truyền ~hu~ết của Phật giáo (tiếng Phạn). Chokra: thăng nhai, thăng nhóc lẽ đường (tiếng Hindi-Urdu). Chota-hazri: bữa

trà sáng sớm (tiếng Anh lai Ấn).Churail: ma, linh hồn một người đàn bà đã chết khi sinh con (tiếng Tây Tạng). “C I E: danh hiệu trung tá của đế quốc Ấn Độ thuộc Anh.Collector: người quản lý chính của một hạt, ban đầu là người thu thuế.Dacoit: tên cướp (tiếng ~nh-ân).Da dao: thanh gươm lưỡi to bản của đạo phu.Dak bungalow: toà nhà cho khách ở của chính phủ (tiếng Anh-Ấn).Daal:,đậu lăng (tiếng Hinsu).Dam cha: gà nước (tiếng Tây Tạng).Dayig: công văn nhà nước, theo nghĩa đen là mũi tên công vụ (tiếng Tây Tạng).Dawat: tiệc mừng (tiếng Hindi-Urdu).De kho: nhìn kìa (tiếng Hindi-Urdu).Dekchis: nồi nấu ăn (tiếng Hindi-Urdu).Deodar: thuộc loài tuyết tùng mọc nhiều ở phía tây Himalaya.Dharma: Pháp, một khái niệm quan trọng trong Đạo Phật có nhiều nghĩa trong đó nghĩa quan trọng nhất là quý luật bao trùm toàn thêm vú trụ, nhất là quy luật tái sinh dưới tác động của nghiệp. Đức Phật là người đã giác ngộ được quy luật nói trên và giáo hoá giác ngộ cho chúng sinh (tiếng Phạn).Dhoti: chiếc khố lỏng được những người theo Ấn Độ giáo mặc (tiếng Hindi-Urdu).Dorjee: ban đầu là vũ khí sắc sét của Indra, về sau được đồng hoá vào ký hiệu của Phật giáo như là ”Ivajral” (tiếng Phạn), quyền trượng kim cương (tiếng Tây Tạng).Double dorjee: “quyền trượng kim cương” chữ thập, ký hiệu về tính bất biến của đạo Phật.Drilbu: chuông (tiếng Tây Tạng).Dlck~ trang phục được dệt bằng sợi hong dày tiếng Anh ~11~.Eblis: cương cự quý sa tăng của Hồi giáo tiếng ~A rập).Ecca ghari: loại xe ngựa nhỏ, dùng để chở khách, có 2 bánh (tiếng Hindi-Urdu).“adha: con lừa (tiếng Tây Tạng).”aruda: phượng hoàng hay chim khổng lồ, loài chim đầy sức mạnh trong huyền thoại Phật giáo ~à Ấn Độ giáo tiếng Phạn thau: chiếc hộp ma thuật (tiếng Tây Tạng).“reay ~ame: 5ự đấu tranh và hoạt động gián điệp của ~nh-nga ở biên giới phía Bắc Ấn Độ.Hai-mai: ~hồ lân ~ôi chưa”, tiếng khóc ru~et vọng (Tiếng Hindi-Urdu).Ha kim: bác sĩ (tiếng Hindi~rdu).Havildal~ trung sĩ (tiếng Hindi-Urdu).Ha~dilji: bù nhìn (tiếng Hindi-Urdu).Hill ~a~ion: khll vực nằm cách mặt biển trên 1500 mét nơi mà chính pht~l chuyên đến lúc thời tiết nóng (tiếng ~nh~n).“ookah; óng nt~ớc phương Đông tiếng Hindi~rau).Howdah: chỗ ngồi có ~om che trên lưng voi tiếng Hindi~urdu).Huthok~u: dòng dõi Lạt Ma cao cấp (tiếng Mông Cổ”.Ihar aao: đến đây (tiếng Hindi-Urdu).In~er: toa đệm, một trong nhiều toa trên những chuyến tàu lửa ~Ấn Độ thời xưa. Giữa toa thứ ba và thứ hai (tiếng Anh~Ấn). Izzat: vinh dự (tiếng Hindi-Urdu).“adoo: ma thuật (tiếng Hindi-Urdu).”aldi: nhanh lên (tiếng Hindi-Urdu).“amun: một loại cay của Ấn Độ và châu á~y~ygiu cu~zi~zi; có quả màu đỏ tía có thể ăn được (tiếng Hindi-Urdu).Jehannum: địa ngục (tiếng Hindi-Urdu).”hampanees: xe kéo ở Simla (Pahari).“hula: cầu treo thô (tiếng Tây Tạng).”i: một hậu tố biểu thị sự tôn trọng v61 người được nói đến (tiếng Hindi-Urdu).“ingals: loại súng hoả mai nặng được đặt trên chân đứng cần hai người sử dụng (tiếng Anh~n).Kabari: cửa hàng bán đồ cũ (tiếng Tây Tạng).Kacha: tạm thời (tiếng Hindi-Urdu).Ka li: nữ thần Ấn Độ giáo khát máu, được thờ phụng ở nhiều vùng thuộc Bengal.Kalka: một thị trấn nhỏ ở chân dãy Himalaya, trên đường ~ừ ~mbala đến Simla.Kankar: cay đoan.”arma (nghiệp): niềm tin của Phật giáoẤn Độ giáo, cho rằng mỗi hành động đều kéo theo những hậu quả không thể tránh được, dù tốt hay xấu, trong cả đời này và kiếp sau.Kashag: bộ trưởng Tây Tạng.Kashgar: thành phố lớn ở Đông ~urkestan.Kachiawar: bán đảo ở vùng biển Tây Bắc Ấn Độ.Kayeth: người viết thuê ở chợ, hay (tiếng Hindi-Urdu).Kesar of Oros: Nga hoàng.”habardar: diễn tả sự khiển trách (tiếng Hindi-Urdu).”hafla: hành hương (tiếng A rập).Khanda: một loại kiếm (tiếng Pashto).Khatag: những chiếc khăn quàng cổ bằng lụa hay sợi màu trắng đắt tiền được người Tây Tạng dùng như một dấu hiệu chào mừng hay bày tỏ sự kính trọng (tiếng Tây Tạng).Khuya: loại bánh quy cứng của người Ladakh.Kismet: số phận (tiếng Hindi-Urdu).“otgarh: cơ sở truyền giáo của đạo Cơ đốc nằm phía Đông Bắc Simla.Kuan-yin ~uan ~m) : tên của Bồ Tát Trung quốc và các nước lân cận, tại các nước này ~uan âm thường được diễn tả dưới dạng nữ nhân, là vị Bồ Tát tượng trưng cho tình thương vô lượng đối với chúng sinh.Kêch nahin: không gì cả (tiếng Hindi-Urdu).Kunjiri: tầng lớp bán rau quả (tiếng Hindi-Urdu).Kusho: ngài, hay ngài đáng kính (tiếng Tây Tạng).”uttar: dao găm (tiếng Pashto).Kya: gì vậy (tiếng Hindi-Urdu).Hay hai: cái gì thét (tiếng Hindi-Urdu).La: ngọn đèo (tiếng Tây Tạng).Lanh: trăm ngàn (tiếng Hindi-Urdu).Lathi: gậy tre (tiếng Hindi-Urdu).Lah: thủ phủ xứ Ladakh và là trung tâm thương mại sầm uất, trước đây nằm giữa Tây Tạng, Kashmir và Trung á.Iha: thần (tiếng Tây Tạng).Iha gyal: Chiến thắng cho các vị thần? (tiếng Tây Tạng).Lin gam: biểu tượng về dương vật (tiếng Phạn).Lopchap: nhiệm vụ triều cống hàng năm của vua Ladakh đối với Đạt Lai Lạt Ma (tiếng Tây Tạng).Mahasiddha: một người có Tăng lực tâm linh cao (tiếng Phạn).Mahout: quản tượng (tiếng Hindi-Urdu).Mani lag-khor: bánh xe cầu nguyện (tiếng Tây Tạng).Man tra: cầu thần chú (tiếng Phạn).Me la: chợ phiên (tiếng Hindi-Urdu).Mom: bánh bao nhân thịt hấp hơi (tiếng Tây Tạng).Mudra: ấn, động tác trong khi hành lễ của Mật giáo (tiếng Phạn).Murrree: khu an dưỡng trên núi ở Tây Bắc Ấn Độ, nổi tiếng với món bia.Mursala: quốc thư, công văn của nhà nước hiểu theo nghĩa trang trọng (tiếng ta Tư).Mussak: thùng đã đựng nước (tiếng Hindi-

Urdu).Namaste: diễn tả sự chào mừng (tiếng Hindi-Urdu).Narkhanda: một thị trấn nhỏ nằm ở Đông Bắc Simla.Nickel Jao: cút đi (tiếng Hindi-Urdu).Nizamut: vụ án (tiếng Hindi-Urdu).Norbu rimpoche: nhìn thấy Chintamani (tiếng Tây Tạng).Nowkri: phục vụ, làm việc (tiếng Hindi-Urdu).Om Mani Padme Hum: (dịch ra âm Hán Việt là Um ma ni bát mê hồng) câu thần chú Phật giáo (man tra), thường được dịch là “Om, Ngọc quý trong hoa sen, hum”.Sáu âm của thần chú này được xem là tương ứng với sáu coi tái sinh của dục giới.Oswal ~ain: một nhóm đặc biệt trong cộng đồng người theo đạo Jana, nổi tiếng vì sự nhạy bén thương mại của nó.Pan: một miếng lá trầu có tác dụng gây mê nhẹ, nhai cùng với một miếng cau, cùng gia vị và vôi, nhiều người Ấn có thói quen nhai paan vì nó có tác dụng chắc răng và làm môi đỏ.Paan-bidi-wallahs: những người bán thuốc lá và paan dạo (tiếng Hindi-Urdu).Pahari: người vùng cao.P~O: Cong ty hàng hải tàu hơi nước phương đông và bán đảo, công ty hàng hai lớn và nổi tiếng nhất trong lĩnh vực chợ du khách nh đến Ấn Độ và phương Đông.Parao: nơi nghỉ ngơi bên đường (tiếng Hindi-Urdu).Peshawar: ở lối vào đèo ~jlyber, ~hủ pht~l rinh biên giới Tây Bắc.Phowa: thuật chuyển đi tâm thức của những người theo thuyết đủ già (yoga) từ một hoá thân này đến một hoá thân khác mà không gây ra sự đứt đoạn nào trong dòng tương tục của tâm thức (tiếng Tây Tạng).Phurba: dao găm có ba cạnh thuộc lễ nghi tôn giáo, thường được gọi sai lầm là “dao găm ma quỷ” (tiếng Tây Tạng).Pie: là phần nhỏ nhất của đồng rupi xưa. 1 rupi bằng lý anna, 1 anna bằng 4 pice và 1 pice bằng 3 pie.Poodle-faker: người đàn ông lăng nhăng, đặc biệt là ở các khu an dưỡng trên núi (tiếng Anh~n).Poshtee l: áo choàng dài bằng da cừu xuất xứ từ Afghanistan.Pukka: một từ thường được dùng với nhiều nghĩa như khoe mạnh, cứng cáp, lực lưỡng, chân thật hay hào phóng (tiếng Hindi-Urdu).Pundit: người có học, thầy giáo (tiếng Hindi-Urdu).Punkak: người hâm mộ (tiếng Hindi-Urdu).Puras: mười tám bản văn thiêng liêng được viết giữa giai đoạn năm 200 trước công nguyên đến năm 800 sau công nguyên, chứa đựng các thiên anh hùng ca, huyền thoại, tri thức phổ biến... gồm các nguyên tắc chung về tôn giáo và đạo đức của Ấn Độ giáo.Purana trong tiếng Phạn có nghĩa là cổ xưa.Puttoo: vật liệu len dệt bằng tay.P~VVD: Bộ công trình công cộng.Rai Bahadur: một danh hiệu quan trọng được trao tặng bởi pho vương.Ramasi: ngôn ngữ của những kẻ sát nhân.Rampur: thị trấn bên sông Sutlej Đông Bắc Simla, thủ phủ của lãnh thổ đồi núi độc lập Bushair.Rukho: dừng lại (tiếng Hindi-Urdu).Saat phải: hội kín Ấn Độ giáo.Sadhu: chày tu khát thực (tiếng Hindi-Urdu).Sai: chú rể.Sakht hurra a~sar: cấp bậc sĩ quan cao cấp trong quân đội (tiếng Hindi-Urdu).Salaam: lời chào, hay tỏ sự tôn trọng (tiếng Hindi-Urdu).Sambhar: loài hươu lớn Ấn Độ.Samsara: với Phật giáo, là quá trình đầu thai vào một sinh vật khác sau khi một người chết đi; với Ấn Độ giáo, là vòng quay bất tận của sinh, tử và tái sinh mà tất cả sinh vật đều phải trải qua.Sang: một chiếc cầu làm bằng không thanh gỗ thô (tiếng Pahari).Sai: phong tục cũ của Ấn Độ giáo quy định phải thiêu sống goá phụ cùng với người chồng vừa chết, một phong tục đã man đã bị Ram Mohan Ro~ lên án và bị chính phủ Anh cho là bất hợp pháp.Seer: đơn vị đo lường trọng lượng của Ấn Độ tương đương với O~ kg.Se rai: khu vực tạm nghỉ cho đoàn hành hương, cũng là nơi trú chân cho các du khách (tiếng Hindi-Urdu).Shay ~iêt (Sát) (tiếng Trung Quốc).Shabash: rất tốt, hoan hô (tiếng Hindi-Urdu).Shaitan: ~u~ dư (tiếng Hindi-Urdu).Shamiana: lêu bạt (tiếng Hindi-Urdu).Shikar: săn (tiếng Hindi-Urdu).Sirdar: lãnh đạo, cũng là người tổ chức một đoàn hành hương hay thám hiểm (tiếng Hindi-Urdu).Si~ar: đàn luật có nhiều dây của người Ấn.Sivaliks: một dãy đồi thấp ở phía tây dãy Himalaya.Skanda Puranas: một trong mười tám bản văn thiêng liêng của Puranas.Spiti: ở biên giới Tây Tạng. Trong thung lũng của một vùng phụ lưu sông Sutlej San~rasi: ân sĩ.TA: trợ cấp du lịch (tiếng Anh lai ấn).Talwar: gươm (tiếng Hindi-Urdu).Tam Bảo (Three ~e~els): Phật, Pháp và Tăng trong Phật giáo.Tám biểu tượng chiến thắng (Eight Auspicious Emblems): gồm chiếc Lọng, Cặp cá vàng, có ốc xoắn (xoắn về phía bên phải), Nút buộc không bao giờ kết thúc; Lá cờ cối cao, Đại pháp thời luân; Chiếc bình giàu có vĩ đại và Hoa sen.Tantric: Mật giáo (tiếng Phạn).Tasam: đoàn hành hương; khu vực dừng chân (tiếng Tây Tạng).Tat: ngựa lùn vùng cao.Taar: diện tích.Thanh: sở cảnh sát, nhà tù.Thang ka: cuộn tranh vẽ Tây Tạng.Thugs: một ~ổ chức sát nhân (tiếng Hindi-Urdu).Ticca ghari: xe ngựa bốn bánh cho thuê.Tif~m: tiệc trưa (Anh~Ấn).Tummies: lính trợn người ~nh.Topee: mũ cát, chính xác là nón của người Hindu ~th~ấn).Trichinopogy: xì gà chất lượng cao được làm tại ~orur, một ngôi làng gần Thiruchirapalli ở Nam ~n ~nh~ân).Trong thuật thiền(yoga) nhằm chuyển tâm thức của một người vào cơ thể của một người khác còn sống (Tây Tạng).Trulku: hoá thân của một Lạt Ma (Tây Tạng).Tsampa: lúa mạch rang.Tsongdu: quốc hội Tây Tạng.Tung: tín đồ Hồi giáo người Trung quốc ở ~ansu.Tuticorin: cảng biển ở cực Đông Nam của Madras, có quan hệ buôn bán với Ceylon.Chen: kiểu chữ Tây Tạng.May: chữ thảo Tây Tạng.Umballa: theo cách viết cũ là Ambala, thủ phủ của vùng đấỖ phía Đông Punjab.Upanishads: trong Ấn Độ giáo, bất cứ một loại luận thuyết tự biện nào, thường được viết

dưới hình thức đối thoại, được soạn trong khoảng từ giữa thế kỷ 8 đến thế kỷ 6 trước công nguyên và được chép thành văn bản lần đầu tiên vào năm 1300 sau công nguyên (tiếng Phạn).Utpala: Hoa sen xanh (tiếng Phạn).Va~ra: nhìn thấy “dorjee l (tiếng Phạn).Vangala: Bengal (tiếng Phạn).”Vahl: phó từ diễn tả sự kính trọng và thán phục (tiếng Hindi-Urdu). ”Trang kur: cho nhập môn (Tây Tạng).Yakdan: hòm gỗ bọc da (tiếng Turkic).Yamen: nơi ở của vị đại diện Man thanh tại trên một ốc đảo lớn ở Ta rim Ba sin.Yidam: hoá thân, giống như thần hộ pháp (Tây Tạng).Za de mon: quỷ dữ có hình dáng một con bò cạp toàn thân phủ đầy mắt (tiếng Tây Tạng).Zoolum: sự đàn áp (tiếng Hind~urdu).

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/sherlock-holmes-mat-tich>